

TỪ NHÂN DÂN MÀ RA

(trích Tổng tập Hồi ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp)

HỮU MAI thể hiện

(In theo bản in năm 1964 của Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội)

*NHÂN ngày kỷ niệm quân đội năm nay**, theo yêu cầu của Tổng cục Chính trị, chúng tôi kể lại một số chuyện về thời kỳ mới xây dựng của quân đội ta.

Ngay từ ngày Đảng ta mới thành lập, trong khi xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là phải đánh đổ kẻ thù đế quốc và phong kiến, thực hiện cách mạng dân tộc, dân chủ tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã chỉ rõ cho toàn dân con đường giải phóng duy nhất là con đường bạo lực cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong suốt mấy chục năm qua, nhân dân ta đã đi theo con đường đúng đắn do Đảng vạch ra, khi thì tiến hành đấu tranh chính trị, khi thì tiến hành đấu tranh vũ trang, khi thì kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và đã không ngừng đưa cách mạng tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác ngày càng to lớn hơn.

Từ những năm 1930, 1931, những đội tự vệ đỏ của quần chúng công nông trong phong trào Xôviết Nghệ Tĩnh đã từng anh dũng đứng lên bảo vệ chính quyền Xôviết, bảo vệ nhân dân. Năm 1940, tiếng súng khởi nghĩa Bắc Sơn, tiếp đó là cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ đã báo hiệu một thời kỳ mới. Với Hội nghị Trung ương lớn thứ tám, vấn đề chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa đã được đề ra thành nhiệm vụ cần kíp của toàn Đảng và của toàn thể nhân dân ta. Các đội Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Du kích Ba Tơ cùng hàng ngàn đội tự vệ, tự vệ chiến đấu từ khắp các địa phương trên cả nước đã sinh ra và lớn lên trong cao trào đấu tranh cách mạng chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng vũ trang của nhân dân đã ra đời. Quân đội của chúng ta thực sự là một quân đội của nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì sự nghiệp của nhân dân mà chiến đấu.

Từ những hạt giống bé nhỏ nảy mầm trong khói lửa đấu tranh cách mạng của toàn dân, trải qua biết bao cơn phong ba bão táp, quân đội ta đã lớn mạnh không ngừng và đã không ngừng chiến đấu và chiến thắng.

Mấy năm trước, nhân những ngày kỷ niệm “Ba mươi năm ngày thành lập Đảng”, “Bảy mươi năm ngày sinh của Bác”, với sự giúp đỡ của các đồng chí Tô Hoài, Trần Cư, tôi đã có dịp kể cùng các đồng chí và đồng bào ít mẩu chuyện về Bác Hồ với Quân đội, về Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tại chiến khu Cao - Bắc - Lạng.

Năm nay, nhân ngày kỷ niệm quân đội, cùng với những tập hồi ký về **Cứu quốc quân** của anh Chu Văn Tấn, **Du kích Ba Tư** của anh Phạm Kiệt, về các lực lượng tự vệ và tự vệ chiến đấu thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám, với sự giúp đỡ của đồng chí Hữu Mai, tôi muốn ôn lại cùng các đồng chí về công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, xây dựng căn cứ địa cách mạng, tại chiến khu Cao Bằng - Bắc Kạn, nơi **Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân** đã ra đời. Tôi sẽ kể lại những chuyện từ ngày được gặp Bác, vị lãnh tụ của Đảng và của dân tộc, Người đã trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng tại Cao - Bắc - Lạng và tại Khu giải phóng trước ngày Tổng khởi nghĩa, đã ra chỉ thị thành lập và đã xây dựng, rèn luyện **Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân**. Tôi cũng muốn nhân đây kể lại một số chuyện về Khu giải phóng, nơi Hội nghị toàn quốc của Đảng đã quyết định Tổng khởi nghĩa, nơi lực lượng vũ trang thống nhất của Đảng ta, **Việt Nam Giải phóng quân** đã nhận được bản quân lệnh đầu tiên của Ủy ban khởi nghĩa. Phong trào cách mạng tại chiến khu Cao - Bắc - Lạng, và tại Khu giải phóng sau này là một phong trào cách mạng rất rộng lớn; trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, địch khủng bố gắt gao, sự liên lạc với Trung ương ở miền xuôi và ngay giữa các địa phương với nhau cũng thường bị gián đoạn. Tôi chỉ kể ở đây ít nhiều những chuyện, những việc tôi đã chứng kiến hoặc được biết trong phạm vi và trong địa phương công tác của mình, mong rằng sẽ được các đồng chí khác cùng hoạt động hồi đó có dịp bổ sung cho đầy đủ.

Nhân dân ta vô cùng vĩ đại. Quân đội ta, con đẻ của Nhân dân, là một quân đội anh hùng. Từ nhân dân mà ra, được nhân dân đùm bọc, chăm sóc, thương yêu, quân đội ta đã làm tròn và quyết sẽ làm tròn mọi nhiệm vụ nặng nề, vẻ vang mà Nhân dân và Đảng giao phó.

I

THÁNG 9 năm 1939, đại chiến thế giới lần thứ hai bùng nổ.

Bọn đế quốc tranh giành nhau thị trường lại lôi cuốn loài người vào thảm họa của một cuộc chiến tranh mới.

Tại Đông Dương, bọn thống trị thủ tiêu nốt chút quyền tự do dân chủ chúng ta đã đấu tranh giành được từ ngày Mặt trận bình dân ở Pháp lên cầm quyền. Chúng thẳng tay đàn áp cách mạng, thẳng tay bóc lột nhân dân, đẩy hàng vạn đồng bào ta đi làm mồi cho súng đạn, chết thay cho chúng như trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Những sách báo công khai của Đảng đều bị cấm. Nhiều đồng chí bị bắt. Bọn mật thám dắt xe đạp đứng theo dõi trước nhà những đồng chí đã lộ mặt trong thời kỳ hoạt động nửa công khai. Cuộc khủng bố của đế quốc mỗi ngày một thêm ráo riết. Các tổ chức hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp của Đảng đều phải rút vào bí mật.

Tháng 4 năm 1940, anh giáo Minh tới báo cho tôi đi gặp anh Hoàng Văn Thụ. Tôi lên Chèm, nghỉ lại đó một đêm. Anh Thụ nói lại cho nghe những nghị quyết của Đảng trong phiên họp Hội nghị Trung ương lần thứ sáu vừa qua. Đảng đã nhận định, con đường sống còn duy nhất của các dân tộc ở Đông Dương hiện nay là phải đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả bọn ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng, độc lập. Mặt trận dân chủ thích hợp với hoàn cảnh trước, không còn thích hợp với hoàn cảnh hiện tại. Đảng đã chủ trương thành lập Mặt trận

thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương để đấu tranh chống chiến tranh đế quốc, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Để chống với sự khủng bố của đế quốc, nhiều cán bộ và quần chúng của Đảng sẽ chuyển sang hoạt động bí mật. Anh Hoàng Văn Thụ cho biết, theo quyết định của Đảng, anh Phạm Văn Đồng và tôi sẽ vượt biên giới sang Trung Hoa.

Hoàn cảnh của chúng tôi khi đó cũng có khó khăn. Anh Đồng từ ngày ở Côn Đảo về, vẫn yếu. Bọn mật thám đã theo dõi chúng tôi trong những hoạt động chính trị và làm báo công khai của Đảng tại Hà Nội vẫn giám sát chúng tôi trong mọi hành động. Tuy vậy, ít ngày sau, cuộc chuẩn bị cũng đã xong, anh giáo Minh lại đến báo với tôi đi gặp anh Hoàng Văn Thụ một lần nữa trước khi lên đường.

Một buổi chiều, sau khi dạy học, nhân lúc học sinh tập nập ra về, tôi lên tàu điện đi về phía Hà Đông. Đến Cầu Mới, tôi xuống tàu.

Trời đã nhá nhem tối. Nhìn trước, nhìn sau, không thấy có ai theo dõi, tôi rẽ vào nghĩa trang Quảng Thiệu. Một người đội khăn xếp, mặc áo dài đen, tay cầm chiếc ô, đang đứng vờ trong đó. Tôi nhận ra anh Hoàng Văn Thụ.

Bữa đó, anh Thụ đã nói với tôi: "Tình hình này, sớm muộn thế nào bọn phát xít Nhật cũng sẽ chiếm đóng Đông Dương. Như vậy, rất có thể quân Đồng minh cũng sẽ đổ bộ vào. Cách mạng ta cần phải có lực lượng quân sự. Chúng ta phải chuẩn bị nhiều mặt để phát động chiến tranh du kích thì mới kịp thời được".

Trước khi chia tay, anh Thụ dặn thêm:

- Anh ra nước ngoài lần này có thể gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Anh hỏi xem sự hoạt động của "Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông" hiện nay như thế nào?

Tôi biết lần này sẽ phải xa anh lâu, nhưng không ngờ đó là lần gặp anh cuối cùng.

Về đến nhà, tôi vẫn suy nghĩ đến việc chuẩn bị phát động chiến tranh du kích anh Thụ đã nói. Từ lâu tất cả chúng tôi đều biết, tại Trung Hoa, Đảng Cộng sản đã phát động một phong trào chiến tranh du kích rất rộng lớn trong nhân dân, nhằm đánh đổ chính quyền của bọn thống trị. Chúng tôi đã đọc nhiều sách báo về Diên An, căn cứ địa của cách mạng Trung Hoa, về những hoạt động du kích kháng Nhật của Đệ bát lộ quân, Tân tứ quân... Tôi nghĩ đến cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống quân nhà Minh dưới thời Lê Lợi. Tôi nghĩ đến cuộc chiến đấu của nhân dân Tây Ban Nha chống lại sự xâm lăng của Napôlêông. Tôi chưa tưởng tượng được tình hình sẽ diễn ra như thế nào nếu phát động chiến tranh du kích trong hoàn cảnh nước ta. Một bữa, nhân qua thư viện, tôi mượn tập Bách khoa toàn thư tìm phần giải thích các loại vũ khí, tôi xem kỹ những đoạn về súng trường và lựu đạn.

Một buổi chiều, vào đầu tháng 5 năm 1940.

Đến giờ đi dạy học, ra khỏi nhà một quãng, tôi ngoái lại nhìn ngôi nhà nhỏ, biết còn lâu mới quay trở về đây, khi đó chắc có nhiều sự thay đổi rồi.

Hôm đó là thứ sáu. Tôi đã sắp xếp dạy dồn cả chương trình ngày thứ bảy vào thứ năm và thứ sáu, để có được một khoảng cách hai ngày, thứ bảy và chủ nhật, không phải đến trường. Mấy hôm trước, tôi đã biên sẵn một lá thư cho ông giám đốc nhà trường (khi đó là anh Hoàng Minh Giám), trong đó viết là về thăm nhà rồi bị mệt nên chưa ra Hà Nội được. Thư này, gia đình tôi sẽ gửi từ Quảng Bình ra, sau khi tôi đã đi khỏi Hà Nội.

Từ ngày ra Hà Nội hoạt động, tôi đã làm nghề dạy học tại trường Thăng Long, một trường trung học tư thực. Mấy năm qua, làm nghề này, giữa tôi và học sinh đã có nhiều gắn bó. Một số học sinh đã tìm đến với chủ nghĩa cộng sản. Cũng có đôi người biết tôi sắp ra đi.

Năm giờ chiều, tan học. Tôi lững thững đi về phía Hồ Tây như một người dạo mát. Hoa phượng nở đỏ trên vòm cây. Tiếng ve sầu kêu ra rả. Tôi vừa đi vừa để ý nhìn trước, nhìn sau xem có mật thám theo dõi không. May sao, chiều hôm đó, không thấy bóng dáng bọn chúng. Từ ngày địch bắt đầu khủng bố, trước khi tôi gặp anh Hoàng Văn Thụ, các anh cũng đã cho biết là tôi sẽ chuyển vào hoạt động bí mật. Trong nhiều lần trao đổi ở gia đình, chị Thái cũng rất muốn được đi hoạt động bí mật. Nhưng chúng tôi khi đó mới có cháu nhỏ chưa đầy năm, chưa nhờ ai nuôi được. Chị Thái hẹn khi nào gửi được con, sẽ đi sau.

Đến đường Cổ Ngư, qua chùa Trấn Võ, thấy chị Thái ẵm cháu Hồng Anh đã đứng đợi ở góc cây vắng người. Chị Thái rom rớm nước mắt, thỉnh thoảng lại quay về phía hồ để mọi người khỏi chú ý. Tôi nói với chị Thái, ở nhà giữ liên lạc với các anh, tiếp tục công tác, cố gửi gắm Hồng Anh để đi bí mật. Chị Thái nhắc tôi, hết sức giữ gìn sức khỏe và cẩn thận trong khi hoạt động, gắng tìm cách cho nhà biết tin. Một đôi người quen đi ngang chào hỏi, tưởng chúng tôi đang đứng hóng mát. Chúng tôi đang nói chuyện thì có tiếng người hỏi phía sau:

- Thầy có đi xe không?

Tôi quay lại thấy anh giáo Minh kéo một chiếc xe tay đứng đợi. Tôi chia tay chị Thái lên xe, không ngờ phút chia tay đó lại là phút vĩnh biệt. Đồng chí Minh đưa tôi đến một hàng cơm nhỏ ở cuối đường Yên Phụ. Lát sau, anh Đồng cũng tới. Chúng tôi nghỉ đêm tại đây để tránh sự kiểm soát giấy tờ của bọn cảnh sát.

Sáng sớm hôm sau, anh Đồng và tôi ra ga Đầu Cầu, lên xe lửa đi Lào Cai. Vé tàu đồng chí Minh lấy cho từ trước. Cả hai chúng tôi đều không đem theo hành lý. Lên tàu, mỗi người ngồi một nơi. Tôi lấy chiếc kính râm ra đeo cho mặt hơi khác đi và để quan sát.

Dưới thời Pháp đô hộ, người được đi ra nước ngoài phải là người giàu có và trung thành với chính phủ "bảo hộ". Với những người có chí hướng hoạt động cách mạng, thì chỉ có cách trốn, một là thoát, hai là vào tù ngục. Từ hồi còn là học sinh, sau cuộc bãi khóa những năm 1926, 1927, tôi cũng đã được các đồng chí định bố trí cho đi cùng với lớp thanh niên mới giác ngộ cách mạng. Nhiều lần, tôi đã mơ mình cùng một số anh em nằm trốn trong khoang một con tàu biển lênh đênh giữa đại dương. Về sau, tham gia tổ chức bí mật, tôi ở lại hoạt động không đi nữa.

Ngồi trên con tàu ra đi, nghĩ đến lúc đã qua biên giới, cảm thấy như trời sẽ cao hơn, đất sẽ rộng hơn, cánh chim sẽ lòng tha hồ vùng vẫy. Xen với niềm phấn khởi đó, cũng có những lo âu, không biết từ đây đến biên giới có thoát khỏi tay bọn Pháp không. Không hiểu điều kiện hoạt động ở bên kia ra sao. Tướng Long Vân đứng đầu chính quyền của bọn Quốc dân đảng ở Vân Nam vốn là một tên quân phiệt nổi tiếng chống cộng. Thêm vào với những phấn khởi, lo âu đó, là sự bồi hồi khi phải xa những người thân, xa đất nước, xa quê hương.

Hai chúng tôi dừng lại một đêm ở Yên Bái, chờ đồng chí Minh, người dẫn đường vượt biên giới, đi chuyển tàu sau.

Sáng hôm sau, đồng chí Minh tới. Chúng tôi cùng lên tàu tiếp tục đi Lào Cai. Khi tàu đỗ cách thị xã một ga, chúng tôi xuống. Đồng chí Minh dẫn đi bộ vòng quanh thị xã tới bờ sông Nậm Tì. Con sông ở quãng này là ranh giới giữa Lào Cai và Vân Nam.

Chúng tôi ngồi nép trong một bụi lau bên bờ sông đợi đồng chí Minh đi chuẩn bị. Anh kiếm đâu được một chiếc bè nhỏ, chèo sang sông trước. Anh vừa lên bờ bên kia thì một chiếc ca-nô của lính đoàn Pháp đi tuần xình xịch tới. Chúng tôi ngồi nhìn hồi hộp. Bọn lính đoàn không nhận ra có người vừa vượt sông. Chúng đi khỏi một lát, đồng chí Minh lại chèo bè trở về đón chúng tôi.

Bè nhỏ, mỗi chuyến chỉ chở được hai người. Anh Đồng bảo tôi sang trước.

Đã sắp đến mùa nước. Dòng sông Nậm Ti chảy cuộn cuộn, đục ngầu. Đồng chí Minh ra sức chèo chống một lúc, đưa được tôi sang bờ bên kia. Tôi quay lại nhìn những núi non trùng điệp của Tổ quốc nằm bên kia sông, u ẩn sau màn sương. Tình cảm lúc này thật khó tả. Non sông kia là của mình, nhưng lại nằm trong tay quân địch. Lúc phải xa đất nước, xa quê hương, cũng lại là lúc cảm thấy vừa thoát được vòng tù hãm...

Đồng chí Minh đưa anh Đồng và tôi vào một gia đình người Trung Hoa. Tại đây, chúng tôi thay quần áo mặc khi ở nhà ra đi bằng hai bộ quần áo kiểu Tôn Trung Sơn, cao cổ, màu xám xẫm. Cả hai chúng tôi đều đóng vai những người Trung Hoa sinh trưởng ở nước ngoài mới về.

Ngày tối hôm đó, ra ga Hà Khẩu, tiếp tục đi luôn Côn Minh. Chuyến tàu chợ chật ních hành khách. Lại phải tránh sao cho khỏi bị bọn Tưởng kiểm soát vé và hộ chiếu. Mỗi khi thấy bọn soát vé từ phía trên đi xuống, cả ba chúng tôi lùi dần về cuối đoàn tàu. Khi tàu đỗ, chúng tôi xuống sân ga, đi ngược một quãng, rồi lên ngồi ở toa chúng vừa kiểm soát vé xong. Bọn chúng làm ăn cũng lơ mơ; chúng tôi thoát tất cả những lần kiểm soát không khó khăn lắm.

Hai ngày sau, tới Côn Minh. Anh Vũ Anh và anh Hoàng Văn Hoan đón tại sân ga. Các anh đưa chúng tôi đi vòng đầu ghi, vượt ra ngoài để tránh bị kiểm soát vé. Chúng tôi đến chỗ ở của anh Phùng Chí Kiên. Anh Kiên khi đó là ủy viên Trung ương của Đảng ta, công tác tại nước ngoài.

Chú thích:

* “Năm nay” nghĩa là Năm 1964, là thời điểm Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp viết cuốn hồi ký “Từ nhân dân mà ra” với sự giúp đỡ của Nhà văn Hữu Mai – BT

II

CÔN Minh hồi đó là đại hậu phương kháng Nhật ở phía Tây Nam Trung Quốc. Dân Nam Kinh, Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu... đổ về rất đông. Thành phố đầy ngập người và xe cộ. Nhiều trường đại học, nhiều nhà ngân hàng, hiệu buôn ở các tỉnh chuyển về đây. Do đó, những hoạt động kinh tế, văn hoá tại thành phố cũng trở nên nhộn nhịp. Vân Nam ở giáp Diến Điện (tức Miến Điện – BT), nên Côn Minh còn là nơi tiếp nhận hàng viện trợ của Mỹ qua đường Diến Điện để vào Trung Quốc. Xe vận tải nhà binh chạy âm ầm suốt ngày trên các đường phố. Thời kỳ này, Quốc dân đảng đã ký kết hợp tác với Đảng Cộng sản Trung Quốc để đánh Nhật. Trong thành phố có nhiều cửa hàng bán sách báo tiến bộ. Không khí kháng Nhật khá sôi nổi. Đâu đâu cũng thấy khẩu hiệu "Đánh Nhật đến cùng". Thành phố tuy có những biểu hiện tiến bộ, nhưng vẫn nằm dưới chế độ quân phiệt của tướng Long Vân. Pháp có đặt lãnh sự tại đây. Ảnh hưởng Pháp với chính quyền Quốc dân đảng tại Vân Nam vẫn còn khá mạnh.

Kiều bào ta ở Côn Minh khá đông. Đảng ta được sự giúp đỡ của các đồng chí Trung Quốc, hoạt động bí mật trong kiều bào. Bọn Việt Nam Quốc dân đảng cũng có mặt. Chúng dựa vào bọn Quốc dân đảng Trung Hoa, hoạt động công khai.

Anh Phùng Chí Kiên ở khu du kích Sán Đầu cũng mới về Côn Minh. Căn buồng nhỏ của anh ở trong một ngõ hẻm, chỉ có một cái giường và một tấm ván kê giáp tường làm bàn viết. Chúng tôi cùng ở với anh Kiên, Anh Đồng và tôi vẫn tiếp tục đóng vai những người Trung Hoa sinh trưởng tại nước ngoài mới về Tổ quốc. Vai này cũng không khó lắm. Thành phố rất đông người từ các nơi khác đến, màu sắc khác nhau, tiếng nói khác nhau, nên mặc dầu chúng tôi lúc đầu chỉ nói được một vài tiếng quan thoại, cũng không ai để ý.

Anh Kiên nói chuyện về tình hình kiều bào, tình hình chiến tranh chống Nhật tại Trung Quốc, và dạy chúng tôi học tiếng Trung Quốc. Anh Kiên hoạt động tại

Trung Quốc khá lâu và đã học ở trường đại học của Hồng quân tại khu Xôviết. Anh là một người vui tính, hồn nhiên, rất tốt. Khi chúng tôi hỏi về công tác, anh Kiên nói: "Công tác của các anh phải đợi đồng chí Vương về quyết định".

Một tuần sau khi đến Côn Minh, chúng tôi chuyển sang chỗ ở mới. Nhà này của một đồng chí Trung Quốc cho ở nhờ. Nhà có gác, sạch sẽ, cao ráo. Trước nhà có sân. Trên sân lại có một cây ngọc lan cao, rất nhiều hoa. Cả gia đình đồng chí Trung Quốc này đối xử với chúng tôi thân mật như người trong nhà.

Anh Cao Hồng Lĩnh mới từ Diên An về, cũng đến ở cùng chúng tôi. Anh em thổi nấu lấy ăn. Anh Cao Hồng Lĩnh thạo tiếng Trung Quốc, nhận phần đi chợ. Chúng tôi phân công nhau lần lượt nấu ăn. Về sau, các anh thấy tôi nấu nướng kém quá, nên chỉ phân công cho rửa bát.

Chúng tôi vẫn phải đợi đồng chí Vương về để giải quyết công tác. Hàng ngày, sau bữa cơm, lại ra Thúy Hồ ngồi học tiếng Trung Quốc. Thúy Hồ là một thắng cảnh của Côn Minh. Hồ khá rộng, có đường chạy ngang và chạy vòng quanh. Gần hồ, có trường Giảng Võ, học sinh quân thường kéo ra đây luyện tập. Giờ nghỉ, họ hát những bài ca kháng Nhật. Lần đầu, được nghe một đội quân hát những bài hát kháng chiến, tôi có ý nghĩ: Dù sao, binh sĩ ở một nước nửa thuộc địa vẫn còn hơn một nước thuộc địa.

Gần nửa tháng, vẫn chưa thấy đồng chí Vương về. Các anh ở đây không nói với tôi đồng chí Vương là người như thế nào. Nhưng qua thái độ kính trọng của các anh khi nói đến đồng chí Vương, tôi đoán được đồng chí Vương phải là một đồng chí rất quan trọng. Tôi liền tưởng đến đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Đối với nhiều người vào lớp tuổi chúng tôi hồi đó, hình ảnh Nguyễn Ái Quốc đã trở nên một hình ảnh lý tưởng.

Khoảng những năm 1926, 1927, do ảnh hưởng cách mạng Nga và cách mạng Trung Quốc, phong trào học sinh ở Huế phát triển khá mạnh. Chúng tôi hay đến nhà cụ Phan Bội Châu để nghe nói chuyện tình hình thế giới và trong nước. Khi đó, cụ Phan mới bị đưa từ Hà Nội về Huế an trí. Trong nhà cụ, ảnh Lenin treo cạnh ảnh Tôn Dật Tiên và Thích ca Mâu ni. Chúng tôi là những thanh niên háo hức đi tìm chân lý. Có khi chúng tôi ngồi hàng buổi nghe cụ Phan nói chuyện.

Nhưng rồi trong anh em bắt đầu có những lời thì thào, bàn tán về nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc. Một hôm anh Nguyễn Khoa Văn (anh Hải Triều) kiếm đâu được một quyển *Bản án chủ nghĩa thực dân* của Nguyễn Ái Quốc, đem về chuyển tay chúng tôi. Ngoài bìa cuốn sách có in cả chữ Ảp.

Anh em lượm lặt khắp nơi về kể cho nhau nghe nhiều chuyện li kỳ về Nguyễn Ái Quốc. Những chuyện Nguyễn Ái Quốc bôn ba khắp nơi trên thế giới. Những chuyện Nguyễn Ái Quốc làm báo *Người cùng khổ* ở Pari. Những người nói chuyện đều say sưa như chính mắt họ đã nhìn thấy Nguyễn Ái Quốc trong các câu chuyện mà họ kể lại. Có một thời kỳ, bỗng nghe tin đồn Nguyễn Ái Quốc đã mất vì bệnh ho lao. Ít lâu sau, mọi người đã tìm ra, đó chỉ là tin bịa đặt của bọn đế quốc. Chúng không biết làm cách nào để ngăn chặn ảnh hưởng của Nguyễn Ái Quốc trong thanh niên, nên đã tung ra tin này. Rồi không biết anh em lại tìm đâu được một tấm ảnh Nguyễn Ái Quốc. Trong ảnh, Nguyễn Ái Quốc còn trẻ, có đôi mắt rất linh lợi, đầu đội mũ phớt đen. Tấm ảnh đã mờ. Nhưng với trí tưởng tượng và lòng kính phục của chúng tôi, đây là hình ảnh sáng ngời của người thanh niên cách mạng đầy nhiệt tình và chí lớn.

Sau cuộc bãi khóa năm 1927 của học sinh Huế, tôi phải trở về quê. Một hôm, anh Nguyễn Chí Diểu, một người bạn rất thân ở Huế về, đưa tôi một tập tài liệu. Đó là một cuốn sách về chủ nghĩa cộng sản bằng tiếng Pháp, một tập tài liệu của "Liên đoàn các dân tộc bị áp bức trên thế giới" in ở Bờruyxen (nước Bỉ), và một số văn

bản về cuộc họp ở Quảng Châu, đặc biệt trong đó có bài nói chuyện của Nguyễn Ái Quốc. Tôi đem tập tài liệu ra cánh đồng vắng, trèo lên cây, ngồi đọc. Lần đầu tôi được đọc một tập tài liệu có hệ thống về chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa quốc tế. Có thể nói là tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản đã được cắt nghĩa lần lần qua từng trang sách. Sau đó, tôi trở lại Huế. Lần này, không phải là đi học, mà đi hoạt động cách mạng. Ở Huế, anh Phan Đăng Lưu từ Quảng Châu về, nhiều lần nói chuyện về đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Mấy năm trước đây, trong thời gian làm báo *Tiếng nói của chúng ta* (Notre voix), một tờ báo công khai của Đảng bằng tiếng Pháp ở Hà Nội, chúng tôi thường nhận được những bài đánh máy ký tên "P.C.Lin" từ nước ngoài gửi về. Qua một vài lần, chúng tôi đoán được những bài đó là của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Mỗi khi nhận được bài của P.C.Lin, chúng tôi lại chuyền tay nhau đọc đi, đọc lại, và khi đăng báo thì xếp vào một mục với tên *Những lá thư từ Trung Hoa*. Đó là những ý kiến về mặt trận dân chủ rộng rãi, những nhận định mới mẻ về tình hình thế giới, những kinh nghiệm bổ ích về cách mạng của Trung Quốc. Nhiều bài viết khá dài, chúng tôi phải đăng trên báo thành nhiều kỳ. Có lần anh em trong tòa soạn tìm mua một chiếc máy chữ gửi cho đồng chí "P.C.Lin" (chiếc máy chữ đó Bác dùng mãi về sau này).

Tất cả những câu chuyện, những hình ảnh đó đều gây cho tôi một ấn tượng rất sâu sắc. Nhớ đến lời anh Hoàng Văn Thụ nhắn trước khi ra đi, tôi càng tin đồng chí Vương chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Sang đầu tháng 6, một hôm, anh Phùng Chí Kiên rủ chúng tôi đi Thúy Hồ. Đọc đường, anh Kiên nói:

- Đồng chí Vương đã đến và hẹn chúng mình tới gặp ở Thúy Hồ.

Đến Thúy Hồ, tôi thấy anh Vũ Anh ngồi trong một chiếc thuyền với một người đứng tuổi, gầy gò, có đôi mắt rất sáng, mặc một bộ quần áo Tôn Trung Sơn màu xám, đội mũ phớt.

Tôi nhận ra ngay chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Nếu so với bức ảnh ngày trước tôi đã được xem thì trông Bác ở ngoài linh hoạt và sắc sảo hơn nhiều (hồi đó Bác gầy và chưa để râu).

Trước khi gặp Bác, tôi đoán con người Bác chắc hẳn phải có những cái gì rất đặc biệt, khác thường. Gặp Bác, tôi thấy Bác hoàn toàn không giống như những điều mình hằng tưởng tượng. Ngay từ phút đầu, tôi đã cảm thấy như mình được ở rất gần Bác, được quen biết Bác từ lâu rồi. Con người của Bác toát ra một cái gì rất trong sáng, giản dị. Tôi không nhận thấy ở Bác có gì là đặc biệt, là khác thường cả. Chỉ có một điều làm tôi chú ý lúc bấy giờ là trong câu chuyện, Bác thường nói chen nhiều tiếng địa phương miền Trung. Không ngờ một người xa nước lâu năm như Bác mà vẫn giữ được tiếng nói quê hương.

Bác và chúng tôi rời thuyền lên bờ, vừa đi dạo quanh hồ vừa nói chuyện.

Bác hỏi chúng tôi về những khó khăn khi đi đường, hỏi tình hình trong nước gần đây, hỏi tình hình Mặt trận dân chủ, và hỏi chuyện chúng tôi làm báo. Bác nói:

- Các đồng chí ra được thế này là tốt. Vài ngày nữa sẽ bố trí công tác cho các đồng chí.

Tôi nói với Bác điều anh Thụ dặn dò về vấn đề "Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông". Bác nói:

- Vẫn rất cần, nhưng điều kiện tổ chức thì hiện nay chưa chín nên chưa đặt ra.

Cho mãi về sau này, được công tác trực tiếp với Bác, tôi vẫn giữ lại nguyên vẹn cái cảm giác như ngày gặp Bác lần đầu tiên trên bờ Thúy Hồ. Ở Bác, trước sau vẫn là

phong cách giản dị và trong sáng ấy. Tôi nghĩ, con người vĩ đại thường là con người lúc nào cũng giản dị

III

NHÂN dân Trung Quốc lúc đó đang tiến hành cuộc chiến tranh kháng Nhật. Trước áp lực của nhân dân, bọn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch buộc phải bắt tay với Đảng Cộng sản Trung Quốc để đánh Nhật, nhưng bên ngoài thì hợp tác, bên trong thì chúng ngấm ngầm tìm mọi cách để làm suy yếu lực lượng cách mạng, và lúc nào cũng sẵn sàng giờ giáo, phản bội lại những lời chúng đã cam kết.

Dựa vào những điều ký kết với bọn Tưởng, Đảng Cộng sản lập nhiều biện sự xứ ở các nơi. Đó là những cơ quan công khai của Đảng để giao thiệp với chính quyền Tưởng Giới Thạch. Mặt khác, trong khu vực của Quốc dân đảng, Đảng vẫn có những tổ chức rất bí mật.

Bọn Việt Nam Quốc dân đảng đang định bám gót quân đội Tưởng Giới Thạch để trở về Việt Nam khi "Hoa quân nhập Việt". Chúng tìm mọi cách phát hiện các tổ chức của Đảng ta ở Trung Quốc, báo cho chính quyền Tưởng Giới Thạch, và cả bọn đại diện Pháp ở đây, tiêu diệt.

Chúng ta phải hoạt động hết sức bí mật và khéo léo. Với Việt kiều, chúng ta tổ chức những hội quần chúng hoạt động hợp pháp để thu hút lực lượng, qua đó giáo dục dần dần những tư tưởng tiến bộ cho kiều bào, và chống lại những sự khiêu khích, phá hoại của bọn Việt Nam Quốc dân đảng. Tại Vân Nam, chúng ta đã tổ chức nhiều hội quần chúng, trong đó có "Việt Nam hưởng ứng Trung Quốc kháng địch hậu viện hội".

Từ khi sang Trung Quốc, tôi càng nhận thấy sâu sắc mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc. Các đồng chí Trung Quốc đối với chúng ta như anh em ruột thịt. Mặc dầu ở trong hoàn cảnh khó khăn, luôn luôn phải đối phó với kẻ địch và rất thiếu thốn, nhưng các đồng chí Trung Quốc đã tìm

mọi cách săn sóc những người đồng chí Việt Nam, từ nơi ăn, chốn ở đến việc học tập và mọi hoạt động khác.

Sau lần gặp Bác ở Thúy Hồ, anh Phạm Văn Đồng và tôi luôn luôn được gặp Bác cùng các anh Phùng Chí Kiên, Vũ Anh. Bác thường nói nhiều đến cuộc chiến tranh chống Nhật của Trung Quốc. Bác nhấn rõ cái thủ đoạn hai mặt của bọn Quốc dân đảng. Theo Bác nói, nhiệm vụ lớn của Đảng Cộng sản Trung Quốc lúc đó, là ra sức đoàn kết mọi lực lượng để chống lại cuộc xâm lăng của phát xít Nhật. Do vậy phải đoàn kết với Quốc dân đảng, cố gắng lôi kéo những phần tử tiến bộ để cùng đánh Nhật, vừa đoàn kết vừa phải đấu tranh, đặc biệt là phải cảnh giác với cánh hữu trong bọn đó gồm những phái thỏa hiệp, đầu hàng và thân Nhật.

Một bữa Bác bảo anh Đồng và tôi:

- Các đồng chí sẽ đi Diên An. Lên trên ấy, vào trường Đảng học tập chính trị, cố gắng học thêm quân sự.

Mấy lần gặp sau, trước khi chúng tôi đi, Bác vẫn dặn đi, dặn lại tôi "cố gắng học thêm quân sự".

Các đồng chí Trung Quốc tại Côn Minh tổ chức cho chúng tôi đi Quế Dương, từ đó sẽ đi xe tiếp lên Diên An. Sinh hoạt thư điểm giới thiệu chúng tôi với đồng chí lái chiếc xe hồng thập tự, có nhiệm vụ chuyên chở thuốc từ Côn Minh về Quế Dương. Xe này là của bọn Quốc dân đảng, nhưng người lái xe là một đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Các anh Phạm Văn Đồng, Cao Hồng Lĩnh và tôi được bố trí ngồi trong khoang để đồ hàng. Trời nóng. Bụi đường bị hút qua miếng vải bạt che sau khoang xe, đọng thành lớp dày trên mặt, trên quần áo.

Xe nhà binh chạy trên đường này rất nhiều. Tỉnh thoảng xe chúng tôi lại phải dừng lại vì máy bay Nhật đến. Có lần máy bay Nhật ném bom gần chỗ trú ẩn.

Khắp nơi nhan nhản những khẩu hiệu: "Kháng Nhật đến cùng" "Ủng hộ Tưởng ủy viên trưởng"... Nơi nào có thị trấn là thấy trụ sở của Quốc dân đảng, của Tam dân chủ nghĩa thanh niên đoàn, và ảnh Tôn Trung Sơn, ảnh Tưởng Giới Thạch. Ngồi trên xe, thỉnh thoảng lại nhìn thấy những thanh niên bị trói chung ở cánh tay bằng một sợi dây thừng, đi thành đoàn dài dằng dặc, có lính Quốc dân đảng áp tải. Bọn lính vừa đi vừa chửi mắng và đánh họ bằng báng súng. Hỏi ra mới biết đó là những người bị bắt đi lính đánh Nhật.

Xe chạy rông rã ba ngày đến Quế Dương.

Chúng tôi vào trú tại biện sự xứ của Bát lộ quân, đợi xe đi Diên An.

Biện sự xứ ở mấy nhà thấp nhỏ vùng ngoại ô thành phố. Trước nhà có một khu vườn con, các đồng chí ở cơ quan trồng đầy rau, đỗ tương và bí. Ở đây, lần đầu tôi được xem báo *Giải phóng* từ Diên An gửi về. Các đồng chí tại biện sự xứ kể cho nghe nhiều chuyện về Diên An. Trước kia, ở trong nước đã nhiều lần xem sách báo, nghe nói về Diên An, đất thánh của Cách mạng Trung Quốc, giờ lại được biết rõ tình hình chính trị, quân sự, kinh tế, và mọi mặt sinh hoạt của khu căn cứ. Đã nghĩ tới tiết trời rét buốt của Diên An, những buổi nghe lên lớp ngoài trời, những sinh hoạt rất mới mẻ với chúng tôi: ở động, ăn bánh mì...

Cùng ở với chúng tôi, còn một số đồng chí Trung Quốc, cả nam cả nữ, cũng chờ để đi Diên An. Tôi nhớ lại, khi ở Côn Minh, Bác đã kể với chúng tôi: Có lần bọn Quốc dân đảng bắt những thanh niên định trốn lên Diên An, đem về giam trong một bể nước tại một trại tập trung cho tới khi chết để khủng bố tinh thần những người khác; nhưng thanh niên cả nước vẫn nô nức kéo về nơi đất thánh của Cách mạng.

Chúng tôi ở lại Quế Dương đợi xe khá lâu. Không biết Bác đã qua lại Quế Dương nhiều lần chưa nhưng tại cơ quan, từ đồng chí phụ trách đến đồng chí cấp dưỡng,

ai cũng nhắc đến đồng chí Hồ Quang (một bí danh của Bác) bằng thái độ rất quý mến. Những đồng chí thích học tiếng Anh và tiếng Nga càng mong đồng chí Hồ Quang trở lại.

Việc tiếp tế lương thực tại một vùng nội địa sâu như Quế Dương rất khó khăn, tài chính lại eo hẹp; sinh hoạt của các đồng chí tại biện sự xứ rất kham khổ. Bữa ăn thường chỉ có rau do cơ quan tặng gia tự túc, ít đậu tương rang, một bát canh bí. Họa hoằn mới có một chút thịt. Trong khi chia ngọt sẻ bùi, bao giờ các đồng chí Trung Quốc cũng dành phần ưu tiên cho anh em chúng tôi.

Một bữa, các đồng chí Trung Quốc vui mừng báo cho chúng tôi là sắp có xe. Thấy chúng tôi chờ quá lâu, chưa có chuyến xe từ Diên An về, các đồng chí đã quyết định thuê một chuyến xe riêng. Mỗi người chúng tôi được phát một bộ quần áo của Thập bát tập đoàn quân, có băng đeo tay và phù hiệu trên túi ngực. Còn ít tiền, chúng tôi ra phố sắm áo rét và ít đồ cần dùng trước khi đi.

Giữa tháng 6, một hôm giờ báo ra xem, thấy tin Pari thất thủ, Pháp đầu hàng. Cũng biết là Pháp yếu, nhưng không ngờ bọn tư bản cầm quyền Pháp đã khuất phục sớm thế. Ngay ngày hôm sau, chúng tôi nhận được điện của đồng chí Hồ Quang báo ở lại, đợi tại Quế Lâm. Chúng tôi biết là do Pháp mất nước, tình hình biến chuyển, nên có quyết định mới.

Mấy hôm sau, các anh Phùng Chí Kiên, Vũ Anh cùng đến Quế Dương. Các anh cho biết, trước tình hình mới, Pháp đã đầu hàng, tất cả chúng tôi cùng đi Quế Lâm để tìm cách về nước.

Chúng tôi tới Quế Lâm. Lần này, chúng tôi không ở lại biện sự xứ mà thuê một căn phòng ở ngoại ô, lấy danh nghĩa Việt Nam giải phóng đồng minh để hoạt động.

Sinh hoạt văn hóa tại thành phố này khá hơn ở Côn Minh và Quế Dương. Đảng Cộng sản Trung Quốc có tại đây một tờ báo công khai là tờ *Cứu vong nhật báo* do

đồng chí Hạ Diễm làm chủ biên. Những hiệu bán sách, báo tiến bộ rất nhiều. Các đồng chí Trung Quốc thường hay tổ chức những buổi tọa đàm để giáo dục thanh niên. Thanh niên học sinh tới tham gia khá đông. Chúng tôi cũng tới dự một vài lần. Cũng như ở Côn Minh và Quế Dương, các đồng chí Trung Quốc ở đây hết sức giúp đỡ chúng tôi. Đồng chí Hạ Diễm đã tổ chức một buổi họp báo để chúng tôi giới thiệu tình hình và phong trào cách mạng Việt Nam, lấy danh nghĩa là những người thay mặt Việt Nam giải phóng đồng minh.

Trước khi chúng tôi rời Quế Dương, ông Hồ Ngọc Lãm, một người Việt Nam có tinh thần yêu nước, làm võ quan trong quân đội Quốc dân đảng, đã viết thư giới thiệu chúng tôi với Lý Tế Thâm. Lý là chủ nhiệm Tây Nam hành dinh của Tưởng Giới Thạch. Chúng tôi lấy tư cách là những người của Việt Nam giải phóng đồng minh để giao dịch với Lý. Anh Đồng mang một tên mới: Lâm Bá Kiệt, chủ nhiệm biện sự xứ hải ngoại của Việt Nam giải phóng đồng minh. Anh Hoan thì lấy tên là Lý Quang Hoa. Tôi cũng tự đặt cho mình một tên mới: Dương Hoài Nam.

Nơi Lý ở giống như một cung điện, khi vào phải qua nhiều lần cổng có lính gác. Chúng tôi đã biết, khi ở Quảng Châu, Lý nổi tiếng về giết cộng sản. Lý làm ra niềm nở khi gặp chúng tôi. Lý hứa giúp đỡ Cách mạng Việt Nam. Lý nói, nay mai theo lệnh của Đồng minh, quân Tàu sẽ tiến vào Việt Nam, và yêu cầu chúng tôi làm giúp kế hoạch "Hoa quân nhập Việt". Lý hỏi chương trình điều lệ của Việt Nam giải phóng đồng minh, rồi khuyên chúng tôi: "Muốn cách mạng thành công thì đừng đi theo con đường cộng sản".

Được ít ngày, chúng tôi được tin về sự biến Giang Nam. Quân của Quốc dân đảng đã thừa lúc Tân tứ quân di chuyển bộ đội, đánh úp. Đảng Cộng sản Trung Quốc lên tiếng phản đối kịch liệt. Đọc *Tân Hoa nhật báo* thấy có bốn câu thơ với cả bút tích của đồng chí Chu Ân Lai, lên án hành động phản bội này của Quốc dân đảng. Liên sau chuyện này, chính quyền Quốc dân đảng tại Quế Lâm cũng trở mặt. Chúng

ngang ngược tịch thu sách báo tiến bộ, đóng cửa *Tân Hoa thư điểm*, niêm phong *Sinh hoạt thư điểm*. Không khí khủng bố căng thẳng.

Tháng 9 năm 1940, chúng tôi được tin thực dân Pháp đã cúi đầu trước phát xít Nhật vào Đông Dương. Sự việc đã diễn ra đúng như dự đoán của Đảng mà anh Hoàng Văn Thụ đã nói với tôi trước khi ra đi.

Vào khoảng đó Bác đến Quế Lâm.

IV

Chúng tôi gặp Bác ở một vùng ngoại ô. Bác cùng chúng tôi đi lững thững như những người nhàn rỗi dạo chơi trên cánh đồng. Tới một bãi cỏ có bóng mát, chúng tôi ngồi lại khai hội. Bác nói: "Tình hình Quốc Cộng hợp tác hiện nay đang trải qua một bước rất gay go. Tân tứ quân vừa bị bọn Quốc dân đảng cấu kết với Nhật đánh úp. Hồng quân có bị thiệt hại nhưng vẫn giữ được các căn cứ địa ở sau lưng địch tại vùng phụ cận Nam Kinh, Thượng Hải. Từ nay kỷ luật bí mật của Đảng phải được chấp hành triệt để. Sách vở, tài liệu, phải hết sức cẩn thận. Mua sách, báo về chủ nghĩa cộng sản, đọc xong hủy đi trước khi về nhà. Trong lúc giao dịch với bọn Quốc dân đảng tuyệt đối không để lộ mình là cộng sản".

Khi nghe báo cáo lại tình hình giao dịch với Lý Tế Thâm, Bác nói: "Trong việc giao dịch với Quốc dân đảng không mong chi nhiều. Điều chủ yếu là làm sao cho chúng không cản trở công việc của ta. Phải hết sức bí mật. Về chuyện "Hoa quân nhập Việt" đừng chỉ nhìn mặt thuận lợi. Hiện nay chỉ có Hồng quân Liên Xô và Hồng quân Trung Hoa mới là những đội quân anh em, mới là đồng minh thực sự của ta. Còn quân đội Tưởng Giới Thạch dù có vào Việt Nam để đánh Nhật cũng chỉ là đồng minh tạm thời, về bản chất chúng vẫn là kẻ thù. Phải thấy hết tính chất phản động của nó, nếu không thấy thì nguy hiểm. Chúng nó không vào Việt Nam càng tốt cho ta hơn".

Bác nhận định tình hình chung trên thế giới và ở Đông Dương ngày càng có lợi cho ta, không nên ở Quế Lâm lâu, phải chuyển về biên giới tìm cách trở về nước ngay để hoạt động.

Ai cũng nóng ruột muốn mau chóng trở về, nhưng chưa có liên lạc với trong nước. Việc về nước lúc này chẳng phải dễ dàng. Ở lại Quế Lâm cũng nguy hiểm. Cơ quan tập trung đông và ở đã lâu. Chỉ cần một người sơ ý để lộ tung tích là lập tức bọn địch sẽ bắt bớ, khủng bố.

Một hôm, các báo ở Quế Lâm đăng nhiều tin về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tại Việt Nam. Không hiểu tình hình ra sao, ai nấy đều nóng lòng sốt ruột. Trong một buổi họp, Bác nhận định: "Tình hình chung thế giới và Đông Dương ngày càng có lợi cho ta, nhưng thời cơ chưa đến, chưa thể khởi nghĩa được. Song nay đã nổ ra rồi, thì cần tổ chức rút lui cho khéo để duy trì phong trào".

Bác viết ngay một bức điện, nhưng sau đó, không tìm ra cách nào để chuyển bức điện ấy về Đảng bộ Nam Kỳ.

Trong những ngày ở Quế Lâm, có lần Bác bàn với chúng tôi: Trước tình hình mới, vấn đề đoàn kết toàn dân giải phóng dân tộc càng quan trọng. Ta phải nghĩ đến việc lập một hình thức mặt trận thật rộng rãi, có tên gọi cho thích hợp. Việt Nam giải phóng đồng minh? Việt Nam phản đế đồng minh? Hay là Việt Nam độc lập đồng minh, có thể gọi tắt là Việt Minh cho nhân dân dễ nhớ. Những ý kiến Bác nói hồi đó, sau này, đã được thảo luận tại Hội nghị Trung ương mở rộng lần thứ tám của Đảng ở Pắc Bó.

Tin tức về phong trào tại nước nhà ngày càng thúc giục, nhưng vẫn chưa tìm ra cách để liên lạc với Trung ương ở trong nước. Bác chủ trương là nên chuyển về hoạt động ở sát biên giới, rồi tính cách về nước sau.

Lúc này, Lý Tế Thâm đã giới thiệu chúng tôi với tướng Trương Phát Khuê, tư lệnh trưởng quan của Đệ tứ chiến khu. Trương Phát Khuê vừa được giao nhiệm vụ lập một đội công tác biên khu, chuẩn bị đưa quân vào Việt Nam theo kế hoạch của Đồng minh. Khuê dùng Trương Bội Công, một người Việt Nam làm sĩ quan trong quân đội Tưởng, tiến hành công việc này. Trương Bội Công tập hợp một số Hoa kiều và Việt kiều để lập đội công tác. Khi chúng tôi tới Liễu Châu gặp Khuê, Khuê giới thiệu lại với Trương Bội Công. Qua tiếp xúc với Trương Bội Công một vài lần, chúng tôi đã nhìn rõ chân tướng hắn là một tên đặc vụ. Nhưng biết Trương Bội

Công sẽ chuyển từ Liễu Châu về Tĩnh Tây cho gần biên giới Việt Nam hơn, chúng tôi cũng tìm cách lợi dụng hẳn để mượn xe cộ đi về biên giới cho dễ dàng.

Một hôm, chúng tôi được tin Trương Bội Công về Tĩnh Tây đã đón được một số thanh niên các dân tộc ở Cao Bằng vì bị đế quốc Pháp khủng bố mạnh, phải vượt biên giới chạy ra ngoài. Bác đã nhìn thấy một cơ hội tốt để tổ chức đường liên lạc về nước. Bác nói: "Chúng ta sẽ tổ chức một lớp huấn luyện cho các anh em, sau đó, đưa anh em trở về củng cố và mở rộng phong trào Cao Bằng và tổ chức đường liên lạc về nước". Cũng từ lúc này, Bác đã nhận định về vị trí của Cao Bằng: "Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng ta. Cao Bằng có phong trào tốt từ trước, lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi. Nhưng từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nổi phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tấn công, lúc khó khăn có thể giữ".

Từ khi chưa đặt chân vào Cao Bằng, Bác đã vạch ra một cách chính xác tính chất quan trọng của căn cứ địa Việt Bắc sau này.

Cuối tháng 11 năm 1940, chúng tôi về đến Tĩnh Tây.

Anh Đồng và tôi tổ chức ngay biện sự xứ của Việt Nam giải phóng đồng minh để duy trì quan hệ với Quốc dân đảng. Một mặt, các anh Vũ Anh, Cao Hồng Lĩnh cùng tôi tìm cách bắt mối với anh em ta ở chỗ Trương Bội Công. Những thanh niên này đều là cán bộ, quần chúng tốt của Đảng ta, trong lúc vượt biên giới còn ngỡ ngàng chưa biết thế nào, nghe nói bọn Trương Bội Công có tổ chức Đội công tác biên khu thì tạm dựa vào mà thôi. Chúng tôi tìm cách đưa khéo các đồng chí đó ra khỏi sự kiểm soát của Trương Bội Công. Tất cả hơn bốn chục đồng chí, trong đó có các đồng chí Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Bằng Giang...

Đầu tháng 12, Bác và anh Phùng Chí Kiên về một làng cách Tỉnh Tây năm chục cây số. Bác cho người đến gọi anh Đồng và tôi về để mở lớp huấn luyện. Chúng tôi lên đường về nơi Bác hẹn gặp. Từ đó còn phải đi bộ khá xa mới đến địa điểm đã chọn để mở lớp huấn luyện. Đường đi toàn đồi núi. Bác đi bộ rất nhanh, tất cả chúng tôi không ai theo kịp. Dọc đường, thỉnh thoảng Bác lại dừng lại đứng chờ.

Lớp huấn luyện được tổ chức ở một vùng dân tộc Nùng đã từng chịu ảnh hưởng của Hồng quân Trung Hoa trong thời kỳ Hồng quân hoạt động ở Quảng Tây. Nhân dân ở đây rất quý những người cách mạng Việt Nam. Chúng tôi phân chia nhau ở trong hai làng.

Hai việc trước tiên phải lo, là việc chuẩn bị lương thực và làm chương trình huấn luyện.

Nhân dân ở các làng biên giới này rất giàu tinh thần và tình cảm với cách mạng, nhưng đời sống thì còn rất nghèo khổ. Việc lo ăn một lúc cho năm chục con người hàng nửa tháng, không phải là một việc dễ. Đồng chí Cáp được giao nhiệm vụ tiếp tế lương thực, nhưng mọi người đều phải góp sức. Mỗi buổi sáng, chúng tôi đều đi lấy gạo, bấp về giã, kiếm củi để nấu ăn và để giúp đỡ đồng bào. Bác cũng bỏ củi rất khô.

Các anh Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đồng và tôi được Bác hướng dẫn làm chương trình huấn luyện. Bác phân công mỗi người làm từng mục: tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, đấu tranh. Khi mỗi người phác xong, tất cả họp lại thông qua đề cương, rồi mới viết. Viết xong lại họp lại, đọc chung và sửa. Cách làm việc của Bác kiên nhẫn, chu đáo. Nội dung chính trị phải đúng đắn, lời lẽ phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, hợp với ý nghĩ quần chúng. Bác rất chú trọng đến việc thực hiện sau này. Mục nào, cuối cùng có những câu hỏi: Học xong về địa phương thì làm gì, làm thế nào? - Bước thứ nhất như thế, bước thứ hai làm ra sao?...

Trong khi theo dõi học tập, Bác thường hỏi đi, hỏi lại để kiểm tra sự thấu nhận của mọi người. Nếu còn có những người chưa hiểu thì người giảng phải nói lại, học viên cũng phải trao đổi thêm.

Lần đầu làm việc với Bác, tôi đã nhận thấy cách làm việc của Bác là: cụ thể, chu đáo, đến nơi đến chốn.

Lễ tốt nghiệp tổ chức giữa một khu rừng vắng vẻ.

Sau những ngày học tập, mọi người phấn khởi, náo nức hẳn lên. Anh em chúng tôi đứng vây quanh Bác, biết rõ ông cụ mảnh khảnh mặc bộ quần áo Nùng giản dị này là người gắn liền với vận mệnh của dân tộc Việt Nam.

Lá cờ đỏ sao năm cánh phấp phới bay trong gió lạnh như một ngọn lửa thiêng sưởi ấm tâm hồn chúng tôi, khi đó còn là những người dân mất nước phải sống xa quê hương. Chúng tôi ngoảnh mặt cả về phía Nam, hoan hô tinh thần khởi nghĩa Nam Kỳ, thề sẽ thẳng tiến không lùi trên con đường cách mạng chông gai, một ngày kia sẽ đem lá cờ thiêng liêng này về nêu cao giữa Thủ đô.

Ngay sau đó, cả bốn mươi đồng chí Cao Bằng lại quay về nước, tìm về những cơ sở cũ. Chúng tôi ở lại, chuẩn bị thêm cho kế hoạch công tác sắp tới.

Ngày Tết đến với chúng tôi tại biên giới. Suốt thời gian qua, bà con dân làng hiểu rõ chúng tôi hơn, càng thêm quý mến. Gần làng có miếu thờ thành hoàng, nhân dân ai cũng đến lễ bái. Bác cũng đi cùng bà con đến viếng đền. Anh em chia nhau đi ăn Tết các nơi trong làng. Bà con ai cũng mời đến nhà, nếu không đến thì không bằng lòng. Có đồng chí trong một ngày phải đi ăn tết tới gần một chục nơi. Đến nhà ai, Bác cũng đều mang theo một tờ giấy hồng điều tự tay Bác đã viết dòng chữ “Cung chúc tân niên”.

Nhìn Bác mặc bộ quần áo chàm, quần xắn cao, tay cầm gậy, đi chúc tết nhân dân với dáng nhanh nhẹn, thái độ thoải mái vui vẻ, nhớ lại khi Bác ở Côn Minh mặc âu

phục, cổ cùn, mũ phớt, tôi thấy Bác đã hòa vào trong hoàn cảnh mới một cách hết sức tự nhiên.

Sau Tết ấy, các anh Phùng Chí Kiên, Vũ Anh, có anh Lê Quảng Ba dẫn đường, về Cao Bằng tìm cơ sở đặt địa điểm cơ quan rồi ra đón Bác cùng về.

V

Anh Đồng, anh Hoan và tôi trở lại Tỉnh Tây công tác thêm một thời gian sau khi Bác về nước. Chúng ta tiếp tục duy trì biện sự xứ của Việt Nam giải phóng đồng minh, và vẫn giao dịch với bọn Quốc dân đảng.

Nguyễn Hải Thần cũng đã về Tỉnh Tây, chờ bám gót quân Tàu Tưởng trong chuyến "Hoa quân nhập Việt". Chúng tôi để hắn cùng ở một nhà. Biết rõ bản chất của hắn, nhưng chúng tôi cố gắng giữ quan hệ, dùng hắn để che mắt bọn Quốc dân đảng một phần nào. Mặc dầu cố tránh, nhưng thỉnh thoảng vẫn có những va chạm về chính kiến. Thấy chuyện trò với chúng tôi chẳng hợp, hắn ngồi ủ rũ suốt ngày tại biện sự xứ, chẳng biết âm thầm tính toán những việc gì.

Chúng tôi nhận thấy nếu phát động vũ trang khởi nghĩa thì sẽ gặp một khó khăn là chúng ta thiếu cán bộ quân sự. Cử người lên Diên An học thì đường đi quá xa và không có điều kiện. Bàn với nhau, thấy là có thể lợi dụng bọn Quốc dân đảng, nhờ chúng huấn luyện quân sự cho một số đồng chí. Biết trước là nếu bọn chúng làm việc này chắc chắn chúng sẽ đưa thêm vào đó nội dung chính trị phản động của chúng. Nhưng điều đó cũng không đáng lo ngại. Chúng ta sẽ cử một số đồng chí vững vàng đi học. Các đồng chí đó sẽ rút ra từ nội dung học tập những hiểu biết về quân sự cần cho công tác sau này, và vứt bỏ lại cho chúng phần chính trị phản động.

Tháng 4 năm 1941, tôi được chỉ thị trở lại Quế Lâm gặp Lý Tế Thâm, yêu cầu Lý mở cho những người trong Việt Nam giải phóng đồng minh một lớp huấn luyện quân sự. Lý đồng ý. Nhiều đồng chí ở nước nhà được cử sang học như các đồng chí Hoàng Văn Thái, Nam Long, Quang Trung, Thanh Phong... Trương Phát Khuê cũng chỉ thị cho tên tham mưu trưởng họ Trần mở cho chúng ta một lớp huấn luyện về công tác phá hoại tại Tỉnh Tây. Tên tham mưu trưởng họ Trần này lúc

nào cũng tỏ ra thân mật, ngọt ngào, hay nói những lời lẽ tiến bộ, nhưng thực ra là một tên đặc vụ lợi hại. Hắn theo dõi điều tra mọi hành vi của chúng tôi.

Thời gian này, chúng tôi thường đi lại giữa Tỉnh Tây và nơi làm việc mới của Bác ở trong nước, tại hang Pác Bó, huyện Hà Quảng, Cao Bằng.

Lần đầu về nước, tôi đi cùng một đồng chí giao thông.

Qua một quả núi đất khá cao, lởm chởm đá, xuống một con đường mòn nằm quanh co giữa những nương rẫy bên sườn núi, đồng chí giao thông chỉ một phiến đá nhỏ, nói đó là cột mốc biên giới. Tôi dừng chân, đứng nhìn một lúc. Phiến đá có khắc mấy chữ Hán, dựng giữa hai nương ngô. Bên kia, bên này cây cỏ cũng như nhau. Đồng chí giao thông lại cho biết thêm, nhân dân ở cả hai bên biên giới tại vùng này, đều là bà con dân tộc Nùng, cùng nói chung một thứ tiếng. Thấy biên giới đúng là một sản phẩm của con người đặt ra.

Thấm thoát đã một năm trời xa Tổ quốc, đặt chân lên dải đất quê hương, lòng chẳng khỏi bồi hồi. Mỗi bước đi thấy trong người ấm áp hơn lên. Chỉ vừa mới đi thêm mấy bước chân mà trước đó thì thấy như còn ở rất xa, lúc này lại thấy như đã ở gần nhà.

Vùng này núi đất xen với núi đá, địa thế hiểm trở. Những chòm nhà nhỏ của đồng bào Nùng nằm thưa thớt giữa những nương ngô trên sườn núi hay bên những thửa ruộng nhỏ dưới thung lũng. Sương trắng từng dải đọng trên các đầu núi. Khung cảnh Pác Bó hiện ra trước mắt như một bức tranh thủy mặc.

Khắp vùng này đều đã có cơ sở. Chúng tôi vừa đi vừa ngắm núi non, đất nước. Nhớ lại lúc vượt sông Nậm Ti hết ngó trước lại ngó sau, cảm thấy vui vui với ý nghĩ, cả nước tuy còn nằm dưới ách thống trị của bọn đế quốc, nhưng ở nơi này đã có một mảnh đất tự do.

Đi chẳng bao xa, tôi đã nhận ra Bác đang ngồi trên một phiến đá. Sau bao năm xa nước, hoạt động từ Đông sang Tây, Bác đã trở về góc rừng hoang vắng của Tổ quốc với bộ quần áo chàm giản dị, rất tự nhiên trong vai một ông già người Nùng. Gần chỗ Bác ngồi, dưới chân những khối nhũ đá nhấp nhô, hình thù kì dị, nước từ khe núi chảy ra đọng lại trong vát.

Bác trở dòng nước rồi nói:

- Đây là suối Lênin.

Trèo qua một quả núi đá không cao lắm, lách người đi hết một đám lau rậm, thì thấy hiện ra một cửa hang. Trong hang ẩm lạnh không có đồ đạc gì ngoài chiếc sàn nằm làm bằng những cành cây nhỏ gác ngang, gác dọc. Chính ở đây vào tháng 5 năm đó, Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã họp dưới sự chủ tọa của Bác, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh và đề ra chủ trương chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Trong hội nghị này, Trung ương đã quyết định duy trì và phát triển cơ sở du kích ở Bắc Sơn - Vũ Nhai, đồng thời ra sức củng cố và mở rộng cơ sở Cao Bằng, xây dựng hai nơi đó làm trung tâm của công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa tại Việt Bắc. Cũng tại đây, Bác đã nhân danh nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc viết lá thư kêu gọi đồng bào cả nước: *"Việc cứu nước là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kê vai gánh vác một phần trách nhiệm (...) Hỡi các chiến sĩ cách mạng, giờ giải phóng đã đến! Hãy phát cao cờ độc lập, lãnh đạo toàndân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đang vang dội bên tai các đồng chí! Máu nóng của các bậc anh hùng đang sôi sục trong lòng các đồng chí..."*.

Những lời lẽ tâm huyết của Bác đã gây một tác động lớn trong đồng bào và các đồng chí ta suốt từ Bắc chí Nam.

Cứ khoảng hai tuần lễ, anh Đông, anh Hoan và tôi lại thay phiên nhau từ Tỉnh Tây về Pắc Bó báo cáo. Con đường đã trở nên quá quen thuộc. Đi dọc đường, gặp trời

tối ở đâu, cũng có thể tạt vào bên đường tìm được nhà quen và được đối đãi như bà con thân thuộc.

Có một buổi chiều, trên đường về, gần tới cơ quan thì trời sập tối. Ở miền núi, trời thường chuyển sang tối rất nhanh. Quãng này rậm, đèn đóm không có, không sao tìm ra đường. Đứng một lúc, tôi nhìn thấy có ánh lửa ở lưng chừng núi. Nhận ra đó là nhà của một đồng bào Nùng, tôi bèn cứ chiếu hướng mà leo. Khoảng một giờ sau tới nơi, cành cây và gai đâm rách cả quần áo. Vào nhà, định xin bó đuốc và hỏi thăm đường về, thì gặp lúc gia đình vừa cúng giỗ xong, nhất định giữ lại uống rượu, ăn cơm. Từ chối không được, biết không nhận lời thì đồng bào giận, tôi nán ở lại. Đi đường xa vừa mệt, vừa đói uống chút rượu vào, tôi bị say, phải nằm ra sàn. Đồng bào chạy lên hang gọi người xuống đón. Anh Vũ Anh xuống cũng tôi về. Khi tỉnh dậy, anh lên đem cháo nóng cho ăn, kể lại, vừa rồi tôi nằm cứ nói luôn: "Mình không biết uống rượu, chóng mặt quá, đừng có phê bình"; Bác nghe vậy đã nói: "Được rồi, tỉnh lại đi, sẽ không phê bình đâu".

Anh Phùng Chí Kiên ở cùng Bác tại Pác Bó một thời gian thì lên đường về Bắc Sơn.

Cuối tháng 9 năm 1940, khi chúng tôi còn ở Trung Quốc, nhân lúc quân đội Nhật tràn vào Lạng Sơn, bọn Pháp rút chạy, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của một số đồng chí đảng viên tại địa phương đã đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị địch tập trung đàn áp, Trung ương đã quyết định tăng cường cán bộ, duy trì phong trào tại đây. Vào đầu năm 1941, đội du kích Bắc Sơn đã thành lập. Theo quyết định của Trung ương lần thứ tám tại Pác Bó, xây dựng Bắc Sơn - Vũ Nhai và Cao Bằng thành hai trung tâm khởi nghĩa tại Việt Bắc, anh Phùng Chí Kiên được cử về cùng các anh Huy, Chu Văn Tấn mở rộng khu căn cứ và chỉ huy đội du kích Bắc Sơn*.

Anh Vũ Anh ở lại Pác Bó với Bác.

Sáng nào Bác cũng dậy rất sớm và gọi mọi người cùng dậy. Bác tập thể dục rất đều, tập xong lạnh mấy cũng đi tắm suối, rồi bắt đầu làm việc. Khi Bác khai hội, khi Bác nghiên cứu, khi Bác xuống làng nói chuyện với đồng bào, có khi Bác đi lấy củi. Bữa cơm của Bác chỉ có chút thịt muối hoặc con cá con vừa bắt được dưới suối.

Trời tối, trong hang rất lạnh, phải đốt lửa sưởi suốt đêm. Không có đèn, nên buổi tối ít khi làm việc. Anh em thường ngồi quây quanh đống lửa nghe Bác nói chuyện. Một lần, Bác nhắc lại những cuộc chiến tranh lớn, những cuộc cách mạng từ trước tới nay, rồi Bác phỏng đoán độ bốn, năm năm nữa, chiến tranh sẽ tới bước quyết định, và lúc đó là một cơ hội rất tốt cho cách mạng ta.

Khuya khuya, mọi người ngủ chung cả trên sàn. Những cành cây ngổn ngang dưới lưng, nằm vừa đau vừa lạnh.

Có lần, Bác viết một cuốn lịch Việt Nam bằng thơ lục bát, ghi lại tất cả những phong trào chống ngoại xâm từ trước đến nay. Bác đã viết vào cuối trang mục lục: "Việt Nam độc lập năm 1945". Anh em người nói sớm, kẻ nói muộn. Bác nghe trao đổi chỉ nói: "Để rồi xem".

Về nước một thời gian, Bác chỉ thị cho cơ quan ra một tờ báo để hướng dẫn phong trào. Chuẩn bị cho tờ báo ra đời cũng khá khó khăn. Các đồng chí ở địa phương mài mò mãi mới kiếm về được một cái bia đá. Bác cùng các đồng chí thay nhau mài mấy ngày liền mới hết những chữ nho khắc trên mặt bia. Giấy bản in báo do các chị phụ nữ mua từng ít một trong các phiên chợ đem về góp lại. Tên báo là *Việt Nam độc lập*, gọi tắt là *Việt Lập*. Vì khuôn khổ tờ báo nhỏ, chữ, theo chỉ thị của Bác, lại phải viết to để đồng bào đọc dễ dàng, nên các bài viết phải rất ngắn. Có lần tôi ở Tỉnh Tây về, Bác phân công viết một bài về phong trào phụ nữ cho báo *Việt Lập*. Bác nói:

- Chú viết đúng một trăm chữ, viết hơn thì không có chỗ đăng đâu.

Tôi ngồi viết, cảm thấy khó quá. Thời gian qua ở Tĩnh Tây, chúng tôi cũng ra báo. Cũng chỉ là báo in thạch, nhưng giấy sẵn, khuôn khổ tờ báo rộng, bài viết thoải mái chứ không hạn chế như thế này.

Thấy tôi ngồi viết khó khăn, Bác cười rồi bảo:

- Báo của các chú có gửi về nhưng mình không xem hết, mà ở đây cũng không mấy ai xem. Báo của các chú văn hay, chữ nhiều nhưng khó đọc, và có đọc được cũng không mấy ai hiểu. Báo *Việt Lập* tuy đơn giản, nhưng dễ đọc, dễ hiểu.

Về sau có dịp đi công tác tại các địa phương, tôi mới thấy hết tác dụng rất to lớn của tờ báo; đồng bào ở khắp các nơi đều rất hoan nghênh báo *Việt Lập*.

Ngày 22 tháng 6 năm 1941, phát xít Đức bắt đầu tấn công Liên Xô. Cuộc đại chiến lần thứ hai mở rộng hơn và bước vào giai đoạn quyết liệt. Đảng ta đã phát động một phong trào ủng hộ Liên Xô, tuyên truyền, ca ngợi tinh thần chiến đấu anh dũng của Hồng quân Liên Xô. Bác đã viết nhiều bài, nhiều thơ ca trên báo *Việt Lập*, phân tích thế nào Đức cũng thua và Liên Xô sẽ thắng.

Công tác của chúng tôi tại Tĩnh Tây không tiến triển được bao nhiêu. Bọn Quốc dân đảng miệng thì hứa hẹn, nhưng ngoài lớp học quân sự đã mở, chúng chẳng giúp đỡ được gì hơn. Chúng vẫn tiếp tục điều tra xem chúng tôi có phải là cộng sản không, và thăm dò lực lượng của ta. Tên Trần tham mưu trưởng yêu cầu cho người của hắn vào Việt Nam xem tình hình phong trào. Xin ý kiến ở nhà, được đồng ý, một lần về nước, chúng tôi cho hai tên sĩ quan Quốc dân đảng đi theo. Bọn chúng được ở đây một tuần. Chúng ta bố trí một phái đoàn đi kiểm tra các nơi, cho hai tên võ quan Tưởng đi theo. Đâu đâu, chúng cũng thấy phong trào của ta rất mạnh mẽ, rầm rộ. Nhân dân họp mít tinh đông đảo, đem theo vũ khí, có cả súng, để chào mừng phái đoàn. Khi trở về nước, hai tên võ quan này yên trí là đã được đi qua

một vùng rộng lớn tại khu căn cứ của ta, làm cả một bản báo cáo dài để nói về lực lượng và phong trào cách mạng lớn mạnh ở Việt Nam. Thực ra, trong suốt thời gian ở đây, để giữ bí mật cho các cơ sở của ta, bọn chúng chỉ được dẫn đi ban đêm loanh quanh trong một phạm vi nhỏ. Có ít khẩu súng thì đêm nay để ở địa điểm này, đêm sau lại chuyển sang địa điểm khác đón phái đoàn. Sau chuyến đi thăm này, bọn Quốc dân đảng chuyển cho chúng ta mấy chục quả lựu đạn chày, trong đó có lẫn một số quả bị điếc. Chúng vẫn nghi ngờ chúng ta là cộng sản.

Như đã dự đoán từ trước, tại lớp học của học sinh quân Việt Nam, bọn Quốc dân đảng một mặt dạy quân sự, một mặt ra sức tìm mọi cách nhồi nhét thứ chính trị phản động của chúng. Các đồng chí của ta để những lời lẽ của chúng ngoài tai. Thái độ lạnh nhạt của anh em ta đối với các luận điệu của chúng, càng làm cho chúng thêm nghi ngờ.

Thình thoảng, tôi lại lên Quế Lâm để thăm anh em. Tháng 11 năm 1941, khi tới Thiên Bảo, thấy pháo nổ ran khắp thành phố. Hỏi ra mới biết nhân dân Trung Quốc đốt pháo ăn mừng vì cuộc chiến tranh giữa Nhật và Mỹ ở Thái Bình Dương đã bắt đầu. Nhật vừa đưa quân tiến đánh Trân Châu Cảng. Lần này, khi tôi đến trường, bọn phụ trách tìm cách kéo dài cuộc tiếp đãi, bao vây khéo không để có thời giờ gặp anh em. Chúng tôi đoán bọn Quốc dân đảng khác ý.

Khi trở lại Tĩnh Tây ít ngày chúng tôi biết là Nguyễn Hải Thần đã dò được tung tích của chúng ta, và đã tố giác với bọn Quốc dân đảng. Chúng đã nắm được tên thực của anh Phạm Văn Đồng và tôi. Bọn Quốc dân đảng thay đổi thái độ ngay. Các anh lập tức cử tôi về báo cáo lại tình hình với Bác.

Từ ngày Bác về nước, cơ quan đã thay đổi địa điểm mấy lần. Đồng bào Nùng tại đây rất tốt vì đã có cảm tình và liên lạc với cách mạng từ trước. Vùng này rất hẻo lánh. Nhưng bọn Tây và quân lính ở các đồn phía dưới Sóc Giang vẫn thường kéo lên, khi lũng bắt những người trong làng nấu rượu lậu, khi tìm thổ phỉ, khi dò la

tung tích cách mạng. Nơi ở đầu tiên của Bác tại Pắc Bó tuy ẩm lạnh nhưng vẫn là nơi ở tốt nhất. Tại đây, có hang, không sợ mưa nắng. Địa điểm thứ hai là một hốc núi nhỏ ở rất cao và rất sâu trong rừng, bên ngoài chỉ rấp ít cành lau. Những khi trời mưa to, rả rết chui cả vào chỗ nằm. Có buổi sáng, Bác thức dậy thấy một con rắn rất lớn nằm khoanh tròn ngay cạnh người. Về đây, Bác hay sốt. Nhiều lần, Bác đang ngồi khai hội thì lên cơn sốt, mặt tái ngắt, tay chân run cầm cập. Chúng tôi mời Bác đi nằm, nhưng Bác nói: “Nằm càng mệt, ngồi thế này có đấu tranh đỡ hơn”.

Lần này, tôi trở về nước, cơ quan đã chuyển sang một địa điểm mới. Đường đi hiểm trở hơn những lần trước. Phải lội ngược mãi một con suối nằm giữa những ngọn núi cao; gần đến cơ quan lại phải vượt qua ba thác nước, leo một cái thang qua một vách đá, mới vào đến nhà. Lán của cơ quan cất dưới lùm cây, song, mây chẳng chịt, vừa tối, vừa ẩm. Bác chỉ một cái lạch nước mới khơi, tự tay Bác đã xếp than, sỏi và cát làm chỗ lọc nước, nói:

- Chú xem, cơ quan ta chuyển về đây lại có cả nước lọc.

Ở đây hẻo lánh âm u vô cùng. Tôi biết nhiều ngày các đồng chí trong cơ quan đi công tác, đêm khuya, chỉ có Bác với một đồng chí bảo vệ nằm nghe tiếng gió rừng cùng với tiếng beo gầm.

Sau khi nghe báo cáo tình hình, Bác quyết định, tôi không sang Tỉnh Tây nữa, tin cho anh Đồng ở bên đó cũng trở về, chỉ để mình anh Hoan ở lại duy trì biện sự xứ và liên hệ với anh em học sinh quân. Ít lâu sau, anh Hoan bị bọn Quốc dân đảng bắt một thời gian.

* Xem tập *Một năm trên biên giới Việt – Trung*, hồi ký về Cứu quốc quân của đồng chí Chu Văn Tấn.

VI

Cao Bằng là một tỉnh ở miền biên giới có phong trào cách mạng rất sớm.

Từ năm 1929, tại đây, đã có chi bộ của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Khi Đảng Cộng sản Đông Dương mới thành lập, Cao Bằng đã tổ chức chi bộ Đảng. Trong những năm khủng bố trắng, cơ sở của Đảng vẫn được duy trì. Đến thời kỳ Mặt trận bình dân, phong trào cách mạng phát triển khá rộng rãi trong nhân dân. Tại mỏ Tĩnh Túc đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân. Đồng bào địa phương tổ chức nhiều cuộc biểu tình hưởng ứng Đông Dương đại hội.

Đại chiến thế giới lần thứ hai bùng nổ, Cao Bằng ở biên giới Việt - Trung nên ảnh hưởng chiến tranh càng sâu sắc. Nhân dân Cao Bằng bị bắt đi phu, đi lính, bị áp bức, bóc lột nhiều hơn các tỉnh khác, sinh hoạt thì cực kỳ đắt đỏ. Nhân dân phần sợ Pháp, sợ bọn quan lại, phần sợ bọn thổ phỉ, lại luôn luôn nơm nớp lo Tàu, lo Nhật kéo vào. Sau khi đầu hàng Nhật, Pháp lại quay ra đàn áp phong trào cách mạng. Cao Bằng bị địch khủng bố rất mạnh. Các cán bộ và đảng viên phải chuyển vào hoạt động bí mật, duy trì cơ sở, giữ gìn phong trào.

Chính vào thời kỳ này, vì bị địch khủng bố, truy lùng ráo riết, một số đảng viên và quần chúng trung kiên của Đảng đã phải trốn ra nước ngoài và đã được gặp Bác tại Trung Quốc.

Sau lớp huấn luyện ngắn ngày tổ chức tại gần biên giới, các đồng chí dự lớp đã trở về ngay trong nước, nắm lại các cơ sở quần chúng, tìm cách phục hồi phong trào. Từ ngày Bác trở về nước, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Bác, phong trào Cao Bằng không những đã phục hồi nhanh chóng mà lại còn phát triển rất mạnh mẽ.

Về nhà được ít ngày, một buổi chúng tôi đang cùng Bác tới dự một cuộc hội nghị thì gặp một đồng chí tới báo tin dữ: Địch tập trung quân càn quét tại Bắc Sơn - Vũ Nhai, anh Phùng Chí Kiên và anh Huy đã hy sinh.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám, phong trào Bắc Sơn - Vũ Nhai phục hồi nhanh chóng, trở thành một căn cứ nằm sâu trong lòng Việt Bắc. Địch đưa quân từ ba mặt Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang tấn công vào. Anh Phùng Chí Kiên và anh Huy trong khi cùng một số đồng chí rút về phía Cao Bằng, đã hy sinh vì một trận phục kích của địch tại Lũng Sao thuộc châu Ngân Sơn. Một số đồng chí khác vẫn còn ở trong vòng vây của địch, chưa rõ tình hình ra sao.

Nghe tin, Bác đứng lặng một lúc, nước mắt ứa ra. Sau đó, Bác lại tiếp tục đi tới địa điểm hội nghị*.

Tôi về nước được một thời gian thì Bác giao nhiệm vụ về châu Hòa An, còn có bí danh là châu Trần Phú, để mở lớp huấn luyện.

Trước khi lên đường, tôi đã cải trang thành một người dân địa phương với bộ quần áo chàm, chiếc mũ nồi dẹt và một chiếc túi dệt bằng vải chàm đeo sau lưng. Trong túi, ngoài những tài liệu của lớp huấn luyện tại biên giới, lúc này đã được in lại thành tập với tên *Con đường giải phóng*, còn có tập *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô* do Bác dịch và đánh máy cho mỗi chúng tôi một bản, để làm tài liệu huấn luyện các đảng viên.

Càng đi càng thấy phong trào của ta đã ăn khá sâu rộng trong nhân dân. Địch giăng nhiều vọng gác trên dọc đường. Nhưng những anh lính đồng đứng gác không gây khó dễ cho chúng tôi, mà lại còn nhìn chúng tôi với vẻ mặt tươi tỉnh. Có nơi, đồng chí đưa đường vào ngay trạm gác của lính đồng, hỏi mua thức ăn. Phần lớn những người lính đồng này đều là hội viên của các hội cứu quốc. Biết có đoàn cán bộ đi qua, đồng bào ở các làng cơ sở ra đón đường chúng tôi, tay bắt mặt mừng. Đến bữa

ăn, chúng tôi dùng chân, nghỉ lại trên đồi hoặc ven rừng, lát sau là có đồng bào đưa cơm nước lên. Qua thái độ của bà con, biết người cán bộ cách mạng tại đây được quý mến nhường nào. Quang cảnh này, tình hình này thực khác hẳn ngày chúng tôi ra đi. Thấy đồng bào đón tiếp nhiệt tình, quý trọng cán bộ, nghĩ chính mình đang đi trong sự che chở của đồng bào, chính nhờ đồng bào mà mình đang được đi trên những miền của đất nước đã mang màu sắc của ngày mai tự do.

Hết đường núi, đến cánh đồng Hòa An, phải đi đêm. Đồng chí dẫn đường đưa chúng tôi vào một làng nằm trong một thung lũng nhỏ.

Đêm ấy, ở lại gia đình đồng chí Lén. Cả gia đình đồng chí Lén, kể cả các cụ thân sinh, đều tham gia hội cứu quốc. Trời sáng, tôi lánh ra ở một hốc núi đá ngay giáp vườn. Đến bữa ăn, lại vào nhà ăn cơm. Xã này là một xã "hoàn toàn". Trong xã, trừ một vài phần tử tối phản động bị bao vây giám sát chặt chẽ từng bước đi, tất cả nhân dân đã được tổ chức vào các hội cứu quốc.

Lớp huấn luyện được tích cực chuẩn bị. Vùng này nhiều núi đá có cây cối rậm rạp. Các đồng chí ở địa phương đã chọn một hang đá rộng rãi quang đãng làm địa điểm lớp học. Chừng mười đồng chí nam, nữ được lựa chọn đi học. Anh chị em mang theo nồi, gạo, thức ăn tới địa điểm với nét mặt rất phấn khởi.

Chúng tôi lấy lá về rải trong hang làm nơi lên lớp, thảo luận. Hết buổi học, các học viên cùng làm bếp, nấu nướng lấy ăn.

Nội dung huấn luyện gồm có: tình hình thế giới, tình hình trong nước, tại sao phải đánh Tây, đuổi Nhật, rồi đến công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, cách tổ chức hội cứu quốc, các đội tự vệ, năm bước công tác bí mật; lại học cả cách khai hội, cách phát biểu ý kiến... Trong thời gian học tập, anh chị em còn đồng thời được tuyên truyền giáo dục, về chủ nghĩa cộng sản, về Đảng, về chế độ và đời sống tốt đẹp tại Liên Xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

Mọi người rất ham học. Anh chị em thảo luận sôi nổi, nói lên sự áp bức, bóc lột của Tây, Nhật, của bọn quan lại, tổng lý, và những âm mưu thâm độc nhằm chia rẽ các dân tộc của bọn chúng. Tôi nhận thấy, mỗi điều hiểu biết mới về cách mạng đều tác động sâu sắc đến anh chị em. Chúng tôi tìm trong hàng ngũ hội viên trung kiên, những đồng chí đã tham gia phong trào từ lâu, bồi dưỡng thêm, chuẩn bị cho việc phát triển Đảng.

Hang đá này nằm ở một hòn độc sơn. Ngồi trong hang nhìn ra, ngay trước mặt là làng mạc, là cánh đồng. Lớp học tiến hành rất an toàn. Ngày, đêm lúc nào cũng có các anh chị em tự vệ chung quanh. Các đồng chí ở dưới xã luôn luôn lên báo cáo tình hình hoạt động của bọn phản động.

Khi học tập thì giản dị, nhưng lúc kết thúc lại khá "long trọng". Lễ bế mạc được tổ chức tại một thung lũng. Nhiều đồng bào tới tham dự. Dưới lá cờ đỏ sao vàng, ban phụ trách lớp thay mặt đoàn thể giao nhiệm vụ. Đại biểu các hội cứu quốc ở địa phương lên hoan nghênh những đồng chí đã học xong, sắp trở về công tác. Các hội viên sôi nổi hứa hẹn với đoàn thể, với nhân dân trước khi ra về. Một không khí phấn khởi, náo nức, hùng hực khí thế cách mạng bao trùm lấy cả buổi lễ.

Sau một thời gian ở đây, tôi chuyển sang một tổng khác thuộc vùng cánh đồng của châu Hoà An. Phong trào tại vùng này rất mạnh. Nơi tôi tới công tác và những tổng ở chung quanh đều là tổng "hoàn toàn". Lớp học mở ngay tại giữa làng. Mặc dầu ở gần Nước Hai, không xa tỉnh lỵ bao nhiêu, nhưng chúng tôi tổ chức liên tiếp mấy lớp không gặp trở ngại gì. Tôi được bố trí ở với một gia đình nông dân. Gia đình này nghèo, nhưng hàng ngày, ngoài hai bữa cơm, khi củ khoai, khi bắp ngô, luôn luôn tìm mọi thứ đem ra mời cán bộ. Một lần, giữa lớp huấn luyện, tôi bỗng lên cơn sốt. Nằm không yên, chỉ lo cơn sốt kéo dài, lỡ việc học tập của anh em. Gia đình vội vã đi tìm một hội viên biết thuốc tới, ông cụ sờ đầu và xem mặt tôi rồi nói: "Đồng chí cán bộ à, lên ban thôi, không việc gì đâu". Cụ đi kiếm ít lá về sắc một

chén nhỏ đưa tôi uống, rồi bảo tôi đắp chăn nằm ngủ. Buổi chiều, tỉnh dậy, thấy hết sốt. Hỏi cụ cho uống thứ lá gì, cụ nói: Lá nọ ảo.

Tôi trở về cơ quan. Bác đã chuyển từ Pác Bó về Lam Sơn. Căn lán của Bác nằm bên một sườn núi khá quang đãng, phía sau, có một mảnh đất nhỏ, sáng sủa Bác vẫn ra để tập thể dục. Tôi báo cáo tình hình công tác tại Hoà An. Bác nhận xét làm tốt, và chỉ thị cho tôi chuyển sang châu Nguyên Bình.

Tình hình Nguyên Bình so với Hoà An có khác hơn. Hoà An là một châu có phong trào cách mạng từ lâu. Nguyên Bình trước kia, chỉ riêng mỏ Tĩnh Túc có phong trào khá mạnh trong công nhân, các nơi khác thì gần đây mới bắt đầu xây dựng một số cơ sở.

Từ Cao Bằng có đường cái lớn chạy về Tĩnh Túc, nhưng chúng tôi phải đi theo đường núi cho kín đáo. Ngày đầu, phải vượt qua nhiều đèo cao và những triền núi đá. Đường đi rất vắng vẻ. Chập tối, tới một bản mới được tổ chức gần đây, nằm giữa một vùng hẻo lánh. Đồng chí giao thông dẫn tôi vào nhà một hội viên. Thấy chúng tôi đến, cả gia đình đều tỏ vẻ mừng rỡ.

Sau bữa cơm, tôi được đưa vào nghỉ trong một căn buồng kín đáo. Nằm một lúc, nghe dưới nhà có nhiều tiếng lao xao. Tuy vậy, chưa nhận thấy có dấu hiệu bất trắc. Một lát, có tiếng kẹt cửa. Một người đẩy cửa buồng tôi bước vào, rón rén đến bên giường, vén màn lên, đứng nhìn một lát rồi quay ra. Và liên tiếp sau đó, lại có những người khác đẩy cửa buồng vào làm như vậy. Hơi ngạc nhiên, tôi gọi đồng chí hội viên vào, hỏi:

- Tôi ở đây mà đồng chí để nhiều người vào buồng luôn luôn như vậy thì làm sao giữ được bí mật?

Đồng chí hội viên đáp:

- Các anh, các chị ấy cũng là người trong hội cả thôi. Đồng chí “thượng cấp” từ xa đến đây đem ánh sáng cho chúng tôi, anh chị em đều mừng rỡ, nên ai cũng muốn xem mặt một tí.

Hôm sau, chúng tôi tiếp tục đi Gia Bằng. Trước khi đi, tôi nói chuyện với các đồng chí hội viên ở đây, cần chú ý giữ bí mật trong mọi công tác của hội. Mặc dầu chỉ trú chân tại đây một đêm, nhưng khi đi, cả gia đình đều tỏ vẻ quyến luyến.

Gia Bằng là một cánh đồng hẹp nằm giữa một vùng núi đá. Tại đây, một người giao thông khác sẽ đưa tôi đi nốt đoạn đường cuối cùng trong đêm hôm đó. Khi gặp đồng chí này, tôi hơi ngạc nhiên vì thấy anh bị mù cả hai mắt. Tên đồng chí đó là An.

Năm giờ chiều, đồng chí An đưa tôi ra đi. Đường toàn đá tai mèo, hết lên lại xuống, lại lắm khe nhiều suối, với người sáng mắt, đi cũng rất khó khăn. Đồng chí An chỉ dùng hai bàn chân dò dẫm và chiếc gậy trúc trong tay, khua khua vào những hòn đá, những thân cây hai bên đường là nói được với tôi ngay, nơi đó là đâu. Trời càng tối, tôi càng thấy đồng chí giao thông hỏng mắt này đi đường giỏi hơn mình rất nhiều. Dọc đường, nói chuyện, mới biết anh An trước kia mắt cũng sáng nhưng đã bị mù từ lâu, sau một trận đau mắt. Anh có một trí nhớ rất đặc biệt. Có lần, anh vào rừng lấy củi, khi về đến nhà mới nhớ ra mình đã bỏ quên con dao; anh quay trở lại rừng và tìm được con dao mang về. Anh An kể lại với tôi cuộc đời khổ cực tôi tằm của mình sau ngày hỏng mắt, và nói, anh đã tìm lại được ánh sáng từ khi biết hội, anh nguyện sẽ đem cả cuộc đời mình để hiến cho cách mạng. Về sau, tôi biết thêm, anh là một hội viên trung kiên hoạt động rất tích cực. Tối hôm đó, vừa đi với anh, tôi vừa ngẫm nghĩ về sức mạnh kỳ lạ của phong trào cách mạng đã cuốn hút được vào cuộc đấu tranh quyết liệt này cả những người như anh An. Hình ảnh đồng chí giao thông mù trong những năm tranh tối tranh sáng đó, đã gây cho tôi một ấn tượng rất sâu.

Đêm hôm đó, anh An dẫn tôi đến nhà đồng chí Xích Thắng, bí thư châu ủy.

Tôi ở lại nhà đồng chí Xích Thắng một thời gian và mở mấy lớp huấn luyện tại Nguyên Bình trong một hang núi. Sau mỗi lớp huấn luyện, tôi giúp các đồng chí châu ủy đặt kế hoạch công tác phát triển và củng cố phong trào.

Theo chương trình đề ra từ nhà, tôi sẽ lên mở tiếp một lớp huấn luyện tại vùng đồng bào Mán trắng. Một buổi sớm, có đồng chí trên vùng Mán trắng về đón. Đồng chí này mặc quần áo chần, đầu chít khăn, một con dao rùng giắt chéo qua chiếc dây lưng thắt bó lấy người, trông như một nhà hiệp sĩ thời xưa. Đồng chí Xích Thắng giới thiệu với tôi, đó là đồng chí Hồng Trị, một trong hai đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương tại khu Thiện Thuật, tức là vùng Mán trắng. Đồng chí Hồng Trị nói bằng tiếng Kinh:

- Chào đồng chí, đồng chí về thế này thì chúng tôi rất hoan nghênh.

Đồng chí Hồng Trị đưa tôi đi. Đúng là đi theo đường chim. Vừa đi chúng tôi vừa phải lách lá rừng, phát mây gai để mở đường trên những triền núi đá tai mèo. Mỗi lần tôi hỏi đi về đâu, thì đồng chí Hồng Trị lại chỉ một ngọn núi cao vòi vọi trước mặt. Buổi trưa, chúng tôi nghỉ chân một lúc tại nhà một đồng chí Mán. Rồi lại tiếp tục leo ngược núi. Vất nhiều vô kể. Đi miết cho đến chiều, mới hết triền núi đá, trước mặt, hiện ra một khu rừng đại ngàn, cây cối rậm rạp, mây đước chằng chịt. Tôi nhìn thấy mấy đồng bào Mán đang ngồi trong một chiếc lán nhỏ làm bám vào một gốc cây cổ thụ. Đồng chí Hồng Trị nói với tôi, lớp học sẽ mở tại đây, và những người ngồi đó là các đồng chí học viên. Các đồng chí nhìn chúng tôi với vẻ mặt mừng rỡ. Đến lúc nói chuyện, mới hay không đồng chí nào biết tiếng Kinh. Lát sau, lại có thêm mấy chị đến, đầu vấn khăn tròn, áo hoa, váy trắng, mặc đẹp như những người đi hội. Các chị cũng là những đồng chí được cử đi học. Chúng tôi tươi cười gật đầu chào nhau, nhưng đến khi nói chuyện thì không bên nào hiểu. Chiều hôm đó, đồng chí Bình Dương cũng tới. Đồng chí Bình Dương là người

châu Hòa An, được cử lên công tác tại vùng này. Anh nói thạo tiếng Tày, tiếng Kinh, và cũng biết một ít tiếng Mán.

Từ khi đi làm công tác huấn luyện đã nhiều lần tôi gặp khó khăn về việc giải nghĩa những danh từ mới, nhất là những danh từ chính trị. Đồng bào phần lớn, lần đầu làm quen với những danh từ mới này, lại phải nhớ nhiều quá trong một lúc. Chúng tôi đã có kinh nghiệm đem một số danh từ đặt tên bí danh cho các đồng chí, để học viên dễ nhớ. Từ đó đã xuất hiện nhiều tên mới: Minh Khai, Ấu Triệu, Đấu Tranh, Độc Lập, Đề Thám, Hồng Phong... Nhưng ở lớp huấn luyện đầu tiên trên rẻo cao này, thì việc giảng bài khó khăn một cách đặc biệt. Đồng chí Hồng Trị biết tiếng Kinh nhưng chỉ nói được những tiếng thông thường trong sinh hoạt hàng ngày, khi gặp những danh từ chính trị thì bản thân đồng chí cũng không hiểu. Tôi cố gắng tìm hiểu tình hình áp bức, bóc lột tại địa phương, một mặt, khai thác khả năng phiên dịch của đồng chí Hồng Trị và đồng chí Bình Dương, một mặt, dùng thêm những hình vẽ để giảng bài. Khi nói đến Tây, Nhật áp bức bóc lột dân ta, thì tôi vẽ hình thằng Tây, thằng Nhật đánh đập đồng bào, vẽ người dân trên lưng chông chất suu cao, thuế nặng. Khi giảng về vấn đề đoàn kết để đánh Tây, đuổi Nhật thì vẽ người Mán, người Thổ, người Kinh cùng nắm tay nhau... Cách này đã giúp anh chị em hiểu được dễ dàng hơn.

Đồng bào Mán trắng vốn đã có một tinh thần cách mạng rất cao, một lòng tin từ trước, hết sức cố gắng tìm hiểu những lời cán bộ nói, vì tin tưởng chắc chắn đó là chân lý. Cuối cùng, kết quả lớp học khá tốt. Trong lễ tốt nghiệp, một chị đã nói bằng một giọng rất cảm động:

- Chúng tôi ở núi cao, rừng rậm bao đời nay không có ánh sáng, Hội đã đưa đồng chí giáo viên đến chỉ cho chúng tôi con đường độc lập, tự do. Anh chị em chúng tôi như những người thức đêm, nhà có ngọn đèn dầu đã cạn, sắp tắt, giờ cấp trên cử

người đến đem dầu đổ thêm vào, làm cho đèn lại sáng ra. Đầu óc chúng tôi trước kia tối tăm, bây giờ nhờ hội đã sáng tỏ.

Đồng bào miền núi thường hay dùng hình ảnh và sự so sánh để diễn tả những ý nghĩ của mình. Cũng trong lớp huấn luyện này, tôi còn nhớ một câu nói vui vui của một đồng chí phát biểu về kết quả học tập:

- Chúng tôi làm nương làm rẫy, muốn ngô lúa tốt thì phải có phân. Đồng chí giáo viên đến đây như người đem phân bón cho ngô lúa, thế nào phong trào cũng xanh tốt.

Trước khi ra về, các đồng chí tham dự học tập đều được giao nhiệm vụ tuyên truyền, phát triển thêm hội viên mới để mở rộng các hội cứu quốc.

Tôi đi cùng đồng chí Bình Dương tới tham dự một cuộc mít tinh giải thích chủ trương của Việt Minh: Đoàn kết các dân tộc đánh Tây, đuổi Nhật. Đồng bào các bản kéo tới rất đông. Ai nấy đều mặc quần áo đẹp, nô nức, vui mừng như đi dự một ngày hội.

Qua những lớp huấn luyện tại Hòa An và Nguyên Bình, càng thấy rõ, trong khi vận động quần chúng làm cách mạng, nếu nói lên được những nguyện vọng nóng bỏng của quần chúng, những điều liên hệ mật thiết đến đời sống của quần chúng, thì quần chúng rất dễ tiếp thụ, công tác vận động sẽ trở nên có một sức hấp dẫn đặc biệt, sẽ thúc đẩy mạnh mẽ quần chúng tiến lên con đường đấu tranh. Một điều khác tôi đã nhận thấy là, với những tâm hồn rất chất phác, trong trẻo của đồng bào miền núi, khi cách mạng đã đem đến cho họ một lòng tin, thì không có sức nào lay chuyển được lòng tin đó.

* Xem *Một năm trên biên giới Việt – Trung*, hồi ký về Cứu quốc quân của đồng chí
Chu Văn Tấn

VII

Sang năm 1942, trong các châu ở Cao Bằng đã có những châu "hoàn toàn". Đây là một hiện tượng mới trong lịch sử phong trào cách mạng của ta. Ngoài ra, ở tất cả các châu khác, cách mạng đều đã xây dựng được nhiều cơ sở quần chúng.

Đồng bào Tày, Nùng nô nức tham gia các hội cứu quốc. Thanh niên dẫn đầu phong trào. Chị em phụ nữ vào hội rất đông. Các em nhi đồng cũng đều vào hội, tham gia công việc liên lạc, canh gác. Một thứ chính quyền hai mặt đã xuất hiện ở nông thôn. Trong các xã "hoàn toàn", Ban Việt Minh xã giải quyết hầu hết các vấn đề sinh hoạt hàng ngày trong nhân dân, từ việc cưới xin đến việc tranh chấp ruộng rẫy. Ta đã tranh thủ được phần lớn các hương lý. Những người này hoặc đã tham gia các hội cứu quốc, hoặc có cảm tình với cách mạng. Trước khi lên châu, lên tỉnh, các chức việc thường đến xin chỉ thị của Ban Việt Minh xã, khi về cũng tới báo cáo lại mọi việc đã làm với "quan trên".

Phong trào lan rộng trong hàng ngũ lính đông. Hội này, bọn Pháp ra lệnh tăng cường canh gác nghiêm ngặt. Mỗi xã có hai, ba điểm canh. Nhưng phần lớn các điểm canh của địch đã biến thành trạm liên lạc hoặc nơi theo dõi tình hình của ta.

Trên những vùng cao, phong trào cũng phát triển mạnh. Đồng bào dân tộc Mán vào hội rất đông, yêu quý cán bộ như ruột thịt.

Trong khi tiến hành công tác vận động chính trị, giáo dục lòng yêu nước cho đồng bào, chúng ta còn đồng thời giáo dục, tuyên truyền một cách rộng rãi về chủ nghĩa cộng sản, về Đảng, về Liên Xô. Ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng rất rộng. Đồng bào đã hiểu Đảng Cộng sản là Đảng lãnh đạo cách mạng, Đảng sẽ giành lại độc lập, tự do cho nước nhà, sẽ đem lại ấm no hạnh phúc cho quần chúng công nông lao khổ, cho toàn thể các dân tộc. Nhiều đồng bào đã coi Đảng như chính là

của mình. Nhiều hội viên trung kiên được chọn lựa, giáo dục rồi kết nạp vào Đảng. Phần lớn các xã có phong trào đều đã thành lập chi bộ.

Phong trào cách mạng dần dần xua tan những ảnh hưởng chia rẽ dân tộc của bọn phong kiến, đế quốc từ bao nhiêu đời nay. Các dân tộc đã đoàn kết lại kề vai sát cánh bên nhau trong Mặt trận Việt Minh. Nhiều cuộc đi lại thăm hỏi giữa các dân tộc vùng cao và vùng thấp đã được tổ chức. Đại biểu các dân tộc Thổ, Mán, Nùng, Kinh, Hoa kiều... cùng nắm tay nhau trong những cuộc liên hoan cảm động.

Sau khi Bác về nước, Tỉnh ủy Cao Bằng được củng cố lại. Tháng 11 năm 1942, đại hội đại biểu Việt Minh toàn Cao Bằng đã họp và bầu ra ban Việt Minh tỉnh chính thức. Hệ thống tổ chức của Mặt trận Việt Minh đã thông suốt từ xã qua các châu, huyện đến tỉnh. Trong các châu, các tổng "hoàn toàn", các ban Việt Minh đều do bầu cử dân chủ từ xã lên. Tiếp sau đó, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng được chỉ định, do đồng chí Lã làm bí thư. Anh Đồng, anh Vũ Anh và tôi được giao nhiệm vụ giúp Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng.

Nhiều lớp huấn luyện ngắn kỳ được tổ chức ở các châu, huyện. Để học viên khỏi phải đi xa làng, bản, vừa mất công ăn việc làm vừa dễ bị lộ, liên tỉnh đã phân phối giáo viên về các địa phương mở những lớp huấn luyện. Mỗi lớp huấn luyện hồi đầu thường tổ chức cho khoảng mười người trong mười lăm ngày. Bác đã chỉ thị rút ngắn thời gian huấn luyện xuống bốn, năm ngày, và ở những nơi phong trào mới lên, thì không cần đợi đồng bào tập trung đủ mười người, cứ vài ba người là cũng có thể tiến hành huấn luyện ngay. Ban Liên tỉnh đặt kế hoạch mở những lớp huấn luyện mới với trình độ cao hơn, đồng thời cũng mở rộng phạm vi huấn luyện tới các thanh niên nam nữ không ở trong các ban chấp hành. Các lớp huấn luyện cho cán bộ, cho những phần tử trung kiên trong các hội cứu quốc mở liên tiếp khắp nơi, vẫn không sao đáp ứng được yêu cầu của quân chúng tham gia phong trào cách mạng ngày một đông.

Liên tỉnh ủy phụ trách, huấn luyện cho đảng viên. Đối với một số cán bộ cấp tỉnh, thì ngoài nghị quyết của Trung ương và các chủ trương công tác của Liên tỉnh ủy, còn huấn luyện thêm sơ lược về lịch sử của Đảng Cộng sản Liên Xô.

Vào năm 1941, tại Pác Bó, Bác đã ra chỉ thị tổ chức đội vũ trang đầu tiên ở Cao Bằng, đội gồm có các đồng chí: Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Bằng Giang, Lê Thiết Hùng, Đức Thanh, Thế An, v.v... do đồng chí Lê Quảng Ba chỉ huy. Đội có nhiệm vụ bảo vệ cơ quan lãnh đạo của Đảng, củng cố và giữ vững đường giao thông, đồng thời làm công tác tuyên truyền và giúp việc huấn luyện tự vệ và tự vệ chiến đấu.

Tại khắp các nơi có phong trào, đều đã tổ chức ra các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu.

Vấn đề huấn luyện quân sự trở nên cấp thiết. Nhưng cán bộ thì rất thiếu. Đồng chí nào biết chút ít quân sự đều phải đi huấn luyện. Bác tự tay biên soạn một số tài liệu về chiến thuật du kích, rồi cho in li-tô thành những cuốn sách nhỏ bỏ túi, như các quyển: *Chiến thuật du kích*, *Kinh nghiệm du kích Nga*, *Kinh nghiệm du kích Tàu*... Những cuốn sách đơn giản ấy là những tài liệu quý giá, bổ ích cho các đội tự vệ và những hội viên cứu quốc các giới. Trong thời gian này, anh Đồng cũng viết cuốn *Người chính trị viên*, tôi thì lược dịch cuốn *Chiến tranh du kích kháng Nhật* của đồng chí Chu Đức và viết cuốn *Công tác chính trị trong quân đội cách mạng*.

Liên tỉnh chỉ thị soạn chương trình huấn luyện quân sự và định ra các khẩu lệnh thống nhất. Mọi việc đều rất mới mẻ. Chỉ có việc như hô "một, hai" mà khi ra tập, người hô cũng chưa quen, quân chúng lại càng bỡ ngỡ. Tuy vậy, cùng với phong trào học tập chính trị, phong trào học tập quân sự cũng lên mạnh. Hễ việc đồng áng hơi rỗi là lại tập luyện. Mỗi kỳ tập từ năm đến bảy ngày. Từ phong trào tự vệ này, qua một vài đợt củng cố, luyện tập, chúng ta tổ chức ra những đội tự vệ chiến đấu.

Thành phần của đội tự vệ chiến đấu gồm những đội viên tự vệ dũng cảm nhất trong xã.

Hầu hết thanh niên nam nữ trong các xã "hoàn toàn" đều tham gia tổ chức tự vệ và đã trải qua luyện tập một hai kỳ. Mỗi một xã đều có một hay hai trung đội tự vệ chiến đấu được tổ chức và luyện tập khá chặt chẽ.

Ít lâu sau, Liên tỉnh tổ chức ra những lớp huấn luyện để đào tạo cán bộ quân sự. Mỗi khóa học tập trong một tháng. Thường thường một khóa triệu tập khoảng năm, sáu chục cán bộ về học.

Ngoài công tác huấn luyện, lại phải lo sắm vũ khí đạn dược. Vấn đề này rất quan trọng và cũng rất khó khăn. Sau phải dựa vào quần chúng để giải quyết. Mỗi đội viên tự vệ phải tự sắm một thứ vũ khí, giáo, mác, súng kíp, súng hỏa mai. Có nơi, đồng bào góp tiền mua súng thô tạo ở bên kia biên giới. Mỗi đội viên tự vệ lại phải có một cuộn dây thừng để bắt Việt gian.

Tiểu đội vũ trang do anh Lê Quảng Ba phụ trách có một khẩu "pặc-học" và một khẩu súng lục. Khẩu súng lục này là của một đồng chí Hồng quân Trung Quốc. Khi chuyển lên phía bắc, Hồng quân đã giao cho một đồng chí ở lại một khẩu súng lục. Khi anh em chúng ta đi ngang, biết chúng ta là những người cách mạng Việt Nam đang cần vũ khí, đồng chí đó đã đem khẩu súng tặng cho chúng ta.

Để góp phần giải quyết khó khăn về vũ khí, Liên tỉnh quyết định lập một cơ sở lò rèn nhỏ, thí nghiệm đúc lựu đạn, địa lôi. Đồng chí Cáp được phân công phụ trách công tác này. Nguyên liệu gồm nôi, chậu thau, mâm đồng, sắt vụn... toàn những thứ do đồng bào ủng hộ. Đồng chí cùng năm, sáu anh em công nhân làm việc ngày đêm trong một thung lũng rất sâu, sau mấy dãy núi đá ở vùng Lô cốt đỏ. Một hôm, tôi đang đi công tác, thì được tin anh Đồng và anh Vũ Anh nhắn về Lô cốt đỏ để dự cuộc thử quả địa lôi đầu tiên vừa chế tạo xong. Địa điểm thử ở một vùng chung

quanh toàn núi đá cao. Quả địa lôi được đặt vào một hốc đá ở chân núi. Một sợi dây thừng dài khoảng gần một trăm thước buộc từ quả địa lôi kéo dài tới chỗ người giật. Các anh cho biết, khi thử từng phần, các bộ phận đều tốt. Tất cả những người đến dự, ngồi trên núi cao, nấp cẩn thận sau những tảng đá to ngó ra, đề phòng mảnh gang bắn phải. Ai nấy đều hồi hộp. Anh Cáp ra lệnh:

- Giật đi!

Mọi người chăm chú nhìn về chỗ đặt quả địa lôi, thấy khói phụt lên. Nhưng rồi đợi mãi, đến khi tan khói cũng không có tiếng nổ. Anh Lê Quảng Ba hôm đó cũng có mặt, phì cười, nói:

- *Te nặng du ty**!

Sau cuộc thí nghiệm này, anh Cáp và những anh em công nhân lại kiên nhẫn tiếp tục nghiên cứu, và cuối cùng đã thành công. Lò rèn này về sau, trong thời kỳ kháng chiến, được mở rộng thành binh công xưởng Lam Sơn. Có thể nói lò rèn ở Lô cốt đỏ là binh công xưởng đầu tiên của chúng ta.

* Nó còn ngồi đấy!

VIII

SAU một thời gian ở Nguyên Bình, tôi được chỉ thị cùng anh Thiết Hùng chuyển xuống phía Nam gây phong trào tại tổng Kim Mã, một nơi chưa có tổ chức Việt Minh. Bác và Liên tỉnh ủy muốn tổ chức cơ sở ở vùng này làm chỗ đứng chân, phát triển phong trào về dưới xuôi, mở đường Nam tiến.

Chúng tôi giao nhiệm vụ cho các đồng chí ở Gia Bằng bắt mối với một vài thanh niên hăng hái ở tổng Kim Mã, đưa anh em về Gia Bằng mở lớp huấn luyện. Sau khi anh em đã học tập, chúng tôi cùng anh em thảo luận kế hoạch đưa chúng tôi về địa phương hoạt động. Mấy anh em này đều sốt sắng, hẹn về nhà thu xếp xong một thời gian ngắn, sẽ lên đón chúng tôi. Trong số các anh em đó có đồng chí Lạc.

Ít ngày sau, đồng chí Lạc trở lại Gia Bằng. Đồng chí nói mọi việc ở địa phương đã thu xếp xong. Một đêm, chúng tôi cùng vượt đường cái lớn và bắt đầu trèo núi. Dọc đường đi rất vắng lặng, đồi gianh triền miên nối tiếp nhau. Thỉnh thoảng mới nhìn thấy một bản nhỏ với dăm ba ngôi nhà heo hút trên đầu núi. Đồng chí Lạc cho biết, trên rẻo cao này là vùng của đồng bào Mán tiền. Đi cả ngày hôm sau, sẩm tối mới tới cánh đồng Kim Mã. Nhìn cánh đồng rộng, lúa rất tốt, cảm thấy như đây đã gần miền xuôi. Chúng tôi vượt qua một quả núi nhỏ sau làng Phai Khắt rồi vào nhà đồng chí Lạc.

Sáng hôm sau, đồng chí Lạc đưa tôi đi xem địa điểm đã chọn để mở lớp huấn luyện. Tôi nhìn quả đồi chỉ có những cây con lúa thưa, nằm bên một khe suối, thấy chỗ này trông trái quá. Đồng chí Lạc nói: "Ở vùng chúng tôi chưa có cách mạng hoạt động bao giờ, mở lớp tại đây bất ngờ, không ai chú ý đâu".

Bảy nam nữ thanh niên được các đồng chí giới thiệu đến dự lớp đầu tiên. Đồng bào tại đây ít người biết tiếng Kinh. Thời gian qua, tôi đã tranh thủ học tiếng Tày, tiếng Mán dần dần đã nói được, nên việc giảng dạy cũng đỡ khó khăn. Tôi vừa làm công

tác huấn luyện vừa tìm hiểu tình hình địa phương. Chúng tôi rút ngắn thời gian học tập để có thể nhanh chóng mở thêm nhiều lớp sau. Việc học tập ở đây không gặp gì trở ngại, duy chỉ có một lần, mấy người dân đi lấy củi tình cờ sục vào chỗ chúng tôi, họ tỏ vẻ ngạc nhiên, không hiểu lại sao ở quả đồi hoang này lại có người. Để đề phòng, tôi nói với đồng chí Lạc chuyển địa điểm vào sâu trong núi cho những lớp sau.

Qua các lớp huấn luyện, chúng tôi đã nắm được rõ tình hình địa phương. Vùng này ở xa thị trấn, tương đối hẻo lánh, từ lâu đến nay chưa có phong trào, nên bọn đế quốc ít chú ý, và những tên đại gian ác trong hàng ngũ tay sai của chúng cũng chưa lộ mặt. Ở đây, cũng như tại Hòa An hay Nguyên Bình, đồng bào đã bị bọn đế quốc, phong kiến bòn rút đến xương tủy từ bao đời nay. Với cơ sở của cái thực tế rất sâu sắc đó, khi được chỉ dẫn phân tích cần phải đấu tranh đánh đổ kẻ thù để giành lấy một cuộc sống độc lập, tự do, thì đồng bào nhận thức được rất nhanh chóng.

Các đồng chí đi huấn luyện trở về hoạt động rất hăng hái. Những nhận thức mới của anh em, đầu tiên, lan ra trong gia đình, rồi tỏa tới họ hàng, thân thuộc. Mỗi làng chỉ có vài dòng họ lớn, người trong làng đều là bà con thân thích đã ăn ở, chung sống với nhau từ bao đời, nên rất tin nhau. Chẳng bao lâu tư tưởng cách mạng đã tràn lan khắp nơi, thu hút được cảm tình của nhiều người. Các hội cứu quốc phát triển rất nhanh.

Trong công tác huấn luyện, tôi cũng rút thêm cho mình được một số kinh nghiệm.

Một lần, trong một lớp học, nhân khi giảng về tình hình thế giới, tôi đã nói cho anh chị em nghe về bốn mâu thuẫn lớn trên thế giới hiện nay. Trước kia, hoạt động ở xuôi, mỗi khi làm công tác tuyên truyền, huấn luyện thường quen phát triển, mở rộng vấn đề; lên đây, dựa vào bài giảng soạn rất ngắn gọn, tôi vẫn nghĩ là mình đã nói rất đơn giản. Đến lễ tốt nghiệp, anh chị em hăng hái nói lên kết quả học tập,

hứa hẹn ra về sẽ tích cực hoạt động cho hội. Khi tôi tưởng mọi người đã nói xong thì thấy đồng chí Đề Thám giơ tay xin phát biểu.

- Xin đồng chí cho em ra hội.

Đồng chí này vốn là một thanh niên tốt, hăng hái. Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

- Vì sao đồng chí lại xin ra hội?

- Vào hội thì làm việc gì khó khăn, nguy hiểm đến đâu em cũng làm được, chỉ có mỗi cái học như thế này khó quá, không nhớ được, sợ không làm tròn nghĩa vụ của người hội viên. Em không hiểu bốn mâu thuẫn là gì.

Tôi nhớ đến lời Bác nhận xét về tờ báo của chúng tôi làm tại Tỉnh Tây, và những yêu cầu Bác giao cho mỗi khi viết bài đăng báo *Việt Lập*.

Sau khi được giải thích, người hội viên cốt nhất là có tinh thần yêu nước, trung thành với hội, trong khi đấu tranh thì không sợ hiểm nghèo, không sợ hy sinh, còn học thế này là để về tuyên truyền, giác ngộ cho bà con, lần này chưa hiểu thì lần khác học tập thêm sẽ hiểu chứ hội không bắt buộc phải hiểu cả, nhớ cả ngay trong một lúc... thì đồng chí Đề Thám hết sức vui lòng. Đồng chí nói:

- Tưởng bắt buộc phải nhớ hết thì em chịu.

Về sau, đồng chí Đề Thám vào bộ đội, được kết nạp vào Đảng, trở thành một cán bộ tốt của quân đội, một chiến sĩ thi đua trong thời kỳ kháng chiến.

Lần ấy, bản thân tôi đã rút ra được một bài học thấm thía: một điều cơ bản trong công tác vận động quần chúng là muốn đưa quần chúng, đưa phong trào lên, thì phải hiểu rõ trình độ quần chúng, có đi sát với trình độ quần chúng thì mới đưa quần chúng lên được.

Sau những thời gian huấn luyện, anh Thiết Hùng và tôi lại cùng các đồng chí ở địa phương đi các làng, bản làm công tác vận động quần chúng, tham gia những cuộc

sinh hoạt của các giới nông dân, thanh niên, phụ nữ, nhi đồng. Nhiều nơi đã bắt đầu tổ chức những cuộc mít tinh có hàng trăm người tham dự.

Phong trào tại Kim Mã phát triển tốt. Chẳng bao lâu các hội cứu quốc đã lan ra các xã trong tổng, các ban Việt Minh xã, tổng được thành lập.

Lúc này, chúng tôi đã nhận thấy, tình hình phong trào hiện nay đang tốt nhưng Kim Mã ở cạnh đường cái, bọn địch có thể kéo đến rất nhanh; xung quanh đều là núi, trên núi lại là đồng bào dân tộc khác; nếu không tổ chức được cả đồng bào trên rẻo cao, thì khi bị địch khủng bố có thể gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, sau này còn phải mở đường về phía Bắc Kạn, Lạng Sơn, như vậy càng cần phải tổ chức đồng bào trên núi.

Khi bàn với các đồng chí hội viên, mọi người đều nhận thấy vấn đề tổ chức đồng bào trên rẻo cao cần được tiến hành ngay. Một hội viên trung kiên là đồng chí Trọng Khánh, nói mình có người anh em đồng canh, người Mán tiền ở trên xã Cẩm Lý, xin đi tuyên truyền vào hội. Từ bao nhiêu đời nay, bọn phong kiến, đế quốc đã tìm mọi cách chia rẽ các dân tộc, gây nên những mối thù hằn truyền kiếp, nhưng giữa một số người của dân tộc này với dân tộc khác vẫn có những mối quan hệ mật thiết với nhau. Chúng tôi đồng ý giao cho đồng chí Trọng Khánh đã làm nhiệm vụ này.

Sau mấy lần đi tuyên truyền, vận động, đồng chí Khánh về báo cáo, người bạn đồng ý vào hội mời cán bộ lên để kết nạp, nhưng đòi phải làm lễ ăn thề. Tôi hỏi lại tình hình phong tục và tập quán của đồng bào Mán tiền, nhận thấy sự chia rẽ lừa lọc của bọn thống trị đã gây nên giữa các dân tộc một sự nghi kỵ sâu sắc, muốn giải quyết được lòng tin tuyệt đối, đồng bào Mán thường dùng cách ăn thề. Tôi nói với đồng chí Khánh:

- Ăn thề để càng tin nhau, để suốt đời trung thành với hội, thì càng tốt chứ sao.

Tôi cùng đồng chí Khánh lên Cẩm Lý và gặp người bạn của đồng chí bên bờ một con suối. Tôi trình bày mục đích, tôn chỉ của hội. Người bạn đồng chí Khánh đồng ý xin vào hội. Đồng chí Khánh đánh diêm thắp mấy nén hương và ra bờ suối múc một bát nước, rồi làm lễ ăn thề. Chúng tôi cùng nói: "Chúng tôi tên là... cùng nhau vào hội để cùng đồng bào đấu tranh đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do cho nước nhà, mưu hạnh phúc cho con cháu, dù sau này, trong khi đấu tranh có bị đế quốc khùng bố thế nào thì cũng một lòng trung thành với hội, không phản bội, không bỏ hội... Ai trái lời thề thì sẽ như cây hương này". Chúng tôi cùng dúng ba nén hương đang cháy vào bát nước.

Đồng chí người Mán tiến vào hội đầu tiên tại đây được đặt tên là đồng chí Đồng Minh. Đồng chí Đồng Minh quen biết rất nhiều bà con trên vùng cao. Qua đồng chí Đồng Minh, chúng tôi bắt tay vào phát triển phong trào trên rẻo cao.

Những bản ở trên này thưa thớt, hẻo lánh. Đồng bào Mán tiền rất chất phác. Cách sống của đồng bào giản dị, còn mang nhiều tập tục, tàn tích của thời kỳ bộ lạc. Kinh tế của đồng bào Mán là một thứ kinh tế tự nhiên. Đồng bào tự túc lấy hầu hết mọi nhu cầu sinh hoạt trong gia đình, từ cái ăn đến cái mặc. Bà con tự trồng bông, kéo sợi, dệt vải và thêu thùa lấy những thứ quần áo khá đẹp. Với những công cụ sản xuất còn thô sơ, sự làm ăn sinh sống của đồng bào còn rất nặng nhọc. Sống trong một hoàn cảnh vắng vẻ, bà con phải luôn luôn dựa vào nhau. Mọi quan hệ từ đời này sang đời khác, giữa những con người thuần phác như vậy, đã tạo nên một môi trường rất khăng khít. Hết mùa làm nương rẫy, đồng bào Mán tiền thường đi săn bắn hươu, nai và vui chơi với nhau. Đồng bào rất thích hát lượn. Có những người bạn từ các bản xa tìm đến chơi nhà nhau, ở lại hàng tháng trời, thân mật, tự nhiên như người trong một gia đình. Tuy ở những nơi hẻo lánh xa xôi như thế này, nhưng bọn thống trị vẫn với tay tới. Đi đâu cũng vẫn thấy xuất hiện bóng dáng của những tên tuần tởng, những tên lính đồng. Đồng bào Mán tiền phải chịu nhiều tầng

áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến, của cả các dân tộc đông người hơn ở vùng thấp. Mọi thứ sưu thuế đều rất nặng.

Chúng tôi hơi ngạc nhiên là mặc dầu luôn luôn nhắc nhở vấn đề giữ bí mật, nhưng đi tới bất cứ bản nào, chỉ một lát sau, tất cả người quen, người lạ đều biết mình là cán bộ về hoạt động. Tôi đoán, chính các đồng chí hội viên đã lộ bí mật với các bạn bè. Tôi hỏi các đồng chí đó tại sao không giữ bí mật? Các đồng chí trả lời: "Có việc gì mà phải giấu? Toàn là bà con, họ hàng, cùng ghét Tây, ghét Nhật, một bụng một dạ với nhau cả thôi!".

Phong trào tại vùng cao này cũng phát triển rất nhanh. Có nơi vào hội cả bản. Chúng tôi cùng đồng bào tổ chức những lễ ăn thè tập thể, khi thắp hương, khi chặt đầu gà, có khi chích máu nhỏ vào rượu cùng uống để ăn thè. Chẳng bao lâu, ở làng bản nào cũng có các tổ chức nông dân, phụ nữ, thanh niên, tự vệ, tự vệ chiến đấu. Hội viên đều được qua một lớp huấn luyện năm ngày. Cán bộ và các tự vệ chiến đấu được huấn luyện thêm lần thứ hai. Các hội viên, rồi cả các bà con dần dần hiểu chủ nghĩa cộng sản, hiểu Đảng. Trong hàng ngũ trung kiên đã có những người được nhắm bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng.

Một thời gian không lâu, phong trào từ Kim Mã đã lan ra các nơi chung quanh như Cẩm Lý, Khuổi Mán, Nậm Ti và nhiều làng bản ở Ngân Sơn, Chợ Rã.

IX

HÔM đó, người tôi gậy gậy rét, đang gượng ngồi lên lớp cho anh chị em ở gần bản Nà Dú, thì một đồng chí hớt hải đến nói:

- Tây đưa lính về rất đông để bắt cán bộ người Kinh... Chúng nó nói ai vào hội mà ra thú thì chúng sẽ tha, nếu để phải đi lòng, bắt được sẽ đem đi tù hết.

Biết là điều chúng tôi dự kiến từ lâu nay đã đến. Đồng bào ở đây mới bị khủng bố lần này là lần đầu. Một lát, có thêm các đồng chí khác đến báo tin, địch từ các phía đang tiến vào rất đông. Nhìn anh chị em hội viên, thấy trên mặt một số người có dấu hiệu xao xuyến. Có đồng chí giục tôi nên lánh ngay khỏi đây để tránh nguy hiểm. Tôi nghĩ lúc này mình không nên đi ngay, mặc dầu địa điểm lớp huấn luyện ở gần làng. Nhìn con suối từ phía làng sang, thấy nước lên to vì trời mưa liên mấy hôm, biết bọn địch chưa thể đến ngay được, tôi nói với anh chị em:

- Ta cứ bình tĩnh ngồi đây một lúc nữa nghe giảng cho hết bài. Chưa việc gì đâu!

Tôi nói với các chị phục vụ lớp học, tiếp tục nấu cháo. Nhưng một mặt tôi cũng thu gọn bài giảng lại, và vừa nói vừa nghĩ cách làm thế nào để chống sự khủng bố của quân địch.

Trong tất cả các lần huấn luyện, chúng tôi đều đã nói với anh chị em hội viên: "Mình làm cách mạng để đánh đổ đế quốc phong kiến, thì việc chúng khủng bố để phá phong trào cách mạng là một chuyện tất nhiên". Để đồng bào dễ hiểu và dễ nhớ, chúng tôi thường hay tìm những thí dụ trong công việc làm ăn sinh sống của đồng bào tại địa phương: "Người làm nương, làm rẫy muốn có hạt thóc, hạt ngô, cũng phải đốt rừng, xới đất, gieo hạt, chăm bón, chống thú rừng, phải đổ mồ hôi, phải khó nhọc như vậy mà vẫn có mùa không được ăn. Làm cách mạng để tiêu diệt bọn đế quốc, bọn thống trị là một việc rất to lớn và khó khăn hơn rất nhiều, không thể mau chóng, dễ dàng đi đến thắng lợi. Trên rừng có con lợn, con beo phá hoại

mùa màng, bắt giết trâu bò. Muốn giết được thú rừng để bảo vệ trâu bò, bảo vệ mùa màng thì những người đi săn cũng phải hết sức can đảm. Khi đi săn thú, cũng có người không giết được thú mà lại bị thú dữ ăn thịt. Nhưng nếu có tinh thần dũng cảm, không sợ khó khăn nguy hiểm mà trừ được thú dữ thì sẽ được tất cả dân làng biết ơn. Bọn đế quốc, phong kiến còn dữ hơn con lợn, con beo rất nhiều. Ta định tiêu diệt chúng, nhất định chúng sẽ không chịu ngồi yên. Vậy làm cách mạng thì không thể nào tránh khỏi bị địch khủng bố. Nhưng nếu mọi người đều một lòng thương yêu nhau như ruột thịt, không sợ khó khăn, không sợ nguy hiểm, dám đấu tranh đến cùng với kẻ địch, thì thế nào cách mạng cũng sẽ thắng lợi và sẽ giành được độc lập, tự do".

Tôi nói lại vấn đề với anh chị em một lần nữa: "Có đấu tranh cách mạng tất nhiên là có sự khủng bố của kẻ địch", và góp ý kiến về cách chống khủng bố để duy trì phong trào chung. Tôi dặn dò thêm một số trung kiên, những việc cần làm để giữ vững tinh thần của đồng bào.

Khi đồng chí Lạc và đồng chí Khánh đưa chúng tôi ra đi thì anh Thiết Hùng và tôi đều lên cơn sốt.

Tin từ dưới làng đưa lên, bọn địch đang lùng sục ráo riết. Chúng tôi đi về hướng núi. Lúc này càng thấy rõ tầm quan trọng của việc xây dựng cơ sở trên vùng cao.

Chập tối, đến nhà đồng chí Thượng, một hội viên trung kiên người Mán. Ở đây, đồng bào đã biết tin địch đang khủng bố dưới chân núi. Gia đình đồng chí Thượng tỏ ra rất bình tĩnh, ông cụ thân sinh ra đồng chí Thượng bảo chúng tôi: "Mặc chúng nó, bà con đều là hội viên một bụng một dạ cả, chúng nó không làm được gì đâu!". Rồi cụ đi giết gà làm cơm vì biết chúng tôi yếu mệt.

Thấy ở đây gần địch quá, không lợi, hôm sau chúng tôi lại cùng các đồng chí Lạc, Khánh đi quanh sang xã Cẩm Lý. Bà con ở Cẩm Lý đã biết tin địch đang khủng bố

dưới làng, và sắp lùng lên trên này. Một vài gia đình tỏ vẻ sợ hãi. Có người đến nói: "Cùng một bụng với nhau cả thôi, nhưng bây giờ đang lúc "nóng" như thế này, các đồng chí hãy lánh đi nơi khác. Khi nào bớt "nóng" chúng ta sẽ lại tiếp tục việc hội".

Cùng hôm ấy, đồng chí Quang Hưng ở ngoài vào. Bác đã được tin địch khủng bố to nên phái đồng chí Quang Hưng tới đây để đón anh Thiết Hùng và tôi. Lần này, địch chia quân từ ba mặt Nguyễn Bình, Mang Động, Gia Bằng kéo vào bao vây Kim Mã. Máy đồng chí cùng đi cũng lo nguy hiểm cho chúng tôi, lại khuyên chúng tôi nên tạm lánh ra ngoài. Tôi bàn với anh Thiết Hùng, nhận thấy cơ sở tại vùng này mới xây dựng, đồng bào lại chưa có kinh nghiệm chống khủng bố, nếu cán bộ rút đi thì cơ sở chắc chắn sẽ dễ bị vỡ. Chúng tôi nói với đồng chí Quang Hưng về báo cáo lại với Bác, cho chúng tôi được ở lại để duy trì phong trào.

Buổi chiều, bỗng thấy mấy đồng chí người Tày ở Kim Mã tìm lên. Các đồng chí tới hỏi ý kiến về cách đối phó với địch. Khi lánh lên đây, chúng tôi không nói với ai. Cẩm Lý nằm cũng khá xa lớp huấn luyện. Tôi hỏi:

- Tại sao các đồng chí lại biết chúng tôi ở đây mà tìm tới?

Một đồng chí nói:

- Khó gì đâu. Chúng tôi đến lớp huấn luyện thấy không còn ai, biết là các đồng chí đi rồi. Chúng tôi bảo nhau cứ dò dấu gậy mà đi theo, thế nào cũng gặp các đồng chí. Thế là chúng tôi đến được đây.

Tôi thoáng nghĩ: thật là nguy hiểm, nếu kẻ địch từ ngày hôm qua cũng biết tìm chúng tôi theo dấu gậy...

Nhận thấy không nên ở lại Cẩm Lý, chúng tôi bàn bạc với đồng bào về cách đối phó với địch, và nói chúng tôi tạm lánh ra ngoài một thời gian rồi sẽ trở lại.

Chiều hôm ấy, chúng tôi từ Cẩm Lý đi về phía ngoài. Đi khuất khỏi làng một quãng xa, chúng tôi nói với đồng chí Lạc và đồng chí Khánh dẫn vòng trở lại, quay về rặng núi ở phía Bắc cánh đồng.

Suốt đêm, trời tối đen, mưa tầm tã. Các đồng chí Lạc và Khánh đều không nắm vững đường, chỉ đoán chừng phương hướng, nơi nào rậm rạp thì đánh dao phát mở đường mà đi. Hết núi lại khe, hết khe lại núi. Con sốt đêm nay xem chừng nặng hơn. Nhiều quãng anh em phải dìu chúng tôi lên dốc.

Hết đêm, cảm thấy đi đã được khá xa. Trời sáng, chúng tôi nhận ra đang đi trên một quả đồi gianh. Bốn chung quanh là biển sương mù dày đặc. Có ánh sáng, đường đi dễ hơn, nhưng anh Thiết Hùng và tôi đều đã mệt lắm. Chúng tôi bàn cùng các đồng chí đi lát nữa, tìm được khu rừng kín đáo nào, sẽ nghỉ chân. Đi mãi vẫn là đồi gianh. Sương mù vẫn trắng xóa, chẳng biết đâu là đồi, đâu là rừng. Trời mỗi lúc một oi ả. Quá nửa buổi, sương bỗng tan rất nhanh, trời hửng nắng. Chúng tôi nhìn sang bên phải, chợt nhận thấy đang ở lưng chừng một quả đồi trọc nằm ngay giáp làng. Nhìn thấy rõ bọn lính mặc quần áo vàng đang đi lại từng tốp trong làng và trên cánh đồng. Chúng tôi nhìn xuống thấy rõ bọn chúng, trời nắng thế này, chắc hẳn bọn chúng nhìn lên cũng thấy rõ chúng tôi. Mọi người vội bảo nhau nằm ép mình xuống sườn đồi.

Nhưng chả lẽ cứ nằm mãi đây, nếu bọn địch lòng lên đồi thì sao? Phía trên, khá xa có một khu rừng. Chúng tôi bảo nhau bò dần về phía đó. Sau nhiều ngày mưa, có nắng mới, hơi nóng từ dưới đất bốc lên hầm hập. Bò như vậy, khá lâu, mới đến được khu rừng.

Lúc này, ai nấy đều mệt, cơ hồ đứng không vững. Quần áo mọi người rách toạc nhiều chỗ, bết đất và mồ hôi. Đồng chí Lạc tìm ra một nương ngô, bẻ mấy bắp, mỗi người nhai một chút ngô sồng cho lại sức, rồi lại tiếp tục đi ở gần làng rất

nguy hiểm vì có thể kẻ địch lên đồi nhìn ra những vết bò, trườn của chúng tôi. Chúng tôi phải cố gắng đi cho xa.

Xế chiều, đến một đỉnh núi cao. Anh Thiết Hùng và tôi ngồi nghỉ lại ở một góc cây cỏ thụ. Các đồng chí Lạc, Khánh đi chặt ít cành cây gác lên mặt đất, làm tạm một chiếc sàn nằm cho đỡ lạnh lưng. Buổi chiều đó không có gì ăn. Con sốt kéo dài liên miên. Đồng chí Lạc và đồng chí Khánh để chúng tôi nằm nghỉ tại lán, lần mò xuống làng nắm tình hình khủng bố và kiếm ít lương thực. Cơ quan tạm đặt tại đây.

Phong trào được thử thách. Một số nhỏ dao động chạy ra đầu thú. Phần lớn đồng bào nằm yên, gắng chịu đựng cho qua cơn khủng bố. Các phần tử trung kiên xuất hiện rất nhiều. Đồng chí Lạc và đồng chí Khánh nói lại được nhanh chóng liên lạc với các đồng chí trung kiên ở trong làng. Có những tối, đồng chí Lạc mò về gần làng hẹn gặp một, hai đồng chí, khi tới địa điểm thấy lộ nhỏ một đám đông, tưởng địch phục, hóa ra toàn anh chị em ở trong làng nóng ruột, kéo ra để trực tiếp gặp các đồng chí liên lạc hỏi thăm tin tức các cán bộ. Đồng chí Lạc về nhà, ông cụ nói: "Con cứ đi theo cán bộ mà làm việc hội, con ở nhà chúng nó cũng không để yên, ở đâu thì phải cẩn thận". Gia đình vét gạo, muối, cá khô, đưa cả chảo con, bát ăn để đồng chí Lạc đem lên cơ quan bí mật. Một bữa đồng chí Khánh về nhà, trời sáng một lúc vẫn chưa lên. Chúng tôi đều lo đồng chí bị bắt, vì gia đình đồng chí Khánh ở liền nhà một tên tay sai gian ác của địch. Mọi người đang ngồi chờ rất sốt ruột chột nghe phía chân dốc có người thì thầm. Hôm qua, đã hẹn đồng chí Khánh không đưa ai lên địa điểm bí mật, chẳng lẽ đồng chí Khánh dẫn người lên mà lại không hỏi ý kiến cơ quan. Đồng chí Lạc lấy khẩu súng kíp giương cò sẵn, chạy ra hỏi:

- Ai?

Tiếng đồng chí Khánh đáp:

- Còn ai nữa, Trọng Khánh đây.

- Máy người?

- Một thân một mình thôi, lấy đâu ra mà máy người.

Đồng chí Khánh đội chiếc nón rách, rẽ lau bước vào, mặt đỏ bầm, mồ hôi nhễ nhại. Chúng tôi đều hỏi, tại sao về muộn và vừa đi lại vừa nói một mình. Đồng chí Khánh bực dọc thuật lại:

- Về gần làng, chờ mãi, canh ba vợ mới ra. Vợ tôi nói từ tối đến giờ chớ cứ sửa, bên nhà thằng tổng đoàn Lý có nhiều tiếng động, chắc là nó rình mò nhà mình. Hôm qua, cả bố con chúng nó cùng sang nhà bảo, phải khuyên tôi ra thú không thì nhà tan cửa nát hết. Nó là tổng đoàn, nó sẽ bảo đảm cho. Rồi vợ tôi bảo tôi: "Anh về đi thú đi, không nghe em thì anh mang con đi theo anh mà nuôi". Tôi bực quá, ngồi giải thích một thôi, rồi sợ trời sáng, vác các thứ lên vai, chạy một mạch bây giờ mới tới đây.

Đồng chí Lạc rót một bát nước đưa đồng chí Khánh. Đồng chí Khánh uống hết bát nước, nằm ngủ luôn.

Thời gian này, tôi và anh Thiết Hùng đều bị ốm nặng. Thuốc uống chỉ có lá nọ ảo. Nhưng lần này lá nọ ảo đối với chúng tôi đều không có hiệu quả. Anh Thiết Hùng có lẽ bị sốt thương hàn, những lúc mê man cứ luôn mồm chửi Tưởng Giới Thạch. Máy nữ đồng chí dưới làng lên thăm, thấy chúng tôi mỗi ngày mỗi mệt hơn, lo lắng, đòi chúng tôi đưa áo để đem đi bó, may ra khỏi bệnh. Lúc đầu, tôi từ chối vì ngại nếu đem áo đi, thầy mo nói bệnh tôi khó cứu chữa thì các đồng chí đó lại thêm lo. Sau các đồng chí cứ nói mãi, tôi đành phải đưa ra một cái áo. Nhưng rồi bệnh cũng không khỏi.

Một bữa, các đồng chí đi công tác, cơ quan chỉ còn tôi và anh Thiết Hùng. Mấy ngày hôm nay anh Thiết Hùng không ăn gì và không dậy được. Các đồng chí đã

kiếm mọi thứ lá sắc cho anh uống nhưng bệnh vẫn không thuyên giảm. Chúng tôi đoán bệnh anh khó qua khỏi. Phần tôi, hơn hai tháng qua, cơn sốt vẫn kéo dài, lúc này cảm thấy trong người sức cũng đã kiệt. Tôi ngồi một mình, nhìn anh Thiết Hùng nằm mê mết trong lán, nhớ đến Bác, đến các anh, nhớ tới gia đình, tới bạn bè...

Tôi nhận thấy trong thời gian qua, mình cũng đã cố gắng làm tròn nhiệm vụ Đảng giao. Nghĩ vậy, bỗng thấy đầu óc thanh thản, trong lòng vui hẳn lên.

Mấy hôm sau, một buổi sớm, các đồng chí đêm qua đi công tác về đã ngủ cả, tôi ngồi gác, chợt nghe nhiều tiếng lao xao trong đám lau ở quả núi trước mặt. Nghe kỹ, đúng là tiếng chân nhiều người đang phá lối đi lại đây. Tôi lập tức đánh thức các đồng chí dậy. Mọi người vội vàng cất giấu các tài liệu, đồ đạc của cơ quan. Các đồng chí Lạc và Khánh thì cầm súng chạy ra phía có tiếng động. Một lát sau, hai đồng chí vui vẻ đưa mấy người vào theo. Hóa ra anh Cáp ở chỗ Bác vào cùng đồng chí Quang. Chúng tôi ôm choàng lấy nhau. Nỗi mừng thật khó tả. Anh Cáp nhìn chúng tôi rất ngạc nhiên. Về sau này anh nói lại, chúng tôi lúc đó như những con ma. Anh Cáp có đem theo bốn viên ký ninh vàng. Chúng tôi chia nhau mỗi người uống hai viên. Có lẽ trận ốm cũng đã đến thời kỳ thuyên giảm, có thêm thuốc, bệnh chúng tôi đỡ dần.

Nhận thấy trong đợt thử thách vừa qua, có nhiều đồng chí đã tỏ rõ một tinh thần trung kiên, tận tụy đối với cách mạng. Anh Thiết Hùng và tôi bàn nhau nên tổ chức một số đồng chí vào Đảng, định trong đợt đầu sẽ tổ chức đồng chí Lạc. Một buổi sáng, đồng chí Quang và đồng chí Lạc đi công tác dưới làng về, tôi nói nhỏ cùng đồng chí Quang ra một chỗ khác hội ý về việc định giới thiệu đồng chí Lạc vào Đảng. Khi quay về, thấy đồng chí Lạc ngồi mặt mày ủ rũ. Sau này mới biết, lúc đó, đồng chí Lạc thấy chúng tôi đi nói chuyện riêng, cho là có điều gì không tin ở mình, nên suy nghĩ. Khi chúng tôi nói rõ ý định muốn giới thiệu đồng chí vào

Đảng, thì đồng chí Lạc thay đổi hẳn nét mặt. Trong buổi lễ kết nạp giữa khu rừng hoang vắng. Ở một gốc cây cổ thụ, nước mắt đồng chí Lạc cứ trào ra. Vừa xong buổi kết nạp, đồng chí Lạc phá chạy xuống phía dưới, nhặt hai ống nứa, múa tít một hồi như người đang đấu võ.

Con sóng gió ở dưới làng lúc đó cũng đã tạm qua. Thực ra, lần này chỉ là một đợt khủng bố nhỏ. Địch bắt một số đồng bào, nhưng sau chúng lại thả. Chúng chỉ mới dọa dẫm, bắt ép mọi người ra đầu thú. Tôi lại cùng các đồng chí xuống làng tiếp tục tham gia những cuộc sinh hoạt của hội, của các giới, cùng với bà con và anh chị em.

Phút đầu gặp lại bà con rất cảm động. Mọi người hết sức mừng rỡ. Có người nói: "Cán bộ còn thì cách mạng còn". Mặc dầu đã dặn giữ bí mật, nhưng người nọ thì thào với người kia, chẳng mấy lúc tin đã loang ra khắp nơi. Các hội viên tíu tít kéo đến mang theo quà bánh. Có người vừa câu được con cá cũng đem đến cho cán bộ.

Phong trào dần dần phục hồi lại, qua đợt thử thách này, lại lớn mạnh hơn trước. Các cán bộ, các đội tự vệ, các hội viên được rèn luyện qua đấu tranh trở nên cứng rắn hơn. Biết cuộc khủng bố của kẻ địch mới chỉ là bắt đầu, chúng tôi tiếp tục củng cố và phát triển cơ sở, đặc biệt chú trọng các đồng bào trên vùng cao. Những lớp huấn luyện lại mở. Để tiện việc tuyên truyền, chúng tôi đem chương trình Việt Minh soạn thành văn vần: Việt Minh ngũ tự kinh. Tôi dịch ra tiếng Tày, tiếng Mán tiền và cùng đồng chí Bình Dương dịch ra tiếng Mán trắng. Nhờ thế chương trình Việt Minh được truyền đi rất rộng và nhanh. Có bản, đồng bào mới được tổ chức vào hội, khi chúng tôi đến khai hội, đã nghe các chị phụ nữ và các em nhi đồng vừa cán bông, giã gạo, vừa hát Việt Minh ngũ tự kinh. Nhiều bài hát lượn cách mạng bằng tiếng Thổ, tiếng Mán xuất hiện.

Một lần, trong một lớp học, các đồng chí giới thiệu với tôi, có đồng chí Đoàn Kết làm bài hát lượn rất giỏi. Đồng chí Đoàn Kết trước kia đi làm công cho một tên

chánh Mán, đã làm một bài hát lượn kể lại cuộc đời khổ cực của mình, hát lên, nhiều người nghe rớt nước mắt. Đồng chí Đoàn Kết nhà rất nghèo, nhưng khi đến lớp lại mang theo nhiều gạo, ngoài phần mình, còn đem thêm để giúp đỡ các anh em khác. Tính tình đồng chí rất tốt, hồn nhiên, vui vẻ. Tôi gợi ý đồng chí nên đem nội dung học tập làm thành bài báo. Đồng chí Đoàn Kết lấy ít tàu lá chuối vè, cắt ra từng mảnh đặt xuống mặt đất. Anh ngồi rung đùi, tay cầm con dao Mán vạch trên lá, viết những bài hát lượn bằng một thứ chữ giống như chữ nôm. Những bài hát của anh được các hội viên rất thích. Đồng chí Đoàn Kết hồi đó, là nhà thơ Bàn Tài Đoàn ngày nay.

X

Khỏi bệnh ít lâu, tôi trở về nơi Bác ở. Mỗi lần đi công tác về cơ quan cảm thấy như đang trở về với gia đình. Chuyến vừa rồi, tôi xa cơ quan tương đối lâu ngày.

Được ở gần Bác một thời gian, tôi đã nhận thấy qua cái bề ngoài vô cùng giản dị của Bác, con người Bác thật vĩ đại, và chính bản thân cách sống giản dị đó cũng là một điều vĩ đại trong con người của Bác.

Từ ngày tôi về nước, cơ quan lại thay đổi địa điểm thêm nhiều lần. Dịch càng khủng bố, sinh hoạt của cơ quan càng khó khăn hơn. Khi Bác ở hang, khi ở hóc núi, khi ở trong một bụi rậm. Giường nằm là dăm ba cành cây, đôi lúc chỉ một mớ lá. Sức khỏe của Bác có phần giảm sút. Bác sốt rét luôn. Thuốc men gần như không có gì ngoài ít lá rừng lấy về sắc uống theo cách chữa bệnh của đồng bào địa phương. Cái ăn cũng rất thiếu. Món ăn quý giá anh Lộc dành riêng bồi dưỡng cho Bác hàng ngày là ít nước cơm chắt. Có thời gian, cơ quan chuyển vào vùng núi đá trên khu đồng bào Mán trắng, gạo cũng không có, Bác cũng như các anh khác phải ăn toàn cháo bẹ hàng tháng ròng.

Ở bất cứ hoàn cảnh sinh hoạt nào, tôi cũng thấy Bác thích nghi một cách rất tự nhiên. Chẳng hiểu Bác được rèn luyện từ bao giờ, như thế nào, mà mọi biến cố đều không mấy may lay chuyển được. Tôi nhớ mãi một lần ở Tĩnh Tây... Hôm ấy, có cuộc hẹn gặp người từ trong nước ra. Bác và chúng tôi đều cải trang thành những người Nùng để đi tới nơi hẹn tại chợ Lộc Tùng. Đồng chí liên lạc vừa tới, trông thấy Bác nói ngay: "Thưa Bác, đồng chí X. bị bắt rồi". Bác điềm nhiên bảo tất cả hãy vào hàng nghỉ ngơi như mọi người trong vùng này đi chợ. Khi ăn phở, ăn bún xong, ngồi uống nước Bác mới nói: "Bây giờ chú báo cáo đầy đủ mọi việc đi. Không nên vội vã". Bác khi nào cũng bình thản, bình thản trước mọi khó khăn. Mỗi lần về họp, cán bộ các nơi báo cáo tình hình, phong trào nơi này lên, nơi kia xuống, có khi nhiều nơi cùng bị khủng bố, Bác vẫn bình thản. Trong sự bình thản

của Bác còn toát ra một tinh thần rất lạc quan. Bác đúng là hiện thân của người dân trên đất nước Việt Nam nhỏ bé, đói nghèo vì bị áp bức bóc lột cùng cực bao đời nay, nhưng anh dũng và bất khuất, không chịu lùi bước trước bất cứ sức mạnh nào, và hoàn toàn tin tưởng ở tương lai tốt đẹp của cách mạng, của nhân dân, của dân tộc. Gần Bác, chúng tôi như luôn luôn được nhắc nhở: Cách mạng phải gian khổ, việc cách mạng là việc lâu dài, cách mạng nhất định sẽ thắng.

Bác thường nói: "Muôn việc lấy Đảng làm gốc, Đảng là gia đình của người cộng sản". Ở bên Bác, bao giờ chúng tôi cũng thấy một không khí đầm ấm, gần gũi, chỉ có được trong một gia đình cách mạng. Thái độ điềm đạm, bình tĩnh và những sự chăm sóc, yêu thương của Bác đã giáo dục, rèn luyện và tiếp sức cho chúng tôi trên con đường hoạt động cách mạng. Qua bao biến cố có tính chất quyết định vận mệnh của dân tộc từ đó cho tới ngày nay, tôi thấy Bác vẫn vậy, vẫn như ngày chúng tôi được sống cùng Bác tại chiến khu Cao - Bắc - Lạng.

Suốt thời gian qua, Bác luôn luôn chú ý chỉ đạo việc phát triển và củng cố phong trào. Bác rất chú trọng công tác tuyên truyền và công tác tổ chức, Bác theo dõi thật tỉ mỉ cán bộ, đảng viên và các phần tử trung kiên. Bác hay nói: "Phong trào cách mạng như nước thủy triều khi lên khi xuống, trung kiên cũng như những hàng cọc, cọc đóng có chắc thì mới giữ được phù sa, phòng khi nước xuống". Gần như thành lệ, mỗi khi nghe báo cáo phong trào, bao giờ Bác cũng hỏi: "Đã được bao nhiêu cán bộ, bao nhiêu phần tử trung kiên, đã chọn được bao nhiêu người tốt để tổ chức vào Đảng?". Mỗi lần Bác nhắc đi, nhắc lại như thế, giúp cho chúng tôi thấy rõ hơn giá trị của các thành phần cốt cán, nhất là các tổ chức chi bộ đối với phong trào. Và mỗi lần Bác đã hỏi hoặc nói lại, thì công việc và vấn đề lại được đề ra với những cách giải quyết mới, không phải cứ theo nếp cũ, mà rất linh hoạt, thích hợp với hoàn cảnh mới. Với những cán bộ ở miền xuôi lên, Bác đặc biệt hay nhắc nhở chú trọng vấn đề đoàn kết dân tộc. Vấn đề to lớn này được Bác nói tới với những việc

cụ thể, thiết thực, để mọi người có thể làm được ngay. Bác nói, phải chú ý đến phong tục, tập quán của các dân tộc, phải gắng học các tiếng nói của địa phương.

Lần này về cơ quan, tôi nhận một quyết định mới.

Theo chỉ thị của Bác và quyết định của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, công tác Nam tiến được đặt ra một cách rất khẩn trương.

Ngay từ khi về biên giới, Bác đã luôn luôn chú trọng vấn đề liên lạc với Trung ương dưới xuôi. Hội nghị Trung ương lần thứ tám quyết định lấy miền rừng núi Việt Bắc để xây dựng căn cứ vũ trang. Sau hội nghị, hai đồng chí Trung ương ở với Bác tại Cao - Bắc - Lạng. Các đồng chí khác trở về miền xuôi để lãnh đạo phong trào. Vấn đề liên lạc giữa Cao Bằng với vùng xuôi trở nên đặc biệt quan trọng. Bác thường nói: "Việc liên lạc là một việc quan trọng bậc nhất trong công tác cách mệnh, vì chính nó quyết định sự thống nhất chỉ huy, sự phân phối lực lượng và do đó bảo đảm thắng lợi".

Trước tình hình phát triển của phong trào cách mạng trong cả nước, Bác thấy ngoài lối liên lạc thường dùng bằng giao thông bí mật, phải cấp tốc tổ chức những con đường quân chúng từ Cao Bằng đi về miền xuôi. Có thể, khi địch khủng bố mới giữ được liên lạc, những hoạt động vũ trang của các đội du kích mới có thể tiến hành thuận lợi, và nhất là mới tranh thủ kịp khi thời cơ biến chuyển tốt, cách mạng có thể tiến lên Tổng khởi nghĩa.

Chúng tôi được phân công như sau: Anh Hoàng Văn Hoan cùng một số cán bộ có nhiệm vụ đánh thông con đường từ Đông Khê về Đình Cả; tôi và anh Thiết Hùng phụ trách ban xung phong Nam tiến, có nhiệm vụ mở con đường từ Nguyên Bình qua Ngân Sơn, Chợ Rã để nối liền với Chợ Chu, Đại Từ. Đó là bước đầu của nhiệm vụ Nam tiến.

Tôi được biết Bác chuẩn bị đi xa. Sau khi trao nhiệm vụ Nam tiến cho chúng tôi, Bác nói: “Chú Văn phải chú trọng thêm quân sự, chú Hùng chú trọng thêm chính trị”.

Khi chúng tôi quay trở về tiến hành công tác thì Bác lên đường ra nước ngoài.

Tôi về Kim Mã xúc tiến công việc. Chi bộ Nam tiến thành lập gồm các đồng chí Quang, Lạc, Thiết Hùng và tôi. Đồng chí Quang làm thư ký chi bộ.

Được ít lâu thì có tin anh Chu Văn Tấn tới cơ quan Liên tỉnh. Tôi quay về Lam Sơn gặp anh Chu Văn Tấn trong một hang đá giữa rừng sâu.

Các anh Phạm Văn Đồng, Hoàng Văn Hoan, Vũ Anh và anh Lã đều đã có mặt. Sau ngày anh Phùng Chí Kiên hy sinh, tin tức về khu căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai rất ít, chỉ biết địch vẫn tiếp tục càn quét. Nghe chuyện về các đồng chí du kích Bắc Sơn, về các anh Huy, Chu Văn Tấn từ lâu, lần này gặp nhau sau những phút hiểm nghèo, ai nấy đều cảm động.

Chúng tôi ngồi quây quanh đống lửa nghe anh Tấn nói chuyện. Anh Tấn kể lại quá trình xây dựng, hoạt động của Cứu quốc quân, những cuộc đàn áp của địch, những tháng chiến đấu anh dũng và gian lao ở Tràng Xá - Vũ Nhai, và cuộc hành quân luôn ra khỏi vòng vây của địch đi về phía biên giới Việt - Trung. Chúng tôi cùng trao đổi với nhau những kinh nghiệm chống khủng bố, xây dựng phong trào và đều thống nhất với nhau, nếu xây dựng được cơ sở nhân dân tốt, dựa chắc vào nhân dân thì quân địch không thể nào tiêu diệt được lực lượng cách mạng.

Cuộc họp đã đi đến quyết định: Anh Chu Văn Tấn sẽ trở lại Bắc Sơn - Vũ Nhai củng cố và tổ chức quân chúng mở đường liên lạc với Cao Bằng. Tôi thì trở về tiếp tục nhiệm vụ Nam tiến.

Anh Tấn cùng tôi bàn với nhau một số đường liên lạc. Anh Tấn để lại các đồng chí Hiền, Quyền, Thơ, Thịnh giúp tôi và mấy đồng chí khác giúp anh Hoan trong công

tác Nam tiến. Sau một bữa cơm liên hoan đầm ấm, chúng tôi siết chặt tay nhau, hẹn ngày gặp lại không xa, khi hai con đường đã được đánh thông.

Trước lời kêu gọi của Đảng và của Mặt trận Việt Minh, một phong trào xung phong tham gia các đội Nam tiến rầm rộ khắp nơi. Hàng trăm cán bộ, thanh niên nam nữ tình nguyện thoát ly gia đình, vào các đội Nam tiến. Mười chín đội xung phong Nam tiến được tổ chức. Những đồng chí tham gia vào các đội xung phong, tự mình sắm lấy vũ khí. Với những nơi chưa có phong trào, quần chúng còn sợ sức mạnh của quân địch, một khẩu súng, một quả lựu đạn đều có tác dụng cổ vũ tinh thần quần chúng. Anh Thiết Hùng và tôi cũng mang vũ khí. Anh Thiết Hùng mang một khẩu súng sáu, bắn phát nổ phát không. Tôi có một quả lựu đạn, một quả lựu đạn điếc, nhưng đi đâu cũng đeo bên người.

Mỗi đội xung phong được phân công đi một địa phương. Các tổ xung phong phát triển đi trước, hoạt động theo lối vũ trang tuyên truyền, bắt mỗi điều tra, tuyên truyền gây cơ sở. Các tổ xung phong củng cố đến tiếp sau, chọn cốt cán trong quần chúng, mở lớp huấn luyện ngắn kỳ, rồi dựa vào cán bộ địa phương mới được đào tạo mà phát triển phong trào. Để cho cơ sở quần chúng được rộng rãi, cùng một lúc, chúng tôi mở thông nhiều con đường tiến về phía Nam. Cách phát triển cũng không nhất định phải tiến hành tuần tự từ xã này sang xã khác, khi có điều kiện thì thực hiện phát triển cách quăng. Có những tổ xung phong được phái bí mật vượt qua những chặng đường dài, đến một địa phương quần chúng tương đối tốt, gây cơ sở ở đó rồi dần dần nối liền các cơ sở lại với nhau. Tổ xung phong phát triển do đồng chí Quang, thư ký chi bộ Nam tiến phụ trách, đi xa nhất, xuống tận vùng Chợ Đồn để gây cơ sở. Một số tổ khác có các nữ đồng chí Cầm Hữu, Tín... cũng hoạt động rất tích cực, có khi đi rất sâu, xuống quá Phủ Thông. Chúng tôi gọi cách phát triển này là lối "nhảy dù".

Theo tình hình tiến triển của phong trào, tôi đi dần từ tổng Kim Mã qua tổng Hoàng Hoa Thám, xuống phía Ngân Sơn để kiểm tra công tác và mở lớp huấn luyện.

Trên dọc đường, có những khu mới đã thành lập. Đồng bào dân tộc Mán tiền ở vùng giáp giới hai tỉnh Cao Bằng - Bắc Kạn, đã được tổ chức thành khu Quang Trung. Khi qua vùng này, tôi vào ở tại nhà đồng chí Hoan, người đảng viên đầu tiên của dân tộc Mán tiền. Gia đình tiếp đón rất niềm nở. Để giữ bí mật cho cán bộ, vợ chồng đồng chí Hoan đã nhường buồng riêng cho chúng tôi. Theo tục lệ lâu đời, đồng bào Mán tiền rất kiêng, không bao giờ để người lạ ở trong buồng riêng của vợ chồng. Đêm nằm nghe các em ở những nhà bên vừa giã gạo vừa ê a học Việt Minh ngữ tự kinh, vui vui, thấy tư tưởng cách mạng đã được truyền đi khá xa, các ban xung phong Nam tiến đã tiến hành công tác khá tốt.

Đi quá Hà Hiệu, các đồng chí trong đội công tác Nam tiến báo cáo, đường đã chạy xuống tới gần Phủ Thông, nhưng ở vùng giáp Ngân Sơn bị tắc một quãng ở Khuổi Ha, thời gian qua đã cố gắng nhiều nhưng vẫn chưa tổ chức được. Hỏi khó khăn vì đâu, anh em nói lại, khi đội xung phong đến vùng này gây cơ sở, có một đồng chí hỏi tên đồng bào rồi ghi vào một tờ giấy để nhớ, từ đó đồng bào không tin ở hội nữa. Bọn tổng đoàn, chánh Mán vốn vẫn thường đến các làng, bản ghi tên mọi người để thu sưu, thu thuế và bắt đi xây. Đồng bào nói: "Đây là "hội giả" nên mới ghi tên, nhất định không vào, đợi bao giờ "hội thật" đến thì sẽ vào". Qua kinh nghiệm công tác, tôi biết rõ muốn giác ngộ được đồng bào Mán, trước hết phải gây được lòng tin.

Có lần hẹn đồng bào tới khai hội, sắp đi thì trời nổi mưa to, gió lớn, nước lũ đổ về dâng lên ngập suối. Việc cũng chưa gấp, có thể để lui đến ngày hôm sau. Nhưng không muốn lỡ hẹn với đồng bào, tôi hôm đó, phải đội mưa, vượt suối lũ, lần mò trong rừng, rất khuya mới tới nơi. Một số đồng bào vẫn ngồi đợi, thấy cán bộ đến

hết sức mừng rỡ. Chỉ lát sau đồng bào đã gọi nhau dậy, kéo tới đầy nhà. Qua lần đó, thấy rõ đồng bào tin và quý mến thêm nhiều. Tôi đã rút ra được một điều, đối với đồng bào miền núi rất chất phác, phải hết sức chú ý giữ sao cho được lòng tin trong bất cứ việc lớn hay việc nhỏ.

Sau khi hỏi lại tình hình kỹ lưỡng, tôi nói cùng các đồng chí đưa tôi đến Khuổi Ha. Nghe nói đường đi rất nhiều vất, trước khi đi mỗi người chuẩn bị một ống vôi. Từ hồi về công tác tại Cao Bằng, đã làm quen với những nơi nhiều vất, nhưng chưa bao giờ lại thấy ở đâu vất nhiều như ở đây. Vất ở dưới đất, vất ở trên cây. Đụng tới đâu cũng là vất. Loại vất xanh ở trên cây nhỏ hơn vất đen ở dưới đất, nhưng bám vào người rất chặt. Các đồng chí đi đường gọi vất đen là Tây và vất xanh là Nhật. Đi một quãng, chúng tôi lại dừng để gỡ vất. Kéo ống quần lên thì vất đã bám đen đặc một khoảng, như một cái lá. Phải cầm ống vôi quét cho vất rơi xuống đường. Ở những chỗ vất cần, máu cứ ri ri chảy mãi.

Các đồng chí đưa tôi vào gia đình đã có đồng chí cán bộ "ghi tên" bữa trước. Chủ nhà đi vắng. Trời mưa to. Chúng tôi ngồi tại nhà đợi khá lâu, anh mới về. Anh còn trẻ, quần áo ướt sũng. Đồng chí Mán đi cùng tôi, giới thiệu với anh, tôi là cấp trên ở hội xuống. Thấy anh cứ mặc nguyên quần áo ướt, tôi hỏi tại sao không thay, mặc như vậy ngấm nước mưa không tốt. Anh nói, những quần áo khác cũng đều ướt cả. Tôi lấy bộ quần áo chàm đem theo trong túi dết, đưa anh mặc tạm, rồi ngồi thăm hỏi tình hình gia đình, nói chuyện làm ăn. Khi nói đến việc hội, anh kể lại chuyện đồng chí cán bộ đã ghi tên mình vào giấy, rồi nói:

- Đã một bụng một dạ với nhau thì còn phải ghi tên làm gì?

Tôi nói:

- Vào hội là để đấu tranh chống áp bức bóc lột, chống thu sưu, thu thuế, đánh Tây, đuổi Nhật giành lấy độc lập, tự do, những người có một lòng một dạ như thế thì

mới được tổ chức vào hội. Biết đồng chí là người tốt, nên bữa trước mới có cán bộ đến đây để tổ chức đồng chí vào hội. Còn việc ghi tên thì không phải ghi tên thật, đã tin nhau thì ghi tên làm gì, đó chỉ là ghi cái tên bí danh, rồi sẽ đem đốt trước mặt nhau để ăn thề. Nếu đồng chí đã rõ, thì lần này chúng ta sẽ tổ chức ăn thề để cùng nhau vào hội...

Được giải thích một lát, anh đồng ý, và yêu cầu viết tên trên giấy bùa cúng ma. Tôi có một chiếc bút chì xanh đỏ, bèn lấy ra, ghi tất cả tên chúng tôi trên một lá bùa, rồi làm lễ ăn thề. Sau đó ít lâu qua đồng chí mới được tổ chức, cả bản này và những bản gần đó cùng vào hội. Con đường thông xuống tận Phía Bioóc.

Tôi chuyển về một bản gần châu lỵ Ngân Sơn, chuẩn bị đi tiếp xuống phía Nam. Bản này ở trên đỉnh núi. Từ đó nhìn xuống thấy rõ châu lỵ với những đồn bốt của quân Pháp. Tình hình công tác phát triển thuận lợi. Đoàn quân chính trị đi tới đâu là phong trào cách mạng ở đó bốc lên. Anh em chúng tôi đều rất phấn khởi. Một hôm, có đồng chí liên lạc ở chỗ anh Đồng tới, đưa một lá thư hỏa tốc. Mở thư ra, anh Đồng viết: "Anh về ngay cơ quan có việc cần bàn". Tôi vội vã quay trở lên Cao Bằng.

Về tới cơ quan, được một tin sét đánh. Anh Đồng và anh Vũ Anh cho biết: Bác đi Trung Quốc chuyến vừa rồi bị bọn Quốc dân đảng bắt giam và đã mất ở trong ngục. Mọi người đau đớn vô hạn. Chúng tôi biên thư báo cáo về Trung ương, rồi bàn làm lễ truy điệu, phân công anh Đồng chuẩn bị điếu văn. Anh Cáp mang cái va ly mây của Bác ra, chúng tôi cùng tìm xem còn những thứ gì có thể giữ lại làm kỷ niệm. Tuy nhiên, muốn biết một cách thật chắc chắn, chúng tôi vẫn định phái anh Cáp sang Trung Quốc lần nữa, để nghe lại tin này cho rõ ràng, và cũng để tìm xem phần mộ Bác ở đâu.

Sau mấy ngày đau đớn, bối rối ấy, tôi lại quay xuống châu Ngân Sơn. Dọc đường, rẽ vào nghỉ tại cơ quan đồng chí Xích Thắng, người cứ thần thờ, nhưng phải cố sao để các đồng chí chung quanh không nhận thấy.

Tại đây, có nữ đồng chí Sinh, biết chúng tôi là đoàn cán bộ xung phong Nam tiến, nhất định đòi đi theo để làm công tác. Thời gian này, phong trào Nam tiến trong nam nữ thanh niên đang rất sôi nổi. Thấy đồng chí Sinh còn ít tuổi, chúng tôi nói rõ, công tác này có nhiều khó khăn, hoạt động tại địa phương chưa bị lộ thì nên cứ ở lại địa phương hoạt động. Nhưng đồng chí Sinh nói: "Đoàn thể đã kêu gọi ai có tinh thần thì tham gia vào đội Nam tiến, nam giới đã được đi thì phụ nữ cũng phải được đi". Thấy chúng tôi không đồng ý, đồng chí Sinh ngồi khóc. Sớm hôm sau, chúng tôi dậy để lên đường, thì đồng chí Sinh về nhà đã lên, mang theo khăn gói quần áo, ngồi đợi đó để cùng đi. Thấy đồng chí Sinh sốt sắng, anh Xích Thắng cũng đồng ý để đồng chí đi. Đồng chí Sinh sau này công tác rất tích cực và trở thành một cán bộ tốt của Đảng.

Đêm hôm ấy, đồng chí giao thông đưa chúng tôi đi qua một chặng đường toàn núi gianh. Mọi người rất vui. Riêng tôi vẫn nghĩ đến Bác. Nếu Bác mất, thì thật là một cái tang lớn, một sự tổn thất không gì bù đắp lại được cho Đảng ta và toàn thể nhân dân ta. Đi trong đêm vắng lặng và lạnh buốt, nhìn những triền núi gianh man mác kéo dài vô tận, những ngôi sao sáng như đọng trên những ngọn cỏ gianh bơ xò, một vài chòm lửa của những ngôi nhà ở cô đơn trên các ngọn núi, lòng cảm thấy bơ vơ, buồn vô hạn, hai hàng nước mắt cứ rung rung.

XI

CON đường Nam tiến kéo dài trên nhiều triền núi và cánh đồng, qua các làng bản của đồng bào Thổ, Mán tiền, Mán đỏ... Tại nhiều nơi, quần chúng được tổ chức khá rộng rãi, tinh thần lên rất cao. Một không khí chuẩn bị khởi nghĩa sôi nổi trên suốt dọc đường. Đồng bào các dân tộc đón tiếp cán bộ như những người ruột thịt đi xa lâu ngày trở về.

Từ Ngân Sơn, chúng tôi đi chín, mười đêm ròng, tiến về Phủ Thông, qua cánh đồng Hà Vỹ, vượt những vách đá dựng đứng của dãy núi Phia Bioóc, qua những triền núi, những cánh đồng nối tiếp nhau, qua chợ Đồn, rồi đến xã Nghĩa Tá. Chúng tôi nghỉ lại nhà đồng chí Dương ở bản Bãng, đợi anh Chu Văn Tấn cho người lên đón.

Vài ngày sau, anh Tấn cử đồng chí giao thông lên. Anh Tấn chờ chúng tôi gần Chợ Chu.

Chúng tôi đi khoảng hai, ba đêm qua những vùng đồng bào Mán Ô-gang sống rất nghèo khổ. Chặng đường đêm cuối cùng phải qua làng Cóc. Ở đây, địch đóng đồn ngay giáp đường. Chúng tôi bàn nhau đi vượt qua đồn ban đêm. Tối hôm đó, tôi đi cùng đồng chí Hiền và một đồng chí giao thông. Đến gần đồn, sắp qua chỗ đường ngoặt, chợt nghe phía trước có tiếng lách cách. Liền ngay đó, nhìn thấy ánh đuốc và nghe tiếng người. Tôi đoán là bọn lính đi tuần. Chúng đã đến gần quá. Tôi kéo áo đồng chí giao thông đi trước, cùng nhảy vào một bụi cây ven đường, nằm im. Đồng chí Hiền đi sau, cũng lao theo. Vừa khi đó, năm tên lính đồng đi tuần tới, theo sau là một số đồng bào cầm đuốc, đuốc. Chỉ lo vì có đuốc sáng mà bọn đồng nhận ra chúng tôi. Ánh đuốc soi vào đổ cả bụi cây. Nhưng bọn đồng ghé mắt đi qua, và đồng bào mãi nói chuyện cười xin không ai chú ý đến hai bên vệ đường.

Anh Chu Văn Tấn và đồng chí Dục Tôn đợi chúng tôi tại một cái lán của đồng bào làm để canh lúa ở ven rừng. Sau đó, những đồng chí trong đội Nam tiến do đồng chí Quang phụ trách cũng tới. Gặp nhau giữa rừng sâu, mừng vô kể. Hai con đường cùng được đánh thông, và bây giờ đã hợp lại thành một con đường quần chúng của cách mạng ôm vòng lấy Cao - Bắc - Lạng, con đường đã được vạch ra sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám.

Chúng tôi lấy những tàu lá cọ, rải trong rừng, ngồi họp mặt trao đổi kinh nghiệm, kể chuyện đến khuya. Tôi giới thiệu những kinh nghiệm của Cao Bằng, Bắc Kạn. Anh Tấn kể lại tình hình phong trào đang lên mạnh ở Bắc Sơn, Thái Nguyên và miền xuôi; cơ sở của chúng ta tại Bắc Sơn, Vũ Nhai đã được củng cố và đang mở rộng sang Chợ Chu, Đại Từ. Địch vẫn tiếp tục chính sách khủng bố để hòng dập tắt ngọn lửa cách mạng đã nhen nhóm khắp nơi. Anh Tấn cho tôi biết, đã bắt được liên lạc với Trung ương ở miền xuôi.

Cách đó ít ngày, các đồng chí Cứu quốc quân đã bắn được một con nai.

Anh Tấn vẫn để dành một chiếc chân nai chờ chúng tôi. Tối hôm đó, anh em thui lại chân nai để ninh làm tiệc liên hoan.

Đêm khuya, cùng rải lá cọ nằm ngủ với nhau giữa rừng.

Để kỷ niệm lần gặp gỡ đáng ghi nhớ ấy, chúng tôi đặt tên xã Nghĩa Tá là xã Thắng Lợi.

Chúng tôi trở về Nghĩa Tá, ở lại một thời gian. Anh Tấn cho biết, đã báo cáo về Trung ương và sẽ có đồng chí ở Trung ương lên gặp. Tôi nán ở lại đợi. Trong thời gian này, tổ chức một lớp huấn luyện cho các đồng chí hội viên tại đây. Tôi tranh thủ thời giờ viết cuốn *Kinh nghiệm Việt Minh tại Việt Bắc*. Chờ khoảng nửa tháng vẫn chưa thấy đồng chí ở Trung ương lên. Để khỏi lỡ hẹn với các anh ở nhà, tôi biên thư cho anh Tấn biết, chúng tôi trở về Cao Bằng rồi sẽ quay xuống sau.

Dọc đường đi lên, qua Đông Viên, chợ Đồn, tình hình không có gì thay đổi. Tới Nà Lùm tôi nhận được thư của đồng chí Đức Xuân. Đồng chí Đức Xuân là đội trưởng một đội tuyên truyền xung phong Nam tiến được giao nhiệm vụ tổ chức phong trào tại tổng Hà Vỹ gần Phủ Thông. Đồng chí Đức Xuân báo cáo tình hình phong trào đang lên, đề nghị tôi xuống cánh đồng nói chuyện với một số đồng chí trung kiên và dự một cuộc mít tinh đã được chuẩn bị.

Đi hết một cái dốc dài tám cây số, xuống tới cánh đồng. Đã đến bữa ăn, chúng tôi vào nghỉ tại một nhà trong làng. Đang dở bữa thì có người đến báo, đồng chí Đức Xuân đã bị địch bắn chết, chúng chặt đầu đồng chí đem về treo tại Bắc Kạn. Chúng tôi biết tình hình bắt đầu thay đổi và trở nên xấu. Lúc đó một tên chánh tổng vào nhà này chơi. lát sau, lại có một người lạ mặt đến, chủ nhà giới thiệu là hội viên, nhưng một hội viên khác lại nói nhỏ để chúng tôi biết, người này chưa vào hội. Làng này ở gần Phủ Thông. Nhận thấy cần phải rút nhanh, mọi người ăn cho chóng xong. Chúng tôi nói chuyện với các hội viên về cách đối phó khi địch khủng bố, rồi quay trở lại Nà Lùm.

Bà con tại Nà Lùm đã được tin đồng chí Đức Xuân bị hại, tỏ vẻ lo ngại. Một số đồng bào khuyên chúng tôi nên lánh vào rừng. Nà Lùm là một bản hẻo lánh ở trên triền núi Phía Bắc cao hơn mặt biển hàng ngàn thước. Nà Lùm theo tiếng địa phương là: ruộng bị bỏ quên. Chúng tôi rút lên rừng vào, ở lại ít ngày, đợi điều tra rõ tin tức về đồng chí Đức Xuân. Đêm đến, trời lạnh cát da cắt thịt. Quần áo, chăn màn thiếu thốn, đêm nằm như có muôn vạn chiếc kim từ trên chằm xuống, từ dưới chằm lên.

Sau vài ngày điều tra, biết đích xác đồng chí Đức Xuân đã bị địch hại, mọi người đều rất thương xót. Đồng chí Đức Xuân là một đảng viên rất tích cực, vận động quần chúng giỏi, có tài sáng tác những bài ca và bài hát lượn cách mạng, vui tính,

được anh em quý mến. Chúng tôi tiếp tục đi trở về Cao Bằng. Để đề phòng sự bất trắc, chúng tôi không theo đường cũ, mà đi ngược theo dãy núi Phia Bioóc.

Đồng chí Mán dẫn đường chiều hướng Bắc, dùng dao phát cây mở lối đi dọc trên những đỉnh núi. Tiết trời đã về cuối đông, trên núi cao càng giá buốt. Nhiều lúc cả đoàn đang đi trong mưa mau, rét tê tái, nhìn xuống chân núi lại thấy nắng vàng rực trải ra trên những cánh đồng. Nghĩ đến một ngày mai tươi sáng được tự do đi lại trên những nẻo đường bằng phẳng của đất nước, cảm thấy người ấm lại.

Ngày đi miết. Đêm tìm hốc đá nằm nghỉ. Có buổi sáng tỉnh dậy, sờ tay lên mặt thấy một con vắt tròn mọng nằm bám ở mi mắt.

Một buổi chiều, chúng tôi nghỉ lại ở một khu rừng đại ngàn âm u toàn cây cổ thụ già cỗi, rêu xanh phủ khắp nơi, có lẽ từ xưa đến nay chưa hề in dấu chân người. Tối hôm đó, nằm khó ngủ, nghĩ đến Bác. Tôi bỗng nhiên cảm thấy, Bác chưa thể nào mất được, Bác vẫn ở đâu đây, rất gần với chúng tôi.

Nửa đêm trời nổi mưa to gió lớn. Gió hú từng hồi trên các vòm cây. Thỉnh thoảng, gió lại làm đổ một cây cổ thụ đã chết khô mục nát từ lâu, khu rừng rung chuyển, tiếng động vang ầm.

Cuối cùng, cả đoàn chúng tôi đã vượt qua hết dãy núi Phia Bioóc. Đồng bào ở Lũng Mán dưới chân núi đón đoàn cán bộ vừa đi xung phong Nam tiến về bằng một bữa cơm rất linh đình, mặc dầu ở các vùng chung quanh địch đang lùng sục ráo riết.

Tới Hà Hiệu, rẽ vào nhà đồng chí Hoan, gia đình nói cho biết, đồng chí Hoan đã bị bắt, có lẽ chúng đã giải về Bắc Kạn.

Chúng tôi về tới nhà thì ngày Tết cũng đã đến. Đúng tới ba mươi tháng chạp, phần lớn cán bộ của mười chín đội vũ trang xung phong Nam tiến đã đánh thông đường,

đều về tập trung liên hoan mừng thắng lợi. Tổng bộ Việt Minh và Đảng bộ Cao - Bắc - Lạng trao tặng đoàn cán bộ Nam tiến lá cờ "Xung phong thắng lợi".

Cũng vừa khi đó, chúng tôi được tin con đường bị đứt nhiều quá. Đợt khủng bố lớn của địch đã bắt đầu.

XII

VÀO năm 1943, Cao - Bắc - Lạng đã trở thành một kho thuốc súng sắp bùng nổ. Tại Cao Bằng, ngoài các châu Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình đã thành những châu "hoàn toàn", ở tất cả những châu khác, phong trào cứu quốc ngày càng lan rộng và cũng đã có những xã, tổng "hoàn toàn". Ở Bắc Kạn, phong trào đã mở rộng trong bốn châu. Ban cán sự của Đảng tại Bắc Kạn được chỉ định, do đồng chí Bằng làm bí thư và một thời gian sau, Tỉnh ủy lâm thời được thành lập. Từ các làng, bản đồng bào Tày, Nùng dưới cánh đồng lên đến các làng, bản đồng bào Mán trắng, Mán đỏ trên vùng cao qua các đợt khủng bố của địch phong trào vẫn giữ vững. Tại Lạng Sơn, phong trào từ Thất Khê đang phát triển về phía Bắc Sơn - Vũ Nhai.

Tất cả những thanh niên hội viên các hội cứu quốc đều tham gia tổ chức tự vệ. Châu nào cũng có hàng chục đội tự vệ chiến đấu. Liên tỉnh ủy đã mở nhiều khóa đào tạo cán bộ quân sự.

Các châu tổ chức nhiều cuộc duyệt binh, tập trận, có những cuộc huy động đến hàng ngàn người tham dự. Những cuộc duyệt binh và tập trận này nhằm tạo điều kiện cho cán bộ học tập chỉ huy, huấn luyện thêm cho các đội tự vệ chiến đấu đồng thời biểu dương lực lượng cách mạng, gây tin tưởng trong quần chúng, lôi kéo những người lừng chừm và uy hiếp bọn phản động tại địa phương.

Sau vụ gặt tháng 8, tháng 9, theo kế hoạch chuẩn bị khởi nghĩa, nhân dân tích trữ lương thực trong núi, thực hiện vườn không nhà trống từng bộ phận. Hầu hết các xã đều có kho thóc du kích. Đồng bào đào những hầm bí mật trong rừng sâu, đốt củi nung đất cho thật khô rắn, lát gỗ phủ một vài lần cát rồi mới đem chứa thóc.

Việc mua sắm vũ khí đã trở thành một cao trào. Nhiều gia đình bán cả thóc, cả trâu để mua súng của quân Tưởng bên kia biên giới. Các lò rèn mọc lên khắp nơi, rèn

gươm dao, kiếm, sựa chữa súng kíp, súng hỏa mai. Đồng bào nô nức quyên sắt, đồng, lưỡi cày, chậu thau, mâm đồng... để đúc vũ khí.

Chị em phụ nữ thi đua trồng rau, trồng dâu nuôi tằm, lấy tiền ủng hộ cán bộ bí mật.

Cao - Bắc - Lạng từ trước đến nay vẫn bị bọn đế quốc đặc biệt chú ý, coi là những cơ sở của phong trào cách mạng tại Việt Bắc. Trước tình hình phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng, đế quốc Pháp đã trở thành tay sai cho phát xít Nhật tại Đông Dương, quyết định ra sức đàn áp, ngăn chặn cuộc khởi nghĩa từ trước khi bùng nổ. Mặt khác, chúng cũng lo chuẩn bị một hậu phương an toàn để khi biến có thể lui quân đợi thời.

Cuộc khủng bố lan rất nhanh ra khắp các nơi, tại Cao Bằng và Bắc Kạn.

Khác với lần trước, địch chỉ hăm dọa và dụ dỗ những người hoạt động ra đầu thú, lần này chúng kết hợp dụ dỗ với đàn áp dữ dội.

Sau cuộc liên hoan mừng mở đường thắng lợi, các tổ xung phong lập tức trở về cơ sở cũ để lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống khủng bố.

Quang cảnh điêu tàn hiện ra trên khắp dọc đường.

Nhiều bản không còn ai. Đồng bào đã lánh vào rừng. Những ngôi nhà sàn lạnh lẽo dán đầy thông cáo, yết thị của địch. Chúng cấm nhân dân không được đi theo người Kinh, phải ở lại làng bản làm ăn, những ai trót dại đi theo Việt Minh thì trở về nhà sẽ được bảo đảm tự do, những cán bộ hoạt động bí mật nên quay về quy phục, làm việc cho "chính phủ". Có bản, nhà bị dỡ hết chuyển đi nơi khác. Có bản đã bị đốt trụi, còn trơ lại những cột kèo đen thui trên những nền nhà đầy tro than.

Như lần khủng bố trước, đêm đêm các cán bộ lại lần về gần làng, gặp các đồng chí cơ sở, nắm tình hình và truyền lại những ý kiến chỉ đạo của cấp trên. Liên tỉnh ủy đã quyết định động viên quân chúng đấu tranh chống khủng bố. Các làng, bản đều tổ chức ban xung phong chống khủng bố, gồm những đảng viên, hội viên cứu quốc

trung kiên. Mỗi lần có lính đế quốc về bắn phá, thanh niên nam nữ trong những ban chống khủng bố chia nhau đi khắp nơi giải thích, tuyên truyền, giữ vững tinh thần của đồng bào. Các cơ sở đều được nhắc nhở chú ý đề phòng bọn phản động chui vào các tổ chức cứu quốc.

Đồng bào đã được rèn luyện qua kỳ khủng bố trước, lần này có kinh nghiệm hơn. Thời gian đầu phong trào tại các nơi vẫn vững, không ai ra đầu thú, không một cơ sở nào của cán bộ bí mật bị tiết lộ.

Địch đã nhìn thấy một sợi dây vô hình nối liền giữa nhân dân trong các làng, bản với những cán bộ bí mật bên ngoài. Chúng ra lệnh dồn làng. Các làng bản lẻ đều phải chuyển đến những địa điểm tập trung do chúng chỉ định. Ở những vùng có phong trào cao, chúng quy định những làng dưới hai mươi nhà, có nơi dưới bốn mươi nhà, cũng phải dồn đến những chỗ tập trung. Ở miền núi, ruộng ít, người thưa, mỗi làng bản thường chỉ có từ năm đến mười nóc nhà. Chỉ trong một thời gian ngắn, không biết bao nhiêu làng bản bị tàn phá. Nhiều nhà dồn không kịp đều bị chúng đốt.

Mỗi làng tập trung đều có ba lớp lũy tre bao quanh và rất nhiều hố chông. Bọn lính đông canh gác suốt ngày đêm. Mỗi ngày đồng bào phải điếm mặt một lần. Lệnh giới nghiêm cấm ngặt từ sáu giờ tối đến sáu giờ sáng không được một ai ra khỏi làng. Những tên phản động đại gian ác xuất hiện ở các nơi.

Cuộc khủng bố của địch ngày càng quyết liệt. Đồng chí Vĩnh Quang và một số đồng chí khác bị địch bắn chết giữa lúc đang đi công tác. Trong khi khám xét một bản của đồng bào Mán, bọn địch tìm được trong nhà một hội viên một cuốn *Việt Minh ngữ tự kinh*. Đồng chí hội viên này bị bắn chết ngay. Địch chặt đầu và tay, chân đem về bêu tại châu lỵ Nguyên Bình. Một hôm, tôi đang giảng bài tại một lớp huấn luyện ở Cẩm Lý thì bọn địch sục tới. Lớp học kịp thời rút lui vào rừng. Nhưng địch bắt được một đồng chí Mán đứng gác, chúng chặt đầu đem đi. Nhiều

nhà chúng tình nghi liên quan với cách mạng bị tịch thu tài sản. Có những nơi cả làng bị triệt hạ. Không ngày nào binh lính địch không kéo về bắn phá, cướp đốt ở các làng, bắt buộc đồng bào phải đi thú và làm tờ cam kết không vào Việt Minh nữa. Từ trên núi cao, luôn luôn nhìn thấy những đám cháy dưới cánh đồng. Không riêng tại Nguyên Bình, Hà Quảng, Hòa An mà các châu khác, ở tất cả các nơi có phong trào cách mạng, cuộc khủng bố của quân địch đều diễn ra tàn khốc như vậy. Địch bêu đầu những người cộng sản tại Cao Bình, Nước Hai, Sóc Giang, thị xã... Tại Bắc Kạn, đồng chí Bằng, bí thư ban cán sự Đảng, bị địch bắn trong một cuộc bao vây sau đó đã hy sinh. Đồng chí Xích Thắng và nhiều đồng chí khác chết hụt trước mũi súng của quân địch.

Đợt khủng bố quyết liệt kéo dài. Trước những thủ đoạn tàn khốc của quân thù cũng có nơi nao núng.

Thanh niên nam nữ bỏ làng chạy vào rừng khá đông. Có nơi quần chúng yêu cầu tạm nghỉ công tác hội. Việc liên lạc với các phần tử trung kiên còn ở trong làng, trở nên rất khó khăn.

Một hôm, các đồng chí đi công tác về nói, bà con ở dưới làng thắc mắc không hiểu ai đi lại trên đỉnh ngọn núi cao mà nhìn thấy rõ một vệt đường giữa đám cỏ gianh. Ngọn núi bà con nói, chính là nơi cơ quan đóng. Thời gian qua, anh em chúng tôi đi lại nhiều nên cỏ gianh đã bị xéo nát thành đường; chúng tôi chỉ xuống làng ban đêm, trời sáng đã về nấu trong lán, nên không ai nhìn thấy. Ngay ngày hôm sau, cơ quan phải rời địa điểm sang một ngọn núi khác cách xa hẳn chỗ cũ.

Lần này, vấn đề bí mật được đặc biệt chú trọng. Chúng tôi ở tại một miếng đất bằng, kín đáo, nằm cạnh đỉnh một thác nước. Muốn vào cơ quan phải đi dọc mãi theo một con suối. Các cán bộ đi lại không được dùng giày và gậy. Trong khi đi dọc suối trở về cơ quan, phải tránh đặt chân trên những hòn đá có rêu, vì qua những chỗ đã bị mất rêu, địch có thể biết nơi này thường vẫn có người qua lại. Đến

đoạn đường cuối cùng, trước khi vào cơ quan, tuyệt đối không ai được đi trên đất khô ở hai bên, mặc dầu trời giá lạnh thế nào cũng cứ phải lội ngược giữa thác nước để vào nhà. Mỗi lần ra vào cơ quan, quần áo đều bị ướt hết.

Thời gian này, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng ra chỉ thị cho tất cả cán bộ đảng viên còn hoạt động công khai tại các địa phương, phải hết sức đề phòng, không để lọt vào tay địch, và đều phải "chuẩn bị đi bí mật". Tối, không ai được ngủ nhà, ban ngày đi đâu phải có tự vệ; mỗi người tích trữ sẵn hai ba tháng lương thực, giữ liên lạc chặt chẽ với các đồng chí phụ trách, nếu động thì kịp thời rút vào bí mật.

Số đồng chí "đi bí mật" tăng lên khá nhanh. Để tổ chức các đồng chí này lại làm nòng cốt giữ vững phong trào, Liên tỉnh ủy ra chỉ thị dùng hình thức "Tiểu tổ bí mật". Hình thức này vốn đã xuất hiện từ lâu tại Cao - Bắc - Lạng nhằm đối phó với những đợt khủng bố của địch. Mỗi tiểu tổ bí mật gồm các đồng chí trong một hai xã, có cả đảng viên và những hội viên trung kiên, đã thoát ly gia đình lánh vào rừng núi. Trong mỗi tiểu tổ bí mật lại có tổ Đảng. Mỗi tiểu tổ bí mật có một cơ quan riêng, tức là một chiếc lán náu kín trong rừng sâu hay trên đỉnh núi. Từng nơi đều tích trữ lương thực. Các đồng chí bí mật phải sống theo một quy tắc nhất định, vừa tiếp tục tiến hành công tác quần chúng vừa nghiên cứu học tập. Sinh hoạt các tiểu tổ bí mật đều triệt để "quân sự hóa" và "du kích hóa" tài liệu, súng đạn, quần áo bao giờ cũng phải hết sức gọn gàng, có lệnh, chỉ cần nhắc gói lên vai là di chuyển được ngay. Việc học tập quân sự được tiến hành song song với học tập chính trị. Kỷ luật đặt ra rất nghiêm khắc. Các tiểu tổ bí mật được triệt để "quân sự hóa" và "du kích hóa" đã trở thành một mạng lưới vây quanh tất cả các làng bản.

Ban ngày, học tập chính trị, quân sự và tăng gia sản xuất. Bữa cơm chiều thường ăn sớm vào khoảng bốn giờ. Mặt trời lặn khỏi đầu núi là những "người bí mật" dò cơ quan vượt qua những đoạn đường rừng hiểm trở, đi tới những địa điểm đã hẹn trước. Một tiếng huýt sáo, vài tiếng tặc lưỡi, tiếng vỗ tay, theo những quy định với

nhau trước, từ một chỗ ẩn náu kín đáo, những đồng chí đảng viên hay hội viên trung kiên đập mặt hiệu rồi ra bắt liên lạc. Mặc dầu địch bắn giết, đốt phá, dồn làng vây lũy, canh gác, giới nghiêm, các đồng chí ở dưới làng vẫn không quản hiểm nghèo, không sợ hy sinh tính mệnh, đêm đêm vẫn ra báo cáo tình hình, mang theo lương thực cho các đồng chí hoạt động bí mật và để nhận những chỉ thị của cấp trên. Trời khuya, các đồng chí trong làng trở về. Những "người bí mật" ngả mình bên dòng suối hay trên bờ ruộng chợp mắt một lúc, trời tảng rạng là trở về cơ quan. Phải làm sao vào rừng trước khi tan sương mới khỏi bị phê bình và không để ảnh hưởng tới bà con trong làng.

Những tiểu tổ bí mật gan góc, bền bỉ bám sát lấy cơ sở, bám sát lấy quần chúng, truyền cho họ sức mạnh của Đoàn thể, của cách mạng, tiếp thêm nghị lực cho họ trước những giờ phút hiểm nghèo. Nhờ đó mà phong trào vẫn được duy trì.

Đế quốc đã nhận thấy phải tìm mọi cách để tiêu diệt những người cách mạng đang bí mật hoạt động, lãnh đạo nhân dân chống lại chúng. Chúng đóng một loạt đồn trại khắp nơi, bao vây lấy những dãy núi hiểm yếu, nơi chúng đánh hơi thấy có những người cách mạng nương náu. Thời gian này địch tăng thêm quân lính cho các đồn bốt cũ và đóng thêm một loạt đồn bốt mới ở khắp nơi trong tỉnh như: Nước Hai, Cao Bình, Hào Lịch, Nà Ngần, Phai Khắt, Phúc Tãng, Đào Ngạn, Mỏ Cắt, Nậm Nhũng, Pác Bó... Chúng tung những tên tổng đoàn và bọn chó săn đi đánh hơi tìm kiếm khắp nơi. Trời tối, binh lính chia nhau đi sục các đầu bờ, khe suối. Rồi những cuộc càn quét bắt đầu.

Địch treo giải thưởng rất to cho những kẻ đi lấy đầu những người hoạt động bí mật. Đầu cán bộ, cái nào rẻ cũng đáng giá bạc ngàn với hàng trăm đấu muối, có cái hai, ba vạn đồng.

Từ chưa tan sương, những tên tuần tổng gian ác đã có mặt ở quanh làng. Chúng lần mò khắp bờ bụi, đường ngang, lối tắt, cố tìm ra vài lỗ gậy bên bờ ruộng, hoặc một

vết chân trên hòn đá rêu phủ. Có tên tinh khôn lần theo những bãi cỏ đọng đầy sương đêm. Những đồng chí xuống làng khi quay về cơ quan đã đi trên cỏ để giấu vết chân, nhưng không chú ý là giữa những ngọn cỏ đọng sương đêm, chỉ cần bước chân của mình làm rớt những giọt nước trong, nhỏ, nhẹ đó, cũng đủ để vạch một con đường cho bọn địch tìm đến ven rừng nơi mình đã ra đi.

Các cuộc "sao đông"* bắt đầu. Bọn binh lính lừa dân làng đi đầu, che chở cho chúng trước mũi tên hòn đạn, chúng cầm súng đi theo sau. Bọn chó săn mặt người đánh hơi khắp nơi. Chúng soát từng hốc núi, từng bụi cây. Những ngày nắng hạ, chúng đốt cháy từng khu rừng. Chỉ cần chúng tìm thấy một vài cái lán bí mật không có người trong rừng là các làng gần đấy có thể bị triệt hạ. Cơ quan của Liên tỉnh tại vùng Lô cốt đỏ bị địch bao vây và tấn công bằng súng cối.

Phong trào quần chúng lại tạm thời bị thu hẹp.

Đồng bào vẫn tốt, nhưng e ngại trước sự khủng bố tàn bạo của kẻ địch, phần lớn hẹn đến ngày khởi nghĩa sẽ nhất tề đứng dậy giết hết quân thù, còn nay thì muốn tạm ngừng sự hoạt động.

Tổng Hoàng Hoa Thám là nơi phong trào rất cao, hai phần ba nhân dân đã bỏ làng chạy vào rừng.

* Lùng rừng.

XIII

BỮA ấy, tôi về cơ quan hội báo tình hình thì thấy anh Đồng, anh Vũ Anh và anh Lã đang xúm xít quanh một tờ báo. Các anh chuyển tờ báo cho tôi và hỏi tíu tít:

- Anh xem có đúng là chữ của Bác không?

Đó là một tờ báo ở Trung Quốc mới gửi về, bên mép trắng có mấy hàng chữ Hán viết tay. Tôi nhận ra ngay đúng là chữ Bác. Bác viết: "*Chúc chú huynh ở nhà mạnh khỏe và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên*".

Phía dưới lại có một bài thơ:

Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân

Giang tâm như kính, tịnh vô trần

Bồi hồi độc bộ Tây phong lĩnh

Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.

Dịch nghĩa:

Mây ôm dãy núi, núi ôm mây

Lòng sông như gương, không chút bụi

Một mình dạo bước trên núi Tây phong trong dạ bồi hồi

Nhìn về trời Nam xa xăm nhớ bạn cũ.

Tôi xem xong hết sức ngạc nhiên. Chữ viết này, lời lẽ này, những câu thơ này, đúng là của Bác. Tờ báo này mới xuất bản.

Chúng tôi gọi anh Cáp đến, xúm lại chất vấn. Anh Cáp là người đạo nọ đã đem tin Bác mất ở Trung Quốc về. Chúng tôi hỏi:

- Thế này là thế nào? Sao lại thế này?

Anh Cáp xem xong mừng rỡ, ngẩn người ra một lúc rồi nói:

- Cũng không rõ là thế nào. Khi tôi sang bên ấy thì chính tên quan Quốc dân đảng đã nói với tôi là Bác mất rồi.

Hỏi đi hỏi lại một lúc, một anh nói với anh Cáp:

- Anh thử nói lại câu anh hỏi nó và nó trả lời anh bằng tiếng Trung Quốc xem.

Anh Cáp nói lại. Chúng tôi đoán, có lẽ trong lúc anh Cáp nói chuyện với tên sĩ quan Quốc dân đảng, anh đã nghe lầm hai tiếng "*su tờ, su tờ*" (phải, phải) ra tiếng "*xử lờ, xử lờ*" (chết rồi, chết rồi).

Mọi người khôn xiết vui mừng. Trong màn đêm ảm đạm của đợt khủng bố trắng vô cùng khốc liệt tại Cao - Bắc - Lạng, tin Bác bình yên về với chúng tôi như những tia nắng rực rỡ vừa xuất hiện ở chân trời, báo hiệu một ngày mai tươi sáng sắp đến.

XIV

TÔI quay về địa phương ít ngày thì các anh gửi cho một tờ báo Đông Pháp trong có đăng tin Hồng quân Liên Xô chiến thắng lớn tại Xtalingrát. Tối hôm ấy, cán bộ đi xuống cơ sở đã báo tin này cho các đồng chí, và bảo các đồng chí tìm cách truyền tin ngay cho đồng bào. Mỗi tin thắng lợi của Liên Xô là một sự cổ vũ cho nhân dân trong những ngày khó khăn này.

Ít ngày sau, tôi nhận được thư của các anh viết, cố tìm mọi cách để nối lại đường Nam tiến vì tình hình đang biến chuyển có lợi cho ta. Nhiều tổ xung phong công tác đã được liên tiếp phái đi giúp quần chúng trên dọc đường chống khủng bố và giữ vững cơ sở. Nhưng đánh thông được quãng này thì quãng khác lại bị đứt.

Tôi cùng anh Hoàng Sâm chọn một số đồng chí trong các đội vũ trang địa phương, tổ chức thành một trung đội Nam tiến. Trong thời gian này, đồng chí Thanh Quang ở Chợ Rã lên cho biết, tại chân núi Phia Bioóc vẫn còn một số bản có cơ sở rất tốt. Chúng tôi quyết định sẽ đi hẳn về chân núi Phia Bioóc, củng cố vùng này, đặt cơ quan tại đây rồi đánh thông đường về phía Nam. Chúng tôi mang theo một phiến đá in định về đó sẽ ra báo Trung đội Nam tiến luôn rừng bí mật đi về phía Nam. Đêm đi, ngày nghỉ, đến chiều, sẩm tối lại đi. Trời dạo này, về đêm hay mưa. Nhiều đêm mưa tầm tã, đường rừng biến thành suối, mọi thứ mang trên người ướt hết. Trời tạnh, tạt vào một hang núi kín đáo, đốt lửa hơ quần áo cho khô, rồi lại tiếp tục đi. Mỗi khi qua những làng bản có cơ sở, chúng tôi chỉ cử người vào hỏi thăm tình hình đường sá, sự hoạt động của địch, rồi đi ngay.

Nhiều quãng vì đường độc đạo, không có chỗ tránh, buộc phải đi giáp những làng bản tập trung, có lính địch canh gác nghiêm ngặt. Các bót canh của địch trên dọc đường gõ mõ lóc cóc suốt đêm. Có đêm phải lội những con suối nằm giáp với bót canh. Cả đoàn im lặng, cẩn thận đặt từng bước chân xuống bùn, tay chống gậy phải thật nhẹ để khỏi phát ra tiếng động.

Đi khoảng sáu, bảy đêm liền, vượt qua Chợ Rã đến chân núi Phia Bioóc. Đã đến đích, ai nấy đều vui mừng. Trung đội nghỉ ở một rừng vầu. Những ngày trước, hễ đến địa điểm là mọi người tranh thủ ngủ ngay, nhưng hôm đó phấn khởi quên mệt, anh em dẫn cây làm lán xong xuôi mới đi nghỉ.

Trong khi đó, đồng chí Thanh Quang đi bắt liên lạc với cơ sở.

Buổi chiều, đồng chí Thanh Quang phờ phạc quay về cho biết, địch đang tiến hành khủng bố tại vùng này, nhiều đồng chí vừa bị bắt. Chúng tôi hỏi lại đồng chí Thanh Quang cặn kẽ, và cử người đi tìm gặp một số trung kiên ở địa phương để nắm rõ thêm tình hình. Khi về, các đồng chí đều nói, cuộc khủng bố của địch đang rất gắt gao, binh lính địch vẫn đóng tại các làng bản, nhiều đồng chí bị bắt, nhiều nhà cửa bị đốt. Anh Hoàng Sâm và tôi thảo luận với nhau, nhận thấy tình hình đã thay đổi, cơ sở như vậy là không còn, đi không có điều kiện để ở lại đây.

Trung đội cử người canh gác các ngã đường. Tất cả các anh em đang ngủ được gọi dậy, ăn xong bữa cơm chiều, cả đoàn lại lên đường quay về Cao Bằng. Trước khi đi phải đánh dấu rồi chôn phiến đá in lại ở chân núi.

Lương thực chỉ chuẩn bị cho chuyến đi, suốt dọc đường về toàn ăn cháo. Nhiều đồng chí ốm.

Về Hà Hiệu, chúng tôi dừng lại, cử người vào hỏi thăm tin đồng chí Hoan. Bà mẹ đồng chí Hoan theo đồng chí liên lạc ra rừng gặp chúng tôi. Cụ vừa khóc vừa kể lại, đồng chí Hoan bị địch bắt đem về Bắc Kạn, chúng tra tấn anh mười một lần chết đi sống lại để truy tìm tung tích cách mạng, anh vẫn không khai một lời, cuối cùng, chúng đã bắn chết anh. Cụ nhất định đòi chúng tôi phải vào nghỉ trong nhà.

Bản này chỉ có vài ba gia đình, hết thấy đều tốt. Chúng tôi theo cụ vào nhà. Chị Hoan kể lại cho chúng tôi... Trước ngày anh Hoan bị bắn, chị có lên Bắc Kạn thăm. Anh Hoan nói với chị: "Có lẽ nó sẽ bắn tôi, nhưng ở nhà đừng lo, cách mạng thê

nào cũng thành công. Ở nhà phải trung thành với Đoàn thể, giúp đỡ anh em cán bộ hoạt động". Rồi anh đưa lại cho chị một miếng cao và nói: "Tôi còn miếng cao hồ cốt này, đem về giữ lấy cẩn thận, gặp đồng chí Văn thì nói tôi có lời hỏi thăm, và nhớ đưa miếng cao cho đồng chí dùng để giữ sức khỏe mà làm công tác". Tôi nhìn miếng cao trong tay chị Hoan, nước mắt muốn trào ra.

Bà mẹ đồng chí Hoan trở cụm lúa nếp để trên gác bếp, nói:

- Bây giờ Hoan đã mất, mùa màng lại kém, nhưng mùa nào mẹ cũng để dành thóc nếp cho các con đây, cứ chờ đợi du kích mãi. Các con cố gắng giết sạch bọn Tây, bọn Nhật thời người Mán mới sống được.

Kết quả của cuộc đại khủng bố của quân địch là như vậy. Càng ra tay tàn sát, địch càng khơi sâu thêm trong nhân dân mỗi hận thù, thúc đẩy mọi người quyết tâm đứng lên chiến đấu tiêu diệt bọn chúng để tìm lấy con đường sống.

Sau chuyến đi này về, phần lớn anh em đều ốm, có những đồng chí bị sốt thương hàn. Một bữa tôi đi công tác xuống gần làng thì bắt đầu lên cơn sốt. Các đồng chí dìu tôi ra nằm ở một chiếc lán nhỏ làm bất ngờ trong một lùm cây cạnh cánh đồng. Tôi nằm tại đây hơn một tuần lễ. Sớm sớm, các chị trong làng đem ra một nồi cháo bắp. Các đồng chí đi công tác về được tin Tây sắp càn đến vùng này, vội tới tìm, ngạc nhiên thấy tôi đang giữa cơn sốt, xé rách cả áo và bút lá đắp đầy trên người. Các đồng chí dìu tôi vào rừng. Khi lội suối, thấy hai chân tê dại, rét buốt lên đến tận ngực. Tôi đoán mình bị sốt ác liệt. Nhưng cũng không hiểu sao, về tới cơ quan chưa uống thuốc men gì, thì bệnh đã khỏi.

XV

ĐỊCH khủng bố càng mạnh, số đồng chí "đi bí mật" ngày càng nhiều.

Việc kiếm lương thực cho một số người khá đông như vậy từ tháng này qua tháng khác, trở nên rất khó khăn. Bọn địch biết rõ những người hoạt động bí mật ẩn náu trên rừng núi, sống dựa chủ yếu vào nguồn lương thực trong các làng. Chúng ra lệnh cấm ngặt không ai được mang một chút thóc gạo, ngũ cốc ra khỏi làng. Có những bà con đã nghĩ ra cách, khi gặt đập lúa xong thì để lại một ít ngay tại ruộng. Chúng tôi lượm về, giã giập vỏ ngoài, sàng qua trấu, đem nấu, hạt cơm cùng và khô như rang. Từ ngày có một bà gánh gạo ra chợ bán và một chị đem thóc giống đi ngâm bị chúng bắt và bắn chết ngay tại chỗ, nhiều bà con hoảng sợ. Một số các đồng chí trung kiên, trong đó có cả những em nhi đồng, vẫn bất chấp sự tàn sát của địch, đêm đêm vượt qua mũi súng đưa gạo, đưa bắp ra ngoài làng cho chúng tôi. Nhưng do cuộc khủng bố kéo dài, bà con trong làng lúc này cũng rất thiếu thốn, một chút gạo, chút bắp đùm tùm giấu trong người đem đến cho chúng tôi, chẳng là mấy so với miệng ăn của bao nhiêu con người.

Có tháng chỉ ăn toàn cháo bắp. Một thời gian dài thức ăn hầu như chỉ có chuối rừng. Được cái chuối rừng ở đây rất nhiều. Chặt cây chuối về, bóc lần vỏ ngoài lấy nõn trắng bên trong, rút hết xơ, thái nhỏ, bỏ lên chảo cho chút nước và muối, nấu chín là xong. Thỉnh thoảng để cho khác vị, các đồng chí lấy hoa chuối về thái nhỏ, bóp muối rồi bỏ vào ống nứa đem nướng cho hoa chuối có thêm mùi vị của nứa. Các đồng chí gọi đùa món này là "thịt lợn rừng xào mỡ thiên nhiên". Nước uống thì nấu với lá cây gò vàng, uống đắng đắng, nhưng các đồng chí địa phương bảo lá cây này bổ máu, ăn uống như vậy một thời gian, nhiều khi leo núi thấy đầu gối bủn rủn. Nhiều đồng chí ốm. Những bệnh phổ biến là lên ban và sốt nóng. Một buổi sáng có con tê tê chui vào năm ngay sau lán. Một đồng chí reo lên: "Thuộc đây rồi!" và cầm khúc gỗ đập mạnh vào lưng nó. Con vật cuộn tròn ngay lại, bị anh em

tóm luôn. Lâu lắm, bữa ăn của cơ quan lại mới có chút thịt, ăn xong bữa, chúng tôi đều cảm thấy như người khỏe lên.

Xuống làng gặp quần chúng rất khó khăn, nhiều lần đi không lại về rồi, số đồng chí bắt đầu chán nản và e ngại. Người ùn lại cơ quan khá đông. Lương thực thì hầu như không có.

Có buổi ngồi bàn bạc công tác, một số đồng chí cứ im lặng. Rồi một đồng chí nói:

- Bây giờ nên nghỉ một thời gian rồi hãy xuống làng. Chúng tôi đi lại nhiều lần nhân dân cứ lánh mặt. Cố tìm gặp được ai thì người ấy cũng nói: “Tôi vẫn một bụng một dạ với hội thôi, nhưng bây giờ "nóng" quá, đồng chí hãy trở về cấp trên, đợi khi nào “nguội nguội” sẽ quay trở lại. Gặp đồng chí một lát cũng chưa làm được công việc gì cho hội, mà địch biết thì hại đến cả làng”.

Chúng tôi đều biết là hầu hết bà con vẫn rất tốt, nhưng không chịu được những ngày kéo dài chờ đợi cuộc khởi nghĩa trong khi bọn địch thẳng tay tàn sát. Nhưng nếu bây giờ ngừng mọi hoạt động thì sẽ không duy trì được cơ sở quần chúng, mà không có cơ sở quần chúng thì sẽ không bao giờ khởi nghĩa được. Tôi đã nói với các đồng chí:

- Chính trong lúc này chúng ta lại càng phải bám chắc lấy cơ sở. Nếu phó mặc quần chúng cho kẻ địch, chỉ ngồi ở đây giữ bí mật thì cơ sở sẽ hẹp dần lại, quần chúng sẽ bị địch lung lạc, rồi ra cơ quan bí mật cũng sẽ khó tồn tại. Dù khó khăn đến đâu, vẫn phải nắm lấy quần chúng, giữ vững cơ sở quần chúng. Cuộc khủng bố của địch là ngọn lửa thử vàng để chúng ta thấy được những người thực sự là trung kiên đối với cách mạng.

Sau mỗi cuộc họp như vậy, chúng tôi lại chia nhau đi các địa phương. Mỗi người một túi lương khô, một ống muối nhỏ, đứng đợi gần các nương lúa, nương ngô, hoặc trên những đoạn đường đi tới chợ, đón các hội viên, các đồng bào tốt. Chúng

tôi nói với đồng bào, làm cách mạng thì nhất định kẻ địch phải khủng bố, địch khủng bố điên cuồng là vì chúng thấy phong trào cách mạng lên mạnh, chúng sợ, nhưng khủng bố của kẻ địch nhất định không thể nào cản được cách mạng. Chúng tôi nói với đồng bào, phong trào dưới xuôi đang lên cao, Liên Xô và Đồng minh đang thắng lớn, bọn phát xít Đức Nhật đang thất bại. Rồi chúng tôi hướng dẫn cho đồng bào tiếp tục công việc của hội. Mỗi lần về gặp lại nhau báo cáo tình hình và thảo luận công tác, có khi vắng đi một vài đồng chí. Thường thường những đồng chí đến hẹn mà không thấy về là đã bị hy sinh. Nhưng với ngọn lửa tin luôn luôn rực cháy trong đầu, với quyết tâm hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, mặc thiếu thốn, mặc hiểm nghèo, ai nấy vẫn kiên quyết tiến tới, những lần gặp mặt nhau vẫn rất vui.

Cơ quan chúng tôi di chuyển luôn, từ đầu ngọn núi này sang đỉnh ngọn núi khác. Một lần, chúng tôi mới chuyển đến một ngọn núi gianh, bỗng thấy chung quanh tự nhiên bốc lửa. Lửa cháy giàn giụa mỗi lúc một gần, tàn bay khắp trên đầu, lại có tiếng người chạy, tiếng chó sủa. Mọi người vội vợ tài liệu, xách khẩu súng kíp lên cò sẵn, chạy xuống chân núi. Vừa đến suối thì thấy một số đồng bào Mán đi săn. Những đồng bào này đều là hội viên, nhưng từ lâu không có liên lạc. Đồng bào nhận ra chúng tôi, tỏ vẻ rất mừng rỡ. Có người nói:

- Tìm các đồng chí mãi không thấy. Hôm nay biết các đồng chí ở đây rồi!

Đồng bào ngừng cuộc đi săn, quây quanh hỏi chuyện. Biết đây là những hội viên tốt, chúng tôi đặt kế hoạch liên lạc và bàn cùng bà con cách về tiếp tục công việc hội. Khi về, đồng bào nói: "Chúng tôi sẽ không cho ai biết các đồng chí ở đây đâu".

Nhưng vẫn phải đề phòng, ngay ngày hôm sau chúng tôi lại phải rời địa điểm.

Một bữa, anh em trong cơ quan đi công tác gần hết, ở nhà chỉ còn có anh Thiết Hùng và tôi. Đã sắp hết mùa xuân mà tiết trời vẫn giá buốt như giữa mùa đông.

Tôi ngồi nhìn những quả núi gianh hoang vu nối tiếp nhau chạy dài, nhớ tới bao nhiêu thay đổi lớn lao đã đến trong những năm qua. Núi rừng đối với chúng tôi lúc này đã trở nên quá thân thuộc. Buổi chiều, chỉ nghe tiếng ve kêu là biết trời sắp tối. Những đêm nằm không ngủ đã phân biệt được tiếng hoẵng, tiếng nai. Mỗi khi thức giấc, chỉ qua thời tiết cũng biết còn đêm hay trời sắp sáng. Với sự cuu mang, đùm bọc, che chở của nhân dân, núi rừng đã trở thành một giang sơn kỳ diệu của những người hoạt động cách mạng. Bọn địch biết rất rõ chúng tôi chỉ ở quanh vùng này, nhưng chúng đã bị bung tai, bung mắt, và đã không thể làm gì nổi.

Bỗng tôi nhận thấy đám cỏ gianh ở quả núi ngay trước mặt bị lay động. Rồi tôi nhìn thấy hai con gấu đen. Có lẽ là một con gấu mẹ và một con gấu con, con lớn đi trước, con nhỏ theo sau. Chúng có thể đi sang đây. Cơ quan chỉ có mỗi khẩu súng lục của anh Thiết Hùng và quả lựu đạn của tôi. Quả lựu đạn của tôi là một quả lựu đạn hồng, còn khẩu súng của anh Thiết Hùng bắn chưa chắc đã nổ. Biết loài thú đi với con thường rất dữ, chúng tôi bàn nhau, tốt nhất là trèo lên cây. Thế là hai người cùng leo vọt lên một cây cao ở tít gần lán ngồi nhìn. Hai chú gấu đen thản nhiên đi qua. Chúng vẫn yên trí đây chỉ là giang sơn của chúng, không hề biết tại nơi này còn có chúng tôi, những người cách mạng sống bí mật.

Với tinh thần dũng cảm kiên trì của các đồng chí trong các tiểu tổ, những đường dây liên lạc với các cơ sở lần lần được nối lại. Phong trào dần dần phục hồi với một khí thế mới. Cuộc khủng bố của đế quốc đã thu hẹp cơ sở cách mạng, nhưng những cơ sở của cách mạng vẫn tồn tại qua cuộc đấu tranh, rắn chắc lên rất nhiều.

Sau một thời gian, tại khắp các địa phương, những hội viên trung kiên lại tới tập đến bất liên lạc. Trong nhiều chuyên thư hỏa tốc gửi đến các tổ bí mật mở ra toàn những thư xin cán bộ, xin người về mở lớp huấn luyện.

Những lớp huấn luyện lại được mở tiếp trong rừng. Số người xin học rất đông. Và những người đến lớp lần này ít nhiều đã được rèn luyện qua cuộc chiến tranh với kẻ địch.

Phong trào lên, tình hình sinh hoạt cơ quan cũng được cải thiện hơn. Đã bắt đầu có bắp, có gạo ăn. Thức ăn vẫn là hoa chuối, nõi chuối, nhưng đã có mỡ.

Trước sự đàn áp tàn khốc của quân thù, những lực lượng tự vệ và tự vệ chiến đấu được tổ chức tại Cao Bằng từ cuối năm 1941 phát triển rất nhanh chóng trong hai năm 1942, 1943 lúc này trải qua những thử thách, càng được tôi luyện. Hàng ngũ các đội tự vệ có thu hẹp hơn đôi chút, nhưng vẫn còn rất đông đảo, và trở nên vững chắc hơn nhiều. Tại Hà Quảng, trước khi địch khủng bố, trong năm ngàn rưởi hội viên có trên một ngàn tự vệ, sau một thời gian dài địch khủng bố, vẫn còn bốn ngàn hội viên, trong đó có gần một ngàn tự vệ. Các châu đã tổ chức ra những đội tự vệ thoát ly. Châu nào cũng đã có từ một tiểu đội đến một trung đội. Các tổng cũng tổ chức ra đội tự vệ thoát ly của tổng.

Các đội vũ trang thoát ly tích cực hoạt động chống khủng bố, tiêu diệt bọn phản động đầu sỏ, phục kích các đội tuần tiểu nhỏ của giặc, bước đầu thực hiện chủ trương "làm chủ rừng núi".

Cùng với những đợt tuyên truyền bắt mối, gây cơ sở, các đội vũ trang địa phương cùng tiến hành một loạt hoạt động: thuyết phục, cảnh cáo, tiêu diệt những tên phản động đại gian ác không chịu hối cải. Tại Hòa An, lực lượng vũ trang địa phương đã tiêu diệt hàng chục tên phản động lợi hại. Tại Kim Mã, đội vũ trang cũng quyết định hạ thủ tên tổng đoàn Lý, một tên chó săn của đế quốc đã phá nhiều cơ sở của ta. Sau hai lần phục kích trượt, các đồng chí tự vệ đã bắt gặp nó trong một buổi chợ, bắn chết ngay tại chỗ.

Các chiến sĩ của những đội vũ trang địa phương khi ẩn, khi hiện trên những đường ngang ngõ tắt của các làng, bản; những đội viên tự vệ, tự vệ chiến đấu vẫn ở cùng với bà con trong cơn giông tố, đã cổ vũ, nâng đỡ tinh thần chiến đấu của đồng bào, và đã ngăn chặn được phần nào bàn tay cuồng bạo của kẻ địch.

Tại các châu, huyện trong liên tỉnh, những lớp huấn luyện quân sự vẫn mở liên tiếp. Các anh Thiết Hùng, Lê Quảng Ba, Bằng Giang, anh Cáp... thời gian này rất bận rộn.

Anh Hoàng Sâm và tôi cũng mở liền mấy lớp đào tạo cán bộ quân sự tại địa phương. Trường học được dựng lên một cách khá quy mô tại một khu rừng thuộc tổng Hoàng Hoa Thám. Những ngôi nhà lợp lá cọ làm giảng đường, nơi ăn, nơi ngủ chứa được tới trăm người.

Chương trình học tập gồm có hai phần: chính trị và quân sự.

Về chính trị, học viên được học tập chương trình của Việt Minh, sơ giải về chủ nghĩa cộng sản, công tác chính trị trong quân đội cách mạng, công tác vũ trang tuyên truyền. Nhà trường ra một tờ báo tường, đặt tên là "Hòn nước". Tất cả học viên, có đông các đồng chí Mán, đều tham gia viết bài, viết những câu hát; người nào không biết chữ thì đọc cho người khác viết hộ.

Về quân sự, học kỹ thuật cá nhân chiến đấu: bắn súng, đâm lê, ném lựu đạn, các chiến thuật tập kích, phục kích. Việc học tập đi đôi với những cuộc diễn tập. Chúng tôi thường chia làm hai bộ phận, một bộ phận giả làm địch. Một bộ phận làm quân đội cách mạng tiến đánh. Các đồng chí người Tày, người Mán tỏ ra có những khả năng rất đặc biệt về chiến thuật tập kích trong rừng. Trong đêm khuya, giữa rừng sâu, các đồng chí đó có những cặp mắt rất tinh, những bước chân rất nhẹ. Nhiều lần, chúng tôi được phân công giả làm địch, rất chăm chú nghe ngóng

phát hiện các anh em khi tiến vào, nhưng chỉ đến khi anh em đã lọt vào tận nơi, chúng tôi mới biết...

Nhiều thanh niên từ xưa tới nay vẫn sống rất phóng khoáng tự do nơi non cao rừng thẳm, lúc này bắt đầu làm quen với nền nếp sinh hoạt chặt chẽ trong quân ngũ. Tôi còn nhớ trong một lớp huấn luyện có một đồng chí Mán, tên là Minh. Minh rất khỏe, da dẻ hồng hào, trời rét mấy, áo ngực cũng cứ để phanh. Anh bắn giỏi, có thể đi đêm trong rừng, chỉ nghe tiếng nai kêu mà bắn trúng. Ngày nào không được đi bắn thì hầu như Minh không chịu được. Mỗi ngày, nhà trường cho Minh đi bắn hai giờ, vừa để giải quyết cái "nghiện" của anh, vừa để góp phần cải thiện sinh hoạt cho lớp học. Minh nghiện thuốc lào. Nhiều bữa chúng tôi đang ngồi họp, khi quay lại đã thấy Minh ngồi bó gối bên cạnh lán tự lúc nào. Chúng tôi hỏi anh đến làm gì? Anh cười, lấy tay chỉ vào cái điếu thuốc lào. Minh thèm thuốc quá, nhưng lại biết kỷ luật đã quy định, học sinh không được vào chỗ họp khi cán bộ bàn bạc công tác, nên đến đây rồi, Minh cứ ngồi ở ngoài. Nhiều lần Minh gặp tôi, tâm sự là anh không thích học động tác đội ngũ: "Cấp trên bảo làm thì phải làm thôi, chứ học thế này, gò bó, khó chịu quá!" Tuy miệng nói vậy, nhưng đồng chí Minh vẫn chịu khó học tập.

Khi lớp đào tạo cán bộ quân sự mở đến khóa thứ ba thì bọn địch đánh hơi thấy. Một sớm tinh sương, chúng từ nhiều ngả kéo quân vào bao vây. Các đồng chí canh gác đã kịp thời phi báo trước khi địch tới. Lớp học tạm giải tán. Một đồng chí trung kiên người Mán, tên là Hy Sinh, đưa anh Hoàng Sâm và tôi lánh lên đỉnh núi Thê Dục. Địch ở chung quanh chân núi. Trên này không có nước, phải chặt cây vầu lấy được thổi cơm. Ngày hôm sau tôi bàn với các đồng chí cùng đi:

- Ta nên xuống làng xem tình hình thế nào?

Đồng chí Hy Sinh bầm đốt ngón tay một lúc rồi nói:

- Giờ này đi không tốt đâu!

Tuy sốt ruột về tình hình địch dưới làng, nhưng biết không nên để các đồng chí phải làm một việc gì miễn cưỡng, tôi nói:

- Ta hãy rời sang một chỗ khác, đợi giờ tốt sẽ đi.

Khi sang chỗ trú chân mới một lúc, tôi hỏi đồng chí Sinh:

- Đồng chí thử xem đã đi được chưa?

Đồng chí Sinh lại bấm đốt ngón tay. Lần này đồng chí nhoen miệng cười, đáp:

- Đi được rồi!

Trời tối, chúng tôi xuống núi. Đứng ở chỗ hẹn tại ven rừng cho đồng chí Sinh về làng liên lạc.

Khuya khuya, chúng tôi đang ngồi, chợt nghe hai tiếng gõ vào thân cây, tiếng nặng tiếng nhẹ, biết là đồng chí Hy Sinh đã trở về. Chúng tôi ra đón, gặp đồng chí Hy Sinh rất tươi cười. Đồng chí thuật lại:

- Đồng bào nói, địch nó vào đến nhà trường, nó thấy nhà trường to có nhiều giá súng quá, nó chỉ đi sâu thêm một quãng nữa, đến nhà cơ quan thấy có con chó, nó bắt lấy rồi quay vội ra.

Chúng tôi cùng vào giáp làng. Đồng bào mang cơm nước ra. Có những chị lấy cả bát đũa đem cho vì sợ chúng tôi đã đánh mất hết cả đồ dùng khi đi lánh quân địch. Một lát, đồng bào nhất định đòi chúng tôi vào cả trong làng. Các cụ già, các em nhỏ thấy chúng tôi rất mừng rỡ. Có gia đình đã thổi xôi gà để chờ. Một cụ già nói:

- Các con khó nhọc quá. Cả làng không ai việc gì đâu. Nó thấy cái trường của hội to, nó sợ quá, chỉ vào qua một lúc là nó rút lui ngay.

Cũng vào thời gian này, để động viên tinh thần chuẩn bị khởi nghĩa trong nhân dân, nhân dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga, các châu, huyện ở vùng giáp

giới Cao Bằng - Bắc Kạn đã tổ chức một đại hội chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa tại khu rừng Phan Thanh thuộc tổng Trần Hưng Đạo. Mặc dầu không khí khủng bố vẫn bao trùm các làng bản, mấy trăm đại biểu của các dân tộc khắp các châu, huyện vẫn nô nức kéo về dự đại hội. Mười đội tự vệ chiến đấu đã tham gia cuộc biểu diễn quân sự tại đại hội.

XVI

GIỮA năm 1944, cuộc khủng bố trắng tàn khốc của đế quốc Pháp đã lên đến cực điểm. Nhân dân Cao - Bắc - Lạng nóng lòng mong đợi tiếng súng của cách mạng để chặn bàn tay cuồng bạo của kẻ thù.

Trên thế giới, chủ nghĩa phát xít đã bị dồn đến bên bờ vực thẳm. Bên châu Âu, sau thất bại lớn của Đức ở Xtalingrát, cuộc phản công lớn của Liên Xô đã bắt đầu. Anh - Mỹ phải mở mặt trận thứ hai để chớp thời cơ trước phát xít Đức đã lâm vào thế cùng đường. Tại Thái Bình Dương, sau những trận đánh nhau lớn trên mặt biển ở đảo Trung Đô và quần đảo Xalômông, phát xít Nhật mất dần các căn cứ hải quân quan trọng ở ngoại vi, bắt đầu bị nguy khốn.

Đầu tháng 7 năm 1944, chính phủ Pháp do Pêtanh cầm đầu sụp đổ, Đờ Gôn theo sau quân Anh - Mỹ trở về Pháp lập chính phủ mới. Mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp ở Đông Dương ngày càng nghiêm trọng. Một cuộc đảo chính để tiêu diệt thế lực của Pháp tại Đông Dương không thể tránh khỏi.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng ở trong nước lan rộng, các tổ chức của Việt Minh ngày càng bành trướng. Nhân dân đã thấy rõ thế nào cũng có và phải có một cuộc thay đổi.

Trong thời gian qua, do địch khủng bố dữ dội, sự liên lạc với Trung ương ở miền xuôi rất khó khăn, có lúc bị gián đoạn. Trước tình hình đã trở nên rất khẩn trương, tháng 7 năm 1944, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng triệu tập một cuộc hội nghị cán bộ để thảo luận về vấn đề khởi nghĩa. Đây là cuộc hội nghị công đủ nhất từ ngày địch tiến hành khủng bố. Cán bộ phụ trách các địa phương, các đồng chí trong Liên tỉnh ủy: anh Lã, anh Tòng, anh Ba... đều về họp. Anh Đồng, anh Vũ Anh cũng có mặt. Điềm lại các mặt quen thuộc, thấy là sự nỗ lực của đế quốc không có kết quả bao nhiêu: hầu hết các cán bộ lãnh đạo của ta đều bảo toàn được.

Hội nghị họp trong một hang núi cao, rộng giữa một khu rừng đại ngàn. Hội trường được bố trí rất chu đáo. Từ ngoài vào có cổng chào, cột cờ. Bên trong là những dãy bàn họp, nơi ăn, chốn ngủ tươm tất. Các đội vũ trang của các châu đã được điều về phối hợp với các đồng chí Mán ở địa phương canh gác trên khắp các ngã đèo, thành ba lớp ở chung quanh để bảo vệ cho hội nghị. Sau bao nhiêu tháng chống chọi với địch, cùng vào sinh ra tử, bây giờ được họp mặt để bàn về một vấn đề mong đợi từ lâu, niềm hân hoan của mọi người thực không có bờ bến. Trong niềm hân hoan đó có lẫn đôi chút tự hào, tự hào cho nhân dân ta, tự hào cho Đảng ta: Rõ ràng sự khùng bó của kẻ địch đã không thể nào thắng được cách mạng.

Bản báo cáo chính trị đọc trong hội nghị đã nêu lên nhận định: "Căn cứ vào tình hình thế giới, tình hình trong nước và tình hình phong trào Cao - Bắc - Lạng, các điều kiện đã chín muồi để phát động chiến tranh du kích trong Liên tỉnh".

Chúng tôi thảo luận về chủ trương khởi nghĩa rất sôi nổi, mặc dù còn những vấn đề công tác cụ thể chưa có cách giải quyết như: Những nơi đã được giải phóng, nếu sau đó lại bị địch chiếm lại thì chống giữ như thế nào, phải có những biện pháp và làm những công tác gì để đánh lâu dài..., nhưng cuộc thảo luận vẫn nhanh chóng đi tới nghị quyết khởi nghĩa. Nhận định của bản báo cáo chính trị đã phù hợp với nguyện vọng nóng bỏng của nhân dân, của cán bộ từ lâu đến nay và tình hình chung đang phát triển thuận lợi cho ta. Một đại biểu Nùng thốt ra: "Con đói sữa đã bao lâu rồi, bây giờ mẹ mới cho bú. Phen này nhất quyết tiêu diệt quân thù".

Để đề phòng những nhận thức sai trong cán bộ và quần chúng. Sau khi thảo luận, hội nghị quyết định dùng danh từ "*phát động du kích chiến tranh*" thay cho mấy tiếng "*khởi nghĩa*". Mọi công tác chuẩn bị được quy định phải gấp rút tiến hành trong khoảng thời gian hai tháng.

Các địa phương phải hoàn thành chương trình huấn luyện cho các đội trưởng và chính trị viên theo kế hoạch của Liên tỉnh ủy. Ngoài số đội trưởng và chính trị viên

hiện đã ở trong hàng ngũ các đội vũ trang, phải huấn luyện thêm một số đội trưởng và chính trị viên để làm lực lượng hậu bị. Tất cả các đồng chí bí mật là nam nữ thanh niên khỏe mạnh đều phải qua lớp huấn luyện này. Liên tỉnh ủy phụ trách huấn luyện cho các trung và đại đội trưởng.

Mỗi xã lựa chọn từ ba đến năm hội viên trung kiên, có uy tín trong quần chúng về dự lớp huấn luyện công tác hậu phương kháng Nhật và công tác chính quyền, chuẩn bị khi phát động sẽ thành lập chính quyền nhân dân lâm thời.

Toàn thể lực lượng tự vệ chiến đấu đều gia nhập các đội du kích. Các đội du kích chia làm hai bộ phận: một bộ phận tham gia ngay lúc phát động, một bộ phận làm hậu bị. Tất cả đều ghép sẵn thành tiểu đội, trung đội ráo riết luyện tập; vũ khí, lương thực sẵn sàng.

Phong trào mua sắm và chế tạo thêm vũ khí, nhất là lựu đạn, lại càng sôi nổi. Mỗi khẩu súng kíp dự trữ sẵn 150 liều đạn. Lương thực tích trữ đủ sáu tháng, một phần làm thành lương khô, đủ ăn từ mùa lúa năm nay đến mùa lúa năm sau.

Các châu ủy và huyện ủy chỉnh đốn lại những đường giao thông bí mật, các ban trinh sát tiến hành huấn luyện tình báo phổ thông cho nhân dân.

Nhân dân Cao - Bắc - Lạng trong suốt mấy năm qua trước sự khủng bố dã man của giặc, đã có nhiều kinh nghiệm làm vườn không nhà trồng ở miền rừng núi cũng như ở miền cánh đồng. Nhiều nơi đồng bào đã tìm ra cách giấu thóc dưới hầm hai năm liền không bị mục. Lần này, Liên tỉnh ủy đã chỉ thị chỉnh đốn lại các ban vườn không nhà trồng hàng xã và hàng tổng. Các tổ chức này sẽ nắm tình hình người và của tại địa phương, chuẩn bị chu đáo trước một kế hoạch vườn không nhà trồng triệt để khi phát động. Một nguyên tắc đề ra cho việc tản cư nhân dân là phải tổ chức sao cho đồng bào có điều kiện tham gia sản xuất và ủng hộ mặt trận.

Các đội vũ trang nhận lệnh đánh lui những cuộc tấn công của địch, thực hiện nghị quyết *làm chủ các vùng rừng núi*.

Liên tỉnh thành lập ủy ban quân sự để đôn đốc công việc chuẩn bị, thu thập tài liệu về địch tình, và nghiên cứu kế hoạch phát động.

Cán bộ và đảng viên đều dốc sức vào công việc chuẩn bị.

Cách mạng quả là ngày Tết của những người bị áp bức. Nhân dân các nơi reo mừng khi nghe phổ biến nghị quyết phát động chiến tranh du kích. Một luồng gió phấn khởi nổi lên khắp Cao - Bắc - Lạng. Trước mắt quân địch, các làng bản, các rừng núi vẫn yên lặng, âm thầm cam chịu những đau thương, tai họa do chúng gây nên. Nhưng bên trong, từng làng, từng bản, mọi công việc chuẩn bị đang được tiến hành rất khẩn trương, sôi nổi. Đồng bào góp thóc cho du kích vượt quá mức dự định. Có bà cụ bán phần lớn gia sản để mua súng cho con trai và con gái. Ở nhiều châu, huyện, các cụ cao tuổi họp lại biểu quyết toàn thể thanh niên nam nữ phải tòng quân lúc đoàn thể kêu gọi, phụ nữ và người già ở lại hậu phương sẽ đảm đương nhiệm vụ tăng gia sản xuất.

Nhân dân sống những giờ phút hy vọng, hồi hộp của thời tiền khởi nghĩa.

Tại Kim Mã, chúng tôi đã họp nhiều cuộc mít tinh để giải thích cho đồng bào rõ, phát động không phải sẽ thành công ngay, mà còn phải phấn đấu, còn phải hy sinh, lắm khi từng nơi sẽ gặp những thất bại tạm thời sau khi phát động, nhân dân sẽ gặp nhiều khó khăn thiếu thốn trong đời sống, sẽ còn phải làm than khổ sở nhiều.

Tháng 9

Mùa gặt sắp xong.

Kế hoạch chuẩn bị đã thực hiện được một phần lớn. Tiếng súng vũ trang hành động đã nổ ở nhiều nơi. Nhân dân Cao - Bắc - Lạng đang ở trong một tình trạng chờ đợi căng thẳng. Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đang trì hoãn một cuộc hội nghị

cuối cùng để quyết định ngày giờ phát động cuộc chiến tranh du kích, thì lúc ấy có tin Bác về nước.

XVII

Tôi cùng anh Vũ Anh lên Pắc Bó. Những ngày qua đã được tin chắc chắn Bác thoát khỏi tù ngục của bọn Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch, và đã trở về nước. Nhưng trên đường đi vẫn hồi hộp. Khi được nhìn thấy Bác ở trong căn lán nhỏ trên sườn một quả đồi, mới thật tin là sự thực.

Bác vẫn như xưa với bộ quần áo chàm của đồng bào Nùng. Nhìn lâu, thấy Bác có gầy và già hơn trước. Không biết lấy gì so sánh với nỗi mừng khi được gặp lại Bác.

Hai năm trước đây, Bác lấy danh nghĩa là người đại diện của Việt Nam độc lập đồng minh sang Trung Hoa để gặp nhà đương cục Quốc dân đảng, nhưng thật ra là Bác đi gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Dọc đường, bọn Quốc dân đảng khám xét, thấy đồng chí Trung Quốc đi cùng Bác không có giấy tờ, chúng bắt cả hai người. Chúng buộc cho Bác tội Hán gian. Trong hơn một năm trời rơi vào tay bọn Tưởng, chúng đã chuyển Bác qua hàng chục nhà giam, bắt Bác phải chịu đựng mọi sự hà khắc của chế độ nhà tù Quốc dân đảng. Có thời gian mắt Bác mờ đi, chân bước không vững. Sau nhờ những kinh nghiệm đấu tranh dày dặn của Bác, kết hợp với phong trào đấu tranh của các đoàn thể trong nước và của Việt kiều, bọn Tưởng cũng không tìm được chứng cứ gì để buộc tội, đành phải trả lại tự do cho Bác. Từ Liễu Châu, Bác tìm cách trở về nước.

Những chuyện về thời kỳ Bác bị bắt, sau này chúng tôi mới biết nhiều, lúc đó Bác chỉ kể qua rồi hỏi ngay về tình hình cách mạng ở trong nước.

Anh Vũ Anh báo cáo về phong trào trong liên tỉnh, nói rõ những khó khăn rất lớn trong việc liên lạc với Trung ương ở miền xuôi, và ngay cả với khu căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai từ sau khi anh Tấn tới Lam Sơn liên lạc trở về; sau đó, báo cáo về nghị quyết vũ trang khởi nghĩa của liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng. Tôi cũng báo cáo tình hình con đường Nam tiến bị gián đoạn sau ngày gặp anh Tấn tại vùng giáp giới hai

tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang, rồi trình bày về tình hình đấu tranh chống khủng bố trong thời gian qua, cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng, cơ sở vũ trang lúc đó.

Chúng tôi báo cáo xong, Bác nói: "Phong trào lên, địch khủng bố là chuyện tất nhiên, nhưng có phần vì ta bộc lộ lực lượng". Bác nhắc lại những cuộc duyệt binh huy động đến hàng ngàn người.

Sau đó, Bác nhận xét nghị quyết của Liên tỉnh: "Chủ trương phát động chiến tranh du kích ở Cao - Bắc - Lạng là mới chỉ căn cứ vào tình hình địa phương mà chưa căn cứ vào tình hình cụ thể trong toàn quốc, mới chỉ thấy bộ phận mà chưa thấy toàn cục. Trong điều kiện bây giờ, nếu phát động ngay nhân dân nhất tề nổi lên đánh du kích theo quy mô và phương thức đã định trong nghị quyết, thì sẽ gặp nhiều khó khăn, có thể còn khó khăn hơn thời kỳ bị khủng bố vừa rồi. Bởi vì, các địa phương khác trong toàn quốc tuy phong trào cách mạng đang lên cao nhưng hiện chưa nơi nào có điều kiện vũ trang chiến đấu để sẵn sàng hưởng ứng. Tình hình khu căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai ra sao, cũng chưa nắm được. Quân khởi nghĩa Cao - Bắc - Lạng đơn độc dấy lên, nhất định đế quốc sẽ mau chóng tập trung lực lượng đàn áp. Riêng về mặt quân sự, thì cũng không theo đúng nguyên tắc tập trung lực lượng; cán bộ, vũ khí đều phân tán, thiếu hẳn một lực lượng nòng cốt".

Những nhận xét của Bác đã giúp chúng tôi nhìn rõ vấn đề. Thực ra, trong những ngày qua, tiến hành chuẩn bị phát động chiến tranh du kích, tuy mọi người đều phấn khởi, nô nức, nhưng cũng đã thấy xuất hiện khá nhiều câu hỏi quan trọng chưa giải đáp được. Cho đến nay, cuộc đàn áp của binh lính địch vẫn nhằm chủ yếu vào những người hoạt động cách mạng và những người chúng nghi có liên quan với cách mạng; nói chung, trong khi chúng khủng bố, nhân dân vẫn ở lại làng bản làm ăn. Nhưng nếu phát động Chiến tranh du kích toàn dân, chúng sẽ tấn công vào từng làng, từng bản, từng địa phương, khi đó sẽ giải quyết vấn đề bảo vệ nhân dân, tản cư nhân dân ra sao? Nếu đưa nhân dân vào rừng thì tổ chức cuộc sống mới

tại đây như thế nào? Làm cách nào để nhân dân có thể tiếp tục tăng gia sản xuất khi cuộc khủng bố kéo dài ngày?... Những vấn đề này tại hội nghị liên tỉnh chưa được bàn bạc kỹ lưỡng và chưa đề ra những giải pháp cụ thể.

Bác nhận định: "Bây giờ thời kỳ cách mạng hòa bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới. Nếu bây giờ chúng ta vẫn chỉ hoạt động bằng hình thức chính trị thì không đủ để đẩy mạnh phong trào đi tới. Nhưng phát động vũ trang khởi nghĩa ngay thì quân địch sẽ tập trung đối phó. Cuộc đấu tranh bây giờ phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự. Song hiện nay chính trị còn trọng hơn quân sự. Phải tìm ra một hình thức thích hợp thì mới có thể đẩy phong trào tiến lên. Nếu phát động đấu tranh mà mỗi khi địch đến, nhân dân lại phải tản cư cả vào rừng núi, thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Phải làm sao có hoạt động vũ trang mà dân ở đâu cứ ở đấy sản xuất, chỉ cần tăng cường canh gác đề phòng không để địch bắt, hại những người hoạt động...".

Rồi Bác đề ra một cách giải quyết: "Lực lượng vũ trang của ta hiện nay đã ít lại phân tán quá. Bây giờ nên tập hợp những cán bộ, chiến sĩ anh dũng nhất, những vũ khí tốt nhất, tổ chức thành một đội vũ trang tập trung để hoạt động. Ta sẽ dùng hình thức vũ trang để gây ảnh hưởng cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Tác chiến phải nhằm gây được ảnh hưởng tốt về chính trị, do đó mà mở rộng cơ sở, phát triển lực lượng vũ trang. Chúng ta sẽ lập đội Quân giải phóng...".

Ngay trong buổi họp đó, tôi được chỉ định đảm nhiệm công tác này.

Rồi Bác hỏi:

- Việc này chú Văn phụ trách, chú Văn có thể làm được không?

Tôi đáp:

- Có thể được.

Tôi trình bày cơ sở chính trị và vũ trang tại vùng giáp giới hai tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, từ Nguyên Bình đến Ngân Sơn, Chợ Rã, từ Tĩnh Túc, Phia U Ắc đến Phia Bioóc. Cơ sở quần chúng tại vùng này rất tốt, qua suốt thời gian khủng bố của địch vẫn vững vàng, cơ sở lực lượng vũ trang cũng tốt.

Trước khi quyết định, Bác hỏi:

- Có thể tìm được một căn cứ "tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ", mình còn yếu, địch mạnh, nhưng nhất định không để địch tiêu diệt, có thể như thế được không?

Tôi đáp:

- Có thể. Nhất định quân địch không thể tiêu diệt ta được.

Khi trả lời Bác như vậy, tôi đã nghĩ đến sức mạnh vô cùng to lớn của đồng bào, nghĩ đến lòng yêu nước tha thiết, có thể hy sinh tất cả vì Tổ quốc, của những người dân đã được Đảng giác ngộ. Lòng yêu nước và tinh thần hy sinh đó, tôi cũng thấy rõ hơn sau những ngày khủng bố đẫm máu của quân thù. Đêm hôm ấy, chúng tôi nằm nghe Bác nói chuyện rất khuya. Trên núi cao, cái rét của mùa đông đến sớm hơn. Trong căn lều lạnh giá, không đèn đóm, Bác và chúng tôi, mỗi người gói đầu trên một khúc gỗ cứng. Bác phác ra những nét chính về Đội Việt Nam Giải phóng quân, từ tổ chức đến phương châm hành động, và vấn đề cung cấp lương thực, đạn dược. Bác hướng dẫn cho tôi làm một bản kế hoạch. Bác dặn đi dặn lại nhiều lần: "Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được. Tổ chức của đội phải lấy chi bộ Đảng làm hạt nhân lãnh đạo". Chuyện trò hào hứng đến hai, ba giờ sáng.

Sáng hôm sau, tôi cùng anh Lê Quảng Ba lên mỏm núi sau cơ quan trao đổi làm kế hoạch. Chúng tôi thấy lúc đầu nên tổ chức ra một trung đội gồm ba tiểu đội. Lực lượng sẽ rút ra từ các đội vũ trang các châu Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình. Chúng tôi trao đổi từng tên các chiến sĩ. Phần lớn các học sinh quân ở Trung Quốc

sắp về cũng sẽ được đưa vào đội. Cán bộ phụ trách thì chọn trong các đội vũ trang châu và học sinh quân. Những hoạt động đầu tiên của đội sẽ nhằm đánh vào một vài đồn địch, cướp súng đạn của giặc, phải đánh thắng thật giòn giã để khuếch trương thanh thế. Nguồn cung cấp sẽ dựa vào nhân dân.

Buổi chiều, cuộc họp lại tiếp tục. Chúng tôi báo cáo lại bản kế hoạch đã dự thảo. Nghe xong, Bác nói:

- Được. Tình hình quốc tế đang có nhiều điều kiện thuận lợi. Trong vòng một tháng phải có hoạt động. Trận đầu nhất định phải thắng lợi.

Đúng vào dịp này, anh chị Tống Minh Phương và bà con Việt kiều ở Côn Minh lại mới gửi về một số vũ khí: 1 khẩu tiểu liên Mỹ *Sub Machinegun* và 150 viên đạn, 6 quả bom lửa, 1 hộp bom nổ chậm. Cùng với số vũ khí này, chúng tôi còn được nhận thêm 500 đồng để chi phí về quân nhu.

Sau khi suy nghĩ, Bác đề nghị thêm hai chữ "tuyên truyền" vào tên đội Quân giải phóng cho đúng với nhiệm vụ hiện tại của nó.

Chúng tôi được giao trách nhiệm điều động tất cả 34 đội viên và cán bộ trong các đội vũ trang địa phương, 2 khẩu súng thập, 17 khẩu súng trường vừa giáp năm, giáp ba, vừa khai hậu và súng Tàu chế tạo, 14 khẩu súng kíp.

Thế là Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân ra đời.

Như vậy, trong toàn khu Cao - Bắc - Lạng sẽ có ba hình thức tổ chức của lượng vũ trang: Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân là đội chủ chốt; các châu có đội vũ trang của châu, tại xã có những đội tự vệ nửa vũ trang. Chúng tôi có hỏi Bác: "Đội tuyên truyền hoạt động theo kế hoạch của liên tỉnh, khi tới một địa phương thì quan hệ giữa đội chủ lực và các lực lượng vũ trang địa phương ra sao?".

Bác nói: "Thống nhất chỉ đạo cả chủ lực và địa phương. Ba lực lượng ấy đoàn kết phối hợp chặt chẽ với nhau. Đội chủ lực có nhiệm vụ dìu dắt, giúp đỡ các đội địa

phương trường thành". Điều Bác nói đó, chính là phương châm xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng, chúng ta đã thực hiện trong suốt cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ của toàn dân và đã thấy được những hiệu lực vô cùng mạnh mẽ.

Anh em trong cơ quan mấy ngày trước đã nghe ngóng thấy Bác không đồng ý với nghị quyết phát động chiến tranh du kích của Liên tỉnh ủy, kém phần phấn khởi, lúc này được biết quyết định mới của Bác, vui hẳn lên.

Một buổi sớm đầu tháng chạp, chúng tôi từ già Bác, trở về. Bác căn dặn chúng tôi một lần nữa: "Nhớ bí mật: ta ở đông, địch tưởng ta ở tây. Lai vô ảnh, khứ vô hình".

Trong đầu chúng tôi đã hiện lên một viễn ảnh huy hoàng về tương lai của đội quân cách mạng, và thấy cần làm sao cho viễn ảnh đó sẽ trở thành sự thật chứ không phải chỉ là một hình ảnh nằm trong mơ ước. Dọc đường, tôi nghĩ đến những lời tuyên thệ đội Quân giải phóng sẽ đọc dưới cờ. Tôi nhớ tới những lời thề danh dự của đội du kích Pháp chống phát xít Đức do Đảng Cộng sản Pháp lãnh đạo.

Qua Hà Quảng, ghé vào gặp đội vũ trang châu đê điều động một số đồng chí theo kế hoạch đã định tại Pắc Bó. Tại đây, chúng tôi gặp anh Hoàng Văn Thái và một số học sinh quân mới từ Trung Quốc về nước. Những đồng chí được điều động rất phấn khởi. Anh em gặp nhau trong một khu rừng già. Chúng tôi ngồi cả trên một phiến đá lớn và phẳng, dưới một vòm cây cổ thụ, nói chuyện. Một đồng chí đi bán mấy con khỉ, đem về làm thức ăn cho bữa cơm liên hoan.

Số người đã hơi đông, đi cả đoàn không tiện, chúng tôi chia thành mấy nhóm nhỏ cùng về lên tỉnh.

Trong thời gian tiến hành công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, liên tỉnh cũng đã nhìn thấy những khó khăn, khi nghe chúng tôi phổ biến lại quyết định của cuộc họp tại Pắc Bó, các đồng chí đều hoan nghênh và rất vui mừng. Chúng tôi cùng Liên tỉnh ủy trao đổi kế hoạch về việc điều động lực lượng. Liên tỉnh ủy lập tức ra

chỉ thị cho các châu tích cực đóng góp, giúp đỡ mọi mặt trong việc xây dựng đội tuyên truyền, và gấp rút điều tra tình hình các đồn địch tại địa phương.

Khi chúng tôi về qua Lam Sơn, vào gặp đội vũ trang để điều động một số đồng chí, thì các đồng chí ở đây biết tin từ trước, đã sẵn sàng đón đợi chúng tôi đến để cùng lên đường

XVIII

CHÚNG tôi trở về tổng Hoàng Hoa Thám. Các đồng chí đi trước đã chọn một địa điểm trú quân tại trong rừng. Anh em làm cấp tốc mấy cái lán. Đồng bào địa phương giúp đỡ hoàn toàn về lương thực, cơm nước. Ba, bốn trạm đón tiếp được tổ chức trên mấy đỉnh núi, giáp giới Cao Bằng, Bắc Kạn để đón cán bộ, đội viên từ các châu tiếp tục về tập trung.

Chi bộ Đảng của đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân thành lập, lúc đầu gồm các đồng chí: Xích Thắng, Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái và tôi. Đồng chí Xích Thắng làm thư ký chi bộ.

Ban chỉ huy đội được chỉ định: Đồng chí Hoàng Sâm, đội trưởng; đồng chí Xích Thắng, chính trị viên.

Đề thi hành đúng chỉ thị của Bác: "Trong vòng một tháng phải có hoạt động để gây tin tưởng cho các chiến sĩ và gây truyền thống hành động tích cực nhanh chóng cho bộ đội", chúng tôi họp bàn kế hoạch tác chiến, và quyết định sẽ chiến đấu ngay sau khi thành lập đội.

Vấn đề đặt ra là đánh đâu? Có ý kiến nêu lên là không nên đánh vào những nơi có cơ sở của ta để tránh cho cơ sở bị địch khủng bố. Nhưng khi bàn, thấy đánh vào nơi không có cơ sở thì chuẩn bị sẽ rất khó khăn, không nắm được địch tình, khi đánh thiếu sự giúp đỡ của nhân dân, khó bảo đảm thắng lợi. Chúng tôi nhận thấy trận đánh đầu tiên chỉ có thể thành công nếu đánh vào những nơi có cơ sở nhân dân thật tốt, giúp đỡ cho đội chuẩn bị thật chu đáo. Các đồng chí tại các địa phương có địch đóng, đều yêu cầu cứ đánh, còn đối với sự khủng bố của kẻ địch, chỉ cần có một kế hoạch đề phòng cho nhân dân.

Một điều rất quan trọng khác phải bàn bạc là đánh cách nào? Trong trận đầu chúng ta phải giành được thắng lợi mà không để bị tổn thất nặng nề về người cũng như về

vũ khí. Lực lượng của ta trong thời kỳ trứng nước này còn mỏng manh. Vũ khí đã thiếu, đạn dược càng thiếu hơn. Mỗi khẩu súng trường chỉ có trung bình hai mươi viên đạn. Chỉ cần đánh một hai trận, là sẽ bắn đến viên đạn cuối cùng, và khi đó khẩu súng trường, thứ vũ khí chủ lực của đội, sẽ trở nên vô dụng. Khi bàn bạc thấy, nếu đánh phục kích các đội quân lưu động của địch thì tương đối dễ đạt thắng lợi và bộ đội cũng đỡ bị tổn thất. Nhưng cũng lại thấy, đánh phục kích thì chỉ có thể thu được một số súng mà không giải quyết được vấn đề đạn dược. Bọn chỉ huy người Pháp vốn không tin ở binh lính người Việt, khi đi tuần tiễu chúng chỉ phát cho mỗi tên lính từ năm đến mười viên đạn. Về vũ khí lúc này, súng chưa quan trọng bằng đạn dược. Mặt khác, muốn đánh phục kích phải có thời gian mới gặp hoặc tạo nên được cơ hội, như vậy sẽ khó hoàn thành nhiệm vụ trong vòng một tháng. Cuối cùng chúng tôi đi đến quyết định, trong mấy trận đầu phải tập kích vào đồn trại của địch để chiếm lấy đạn dược, mặc dầu đánh tập kích khó khăn hơn.

Một số đồn trại địch đóng trên dưới một trung đội trong vùng Kim Mã và Cẩm Lý được chọn để tiến hành công tác điều tra: đồn Phai Khắt và đồn Nà Ngần.

Các đồng chí Hồng Quân, Đức Long được phái đi trinh sát. Thực ra, các làng địch đóng đồn là quê của nhiều đồng chí trong đội. Địch ở Phai Khắt đóng chính ngay tại nhà đồng chí Lạc. Anh em có thể vẽ lấy sơ đồ đồn địch, rồi phái một số đồng chí đến nơi đối chiếu lại, là biết rõ địa hình. Việc khó khăn hơn là làm sao đột nhập đồn địch, điều tra cách bố trí, sắp đặt bên trong, và mọi quy luật hoạt động, sinh hoạt hàng ngày của chúng. Người trinh sát đầu tiên của đội lọt vào đồn là em bé Hồng.

Hồng mới mười hai tuổi. Ngày ngày, em phải mang bánh và rượu vào cho tên quan Tây trong đồn. Em đã lân la trò chuyện với lính địch, xem kỹ kho lương, kho đạn, nơi ăn nơi ngủ, nơi canh gác, giờ giấc sinh hoạt, tập hợp của địch. Đêm đêm, em luôn ra khỏi lũy tre làng đến báo cáo với đội.

Căn cứ vào những quy luật hoạt động của địch tại vùng này, chúng tôi bàn nhau thấy có thể tìm cách cải trang làm lính đồng để đột nhập đồn địch.

Các đồng chí trung kiên dưới làng đi tìm gặp những hội viên là lính đồng hoặc trước kia đã đi lính đồng, mượn ba chục bộ quần áo. Cũng phải tìm một số hội viên cựu binh sĩ, mượn thêm mấy bộ quần áo ka-ki để cải trang thành lính tập vì những đoàn lính đồng đi tuần bao giờ cũng có lính tập đi kèm. Ngoài ra, còn phải chuẩn bị một số nón lính. Các chị ở dưới làng lên, mang theo vải chàm và kim chỉ để khâu áo nón. Nón của đồng bọc vải chàm, có viền vành trắng và điểm một miếng tròn trắng trên chóp. Khi qua cơ quan in báo *Việt Nam độc lập*, tôi đã mượn máy chữ ngồi đánh mấy tờ "giấy đi tuần" giả. Các đồng chí tại cơ quan đã cắt củ khoai, trở một con dậu rất khéo, đóng đỏ chót bên cạnh chữ ký. Hồi đó, những giấy giới thiệu đánh bằng máy chữ là loại giấy có giá trị.

Ba chiếc lán bên sườn núi đã làm xong. Các đồng chí nhận lệnh điều động đã về đầy đủ. Bà con hội viên ở dưới làng có nhiệm vụ đi lại nơi trú quân để giúp đỡ đội, lần đầu thấy quân cách mạng tập trung đông đảo như vậy, súng ống lại nhiều, đều hết sức phấn khởi. Không khí tấp nập như ngày hội.

Chúng tôi tiếp tục hoàn thành việc thảo những lời thề và những điều kỷ luật của đội.

Mọi việc chuẩn bị đã xong.

Một ngày trước lễ thành lập đội, chúng tôi nhận được một bức thư nhỏ của Bác đặt trong một bao thuốc lá. Giở ra, đó là chỉ thị của Bác về việc thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân.

“1. Tên: Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự: Nó là một Đội tuyên truyền. Vì muốn hành động có kết quả thì về quân sự, nguyên tắc chính là nguyên tắc tập trung lực lượng, cho nên, theo chỉ thị mới

của Đoàn thể sẽ chọn lọc trong hàng ngũ những đội du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực.

Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương, cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ dìu dắt cán bộ vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên.

2. Đối với các đội vũ trang địa phương: đưa các cán bộ địa phương về huấn luyện, tung các cán bộ đã huấn luyện đi các địa phương, trao đổi kinh nghiệm, liên lạc thông suốt, phối hợp tác chiến.

Về chiến thuật: vận dụng lối đánh du kích, bí mật, nhanh chóng, tích cực, nay đông mai tây, lai vô ảnh, khứ vô hình.

Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chúng có những đội quân đàn em khác.

Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của Giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam chúng ta".

XIX

22 tháng 12 năm 1944.

5 giờ chiều. Lễ thành lập đội cử hành trong một khu rừng nằm giữa hai tổng Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám. Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã ra đời dưới sự che chở của anh linh hai đảng anh hùng dân tộc.

Giữa mùa đông, khí trời nơi non cao lạnh buốt. Trong khu rừng đại ngàn với những hàng cây cao thẳng tắp, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, lần đầu tập họp đội ngũ chính tề, dưới lá cờ sao đỏ thắm.

Đại diện Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng cùng với rất đông đại biểu nhân dân Tày, Mán, Nùng của hai tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn đến tham dự, đứng thành hai hàng hai bên bộ đội.

Tôi được ủy nhiệm thay mặt Đoàn thể tuyên bố thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và vạch rõ nhiệm vụ của đội đối với Tổ quốc.

"Các đồng chí!

Nhiệm vụ mà đoàn thể ủy thác cho chúng ta là nhiệm vụ quan trọng và nặng nề. *Chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến*, nhiệm vụ ấy có tính chất là một nhiệm vụ giao thời. Vận dụng vũ trang tuyên truyền để kêu gọi toàn dân đứng dậy, chuẩn bị cơ sở chính trị và quân sự cho cuộc khởi nghĩa sau này.

Thế là từ phút này trở đi, chúng ta cùng nhau tiến lên con đường vũ trang tranh đấu. Chúng ta nêu cao tinh thần anh dũng hy sinh. Chúng ta quyết tiến tới để làm tròn nhiệm vụ. Bao nhiêu căm hờn của dân tộc, bao nhiêu sự tàn khốc thê thảm đang chờ đợi một cuộc thanh toán. Chúng ta nguyện đem xương và máu ra làm công việc đó. Chúng ta sẽ vạch cho toàn dân con đường sống duy nhất là con

đường đoàn kết để vũ trang đứng dậy. Quân Giải phóng sẽ tỏ rằng mình là một đội quân của dân, của nước, đi tiên phong trên con đường giải phóng của dân tộc.

... Quân giải phóng là một đội quân rất trọng kỷ luật, tuyệt đối phục tùng thượng lệnh, là một đội quân giàu tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ. Kinh nghiệm chúng ta còn non, nhưng có làm mới có kinh nghiệm và làm tất nhiên sẽ có kinh nghiệm. Chúng ta tin tưởng ở thắng lợi!

... Theo chỉ thị của Đoàn thể, dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, tôi xin tuyên bố. Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân thành lập và hạ lệnh cho các đồng chí tiến lên con đường vũ trang tranh đấu.

Từ giờ phút này, các đồng chí sẽ noi theo ngọn cờ tiến lên trên con đường máu. Chúng ta tiến, tiến mãi cho đến ngày giải phóng của toàn dân".

Đồng chí đại diện Liên tỉnh ủy đọc thư chúc mừng, tin tưởng đội sẽ hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang mà Đoàn thể giao phó. Đại diện các tổ chức nông dân, thanh niên, phụ nữ, các đội vũ trang địa phương đều lên chúc mừng đội Quân giải phóng bằng những lời lẽ cảm động, đầy tin tưởng và thương yêu.

Rồi đến lễ tuyên thệ.

Đứng dưới cờ, lòng tràn đầy tin tưởng, chúng tôi đồng thanh đọc mười lời thề danh dự:

"Chúng tôi, đội viên Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, xin lấy danh dự của một người chiến sĩ cứu quốc mà thề dưới lá cờ đỏ sao năm cánh:

Xin thề:

1. Hy sinh tất cả vì Tổ quốc Việt Nam, chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để tiêu diệt bọn phát xít Nhật, Pháp và bọn Việt gian phản quốc, làm cho nước Việt Nam

trở nên một nước độc lập và dân chủ, ngang hàng với các nước dân chủ trên thế giới.

2. Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của cấp chỉ huy, khi nhận được mệnh lệnh gì, sẽ tận tâm, tận lực thi hành cho nhanh chóng và chính xác.

3. Bao giờ cũng kiên quyết chiến đấu, dù gian lao khổ sở cũng không phàn nàn, vào sống ra chết cũng không sờn chí, khi ra trận quyết chí xung phong, dù đầu rơi máu chảy cũng không lùi bước.

4. Lúc nào cũng khẩn trương, hoạt bát, hết sức học tập để tự rèn luyện thành một quân nhân cách mạng, xứng đáng là một người chiến sĩ tiên phong giết giặc cứu nước.

5. Tuyệt đối giữ bí mật cho bộ đội về nội dung tổ chức, về các cấp chỉ huy, tuyệt đối giữ bí mật cho tất cả các đoàn thể cứu quốc.

6. Khi ra trận nếu bị quân địch bắt được, thì dù bị cực hình tàn khốc thế nào cũng cương quyết một lòng trung thành với sự nghiệp giải phóng của toàn dân, không bao giờ cung khai phản bội.

7. Hết sức ái mộ bạn chiến đấu cũng như bản thân, hết lòng giúp đỡ nhau lúc thường cũng như lúc ra trận.

8. Hết sức giữ gìn vũ khí, không bao giờ để vũ khí hư hỏng hay rơi vào tay quân thù.

9. Khi tiếp xúc với dân chúng sẽ làm đúng ba điều răn: không lấy của dân - không dọa nạt dân - không quấy nhiễu dân, và ba điều nên: kính trọng dân - giúp đỡ dân - bảo vệ dân để gây lòng tin cậy ái đối với dân chúng, thực hiện quân dân nhất trí, giết giặc cứu nước.

10. Bao giờ cũng nêu cao tinh thần tự phê bình, giữ tư cách cá nhân mô phạm, không làm điều gì hại đến thanh danh Giải phóng quân và quốc thể của Việt Nam".

Sau từng lời thề, những tiếng hô "*Xin thề!*" lại đồng thanh cất lên mạnh mẽ, vang động cả khu rừng.

Tâm tư của chúng tôi trong những giờ phút thiêng liêng đó thực khó tả. Bao nhiêu chiến công oanh liệt của ông cha đời trước, của các chiến sĩ cách mạng, của nhân dân ta, phút chốc bỗng hiện ra rục rờ trong ký ức. Nợ nước, thù nhà, oán hờn dân tộc, căm thù giai cấp, làm cho máu nóng trong người như sắp sôi lên. Chúng tôi quên đi chúng tôi là ba mươi tư con người với những súng ống thô sơ, mà thấy đây là cả một đoàn quân gang thép, rắn chắc, không sức mạnh nào khuất phục nổi, sẵn sàng quật nát kẻ thù. Tin tưởng, náo nức, cảm động.

Nhân dân và các đoàn thể đem tới rất nhiều quà ủy lạo. Nhưng bữa chiều hôm đó, theo yêu cầu của số đông anh em, chúng tôi đã ăn một bữa cơm nhạt, không rau không muối, để nêu cao tinh thần khắc khổ của những người chiến sĩ cách mạng.

Tối hôm đó là đêm du kích đầu tiên.

Bộ đội và đồng bào quây quần chung quanh ngọn lửa hồng đỏ rực giữa khu rừng đầy sương mùa đông với những trận gió heo may lạnh lẽo. Cuộc liên hoan bắt đầu trong một không khí đầm ấm và cảm động. Tất cả các chiến sĩ Giải phóng quân lần lượt giới thiệu bí danh, tiểu sử của mình và phát biểu những nguyện vọng đầu tiên trong giờ phút mới tòng quân.

Thực là một đội quân kỳ lạ. Không người nào là không mang một một hận thù với đế quốc. Hoặc nhà cửa bị đốt, của cải bị tịch thu, hoặc cha anh chị em bị bắt, bị bắn, còn chính mình nếu chưa trải qua lao tù thì cũng là những kẻ đang bị truy nã, đầu bị treo thưởng hàng vạn đồng, hàng trăm đầu muối.

Đội trưởng Hoàng Sâm, thoát ly gia đình từ nhỏ tham gia hoạt động cách mạng, đã qua Xiêm La*, Trung Quốc rồi lại trở về nước hoạt động. Qua nhiều năm bị đế quốc truy nã, anh vẫn lăn lộn trong đồng bào Kinh, Thổ, Mán, Nùng, nhiều lần vũ trang chiến đấu đánh vào các đội quân tuần tiễu của Pháp, làm cho bọn thổ phỉ cũng phải kinh sợ.

Chính trị viên Xích Thắng, con của một gia đình nông dân, dân tộc Thổ, hoạt động từ lâu trong phong trào bí mật, nhà cửa bị tịch thu, gia đình bị truy nã, đã nhiều lần chết hụt trước mũi súng của quân đội đế quốc. Đồng chí Hoàng Văn Thái, xuất thân từ một gia đình nông dân, một đồng chí cách mạng lâu năm đã hoạt động trong vùng Đình Cả - Bắc Sơn, phụ trách học sinh quân ở nước ngoài mới về.

Đồng chí Lâm Cẩm Như, vốn là cháu đích tôn của cụ Nguyễn Thượng Hiền, sinh ra và lớn lên nơi đất khách, mặc dầu chưa thạo tiếng Việt, nhưng tâm lòng vẫn gắn liền với Tổ quốc Việt Nam.

Các đồng chí Xuân Trường, Thu Sơn, Quốc Chung, Vũ Lập... những thanh niên lúc nào cũng tươi cười, vui vẻ, không hề nao núng khi nghe tin làng mạc bị đốt, phá, nhà cửa bị tan, sẵn sàng xung phong giết giặc cứu nước. Cùng trong hàng ngũ những thanh niên trung dũng này còn các đồng chí Nam Long, Quang Trung, Nam Tuấn đến sau đó vài ngày.

Các đồng chí Lương Quân, Nam, dân tộc Thổ, là những người sống sót của những gia đình bị địch tàn sát hoặc truy nã.

Đồng chí Quý, dân tộc Mán tiên, một cán bộ của tổng Hoàng Hoa Thám; nơi bị đế quốc khủng bố ghê gớm nhất, bao nhiêu làng mạc bị đốt trụi, một đồng chí có tiếng là giỏi chính trị được mọi người yêu mến.

Lão đồng chí Văn Tiên, một nông dân miền núi, được phân công làm quản lý cho đội, yêu quý các đồng chí trong đội như con, như em, coi trọng từng đồng xu, từng

hạt gạo của công quỹ, chỉ có một nguyện vọng là được trao lại nhiệm vụ quản lý cho một đồng chí khác để trực tiếp cầm súng chiến đấu. Các nữ đồng chí Cầm, Loan, Thanh là những đồng chí đã thoát ly hoạt động bí mật từ lâu, đã có mặt trong phong trào xung phong Nam tiến, đã được thử thách qua nhiều lần khủng bố gắt gao của kẻ thù.

Lời tự thuật của từng người là một bản cáo trạng về bọn đế quốc. Lòng căm giận quân thù bốc lên cao độ. Ai cũng thấy chỉ còn cách dùng lưỡi gươm, viên đạn để thanh toán món nợ nước, thù nhà với bọn chúng. Từ trước đã cùng chung chí hướng, lúc này lại thấy rõ thêm là cùng chung cảnh ngộ, một thứ tình cảm thiêng liêng đã đúc chúng tôi lại thành một khối rắn chắc không thể nào tách rời. Cuộc liên hoan mỗi lúc một thêm mặn nồng tha thiết.

Nguyện vọng của ba mươi tư con người đều thống nhất: Mong sao giết được nhiều giặc, lấy được nhiều súng Tây thay súng kíp, mong sao Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân chóng trở nên một đội quân mạnh mẽ, mong sao ngọn cờ đỏ sao vàng trong tương lai gần đây sẽ phấp phới bay giữa Thủ đô.

Một nữ đồng chí chúc đội một câu rất thiết thực và rất có ý nghĩa:

- Nhân dân trong toàn thể hai tổng đều mong sao từ giờ đến Tết, đội từ một trung đội sẽ lớn lên thành một đại đội và sẽ chiến thắng trở về ăn Tết vui vẻ với nhân dân Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám.

Cuộc liên hoan kéo dài đến nửa đêm.

Suốt đêm, các tiểu đội thay phiên nhau túc trực dưới cờ, tâm niệm mười lời thề danh dự.

Trong mấy hôm đó, dưới cánh đồng Kim Mã và trên khắp những ngọn đồi xã Cẩm Lý, các đội quân tuần tiễu của đế quốc do tên quan hai đồn Nguyên Bình và tên bố

chánh Nguyễn Văn Tòng đích thân chỉ huy, đang đi từ làng nọ sang làng kia, đốt nhà, cướp của, tiếp tục cuộc khủng bố.

Giữa rừng sâu, tràn ngập gió heo may, trong đêm đông giá lạnh và hùng tráng của Cao - Bắc - Lạng, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã ra đời.

* Thái Lan bây giờ

XX

Chiều 24 tháng chạp, hai ngày sau khi thành lập, bộ đội được lệnh lên đường đi chiến đấu.

Mấy ngày qua, sau khi hiểu rõ ý nghĩa quan trọng "Trận đầu nhất định phải thắng" và nghiên cứu kỹ lưỡng kế hoạch tác chiến, tất cả các tiểu đội đều xin nhận nhiệm vụ xung phong đầu tiên vào đồn địch.

Nắng chiều vàng rực trên các ngọn núi. Một lá cờ sao tươi thắm dẫn đầu hàng quân. Bộ đội trang bị tề chỉnh đi hàng một theo đội hình chiến đấu trên con đường quanh co khúc khuỷu ở sườn núi. Tôi đi sau tiểu đội đầu tiên. Mặc dầu chỉ có một trung đội, nhưng từ trước tới nay chưa bao giờ có bộ đội tập trung đông như thế này, tôi nhìn trước, ngó sau, thấy đoàn quân dài tít tắp.

Trước khi xuống cánh đồng, chúng tôi tạt vào một khu rừng thay đổi quần áo, cải trang thành một đội lính đồng. Trời tối, bộ đội tiến xuống cánh đồng Kim Mã. Cơm nước xong, mọi người ngả lưng ngủ một giấc ngay trên bờ ruộng mới gặt còn thơm mùi lúa. Nửa đêm, chúng tôi trở dậy, lặng lẽ kéo lên ẩn náu trên một quả núi ở sau lưng đồn địch, cách đồn khoảng một cây số.

Đêm ấy, tôi nằm thao thức khó ngủ. Kế hoạch đã chuẩn bị chu đáo, nhưng vẫn phải tính đến những chuyện bất ngờ có thể xảy ra.

Làng Phai Khắt thuộc xã Tam Lộng có khoảng mười nóc nhà, nằm bên cạnh một con suối, phía trước là cánh đồng rộng, sau lưng là những núi đồi lúp xúp. Đây là một làng "hoàn toàn", tức là một làng mà tất cả nhân dân đều tham gia các hội cứu quốc. Từ ngày địch khủng bố đến nay, không một ai bị địch lung lạc, lôi kéo. Đồng bào vẫn giữ liên lạc và tích cực tiếp tế lương thực cho các cán bộ hoạt động bí mật. Địch đã chiếm nhà đồng chí Lạc để đóng quân. Bọn địch đóng ở trong làng nên từ ngoài vào đồn, phải qua hai lần rào. Vòng ngoài, địch bắt nhân dân thay phiên canh

gác. Vòng trong, là hàng rào của chính đồn địch, do binh lính canh gác. Địch có tại đây gần hai chục tên đặt dưới quyền chỉ huy của một tên đồn trưởng người Pháp.

Chúng tôi đã nắm được kỹ lưỡng cách bố trí trong đồn, kho súng, buồng tên chỉ huy, nhà ngủ, nhà ăn và các hoạt động hàng ngày của địch. Em bé Hồng cho đội biết, trong khi ăn bọn địch gác cả súng vào giá.

Đội đã đặt kế hoạch, cải trang thành một toán lính đồng ở châu đi tuần về để đột nhập đồn địch; khi lọt vào đồn sẽ chiếm luôn kho súng, bắt tất cả bọn địch đầu hàng, nếu chúng chống cự sẽ dùng vũ khí tiêu diệt. Chúng tôi nhận thấy thời cơ hoạt động tốt nhất là vào khoảng 5 giờ chiều, khi địch đang ăn cơm. Lúc đó trời còn sáng, ta cải trang đi ban ngày, bọn địch ít nghi hoặc. Và khi giải quyết xong đồn, trời đã tối, nếu bọn Việt gian có phi báo lên Nguyên Bình, cũng phải sáng hôm sau địch mới điều binh lính đến kịp, chúng ta có hẳn một đêm để thu dọn chiến trường, chuẩn bị cách đối phó cho đồng bào, và rút xa hẳn nơi đã hoạt động.

Suốt ngày hôm sau, bộ đội vẫn ở trên quả núi nhỏ sau làng Phai Khắt. Một số Giải phóng quân mặc giả dân, đứng canh gác các ngã đường. Các đồng chí tự vệ địa phương dàn ra thành một màn lưới quanh vị trí trú quân. Một số trường hợp có thể xảy ra... Nếu địch đem quân sục lên núi, chúng ta phải bí mật rút lui, không để lộ vết tích. Nếu gặp dân làng lên núi kiếm củi, dẫn gỗ; các đồng chí tự vệ địa phương có nhiệm vụ đưa đồng bào đi sang một hướng khác.

Sáng sớm, các chị dưới làng đã đem cơm nước lên. Buổi trưa, đúng như đã dự kiến, một vài người dân định lên núi lấy củi. Các đồng chí tự vệ đã khéo léo hướng cho họ đi sang một quả núi khác.

Mấy đồng chí trinh sát luôn luôn báo cáo tình hình địch. Em Hồng cho biết, thằng Tây đồn đã đi ngựa lên châu. Chúng tôi đã hụt mất một đối tượng.

Buổi chiều, mới hơn hai giờ các chị dưới làng đã đưa cơm lên. Sau bữa cơm, đảng viên, cán bộ chia nhau đi gặp chiến sĩ, dặn dò lại tỉ mỉ nhiệm vụ và động viên quyết tâm hoàn thành tốt đẹp cuộc chiến đấu đầu tiên của đội.

Năm giờ chiều hôm ấy, nhân dân làng Phai Khắt bỗng nhiên thấy một toán lính đông, đầu đội nón bọc vải xanh, vành trắng, mình mặc quần áo chàm, chân cuốn xà cạp, đi đầu là một viên đội "sếp" và hai lính khố xanh, từ phía châu Nguyên Bình tiến vào làng. Đến cổng làng, một người chìa giấy cho tên gác xem, rồi chia thành ba toán đảng hoàng đi thẳng vào đồn của quan Tây.

Anh chị em hội viên trong xã ngờ rằng địch tăng quân và nay mai lại có khủng bố lớn. Có những người đã cùng nhau bàn tính cách để báo tin cho các đồng chí bí mật.

Tiểu đội trưởng Thu Sơn, mặc bộ ka ki lính tập, xách tiểu liên đi đầu, đến trước mặt tên lính gác cổng đồn địch, hỏi bằng một giọng hách dịch:

- Quan Tây có nhà không? Chúng tao đi tuấn.

Anh rút mảnh giấy, chìa trước mặt tên gác cho hắn xem cái dấu đỏ chói, rồi gạt luôn hắn sang bên, đi thẳng vào đồn. Cả tiểu đội 1 đi đầu bám sát sau anh. Đồng chí Thu Sơn dẫn tiểu đội tiến thẳng vào kho địch để súng. Tiểu đội 2 cũng đi liền sau đó, vừa lọt vào đồn lập tức bao vây lấy chung quanh nhà binh lính ở.

Binh lính địch, đưa ăn cơm trong nhà, đưa thu dọn quần áo phơi ngoài sân.

Tiểu đội trưởng Thu Sơn hô đồng dục bằng tiếng Pháp:

- Rátsämmäng*!

Anh ra lệnh cho binh lính trong đồn tập hợp để đón quan ở châu về.

Mười bảy tên lính và một tên cai tập hợp lại giữa sân. Đồng chí Thu Sơn lập tức chĩa ngang khẩu tiểu liên, hô lớn:

- Chúng tôi là quân cách mạng, anh em giơ tay đầu hàng, sẽ không giết ai hết, giơ tay lên!

Tất cả các nòng súng đều chĩa vào quân địch.

Bị hoàn toàn bất ngờ, không kịp đối phó, tất cả binh lính địch trong đồn giơ tay đầu hàng. Giữa lúc đó, một đồng chí trong tổ canh gác cách đồn ba cây số, trên đường đi Nguyên Bình, phóng ngựa vào tới nơi báo cáo, tên đồn trưởng người Pháp đang đi ngựa trở về, đi theo hắn có mấy tên lính không mang súng.

Chúng tôi nhận thấy phải xử trí nhanh và bắt nốt tên Tây đồn này. Một bộ phận nhận lệnh đưa binh lính bị bắt về phía sau đồn và buộc chúng phải yên lặng. Anh em cất dọn những vũ khí đạn dược, quân dụng chiến lợi phẩm để ngỏ ngang trên sân. Các tổ canh giới được lệnh ẩn nấp kín đáo. Một tổ mai phục ngay ở dưới mái hiên, đợi khi tên đồn trưởng vào tận nơi, sẽ chĩa súng buộc hắn đầu hàng, quyết định bắt sống, trừ trường hợp địch chống cự thì mới nổ súng. Các tổ bố trí ở ngoài đồn được lệnh, nếu tên Tây đồn nhận ra ta, bỏ chạy, thì lập tức đuổi bắn.

Tôi nằm cùng các đồng chí Hoàng Sâm, Thu Sơn và Luận ở dưới mái hiên. Tôi nói nhỏ với các đồng chí:

- Khi nó vào thì tôi sẽ hô "giơ tay lên". Nếu nó giơ tay, các đồng chí lập tức xông ra bắt sống. Có lệnh thì mới nổ súng.

Tên đồn trưởng người Pháp ngồi trên mình con ngựa hồng cao lớn, đứng đĩnh đi vào đồn như ngày thường. Hắn định xuống ngựa thì nghe tiếng hét:

- Giơ tay lên!

Bỗng một loạt đạn nổ. Cả tên đồn trưởng và con ngựa đều trúng đạn, lăn xuống sân. Đồng chí Luận đã nổ súng. Điều chúng tôi chưa dự kiến được hết, là các đồng chí ta sẽ khó nén được căm thù lúc nhìn thấy mặt quân địch.

Đồng bào ở chung quanh khi nghe thấy tiếng súng mới biết có chuyện đã xảy ra trong đồn, bảo nhau chạy tới, nhận ra chúng tôi, vừa ngạc nhiên vừa hết sức mừng rỡ. Nhiều người reo lên, nắm lấy tay các chiến sĩ. Bà con nhìn xác thằng Tây và con ngựa nằm giữa sân tỏ ra rất hả dạ. Nhưng cũng có một số người lo lắng, địch sẽ khủng bố dân làng để trả thù.

Kẻ ra nếu bắt sống tên đồn trưởng, sau khi làm công tác địch vận, giải thích kỹ lưỡng, rồi tha thì có thể gây ảnh hưởng chính trị và hạn chế một phần nào phản ứng của kẻ địch. Nhưng sự việc đã xảy ra rồi, phải tìm cách giải quyết tình hình cụ thể này.

Anh em được lệnh thu dọn chiến lợi phẩm, quét sạch chiến trường - quét thực sạch không để lại một thứ gì có thể dùng được. Lợn, gà, chăn, màn, bát đĩa... thì đem phân phát hết cho đồng bào. Một mặt, cho khiêng vác thằng Tây và con ngựa đi chôn, và xoá sạch vết máu trên sân.

Chúng tôi giải thích và động viên đồng bào, đặt kế hoạch cho đồng bào khai khi để quốc đưa lính về tra hỏi, chỉ cần nói: "Thấy có một toán lính ở trên châu về vào trong đồn, rồi thấy tất cả lính trong đồn kéo theo toán lính này đi đâu không biết". Cũng bàn thêm với đồng bào. Trong thời gian này các thanh niên nam nữ nên tạm lánh khỏi làng, đề phòng trước sự khủng bố của kẻ địch.

Chúng tôi bảo tất cả binh lính trong đồn, họ sẽ tới một địa điểm khác nghe nói chuyện, sau đó, ai muốn đi theo quân cách mạng sẽ được chấp nhận, ai muốn trở về quê quán sẽ cấp giấy cho về.

Sau khi để lại trước cửa đồn một mảnh giấy viết bằng tiếng Pháp: "Chúng tôi đã cùng Việt Minh đi đánh Nhật rồi", toàn đội ra khỏi đồn, dong theo tù binh và mang theo chiến lợi phẩm. Tất cả các đồng chí mang súng kíp đã đổi lấy súng trường và trao súng kíp lại cho tự vệ ở các địa phương. Số chiến lợi phẩm thu được trong trận

đầu này, về súng ống cũng kha khá, đủ để trang bị cho nửa trung đội. Nhưng có một điều làm cho mọi người không vui lắm, tại đồn này địch cũng chỉ có rất ít đạn. Một nhiệm vụ mới đã đặt ngay ra: Làm sao trận sau phải lấy được thật nhiều đạn.

Trận chiến đấu đã diễn ra hết sức mau lẹ, kết thúc trong vòng mười phút. Nửa giờ sau đội đã giải quyết xong mọi công việc, kéo ra ngoài đồn địch.

Một số đồng chí đi thẳng về phía Nguyên Bình, đến một nơi khá xa làng mới đi vòng trở lại, để làm lạc hướng theo dõi của kẻ địch. Đại bộ phận kéo xuống cánh đồng Kim Mã thì trời sập tối. Tại các trạm dọc đường, các chị em hội viên trung kiên, gánh com nước đứng chờ rất vui mừng thấy chúng tôi chiến thắng trở về. Com và thức ăn đã gói từng phần một. Chúng tôi chỉ dừng lại vài phút nhận phần com, uống hớp nước rồi tiếp tục đi ngay. Những đồng chí tự vệ trung kiên đã tổ chức một màn lưới trên dọc đường chuyển quân ngăn chặn tất cả những người không có nhiệm vụ không được đi vào con đường này, để phong tỏa tin tức, giữ bí mật hành tung của bộ đội.

Nửa đêm, chúng tôi tới một quả đồi thuộc xã Cẩm Lý cách Phai Khắt khoảng 15 cây số. Cả đơn vị dừng lại đây để chấn chỉnh đội ngũ, kiểm điểm vấn đề cuộc chiến đấu ban chiều, nêu gương các đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ. Sau đó, ban chỉ huy phổ biến lại kế hoạch tác chiến, nhắc nhở toàn đội quyết tâm tiếp tục giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu vào buổi rạng đông ngày hôm sau. Chiến thắng đầu tiên làm cho mọi người hết sức phấn khởi.

Ngoài những thứ súng đạn đã được phân phối, tất cả các chiến sĩ không ai giữ lại riêng cho mình, một viên đạn, một mảnh giấy, hoặc một thứ đồ dùng nhỏ nào đã thu được trong đồn địch. Các đồng chí tự vệ ở địa phương chuyển vận nốt những chiến lợi phẩm về nơi an toàn.

Trừ tổ cảnh giới, tất cả bộ đội được lệnh đi ngủ.

Ba giờ sáng, chúng tôi lại tiếp tục cuộc hành quân chiến đấu. Riêng đồng chí Trọng Khánh phải ở lại Cẩm Lý cùng hai chục tù binh. Anh sẽ chọn một số người tốt trong những người tình nguyện xin ở lại để bổ sung vào đội, giải thích cho một số người khác rồi cho về quê hương, và giữ lại đây một số trong vài ngày để phong tỏa tin tức, khi nào bộ đội đi thật xa mới thả cho về.

* Rassemblement! Tập hợp!

XXI

Mục tiêu của cuộc chiến đấu thứ hai là đồn Nà Ngần, cách Phai Khắt khoảng 25 cây số. Đồn này có 22 lính khổ đờ do hai tên sĩ quan người Pháp chỉ huy. Chúng tôi hy vọng bổ sung đạn dược cho đội tại đây.

Địch đã chọn nhà của tên lý trưởng, ngôi nhà kiên cố nhất trong làng này, đào hào, đắp lũy, rào kín mấy lớp xung quanh biến thành đồn. Chúng tôi đến cách Nà Ngần nửa cây số, trời vẫn còn tối. Để bọn địch không nghi, ban chỉ huy ra lệnh cho anh em dừng lại hút thuốc, và phái người đi trước theo dõi tình hình hoạt động của địch.

Đội sương sớm tan hẳn, trời sáng rõ, cả đội tiến thẳng về phía đồn. Còn xa, đã nhìn thấy chòi canh của địch.

Toàn đội đã thay quần áo cải trang từ chiều hôm trước bằng những bộ quần áo lính đồng và lính tập, mới lấy được tại Phai Khắt. Lão đồng chí Toàn, một đồng chí người Mán rất tốt, còn có bí danh là "Phạm Ngũ Lão", cùng hai hội viên trung kiên khác, đóng vai ba đồng bào Mán bị bắt với sợi dây thừng trói ở khuỷu tay.

Vị trí địch ở trên một đỉnh đồi. Đường đi chạy men theo sườn một quả đồi trước đồn địch, đổ xuống một con suối rồi lại từ bờ suối bên kia chạy ngược lên đỉnh đồi tới cửa đồn.

Khi tới quả đồi trước đồn, trông thấy rõ tên lính gác đứng trên chòi, và binh lính đi lại trong sân. Các chiến sĩ được lệnh nói chuyện âm lên, để bọn lính trong đồn chú ý đến y phục của đội và những người bị bắt được dẫn đi trước. Toàn đội ung dung qua suối, tiến lên đồn.

Tiểu đội trưởng Thu Sơn đi với tổ xung phong đầu tiên, chia giấy cho tên lính gác xem. Đồng chí Đắc đi sau anh, rút một điều thuốc lá mời tên gác và anh diêm châm

lừa cho hắn. Bốn gác và bốn năm tên lính ở trong đồn chạy ra, trở mắt nhìn mấy người bị trói, hỏi tíu tít:

- Lại bắt được Mán cộng sản à?

Tiểu đội trưởng Thu Sơn và tiểu đội trưởng Mậu tiến thẳng vào đồn. Đồng chí Đắc và một đồng chí khác đứng lại trước cửa đồn, dènh dàng nói chuyện với hai tên lính gác.

Hôm ấy, cả hai tên Pháp đều mới lên tỉnh, giao quyền chỉ huy lại cho một tên quản khổ đở nổi tiếng phản động.

Khi bộ đội tiến vào, một số binh lính đang thu dọn chăn màn tại nhà ngủ, một số đang đi rửa mặt. Súng còn gác tại giá. Tên quản khổ đở dậy sớm, đã ngồi ở bàn làm việc.

Bốn chiến sĩ Giải phóng quân tiến lại án ngữ cửa kho súng. Đồng chí Thu Sơn và đồng chí Mậu đang nói chuyện với một tên đội, bắt thàn chĩa ngang súng, hô lớn:

- Chúng tôi là quân cách mạng đến lấy súng của Tây, tất cả giơ tay lên, không thì bắn!

Ngoài cổng đồn, đồng chí Đắc giật luôn khẩu súng trường trong tay tên gác. Anh chĩa súng lên chòi canh, bắt tên gác thứ hai đứng trên đó phải thả ngay súng xuống.

Nghe tiếng hô, cả đồn nhốn nháo. Phần lớn hét hoảng giơ tay, đưa quỳ, đưa đứng. Mấy tên nhảy qua hàng rào định chạy trốn. Riêng tên quản chụp ngay khẩu súng ngắn đặt trên bàn, lên đạn, bóp cò. Khẩu tiểu liên trong tay đồng chí Thu Sơn nổ giòn, kết liễu đời hắn.

Tiểu đội 2 vào sau đã chen các cửa đồn và chia thành từng tổ bao vây bắt tù binh. Sáu phát súng nổ giết luôn bốn tên lính cố ý kháng cự. Tiểu đội 3 cũng xông vào

tiếp viện, vừa bắn chỉ thiên vừa kêu gọi binh lính địch đầu hàng. Anh Hoàng Văn Thái giương lá cờ đỏ sao vàng, phát mệnh giữa đồn địch.

Trận đánh kết thúc trong vòng năm phút. Toàn bộ binh lính địch đầu hàng. Về phía ta, đồng chí Bê bị thương ở ngón tay vì viên đạn của tên quân.

Bộ đội nhanh chóng thu thập súng đạn, tài liệu, phát truyền đơn và dán biểu ngữ. Tù binh được tập hợp lại giữa sân. Chị Loan, chị Cầm và chị Thanh giải thích cho họ bằng tiếng Thổ. Họ rất ngạc nhiên khi thấy hai nữ chiến sĩ vai mang súng, lưng đeo đạn, nói năng rất lưu loát, phân tích cho họ về tình hình trong nước và nghĩa vụ của những người dân, kêu gọi toàn thể binh sĩ quay súng lại giết giặc.

Phần lớn binh lính xin trở về quê quán. Các chiến sĩ trả lại túi dết, chăn màn, đồ đạc thu nhằm của họ. Mọi người đều được cấp giấy. Những người ở xa, ai thiếu tiền ăn đường, được cấp thêm một ít lộ phí. Hôm đó, đội đã chi mất mấy trăm đồng. Số tiền này vay của một đồng chí hội viên, hẹn sẽ trả lại bằng súng chiến lợi phẩm.

Binh lính đều rất cảm kích về lượng khoan hồng và thái độ đối xử rất tốt của bộ đội cách mạng. Chúng tôi giảng giải cho họ rõ, mỗi khi gặp Giải phóng quân thì nên làm thế nào để khỏi bắn giết lẫn nhau, để cùng nhau giết giặc cứu nước. Họ đều thề sẽ không bao giờ nổ súng vào quân cách mạng.

Chúng tôi nói chuyện với đồng bào trong làng, dặn đồng bào khi quân địch tới thì nói, quân cách mạng đến, binh lính đã giao súng cho họ và kéo đi cả rồi.

Hai mươi phút sau bộ đội rút khỏi đồn, mang theo chiến lợi phẩm. Mỗi người mang hai, ba khẩu súng. Lần này, thu được khá nhiều đạn. Anh em vừa đi vừa hát bài *Tiếng súng reo*. Núi rừng vang vọng lại những tiếng ca hùng tráng như muốn chia vui cùng đội quân chiến thắng. Đi ngang quả đồi trước đồn, ngoảnh lại thấy nhân dân và binh lính giơ cao tay chào tiễn biệt.

Những hội viên trung kiên ở cơ sở đã được giao nhiệm vụ giữ đồng bào lại làng, không để đi theo bộ đội. Đoàn quân đi về phía nam. Nhưng đi khuất khỏi làng, chúng tôi quành lại, đi ngược lên phía bắc. Bây giờ phải rút sao cho thật nhanh. Hai trận đánh liên tiếp chắc đã làm rung chuyển bọn địch và chúng sẽ có phản ứng. Ánh nắng vừa lên, ngày mới bắt đầu. Phải thực hiện lời Bác đã dạy: "Lai vô ảnh, khứ vô hình". Các đồng chí trung kiên đón đường đưa cơm. Mỗi người nhận một nắm cơm, một phần thức ăn, rồi tiếp tục đi ngay. Toàn đội đi ngược lên khu Mán trắng. Lão đồng chí Tiên như biết trước yêu cầu của anh em, nấu một nồi nước nóng, đón đợi giữa đường. Chúng tôi không để lại một dấu chân trên những đường mòn hẻo lánh. Buổi chiều, dừng chân bên rẫy nghỉ một lát, lại tiếp tục đi. Tối vượt qua đường Cao Bằng - Nguyên Bình đến triền núi đá vôi Gia Bằng. Ngày hôm đó, chỉ ăn có một bữa. Nhưng không hề một ai kêu ca. Có đồng chí đã thốt ra những lời lẽ rất tự hào: "Quân cách mạng chúng tôi, ăn thì mỗi ngày một bữa, đánh thì mỗi ngày hai trận".

Bộ đội đi suốt đêm đó trên những núi đá tai mèo. Trưa hôm sau, đội tới đồng bào Mán trắng, quê hương của đồng chí Hồng Trị.

Hai ngày sau khi đồn Phai Khắt bị diệt, địch mới kéo quân tới. Chúng doạ dẫm truy hỏi đồng bào để tìm hiểu vì sao tất cả binh sĩ cùng mọi thứ quân trang quân dụng trong đồn bỗng nhiên biến mất. Đồng bào trong làng, già trẻ lớn bé, ai cũng nói một lời. Cuối cùng, chúng đành chịu, chỉ điều một bọn lính khác thay thế và cũng không bắt bớ một ai.

XXII

Địa điểm trú quân mới của đội nằm trong một thung lũng tại vùng núi đá tổng Thiện Thuật. Lòng thung lũng khá bằng phẳng có thể san làm bãi tập. Chung quanh là những ngọn núi cao vút hiểm trở, những khu rừng già âm u chỉ có tiếng chim rừng kêu và vượn hú. Đồng bào địa phương gọi lũng này là Lũng Dẻ (nghĩa là lũng thành) và đã có những lần lợi dụng bức thành thiên nhiên này để chống bọn thổ phi. Mấy trăm năm về trước, nhà Mạc đã từng nướng nấu ở đây để chống cự với nhà Lê. Quân Cờ đen cũng đã đóng quân tại đây trong thời kỳ đánh nhau với Pháp.

Chúng tôi viết thư về báo cáo với Bác và Liên tỉnh ủy những chiến thắng đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, đề nghị với Liên tỉnh ủy chỉ thị cho các châu, chọn lựa một số đồng chí bổ sung cho Đội tuyên truyền sẽ phát triển thành một đại đội.

Anh em được phổ biến sẽ ở lại đây mười ngày nghỉ ngơi, kiểm điểm và tiếp tục luyện tập. Các chiến sĩ dẫn gỗ làm lán, sửa soạn bãi tập, vét sạch các mỏ nước.

Vài ngày sau, đội nhận được thư của anh Đồng chúc mừng thắng trận. Thư từ và quà ủy lạo từ khắp các nơi tới tập gửi đến: khăn vuông thêu khẩu hiệu, quần áo, giày, chăn, màn, gạo, thịt, bánh trái. Anh Lã, bí thư Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng thân tới thăm đội, đem theo thư chúc mừng của Liên tỉnh ủy cùng với một số quà quý: Mấy tấm chăn len, mấy hộp sữa cho các đồng chí yếu mệt, và một số đạn Mỹ vừa mới mua được. Cùng trong lúc ấy, cán bộ, chiến sĩ được các châu tuyển lựa bổ sung cho đội, tập nập kéo về. Nghe các đồng chí thuật lại mới biết ở các địa phương, trong hàng ngũ du kích đang có một phong trào rầm rộ, yêu cầu "đi Giải phóng"; người nào được cấp trên chuẩn y, đều coi đó là một điều vinh dự và cũng là một điều may mắn.

Chỉ trong một tuần, việc bổ sung đã xong. Đại đội đã hình thành.

Đại đội trưởng: đồng chí Hoàng Sâm.

Chính trị viên: đồng chí Xích Thắng.

Ban công tác chính trị đại đội do đồng chí Xích Thắng phụ trách.

Đồng chí Hoàng Văn Thái phụ trách công tác tình báo và chuẩn bị kế hoạch chiến đấu. Ban quản lý đại đội cũng được tổ chức.

Ban chỉ huy các trung đội gồm có các đồng chí Quang Trung, Nam Long, Quốc Chung, Vũ Lập, Nam Tuấn, Mai Trung Lâm.

Chẳng còn bao lâu nữa là đến Tết. Chúng tôi chủ trương chỉ nghỉ ngơi, luyện tập một thời gian ngắn, rồi lại lên đường đi chiến đấu. Một chương trình hoạt động trong dịp Tết được đề ra với cái tên "Mùa Tết chiến đấu" của đội. Tổ chuẩn bị chiến trường khẩn trương lên đường đi về phía châu Bảo Lạc, gần biên giới Việt - Trung.

Mấy ngày trước khi xuất phát, toàn đơn vị tập trung dưới cờ, làm lễ chính thức thành lập đại đội. Đại diện các hội cứu quốc và nhân dân tới dự lễ rất đông. Dưới lá cờ đỏ tươi thắm, bộ đội đã đông đảo hơn, sau hai cuộc chiến đấu, súng đạn khá đầy đủ, lưỡi lê tuốt trần sáng quắc trên đầu súng. Màu cờ như rực rỡ hơn, khung cảnh núi rừng càng thêm hùng vĩ. Bằng những lời lẽ đanh thép, cán bộ, chiến sĩ hứa hẹn trước các đại biểu và trước nhân dân, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Nhớ tới công ơn của Bác và Đoàn thể, toàn thể đại đội quyết nghị kính tặng Bác thanh kiếm Nà Ngần, thanh kiếm đầu tiên đoạt được của giặc, để nói lên lời hứa hẹn kiên quyết thực hiện chỉ thị của Bác, nỗ lực chiến đấu đến cùng để giành thắng lợi. Nhân dân và bộ đội đều hết sức phấn khởi.

Vài ngày sau, chúng tôi lại lên đường.

Một bộ phận do anh Thái phụ trách, đi về phía Nậm Ti hoạt động mở rộng cơ sở.

Đại bộ phận đi về phía Bảo Lạc, tiến hành một cuộc tập kích mới.

Cuộc hành quân chiến đấu lần này khá gian khổ. Đường xa, phải qua nhiều triền núi đá tai mèo và nhiều bản làng có bọn phản động canh gác. Toàn đi đêm. Những đêm tối trời, cả đoàn quân, vũ khí, hành trang buộc chặt vào người, nín lặng vượt qua những điểm gác. Tiếng mõ cầm canh của bọn đồng phản động lóc cóc khua trên đầu. Một đêm trời tối như mực, đi luồn trong rừng, người sau không nhìn thấy người trước, lại được lệnh không nói to, em bé Hồng đã nghĩ ra một sáng kiến, lượm một cái lá mục có lân tinh, gài vào lưng người đi trước. Sáng kiến của em được phổ biến cho toàn đội, và có một tác dụng thật đặc biệt không những trong đêm đó mà còn cho các cuộc hành quân đêm về sau. Trời về đạo này mưa luôn. Đi đêm trên núi đá tai mèo đã khó khăn, qua núi đất, đường lầy lội, đi cũng chẳng dễ dàng hơn.

Sau một đêm hành quân, trời sáng, tôi hỏi đồng chí Mán đưa đường, sắp tới nơi có cơ sở của ta chưa. Đồng chí vui vẻ đáp:

- *Sam cây thình, nưa ngái**.

Đi miết tới trưa vẫn chưa đến. Bộ đội dừng lại nghỉ giữa vùng núi đá tai mèo. Biết không nên làm người đưa đường rối trí, tôi nói với đồng chí nên bình tĩnh, nhớ kỹ lại đường. Lát sau, đoàn quân lại tiếp tục đi. Đến gần chiều, mới ra khỏi vùng núi đá, đến những đồi đất. Nhìn phía trước, thấy thấp thoáng có làng. Tôi hỏi:

- Có phải làng cơ sở đây rồi không?

- Chưa phải đâu. Làng này có phản động.

- Đồng chí đã nhận ra đường chưa?

- Đi qua làng này thì biết đường rồi.

Như thế là đội buộc phải vượt qua làng. Thấy sương chiều đang xuống nhiều, chúng tôi quyết định đi vòng qua những quả đồi, vượt nhanh sang bên kia làng để đồng chí giao thông nắm lại đường.

Bộ đội đi được một quãng, bông sương tan hết. Cả đoàn quân lộ ngay ra trước làng. Không thể quay lại, cũng không thể tránh sang lối khác. Ban chỉ huy hạ lệnh cho bộ đội đi thẳng qua làng, làm như một đội quân đế quốc đi tuần tiễu. Máy chiến sĩ vào nhà tổng đoàn, vờ xét hỏi người lạ mặt và hàng buôn lậu. Bộ đội cứ ung dung qua làng. Đồn địch ở cách ba cây số. Về sau, chúng tôi biết, cách đó năm hôm, nhân một phiên chợ, người làng thuật chuyện cho nhau nghe, bọn Tây trên đồn mới biết là có bộ đội cách mạng đi qua, và bấy giờ mới cho quân tuần tiễu.

Qua khỏi làng này, đồng chí giao thông nhận ra đường. Gần tối, chúng tôi đến một bản Mán có cơ sở. Đồn bào ở đây rất thiếu thốn. Không có ruộng nương, phải đi xa lấy đất về đổ vào những hốc đá để trồng ngô. Nhưng thái độ tiếp đón bộ đội cách mạng thì đặc biệt ân cần. Đồn bào chia sẻ cùng bộ đội những bữa ăn chỉ có bột ngô dẻo, với canh rau.

Vài ngày sau, chúng tôi đến gần Đồn Mu, mục tiêu của trận tập kích lần này. Tổ trinh sát tiến hành điều tra đồn địch lần cuối.

So với các đồn Phai Khắt, Nà Ngần, đồn Đồn Mu rắn hơn. Địch đóng trên một ngọn đồi cao, nằm chơ vơ giữa cánh đồng. Vì ở giáp biên giới Việt - Trung thường phải đối phó với bọn thổ phỉ, nên địch xây dựng công sự khá vững chắc. Đồn có nhiều lô cốt, tường trình dày với lỗ châu mai, giao thông hào và dây thép gai bọc quanh. Quân địch gồm hơn bốn chục tên khố đỏ do ba sĩ quan Pháp chỉ huy.

Lần này, không thể cứ dùng cách cải trang để vào đồn vì bọn địch chắc chắn đã rút được kinh nghiệm. Chúng tôi chủ trương bí mật đột nhập đồn trong đêm tối để tiêu diệt địch.

Khi nắm lại tình hình, thấy có khó khăn. Các đồng chí ở địa phương báo cáo, cách đây ít ngày bọn địch được tin sắp có thổ phỉ bên kia biên giới tràn qua, nên chúng đã tăng cường thêm binh lính, báo động bộ đội và đề phòng cẩn mật. Nhưng sau đó, cơ sở của ta ở trong đồn ra báo cáo lại, địch đợi thổ phỉ một thời gian không thấy, cho là hoang báo, việc đề phòng đã bắt đầu chểnh mảng. Ban chỉ huy đại đội quyết định đánh.

Đêm 22 tháng 12 ta, bộ đội xuất kích. Khi đi ngang cánh đồng, chớ trong làng sủa ran. Nhờ điều tra kỹ lưỡng từ trước, cán bộ và các chiến sĩ đã nắm vững địa hình đồn địch. Bộ đội chia làm hai mũi, vượt qua những mô đá sắc nhọn, tiến lên đỉnh đồi. Theo kế hoạch đã định, chúng ta sẽ bí mật đột nhập, chiếm nhà bọn chỉ huy, các mặt cùng đánh vào, kết hợp với nội ứng tiêu diệt quân địch.

Hai tổ xung phong đi đầu, im lặng vượt qua rào dây thép gai, đến sân đồn trước cửa trại lính.

Tổ các đồng chí Quang Trung, Nam Long, Xuân Trường... đang tiến vào, bỗng nghe từ lô cốt tiếng một tên lính hỏi:

- Ai?

Đồng chí Nam Long nói nhỏ:

- Im đi! Chúng tôi là Việt Minh đến lấy súng của Tây, không đánh các anh em đâu.

Trường hợp này, không bàn với nhau ở nhà trước khi đi.

Địch lập tức ném lựu đạn xuống tới tấp và bắn ra một loạt đạn. Đồng chí Quang Trung hội ý với tôi:

- Lộ rồi, đề nghị anh và anh Hoàng Sâm hãy ở lại vị trí chỉ huy. Chúng tôi vào đồn sẽ cử người bắt liên lạc.

Địa điểm chỉ huy đã quy định ở sau một bờ đất, sát đồn địch. Một lát sau, một chiến sĩ liên lạc bò dưới làn đạn của địch từ trong đồn ra báo cáo, các tổ xung phong đã lọt vào đồn.

Trên đồn, tiếng súng nổ rít, điểm những tiếng lựu đạn. Các chiến sĩ chiến đấu giáp lá cà quyết liệt với kẻ địch.

Anh em trong đồn tiếp tục báo cáo, quân địch tại nhà tên chỉ huy và chỗ ở của bọn lính bắn súng ra như mưa. Cuộc chiến đấu diễn ra từ 11 giờ đêm đến 2 giờ sáng. Các chiến sĩ vừa chiến đấu vừa hát. Tiếng hát lúc này có tác dụng động viên sĩ khí và giúp cho việc bắt liên lạc dễ dàng, nhưng đồng thời cũng làm lộ các vị trí chiến đấu của ta, để cho quân địch phát hiện được mục tiêu.

Chúng ta đã diệt được khoảng hai chục tên địch, nhưng bọn còn lại vẫn dai dẳng chống cự. Thấy kéo dài cuộc chiến đấu không lợi, ban chỉ huy hạ lệnh rút khỏi đồn trước khi trời sáng, mặc dầu nhiều chiến sĩ yêu cầu tiếp tục xung phong để tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Trong trận chiến đấu rất anh dũng này, tiểu đội trưởng Xuân Trường hy sinh. Một mình đồng chí Quang Trung đã dùng súng và dao giết năm tên địch. Địch thiệt hại rất nặng. Chúng ta thu năm khẩu súng, một số đạn dược và bắt ba tù binh.

Bộ đội rút dần ngang cánh đồng về một khu rừng có những cây nhỏ, cách đồn địch khoảng ba trăm thước. Tảng sáng, mọi người có mặt đông đủ. Quân địch từ Bảo Lạc có thể tiếp viện lên. Bộ đội lợi dụng các lùm cây, đi sâu vào phía trong, nghỉ một lát bên sườn núi, rồi chuyển hướng về phía Nam.

Trận tập kích đêm vào Đồn Mu tuy không thắng lợi theo như kế hoạch đã định, nhưng đã rèn luyện cho đội rất nhiều, và đã xây dựng cho đội một truyền thống anh dũng chiến đấu. Qua bọn tù binh, mới biết vì sao ta đã gặp khó khăn. Buổi trưa

hôm ta tập kích, tên đồn trưởng người Pháp bắt được một lá thư của bọn thổ phỉ biên giới dọa, tối hôm ấy, chúng sẽ kéo đến hạ đồn.

Vì vậy, bọn chỉ huy đã báo động binh lính chuẩn bị đối phó, súng lên đạn sẵn, quần áo nai nịt gọn gàng: Đêm đó, một nửa binh lính địch thức để đề phòng. Trường hợp bất ngờ và đặc biệt này, anh em binh sĩ nội ứng không kịp báo cho chúng tôi biết trước.

* Ba cây số thôi, ăn cơm sáng là vừa.

XXIII

Đại đội đi về hướng nam. Các chiến sĩ được lệnh tuyệt đối giữ bí mật, hết sức tránh để lại dấu vết trên dọc đường. Đi qua các đồn trại địch hoặc các làng mạc không có cơ sở của ta, phải im lặng hoàn toàn, tránh để lộ một tiếng ho, một dấu gậy. Ở những nơi trú quân, bộ đội thường lấy lá về rải nằm; trước lúc đi, mọi người phải xóa sạch vết tích chỗ ăn, ngủ, nấu nướng. Ngay cả khi dừng lại dọc đường để ăn cơm hoặc ngồi nghỉ, lúc đi, cũng phải nhặt từng chiếc lá gói thức ăn, từng hạt cơm rơi, không để lại dấu chỗ ngồi trên bờ cỏ. Đến trú quân ở một địa phương nào, cán bộ và chiến sĩ lập tức chia nhau đi giáo dục nhân dân vấn đề giữ bí mật, phải thực hiện đúng ba không: "không có, không biết, không thấy"; dặn đi dặn lại cẩn kẽ từ người già đến các em, và kiểm tra lại xem đồng bào đã thực hiểu chưa.

Một số đồng bào gần biên giới thoáng thấy bộ đội tưởng nhầm là thổ phỉ, hoảng hốt bỏ chạy. Bộ đội đã thu thập tất cả những đồ đạc, của cải nhân dân bỏ rơi dọc bờ ruộng, đem trả lại. Đồng bào rất cảm kích vì từ xưa tới nay chưa hề thấy một bộ đội nào lại tốt như vậy.

Nhiệm vụ của trận đánh chưa hoàn thành, lần đầu trong đội có đồng chí hy sinh, anh em không khỏi có những suy nghĩ. Cán bộ đã giải thích cho các chiến sĩ: "trong cuộc chiến đấu dài lâu, tất nhiên là phải có lúc thành lúc bại, qua trận đánh lần này, chúng ta đã rút được nhiều kinh nghiệm để sau này chiến thắng lớn hơn".

Tiết trời về cuối mùa đông, rét cắt da cắt thịt. Nhiều đồng chí bị đau chân. Các cán bộ đã nêu cao tinh thần thương yêu săn sóc chiến sĩ. Đồng chí Vũ Lập cởi chiếc áo ấm của mình, đưa cho một chiến sĩ bị mệt. Nhiều cán bộ nhường giày cho những anh em đau chân. Có đồng chí cán bộ bị thương ở chân, cũng nhịn đau, vui vẻ hành quân, cố gắng theo kịp bộ đội, do đó đã có tác dụng động viên các chiến sĩ.

Một tối, chúng tôi tới một bản Mán có cơ sở của ta. Các cụ già chạy ra cầm tay bộ đội nói:

- Bây giờ các con mới đến, các mẹ đội đã bao lâu nay rồi. Phải ở lại đây vài ngày.

Anh em chúng tôi đáp:

- Chúng con chỉ ở lại một đêm nay, sớm mai phải đi công tác rồi.

- Các con khổ cực quá! Phải ở lại đây nghỉ ngơi ít hôm để dân bản chăm nom.

Tại vùng này, đồng bào sợ thổ phỉ, của cải đều cất giấu rất sâu trong rừng. Đồng bào biết là không thể giữ chúng tôi lại lâu, ngay đêm đó, cùng nhau vào rừng sâu bắt lợn, bắt gà về. Sáng hôm sau, khi chúng tôi thức giấc, thì lợn đã thịt, com canh đã xong xuôi. Sự săn sóc của nhân dân vùng biên giới hẻo lánh xa xôi này, đã làm cho cả đội rất cảm động.

Khi đã đi khá xa châu Bảo Lạc, cuộc hành quân biến thành một cuộc vũ trang tuyên truyền. Chúng tôi tung truyền đơn, dán biểu ngữ, viết khẩu hiệu lên các đền chùa, đình chợ, nhà trường, và họp mít tinh tuyên truyền các tin chiến thắng.

Về đến vùng Thông Nông vào ngày cuối năm. Cơ sở vùng này rất tốt. Biết bộ đội về, anh em tự vệ canh gác khắp nơi. Năm giờ chiều, bộ đội đã hành quân, chỉ cách đồn địch vài ba cây số. Dọc đường, đồng bào bày cỗ, đốt đuốc đón bộ đội, đem cá ghè ra cho bộ đội ngồi nghỉ. Anh em chúng tôi ai nấy đều thấy rõ, mình là con đẻ của nhân dân, đang sống trong sự chăm nom, bảo vệ của nhân dân.

Nửa đêm, chúng tôi trú quân lại trên một đỉnh núi ở gần làng. Đồng bào hẹn sáng sớm hôm sau sẽ đưa com nước lên. Sáng 30 Tết, bất chợt có người lên báo, Tây kéo về cần. Toàn thể bộ đội phải bố trí chiến đấu. Tây sục sạo dưới làng.

Một lát, nghe có tiếng súng nổ, tưởng như đánh nhau to ở đâu. Trong đội có đồng chí Đức Cường đem qua hành quân đau chân tụt lại sau, chưa về, mọi người đều

sốt ruột. Buổi sáng hôm đó, không có cơm nước gì. Đồng bào dưới làng vẫn luôn luôn lên báo cáo tình hình. Đến chiều, đồng chí chủ nhiệm Việt Minh xã lên nói, Tây đã rút hết rồi. Đồng chí đó kể lại: Tây vào rừng lũng đến một cái hang thì thấy bên trong có người. Thằng quan hai cho lính vào định bắt, nhưng ở trong hang bắn ra. Chúng ở ngoài bắn vào. Hai bên bắn nhau một lúc. Thằng quan hai bảo lính về làng lấy rom chát đầy cửa hang, rồi đốt. Bên trong lại bắn dữ, và có người xông ra, thế là tất cả chúng nó bỏ chạy. Chính thằng quan hai Tây hốt hoảng chạy đến ôm lấy cổ đồng chí chủ nhiệm Việt Minh xã, nói: "Ê... ê... công quan lớn!". Ít hôm sau, đồng chí Đức Cường về, chúng tôi biết, chính đồng chí Đức Cường đã bị vây ở trong hang, đồng chí đã chiến đấu với mười hai tên lính do thằng quan hai chỉ huy, bắn bị thương hai tên và đuổi chúng chạy tán loạn. Lần ấy, đồng chí Đức Cường bị đội phê bình vì hành quân chậm trễ, nhưng lại được đồng bào địa phương tặng rất nhiều quà vì tinh thần chiến đấu dũng cảm.

Để bù lại bữa sáng hôm đó không ăn, các chị dưới làng đem lên rất nhiều bánh trái.

Tối 30, bộ đội tới vùng rẻo cao của đồng bào Mán trắng. Đồng bào được tin bộ đội về, đã chuẩn bị bò, lợn để khao quân. Ngày mùng 1, đang liên hoan cùng đồng bào thì anh Đồng tới. Anh Đồng suốt thời gian qua bị sốt luôn, nước da xanh tái, thay mặt cơ quan chúc Tết, mừng bộ đội liên tiếp thắng trận, và nói cho anh em nghe tình hình phong trào các nơi. Mọi người hết sức phấn khởi.

Sáng mùng 2 Tết, trở về tổng Hoàng Hoa Thám, nơi khoảng hai tháng trước đây đội đã làm lễ thành lập. Bộ phận của anh Hoàng Văn Thái đi hoạt động mở rộng cơ sở vùng Nậm Ti, từ Tĩnh Túc đến Phia U Bắc, cũng vừa về tới nơi. Đồng bào đã mổ trâu, giết lợn đợi từ mấy hôm trước. Đúng như lời chúc mừng của một số đồng chí trong ngày thành lập đội, trung đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân đã lớn lên thành một đại đội, đã lập nên được chiến công, và bây giờ trở về đây ăn Tết với đồng bào.

Phong trào tại hai tổng Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám đã sôi nổi hơn trước nhiều. Trên dọc một con suối trong rừng sâu, đồng bào đã cất sẵn mấy ngôi nhà vầu, mái lợp lá chuối, có sàn nứa cao ráo, chõ bộ đội, và chuẩn bị sẵn bò, lợn, bánh trái. Quà của nhân dân gửi về tặng đội do các trạm chuyển đến rất nhiều. Những gói giò, những thanh chè lam, những ống tre đựng đầy thịt muối để làm lương khô, những đôi giày vải do tự tay các mẹ, các chị khâu, cùng với gạo, ngô, vải vóc. Mỗi món quà đều mang nặng tình thương yêu của đồng bào với những người con bộ đội cách mạng. Những ngày đầu Xuân năm đó thật tung bừng, phấn khởi.

Thi hành chỉ thị của Bác, đội luôn luôn nhớ đến nhiệm vụ của mình: "Chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến". Cho nên, trước khi đánh đã nghĩ đến mục đích tuyên truyền; sau khi đánh lại tận dụng thắng lợi để mở rộng công tác tuyên truyền. Bảy giờ, tin thắng lợi của đội đã đồn ra khắp các châu, huyện. Nhận thấy, nếu cuộc thắng lợi ấy chỉ có một trăm người biết thì chỉ có ảnh hưởng đối với một trăm người; nhưng nếu làm cho một nghìn người biết, thì về mặt chính trị, chẳng khác gì ta đã thu được mười cuộc thắng lợi hay là một cuộc thắng lợi lớn gấp mười. Chúng tôi cùng liên tỉnh đặt một kế hoạch mở rộng tuyên truyền đi đôi với một kế hoạch mở rộng tổ chức cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang. Trên báo *Việt Nam độc lập*, mấy số liền đều có những bài đặc biệt thuật lại các trận đánh của đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân.

Vả lại không phải chỉ đánh mới tuyên truyền được. Ngoài tác chiến ra, chúng tôi còn trực tiếp tiến hành công tác vũ trang tuyên truyền trong nhân dân. Vũ trang tuyên truyền là dùng lực lượng vũ trang để tuyên truyền chính trị, làm cho nhân dân tin tưởng ở sức mạnh của cách mạng, rồi từ đó đến chỗ giác ngộ chính trị. Nhân dân khi thấy quân cách mạng có vũ khí, thì hay tin tưởng vào vũ khí. Các cán bộ, chiến sĩ đã chú ý dùng những lời lẽ đơn giản để nói cho đồng bào hiểu, sức mạnh của vũ khí chỉ là một sức mạnh phụ thuộc, sức mạnh tinh thần của toàn dân

đoàn kết mới là sức mạnh quyết định. Chúng tôi đã coi đó là một yêu cầu cơ bản của công tác tuyên truyền vũ trang. Nếu không làm cho nhân dân hiểu rõ điều đó, thì không đạt được mục đích của công tác vũ trang tuyên truyền.

Nhân dịp Tết, đội đã in những thiệp mừng trên giấy hồng, gửi cho các hội cứu quốc, các trường học, các thân hào thân sĩ, chúc sang năm mới, nhân dân được hưởng muôn sự tốt lành, nước nhà sẽ giành được độc lập, tự do. Đoàn thể tổ chức nhiều cuộc mít tinh đông đảo để báo tin thắng lợi, hô hào nhân dân ủng hộ đội quân cách mạng. Từ chợ đến quê, đâu đâu cũng đầy khẩu hiệu của Giải phóng quân "*Kính trọng dân, giúp đỡ dân, bảo vệ dân*", những tờ biểu ngữ "*Mỗi viên đạn là một tên giặc*". Truyền đơn hô hào binh lính "*Quay súng lại bắn vào đầu quân giặc, đi theo Giải phóng quân*" được phát khắp nơi.

Ảnh hưởng của các cuộc chiến thắng khá sâu rộng. Bọn Tây đồn, binh lính ta trong quân đội Pháp đâu đâu cũng bàn tán, phục tãi dùng binh của cán bộ cách mạng, sợ lực lượng hùng hậu của quân đội cách mạng. Binh lính nhắc nhiều đến các nữ chiến sĩ du kích bằng một thái độ đặc biệt khâm phục. Họ khuyên nhau, nếu gặp quân cách mạng thì không nên chống cự, cứ theo hàng là tức khắc được đổi đãi tử tế. Nhiều tên Việt gian phản động mới trước đây còn ra sức khủng bố cách mạng, nay bảo nhau kéo đến tìm cán bộ Việt Minh để ký giấy nhận tội, nguyện đem trả lại những tiền bạc, lễ vật đã đục khoét của nhân dân. Những người lừng chùng, phần lớn ngả về phía cách mạng và ủng hộ cách mạng. Bà con hội viên thì hăng hái bội phần. Số cán bộ tình nguyện đi công tác thoát ly ngày càng tăng. Phong trào đấu tranh vũ trang sôi nổi trong nhân dân.

Đến mỗi địa phương, sau khi tiến hành tuyên truyền, đội bắt tay ngay vào công tác tổ chức. Đội chọn một số thanh niên hăng hái tiến hành huấn luyện, rồi giao nhiệm vụ cho họ tiếp tục công tác tại địa phương. Ngoài ra, đội còn lựa chọn một số thanh niên để đưa vào đội. Các anh em này sẽ được giáo dục, rèn luyện dần trong quá

trình ở bộ đội để sau này, khi cần thì sẽ đưa trở về địa phương công tác, làm nòng cốt cho phong trào.

Chúng tôi quyết định: Đi đôi với việc tác chiến phải dùng vũ trang tuyên truyền trực tiếp để gây dựng một khu vực rộng rãi từ các vùng rừng núi giáp giới Hòa An, gần tỉnh lỵ Cao Bằng cho đến các châu Nguyên Bình, Ngân Sơn, Chợ Rã, vùng phụ cận các triền núi Phia U Ấc, Phia Giã, Phia Bioóc.

Sau mấy ngày Tết ngắn ngủi, đội gấp rút tiến hành công tác huấn luyện một thời gian, rồi phân tán đi hoạt động ở các nơi, vừa xây dựng cơ sở, vừa tranh thủ tác chiến với địch. Anh Hoàng Văn Thái đi về phía Phia U Ấc, điều tra mỏ Tĩnh Túc. Một trung đội ở lại vùng Ben Le (Belair) chờ cơ hội tiêu diệt địch. Một trung đội bố trí phục kích tại vùng Khâu Áng, Ngân Sơn. Tôi tranh thủ thời gian viết lại những kinh nghiệm của các cuộc chiến đấu tại Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu để trao đổi với các nơi.

Các hoạt động của chúng tôi phần lớn hướng về phía nam.

XXIV

Bước sang đầu năm 1945, cuộc giao chiến giữa Đồng minh và bọn phát xít xâm lược đã đi vào giai đoạn cuối cùng. Phát xít Đức đang ngắc ngoải giữa hai gọng kìm siết chặt của Hồng quân Liên Xô và quân đội Anh - Pháp. Tại Thái Bình Dương, sau khi mất Phi Luật Tân, đường liên lạc trên mặt biển của Nhật đã hầu như bị cắt đứt. Trước tình hình quân đội Đồng minh sớm muộn cũng sẽ vào Đông Dương, Nhật phải tiêu diệt Pháp để trừ một mối lo về sau. Phong trào cách mạng ở miền xuôi và trên cả nước ngày càng sôi nổi. Nhưng do sự khủng bố của địch, liên lạc giữa căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng với Trung ương ở miền xuôi thường bị gián đoạn.

Liên tỉnh ủy gấp rút kêu gọi nhân dân chuẩn bị đón lấy thời cơ, và chỉ thị cho các đội vũ trang, các đội tự vệ sẵn sàng mở rộng đấu tranh vũ trang.

Để kịp với sự phát triển của tình hình, đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tích cực thi hành kế hoạch tiến về phía Nam. Một bộ phận đi trước khôi phục và mở rộng những cơ sở trên dọc đường từ Ngân Sơn, qua Chợ Rã, Chợ Đồn tiến về phía Chợ Chu.

Trong khi đợi củng cố đường giao thông, đại bộ phận đẩy mạnh hoạt động tại khắp vùng tiếp giáp hai tỉnh Cao Bằng - Bắc Kim. Những hoạt động vũ trang tuyên truyền đã đi vào nền nếp, phát triển thuận lợi. Nhiều nơi, trên những bản làng tan nát, phong trào phục hồi nhanh chóng, trở lại sôi nổi, phấn khởi như trước thời kỳ địch khủng bố. Nhưng việc tác chiến trở nên khó khăn hơn. Thanh thế của bộ đội cách mạng đã lớn, buộc kẻ địch đề phòng cẩn mật. Với những trang bị thô sơ và trình độ bộ đội mới đầu xây dựng, còn nhỏ bé, ta chưa thể cường tập tiêu diệt đồn địch. Trong khi di chuyển, bọn địch cũng rất tinh khôn, biết tìm cách né tránh các cuộc phục kích của ta. Có lần, một trung đội do đồng chí Quang Trung chỉ huy, bắt gặp một bọn lính đi tuần, đã sẵn sàng nổ súng tiêu diệt quân địch, nhưng vì địch

biết lợi dụng sương mù để di chuyển, nên ta nghe rõ tiếng giày đinh của chúng mà không nhìn thấy, đành để chúng đi thoát.

Một hôm, tôi mở cuốn "*Chiến tranh du kích kháng Nhật*" của đồng chí Chu Đức ra đọc lại chương "Nguyên tắc căn bản của chiến thuật du kích", thấy đồng chí có viết một câu đại ý như sau: "Phải hành động cho rõ tích cực mà bị tổn thất ít nhiều, cũng còn hơn là hành động không tích cực", tôi đã có cảm tưởng như câu nói đó, đồng chí đã viết để tặng riêng cho chúng tôi. Đã nhiều lần, các đơn vị rất quyết tâm tiêu diệt địch lập công nhưng hoặc tìm không thấy giặc, hoặc có lúc được tin giặc đến thì quân ta chưa chuẩn bị sẵn sàng, hành quân chậm trễ, thành thử cũng không đánh được giặc. Lúc này càng thấm thía phương châm Bác đã chỉ thị ngay từ ngày mới thành lập đội: "Bí mật, nhanh chóng, tích cực...". Bộ đội ta mới chỉ là một lực lượng du kích tập trung nhỏ bé, vũ khí ít, lương thực không có nhiều, nếu không hết sức tích cực, chủ động tìm địch mà đánh, thì không thể nào tiêu diệt được lực lượng địch, bồi dưỡng được lực lượng ta. Đơn vị quyết tâm thực hiện phương châm "tích cực", lúc nào cũng sẵn sàng vũ khí lương thực, tìm nơi đóng quân thuận lợi, tăng cường công tác tình báo, thông tin nhanh chóng, liên lạc kịp thời, hành quân nhẹ nhàng... để không bỏ lỡ thời cơ tiêu diệt địch.

Đội đã điều tra quy luật di chuyển của quân địch trên đường từ Nà Ngân đi Ben Le và chuẩn bị đánh địch trên con đường này. Khi được tin chắc chắn có đội vận tải của địch sắp đi qua, một trung đội do đồng chí Hoàng Sâm chỉ huy, đã hành quân cấp tốc cả một buổi chiều và suốt một đêm đến địa điểm phục kích. Trung đội được bố trí kín đáo trên quãng đường, một bên là thành vại, cây cối rậm rạp, một bên cỏ gianh mọc um tùm. Anh Hoàng Sâm và tôi đã chọn địa điểm chỉ huy ở trên một quả đồi có thể nhìn xa khoảng ba cây số theo dõi sự vận chuyển của địch. Bố trí từ sáng đến ba giờ chiều địch mới về tới nơi. Địch lọt vào giữa vòng vây, anh Hoàng Sâm bắn một phát súng ra hiệu lệnh xung phong. Quân địch không tên

nào kịp chống cự. Trận này ta bắt sống gần một trung đội địch, thu 16 khẩu súng và khá nhiều lương thực, đạn dược.

Bộ đội ta tuyên truyền giải thích cho tù binh, rồi thả một số cho trở về đồn Nà Ngần. Quân địch còn đóng tại đây hết sức hoang mang. Ngay đêm ấy bộ đội ta tiến theo đường núi tới bao vây đồn. Tiếng súng, tiếng hô xung phong xen lẫn với tiếng loa kêu gọi. Tinh thần binh lính địch trong đồn tan rã, một số bỏ chạy, một số mang súng ra hàng. Chúng ta thu được gần 30 khẩu súng. Trời tảng sáng, bộ đội vào chiếm đồn, thu tất cả đạn dược và đồ quân dụng.

Sau mỗi lần chiến thắng, đội lại điều động một số cán bộ và phân phối những vũ khí thu được về các châu để xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Châu Hòa An đã thành lập trung đội Giải phóng quân. Các châu, huyện khác cũng đều sửa soạn thành lập những trung đội Giải phóng quân.

Thượng tuần tháng 3, anh Phạm Văn Đồng và anh Vũ Anh tới thăm bộ đội tại tổng Hoàng Hoa Thám. Các anh nói: Tình hình rất khẩn trương, nhiều triệu chứng Nhật sắp lật Pháp, đội phải đi xuống phía Nam sớm, mở nhanh đường liên lạc với vùng xuôi.

Hai ngày sau, đồng bào đi chợ Nguyên Bình về nói chuyện, xe Nhật chở quân từ tỉnh lỵ đến đánh chiếm đồn Nguyên Bình và bắt Tây làm tù binh. Chúng tôi đoán có xung đột lớn. Nếu đọit thảo luận với các anh thì sợ lỡ thời cơ, theo kế hoạch Nam tiến đã bàn bạc bữa trước, chúng tôi quyết định cho Giải phóng quân xuất phát ngay.

Cả đại đội từ trong rừng Phan Thanh, tổng Hoàng Hoa Thám kéo xuống cánh đồng Kim Mã giữa ban ngày. Lần đầu, lá cờ đỏ sao vàng ngang nhiên phấp phới tung bay giữa cánh đồng, trong tay những chiến sĩ Giải phóng quân. Đồng bào các làng, bản đổ ra đón chào, hoan hô bộ đội.

Sau bao năm hoạt động bí mật, sinh sống trong rừng sâu, núi hiểm, mỗi khi qua các làng mạc đều phải đi đêm, nén từng tiếng ho, nhẹ từng bước chân, đến bây giờ, chúng tôi bỗng ra khỏi rừng, giữa ban ngày ung dung đi trên đường cái, trên cánh đồng, được đồng bào nhiệt liệt đón mừng, ai nấy đều hết sức cảm động, sung sướng. Các cổng làng, các điểm gác mắt hẳn đáng vẻ kinh sợ ngày xưa. Những làng, bản, những mái nhà lúc này như mới trở về tay nhân dân. Trời như cao hơn, nắng như ấm hơn, ngọn tre, nhành lúa đều có vẻ tươi sáng hơn mọi ngày. Hương vị tự do, độc lập tràn khắp núi rừng, làng mạc. Thực không thể nào tả được cái không khí thơm nhẹ, cái cảm tưởng hớn hở của những người lần đầu được hưởng những hương vị độc lập, tự do.

Chúng tôi tổ chức mít tinh, giải thích với đồng bào: "Nhật - Pháp đã đánh nhau, đây là thời cơ tốt để đứng dậy chuẩn bị khởi nghĩa", và hạ lệnh cho tất cả các lính đồng phải nộp súng.

Ngày hôm sau, chúng tôi biên thư báo cáo, rồi kéo thẳng đường cái, tiến xuống châu Ngân Sơn. Dọc đường, một trung đội do đồng chí Sơn Cương chỉ phân công ở lại tổng Hoàng Phái, bắt tên tổng đoàn phản động, vũ khí của các lính đồng, và tuyên truyền giải thích cho nhân dân.

Có tin, tên Pháp chỉ huy đồn Ngân Sơn không chịu rút quân ra khỏi đồn, hình như muốn nấn ná ở lại, đợi Nhật đến. Chúng tôi lập tức biên thư cho hắn. "Nếu muốn cùng hợp tác với Việt Minh để đánh Nhật thì phải kéo quân vào ngay khu du kích, sẽ được giúp đỡ, trái lại, nếu ở lại để nộp khí giới cho Nhật thì Việt Minh sẽ đánh lấy đồn".

Chiều hôm ấy, tên chỉ huy đồn cùng vợ to béo, đưa theo toàn bộ binh sĩ đóng tại đồn Ngân Sơn, đến một địa điểm được chỉ định gần nơi bộ đội ta đóng quân. Chúng tôi tiếp nhận bộ phận binh lính này.

Các anh Hoàng Sâm, Quang Trung cùng một đơn vị theo dọc đường quốc lộ tiến xuống Phủ Thông đi về phía Bắc Kạn tước vũ khí lính đồng, phát triển bộ đội và chiến đấu với Nhật.

Đại bộ phận tiến về phía Chợ Rã.

Trên suốt dọc đường, đồng bào tập nập đổ ra đón mừng, hoan hô bộ đội. Thấy các lý trưởng, quản chiếu trước kia hàng ngày vẫn lên đờn trình bả, bây giờ mang gà, gạo đến ủy lạo bộ đội, gọi chúng tôi là "đồng chí", viên Tây đờn hết sức kinh ngạc, hỏi:

- Những người này đối với các ngài là thế nào?

Chúng tôi đáp:

- Đó là những hội viên ở trong các hội cứu quốc của Việt Minh.

Tên Tây đờn ngẩn người ra rồi nói:

- Đất đai dưới chân tôi biến mất hết từ bao lâu nay mà tôi không hề hay biết! Không ngờ Việt Minh lại có lực lượng to lớn như thế này!

Hắn nói không hiểu tại sao bộ đội Pháp trước kia đi đến đâu nhân dân cũng trốn tránh, mà bộ đội Việt Minh đi đến đâu, nhân dân cũng đón chào.

Chúng tôi đã nắm được tình hình tư tưởng binh lính tại đờn Ngân Sơn, chỉ một số rất ít muốn đi theo bộ đội cách mạng, phần lớn muốn trao súng lại để trở về nhà. Tới Chợ Rã, tên quan đờn ngỏ ý muốn chia tay chúng tôi để kéo quân sang Trung Hoa, nhưng toàn thể binh lính không ai chịu theo hắn, xin nộp khí giới cho bộ đội cách mạng rồi trở về nhà. Hai vợ chồng tên Pháp xin ta cấp giấy để đi về phía biên giới Việt - Trung.

Bộ đội ta gửi thông tri cho tên tri châu và tên đờn trưởng người Pháp đang lẩn lút ở chung quanh Chợ Rã biết, chúng ta sẽ vào giải phóng Chợ Rã. Tên tri châu này nổi

tiếng là phản động, chạy trốn, định đi báo tin cho Nhật, lập tức bị đuổi bắt lại và tuyên án xử bắn trước nhân dân. Tên chỉ huy đồn xin nộp lại bốn trung đội lính khố xanh cùng toàn bộ vũ khí cho quân cách mạng.

Quân đội Pháp còn trong địa hạt tỉnh Bắc Kim lúc bấy giờ khoảng trên dưới năm trung đội, trong đó có một số sĩ quan Pháp, do một tên quan năm chỉ huy. Các đơn vị này được lệnh cấp trên của chúng, tiến hành những hoạt động quấy nhiễu Nhật trong khi còn ở lại đây đợi lệnh mới. Có tin, bọn chỉ huy Pháp định tập trung quân ở miền sông Thao, gây cản cứ du kích đánh Nhật, và đang liên lạc với Bộ tham mưu Đồng minh ở Trung Hoa.

Chúng tôi viết thư cho tên chỉ huy Pháp khuyên hẳn cùng Việt Minh đánh Nhật với các điều kiện:

1 - Phải tôn trọng chủ quyền của ta. 2 - Binh lính của hẳn không được quấy nhiễu nhân dân. 3 - Ta sẽ để nhân dân bán cho hẳn lương thực. Nhưng thực ra bọn chỉ huy Pháp không có ý muốn chống cự với Nhật, chúng chỉ mong thoát thân. Hầu hết binh sĩ của chúng đến gặp ta, nộp súng, rồi xin trở về quê quán.

Sau này, chúng tôi biết, bọn Pháp mặc dầu có hàng vạn quân trong tay, nhưng khi bị Nhật lật, chỉ làm có hai công việc: chạy trốn và đầu hàng. Đại bộ phận quân Pháp ở Cao Bằng rút chạy sang Trung Hoa, một bộ phận dồn về Bắc Kạn. Bọn tàn quân ở Lạng Sơn kéo về Bắc Kạn, hợp nhất với bọn ở đây, rồi chạy cả về Pắc Nặm, qua Nặm Quét sang Trung Hoa. Binh lính của chúng ở Bắc Giang, Thái Nguyên, Sơn Tây... đều rút lên Tuyên Quang, men theo đường rừng dọc sông Gâm, đến Nặm Quét hay tới Hà Giang để vượt biên giới. Chúng đi hốt hoảng, vội vã, quên cả dặn dò những tên tay chân tổng đốc, tuần phủ đón chúng ở dọc đường. Nhưng chúng không quên dùng hơi ngạt giết chết những người cách mạng bị giam giữ tại Cao Bằng, Yên Bái. Trên dọc đường rút lui, chúng cướp bóc nhân dân hết sức tàn tệ. Có nơi, đồng bào bỏ chạy vào rừng; một tháng sau, cán bộ Việt Minh

đến giải thích rồi, vẫn chưa dám trở về làm ăn. Hầu hết các binh lính người Việt bị dồn đi theo, đều bỏ rơi chúng, đem vũ khí nộp cho hội Cách mạng, rồi trở về làng. Một số xin gia nhập hàng ngũ Quân giải phóng kháng Nhật.

Khi chúng tôi vào Chợ Rã thì cờ sao đã đỏ rực trên suốt dọc phố, trên mái nhà, trên trường học. Nhân dân trông chờ bộ đội, nhà nào cũng chuẩn bị cơm nước để đón bộ đội.

Lâu lắm mới thấy lại đường phố. Chợ Rã chỉ là một châu lỵ nhỏ ở miền thượng du, nhưng trước mắt chúng tôi lúc này phố xá nhà cửa đã có vẻ to lớn. Các đồng chí liên lạc đưa chúng tôi vào nghỉ tại một gia đình cơ sở ở trong phố. Chủ nhà là một người miền xuôi, trước kia đã là độc giả của báo *Tin tức* trong thời kỳ Mặt trận bình dân.



XXV

CHÚNG tôi ở lại Chợ Rã một hôm, tổ chức mít tinh nhân dân để tuyên truyền, giải thích những chính sách của Việt Minh, tước súng của lính đồng, tổ chức lực lượng vũ trang châu, tuyển mộ một số thanh niên để mở rộng bộ đội và nhằm đào tạo cán bộ cho địa phương về sau. Chính quyền địch đã hoàn toàn tan rã. Mọi việc từ tổ chức các đoàn thể cứu quốc, chống cự với Nhật khi chúng kéo lên, cho tới việc tranh chấp ruộng, rẫy... nhân dân đều đến hỏi cán bộ. Đội giao nhiệm vụ cho đồng chí Mai Trung Lâm ở lại địa phương, rồi tiếp tục tiến về phía Nam. Anh Hoàng Văn Thái chỉ huy một đơn vị đi về phía Lục An Châu. Đại bộ phận của đội đi xuống Chợ Đồn.

Bộ phận tiến xuống phía Chợ Đồn phải qua Hồ Ba Bể. Từ trước, đã nhiều lần nghe nói Hồ Ba Bể là một thắng cảnh. Lần này, lại được đến nơi trong những ngày đất nước bắt đầu đổi mới, thấy thật là một thắng cảnh tuyệt vời. Hồ Ba Bể do ba cái hồ rất lớn hợp thành. Giữa những núi non hùng vĩ đột ngột hiện ra một dải nước mênh mông, rất nhiều ngòi, lạch tia ra xung quanh, giống như một Vịnh Hạ Long thu nhỏ ở ngay giữa đất liền. Tại vùng này, việc giao thông chủ yếu phải dùng thuyền, bè, hay canô, vì đường qua núi rất ít nẻo đi thông.

Giữa hồ có một dải đất nổi lên như hòn đảo. Tại đây, thực dân Pháp trước kia đã xây một khách sạn khá lớn để phục vụ cho những "ông Tây, bà đầm" đi nghỉ mát và xem cảnh đẹp. Tây từ lâu không đến, nhưng những người phục vụ tại khách sạn vẫn còn. Chúng tôi điều tra xem Pháp có cất giấu súng đạn ở chung quanh đây không. Anh chị em làm việc tại khách sạn dẫn chúng tôi đi lấy được một số đạn giấu ở hốc đá. Đội triệu tập đại biểu nhân dân các xã chung quanh tới để tuyên truyền, giải thích chính sách và tuyển mộ một số thanh niên vào đội. Nhân dân nô nức đến chào mừng bộ đội, mang theo nhiều lương thực, và sốt sắng cho con em gia

nhập hàng ngũ Quân giải phóng. Đội quyết định tịch thu mọi thứ đồ đạc của bọn thực dân còn để tại khách sạn như chăn, màn, vải vóc... chia cho đồng bào nghèo, và tặng lại những gia đình có con em đi Giải phóng quân.

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy sớm, chuyển vào một làng ở ven hồ. Mặt trời đỏ thắm nhô dần lên khỏi mặt nước. Một đoàn thuyền độc mộc chở bộ đội nối theo nhau lướt trong gió mát lạnh ban mai. Chúng tôi thấy rõ ràng mình đang đi giữa một kỳ công của thiên nhiên. Đồng bào đang quăng chài, kéo lưới, đều ngừng làm việc để nhìn bộ đội đi qua. Mấy chị người Tây đem những con cá tươi vừa đánh được, tặng bộ đội.

Từ khi ở Chợ Rã ra đi, có một điều làm tôi hết sức suy nghĩ... Cho đến lúc đó vẫn chưa nắm được rõ ràng tình hình chung. Bọn Pháp có nói Nhật đã đánh chúng, nhưng chính chúng cũng không rõ tình hình tại Hà Nội ra sao. Tuy vậy, chúng tôi vẫn đoán chắc chắn là có sự biến chuyển lớn. Vấn đề chính làm tôi băn khoăn là: Pháp đã bỏ chạy, chính quyền cũ hoàn toàn tan rã, lúc này đã nên thành lập chính quyền cách mạng chưa? Trường hợp này, khi chúng tôi còn ở cơ quan, chưa có dịp bàn đến. Tôi nghĩ đến những điều đã đọc trong các tác phẩm của Lenin: đại ý như: "Khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện thì phải kiên quyết đứng lên... Phải luôn luôn tấn công... Phải hết sức cân nhắc những điều kiện khởi nghĩa, nếu đã chín muồi thì phải hành động ngay, nhưng nếu manh động thì thất bại...". Điều kiện như thế này là đã chín muồi chưa? Vấn đề này chưa có chỉ thị của Trung ương mà Liên tỉnh cũng chưa có nghị quyết. Lại nhớ đến lần Bác phê bình những nghị quyết về khởi nghĩa của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng. Rồi lại nghĩ, ngày đó Bác phê bình là rất đúng, nhưng hiện nay tình hình đã khác hẳn trước rồi. Năm trước, chúng tôi xuống Chợ Rã, phải đi lén lút trong rừng sâu, e ngại từng vọng gác nhỏ của địch; lần này, cả đoàn quân kéo đi trên đường cái, giữa ban ngày, không gặp sức mạnh nào cản trở. Cuối cùng, tôi nhận thấy, với chủ trương chung cho tất cả

các nơi thì phải đợi chỉ thị của trên, nhưng riêng trong vùng này thì nên thành lập chính quyền cách mạng.

Tôi quyết định để đại bộ phận tiếp tục tiến về Chợ Đồn, mình cùng một số đồng chí quay lại Chợ Rã.

Khi họp để trao đổi về ý định này tại Chợ Rã, các cán bộ đều nhất trí. Tại châu lỵ Chợ Rã và mấy xã lân cận, cơ sở cũ của ta không có mấy. Chúng tôi tiến hành điều tra, chọn một số người từ trước đến nay vẫn tỏ ra có cảm tình đối với cách mạng, được nhân dân tại đây tin cậy, thành lập ủy ban nhân dân lâm thời Chợ Rã. Cán bộ triệu tập mít tinh, giới thiệu ủy ban ra mắt nhân dân. Chính quyền mới tuyên bố sẽ thực hiện Mười chính sách của Việt Minh đã ban hành. Chúng tôi cùng thảo luận với cán bộ địa phương kế hoạch tuyên truyền, tổ chức ủy ban nhân dân lâm thời tại các xã trong toàn châu, kế hoạch xây dựng các hội cứu quốc, các đội tự vệ, chia công điền, và chuẩn bị trước một địa điểm ở nơi an toàn để tạm rút nếu quân Nhật kéo lên đông, ta chưa đủ sức chống cự. Tôi biên thư cho đồng chí Sơn Cương, nêu ý kiến cần thành lập ngay chính quyền nhân dân ở trên đó.

Ngày hôm sau, chúng tôi lại quay xuống Chợ Đồn. Bộ đội dừng lại ở bản Chi Án, một nơi chưa có phong trào. Sau khi chúng tôi tước vũ khí của lính đông, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời, nhân dân địa phương hỏi ngay đến vấn đề ruộng đất. Cán bộ đội đã tiến hành điều tra vấn đề ruộng đất, nợ lãi tại đây, sau đó đem chia tất cả những công điền.

Đến Chợ Đồn, thì nhận được thư của các anh.

Ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đã ra nghị quyết:

1. Đánh đổ chế độ thống trị của Pháp ở hương thôn, rồi tùy nơi, sẽ thành lập chính quyền nhân dân từ cấp xã đến cấp châu huyện, phủ, hoặc đến cấp tỉnh.

2. Phân phối cán bộ của Đội tuyên truyền về cùng các đội vũ trang địa phương tổ chức thêm những đơn vị Giải phóng quân mới, chuẩn bị trực tiếp đánh Nhật.
3. Phá hoại đường sá, cầu cống, dân chúng tích cực làm vườn không nhà trống khắp nơi.
4. Đối với quân đội Pháp bị Nhật đánh đuổi, chủ trương không khiêu chiến với họ trong lúc họ rút lui, mà tích cực kêu gọi họ cùng nhau thành lập mặt trận chống Nhật.

Các đội Giải phóng quân ở Cao Bằng đã được lệnh đi về nhiều hướng khác nhau. Anh Thiết Hùng chỉ huy một đơn vị tiến sang chiến đấu tại phía Bảo Lạc, sau đó tiến về mạn Thất Khê, Bình Gia cùng các đồng chí Đàm Ninh Viễn, Hoàng Minh Thảo đẩy mạnh mọi hoạt động. Anh Lê Quảng Ba đã chỉ huy một đơn vị tiến về biên giới Việt - Trung, phía Sóc Giang, sau khi giao nhiệm vụ chiến đấu lại cho anh Bằng Giang, tiếp tục tiến sang phía Bắc Quang.

Các đơn vị vũ trang tại Cao Bằng đã hạ một loạt đồn trại, thu súng của lính đông, gọi tước vũ khí của các đoàn quân Pháp nối tiếp nhau vượt qua biên giới Việt - Trung từ Trùng Khánh đến châu Bảo Lạc, đã thu được hàng ngàn súng trong đó có nhiều súng máy, có cả súng cối và đại bác; ngoài ra còn thu được khá nhiều lừa ngựa. Một số sĩ quan Pháp không đáp lời kêu gọi của ta cùng hợp tác chống Nhật, còn quay lại bắn vào ta, như ở Trà Lĩnh, Mã Phục, đã bị các lực lượng vũ trang của ta đánh bại, phải nộp toàn bộ vũ khí.

Với những lực lượng cách mạng không ngừng được tôi luyện suốt mấy năm qua, trong tình hình chuyển biến mới có lợi, phong trào cách mạng Cao Bằng như nước vỡ bờ tràn lan nhanh chóng khắp nơi. Không đầy một tháng sau khi Nhật đảo chính, toàn bộ các châu Hòa An, Nguyên Bình, Hà Quảng, tại Thạch An và một phần các châu Bảo Lạc, Quảng Uyên, Trùng Khánh... chính quyền đã về tay nhân

dân ta. Các ban Việt Minh tổng và xã đều ra công khai; mọi thứ thuế má cũ đều bãi bỏ; ra đường mọi người đều chào nhau bằng đồng chí. Thanh niên, đặc biệt là những người ở trong các đội tự vệ, tự vệ chiến đấu nô nức tòng quân. Với những vũ khí đoạt được của địch, các châu tại Cao Bằng đã dần dần thành lập trên mười đại đội Giải phóng quân. Anh Vũ Anh cùng một đơn vị tiến xuống phía Bắc Sơn, Đình Cả. Những đại đội Giải phóng quân mới được tổ chức di chuyển về phía Nam, sẵn sàng đợi lệnh.

XXVI

Cuối tháng 3 năm 1945, chúng tôi về tới Chợ Chu.

Ngay sau ngày Nhật đảo chính, các đơn vị Cứu quốc quân đã nổi lên hoạt động, chặn đánh quân Pháp tại Đèo Khế, tước khí giới, đoạt những vũ khí quân đội Đồng minh thả dù tiếp tế cho Pháp, bao vây hạ một loạt đồn bốt châu ly: La Hiên, Chợ Chu, Chiêm Hóa, Đại Từ... Đảng bộ Thái Nguyên và ủy ban quân chính Thái - Tuyên đã lãnh đạo nhân dân ở các xã giành chính quyền từng bộ phận. Cuối tháng 3 năm 1945, chính quyền ở các xã trong toàn tỉnh hầu hết đã về tay ta.

Về phía Tuyên Quang, Cứu quốc quân hạ đồn Đãng Châu, chiếm đóng huyện Sơn Dương. Chính quyền nhân dân đã thành lập ở nhiều châu, huyện từ bờ sông Lô đến đường quốc lộ số 3, và về phía Nam tới gần tỉnh lỵ Vĩnh Yên.

Trong khi chúng tôi gặp nhau tại Chợ Chu thì các đơn vị Cứu quốc quân, Giải phóng quân khác cũng gặp nhau tại Đại Từ (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Kạn), Đầm Hồng, Bản Thi, Chiêm Hóa, Sơn Dương (Tuyên Quang), Văn Mịch (Lạng Sơn).

Những người bạn chiến đấu gặp nhau lần này trong vận hội mới của cách mạng, tay bắt mặt mừng giữa ban ngày tại phố xá đông đúc, khác hẳn trong rừng sâu, đêm khuya cách đây hơn một năm. Chúng tôi kể lại cho nhau nghe tình hình phong trào cách mạng trong những vùng đã công tác từ ngày đó đến nay. Anh Chu Văn Tấn cho biết phong trào tại Tuyên - Thái đang phát triển mạnh, và đã bắt được liên lạc với Trung ương ở đội đóng quân ngay tại chợ. Công việc dồn dập. Cuộc hàn huyên không thể kéo dài. Sau một đêm liên hoan tung bừng, các cán bộ, chiến sĩ quốc quân, Giải phóng quân chia nhau đi làm công tác dân vận.

Về đến đây, chúng tôi biết, ngay sau khi Nhật bắt đầu đảo chính, Trung ương Đảng đã ra bản chỉ thị: "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" ấn định

đường lối, sách lược của Đảng trước tình hình mới. Khẩu hiệu: "Đánh đuổi Nhật, Pháp" nay đổi thành "Đánh đuổi phát xít Nhật". Đảng chủ trương "Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ, tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa".

Ít ngày sau, tôi nhận được thư của anh Trường Chinh triệu tập về họp Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Tôi viết thư lên Cao Bằng báo cáo tình hình với anh, rồi lên đường đi họp.

Hết đường rừng, phải bỏ ngựa lại, bắt đầu đi bộ. Các đồng chí đã kiếm cho tôi đủ bộ, quần trắng, áo the, khăn xếp, làm hành trang đi đường. Qua Đại Từ, Cát Nê, Ký Phú, phó Ni... mỗi lúc một thấy gần miền xuôi. Đã mấy năm nay mới lại nhìn thấy cánh đồng xanh chạy dài tít tắp đến chân trời. Chưa kịp vui vì được nhìn lại những cánh đồng quê hương thì lòng đã se lại khi thấy đồng bào lam lũ, đói rách quá chừng. Người đói từ miền xuôi kéo lên, nằm rải rác suốt dọc đường, da bọc lấy xương. Mấy năm qua ở Cao - Bắc - Lạng trong thời gian dài địch khủng bố, đồng bào cũng sống rất thiếu thốn, nhưng không đến nỗi cơ cực như thế này. Nghe nói, ở miền xuôi nạn đói còn hoành hành dữ dội hơn nhiều. Có những làng ở Thái Bình, Nam Định dân bỏ đi hết không còn ai. Tại Hà Nội, mỗi sáng, xe chở rác đầy chạt những xác người chết trên các hè phố. Cùng với những tội ác đẫm máu của giặc tại Cao - Bắc - Lạng mấy năm qua, lại còn tội ác tày trời chúng đang gây nên ở đây. Sự bóc lột của giặc đã lên tới mức cùng cực. Với lòng căm phẫn tột độ, nhân dân đã đứng dậy cả rồi. Cách mạng không thể nào đi bước một. Tình hình đã cấp bách đòi một sự đổi thay đến tận gốc rễ.

Đến Bắc Giang, thấy mình thật đã đặt chân lên cánh đồng màu mỡ kéo liền một dải của đồng bằng. Từ đây về đến Hà Nội chẳng còn đèo dốc nào. Cảm thấy đã gần nhà quá chừng.

Đồng chí giao thông đưa chúng tôi qua những quả đồi thông xanh xắn, tới một làng cơ sở. Tại đây, chúng tôi gặp các anh Trường Chinh, Trần Đăng Ninh, Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng...

Cuộc họp kéo dài bốn ngày dưới sự điều khiển của anh Trường Chinh. Anh Chu Văn Tấn báo cáo trước hội nghị tình hình phong trào và những hoạt động của Cứu quốc quân tại Thái Nguyên, Tuyên Quang. Tôi báo cáo tình hình phong trào và những hoạt động của Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân tại Cao Bằng, Bắc Kạn. Qua hội nghị, biết rõ một cao trào kháng Nhật đang lên mạnh từ Bắc chí Nam. Nhiều nơi trên Việt Bắc, đã thành lập chính quyền công khai. Nhiều vùng tại trung du đã có ủy ban Giải phóng dân tộc, tức là một thứ chính quyền nửa công khai của cách mạng. Tại miền xuôi cũng đã diễn ra nhiều cuộc tuần hành vũ trang rầm rộ. Ngoài những lực lượng vũ trang của Đảng tại Việt Bắc, còn rất nhiều những đội tự vệ, tự vệ chiến đấu ở trung du, ở miền xuôi và ngay ở trong lòng các thành phố lớn. Tại miền Trung, du kích đã nổi dậy ở Quảng Ngãi (sau này chúng tôi mới biết là Đội du kích Ba Tơ)*. Tại Nam Kỳ, những hoạt động của Việt Minh đang phát triển mạnh ở Mỹ Tho và miền Hậu Giang.

Hội nghị nhận định trong tình thế hiện nay, cần phải phát động chiến tranh du kích và chuẩn bị Tổng khởi nghĩa.

Về quân sự, hội nghị quyết nghị chia toàn quốc ra bảy chiến khu, đề ra nhiệm vụ xây dựng Việt Bắc thành căn cứ địa kháng Nhật kiểu mẫu để mở rộng chiến tranh du kích; thống nhất Cứu quốc quân và Giải phóng quân lại, đồng thời thành lập Bộ tư lệnh miền Bắc. Hội nghị quyết định sáp nhập một số tỉnh trung du vào căn cứ địa Việt Bắc để làm vùng hoạt động du kích ngoại vi, bảo vệ cho căn cứ. Nhiệm vụ vũ trang Nam tiến được chú ý đặc biệt: một bộ đội tinh nhuệ phải tiến gấp về hướng Nam. Hội nghị bầu ra một ủy ban quân sự cách mạng để trực tiếp điều khiển công việc cho đến lúc khởi nghĩa.

Về chính trị, hội nghị đề ra nhiệm vụ đoàn kết toàn dân, lôi cuốn cả các thành phần tầng lớp trên vào phong trào cứu quốc, đẩy mạnh phong trào đi tới bằng cách kêu gọi nhân dân vũ trang tuần hành trong những vùng chưa phát động du kích. Theo chỉ thị của Bác, hội nghị ra nghị quyết đề nghị triệu tập một cuộc đại hội đại biểu toàn quốc gồm các giới, các đảng phái, các thân sĩ trong toàn quốc để thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam và tiến tới thành lập Chính phủ lâm thời.

Từ ngày lên đường đi họp, tôi hy vọng về đây gặp các anh sẽ được biết tin nhà. Mấy năm qua, không được tin tức gì về gia đình. Tôi có đôi lần gửi thư không rõ có đến nơi hay không. Tôi cảm thấy ngày chúng tôi không còn xa nữa.

Buổi đầu gặp lại anh Trường Chinh và các anh sau bao năm xa cách, thật là vui mừng khôn xiết. Tôi đang ngồi nghe các anh kể chuyện địch khủng bố gắt gao dưới xuôi, cơ quan luôn phải di chuyển địa điểm, thì anh Trường Chinh nói:

- Chị Thái chỉ vì gửi cháu chưa được, chưa kịp đi bí mật thì đã bị chúng bắt. Cũng không ngờ chị lại bị mất ở trong tù...

Tôi lặng người đi.

Lát sau, tôi hỏi:

- Anh nói sao, Thái mất rồi ư?

Anh Trường Chinh có vẻ ngạc nhiên, hỏi lại:

- Anh chưa biết tin à?

Khi ở Cao Bằng, các anh cũng đã có lần nghe tin đâu như chị Thái bị bắt, nhưng vẫn giấu chưa muốn cho tôi biết. Tôi bàng hoàng đi sang buồng bên, chưa tin hẳn điều các anh nói là sự thật.

Tôi nằm nhớ lại ngày chúng tôi mới gặp nhau ở Huế trong khi cùng hoạt động bí mật, nhớ đến những lời hứa hẹn sẽ cùng nhau phấn đấu trọn đời cho chủ nghĩa

cộng sản, nhớ lại những điều đã dặn dò nhau khi chia tay, nghĩ đến Hồng Anh... Sau này tôi mới biết trong thời gian tôi đi xa, Thái vẫn tiếp tục hoạt động, làm liên lạc cho Trung ương; sau chuyển đi Sài Gòn để gặp chị Minh Khai lần cuối cùng trước lúc chị bị đế quốc đem xử bắn, trở về nhà được ít lâu thì bị bắt. Trong nhà tù, bọn đế quốc đã dùng mọi cực hình tra tấn để truy tìm mối dây liên lạc với anh Hoàng Văn Thụ, Thái đã quyết không khai một lời, giữ tròn khí tiết của người đảng viên cộng sản, và đã mất tại nhà giam Hỏa Lò Hà Nội.

Liên hôm đó, cuộc họp lại tiếp tục. Các anh hết sức tìm cách an ủi tôi. Cho đến mãi về sau, trong không khí nô nức của những ngày tiền khởi nghĩa, mỗi lúc nghĩ đến Thái, tôi vẫn không tin được là chúng tôi sẽ không bao giờ gặp nhau trở lại. Nợ nước, thù nhà, oán hờn giai cấp, đối với người đảng viên cộng sản chỉ có thể trả bằng cách: vượt lên những khó khăn, đau thương, kiên quyết tiến lên trên con đường Đảng đã chỉ rõ, dốc hết sức mình chiến đấu tiêu diệt quân thù, hy sinh tất cả cho sự nghiệp của Đảng, của nhân dân, của dân tộc.

*Xem *Từ núi rừng Ba Tơ*, hồi ký về Du kích Ba Tơ của đồng chí Phạm Kiệt.

XXVII

VỀ đến Chợ Chu đúng vào ngày 1 tháng 5, chúng tôi dừng lại đây làm mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế lao động. Một số tin mừng đến. Bên chiến trường châu Âu, phát xít Đức sắp hoàn toàn gục ngã trước Hồng quân Liên Xô và Đồng minh. Cũng lúc ấy, được tin Bác đi xa mới về, đang từ biên giới xuống với chúng tôi. Trước đó, có tin Bác định về dưới này, chúng tôi đã đề nghị Bác đi theo con đường Nam tiến Bác đã vạch ra cho đội Tuyên truyền ngày trước.

Tôi vội vã đi đón Bác. Dọc đường, ngựa phóng nhanh quên nghỉ. Lên Đèo Re, qua Nghĩa Tá, tới Nà Kiên thì vừa gặp Bác đang đi về. Bác ngồi trên mình ngựa, có vẻ mệt sau một chặng đường xa, mặt võ, râu để dài, duy đôi mắt Bác vẫn tinh anh như bất cứ lúc nào.

Từ ngày Bác giao nhiệm vụ xây dựng Đội tuyên truyền Việt Nam Giải phóng quân đến bây giờ tôi mới được gặp lại Bác. Tôi không nén được xúc động, báo cáo với Bác:

- Vùng giải phóng đã mở rộng...

Tôi trình bày với Bác tình hình phong trào nhân dân trong những vùng rộng lớn mà chúng tôi đi qua, từ ngày Bác chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Tôi báo cáo đã liên lạc được với Trung ương, đã gặp anh Trường Chinh và các anh, phong trào cách mạng ở miền xuôi đang lên mạnh. Bác chăm chú nghe, bình tĩnh, điềm đạm, trong đôi mắt Bác có ánh vui.

Bác kể chuyện tình hình bên ngoài, thời cơ cũng đang có lợi cho ta. Bác nói, cần chọn ngay trong vùng Cao - Bắc - Lạng hoặc Tuyên Quang, Thái Nguyên một địa điểm có dân tốt, có cơ sở cách mạng tốt, địa hình tốt, có thể thuận tiện làm một trung tâm liên lạc với miền xuôi, miền ngược và ra nước ngoài.

Tôi trở về Kim Quan Thượng bàn với anh Song Hào. Chúng tôi nhận thấy nên chọn vùng Tân Trào. Tân Trào là một vùng rừng núi hiểm trở, giữa Tuyên Quang và Thái Nguyên, rất xa đường cái lớn. Từ ngày các anh Song Hào, Tạ Xuân Thu... thoát ngục Chợ Chu, đã về đây cùng các đồng chí Dục Tôn, Lê Trung Đình... xây dựng cơ sở và thành lập chính quyền cách mạng. Nhân dân và cơ sở tại đây rất tốt.

Anh Chu Văn Tấn mấy hôm trước tưởng Bác về theo đường Chợ Đồn, đã đưa bộ đội lên bố trí tại Đèo So để đón Bác, được tin Bác đi đường khác, vội vã quay về Sơn Dương.

Bác về Tân Trào vào một buổi trưa. Anh Chu Văn Tấn và anh Song Hào cùng một số đồng chí cán bộ đón Bác trước đình Hồng Thái.

Bác ở lại ít ngày tại một gia đình cơ sở xóm Kim Long rồi chuyển lên một chiếc lán nhỏ làm trên sườn một quả đồi. Tiếng đồn bay đi khắp nơi: “Có ông lão cao tuổi, sao mà nhanh nhẹn, tài giỏi, tốt đến thế. Dân mình lắm người tài, phen này nhất định lấy lại được nước”.

Thời gian này anh Cả* ở xuôi lên và anh Hoàng Quốc Việt ở nước ngoài về cũng đến Tân Trào. Tôi báo cáo lại với Bác và các anh những nghị quyết của Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Bác nhận xét hội nghị tiến hành rất tốt, nhưng Bác nói: “Chia các tỉnh ra làm nhiều chiến khu như thế rườm rà quá, không lợi cho việc chỉ huy chung. Nay vùng giải phóng ở miền ngược đã bao gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, địa thế nối liền với nhau, nên lập thành một khu căn cứ lấy tên là *Khu giải phóng*. Thống nhất các lực lượng vũ trang lại là rất đúng, nên đặt là “*Quân giải phóng*”. Bác bàn với chúng tôi làm dự thảo nghị quyết về thành lập Khu giải phóng và quyết định triệu tập hội nghị cán bộ toàn khu để thống nhất lãnh đạo và triển khai công tác.

Theo nghị quyết của hội nghị cán bộ ngày 4 tháng 6 năm 1945, được triệu tập theo chỉ thị của Bác, Khu giải phóng phải trở thành một căn cứ địa vững chắc về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa để làm bàn đạp Nam tiến, giải phóng toàn quốc.

Tân Trào được chọn làm thủ đô của Khu giải phóng.

Ủy ban chỉ huy tạm thời Khu giải phóng được thành lập. Tình hình cụ thể của các chiến khu, các địa phương trong Khu giải phóng bấy giờ rất khẩn trương. Ủy ban chỉ huy lâm thời khu chưa kịp họp lần nào. Tôi được chỉ định làm thường trực của ủy ban, một mặt giữ liên lạc với Trung ương dưới xuôi, với các anh Lê Thanh Nghị, Trần Đăng Ninh tại Bắc Giang, một mặt giữ liên lạc với Cao Bằng, Bắc Sơn.

Trên đất nước còn mang đầy vết thương và những bóng đen ảm đạm sau gần một trăm năm bị đô hộ, đã xuất hiện hình ảnh tươi sáng của nước *Việt Nam ngày mai*.

Chính quyền nhân dân trong toàn Khu giải phóng được chính đón lại bằng bầu cử, theo phổ thông đầu phiếu.

Lần đầu, người dân được trao lại những quyền tự do dân chủ đã bị cướp đoạt, tự mình lựa chọn những người đứng ra đại diện bảo vệ quyền lợi cho mình. Ý nghĩa của việc bầu cử được tuyên truyền, giải thích sâu rộng. Ngoài những cuộc mít tinh hàng châu, hàng tổng, hàng xã để nghe cán bộ giải thích, còn có những đội kịch đi khắp các nơi làm công tác tuyên truyền. Đồng bào Khu giải phóng là những người đầu tiên được cầm lá phiếu của tự do. Nhân dân bầu ra người đại diện và cũng chính nhân dân phế truất những người không còn xứng đáng để đại diện cho mình. Tại châu Sơn Dương, một ủy viên châu làm trái phép, nhân dân đã vận dụng quyền bãi miễn, các xã phái đại biểu đi họp hội nghị, biểu quyết cách chức ủy viên ấy.

Về kinh tế, cũng có nhiều chuyển biến tốt. Trong vòng khói lửa, ngày nào cũng nghe tiếng súng nổ, công việc tăng gia sản xuất vẫn tiến hành đều đặn. Những đám

đất hoang đều được vỡ. Các bà, các chị đua nhau phát rẫy tập thể. Tại Chợ Chu đã mở một cuộc hội nghị tăng gia sản xuất, bàn kế hoạch phát nương, giồng rau, nuôi gà, lợn... của đại biểu các nhà nông, có một kỹ sư canh nông cùng tham gia bàn bạc. Nhiều hợp tác đã mua bán được tổ chức. Các hợp tác xã tại Chợ Rã chuyên vải xuống, các hợp tác xã từ Tuyên, Thái tải muối lên.

Những hoạt động văn hoá cũng triển khai mạnh mẽ. Phong trào chống nạn mù chữ phát triển rất nhanh chóng, phần lớn các xã đều có trường dạy quốc ngữ. Lần đầu, các cụ già, các bà mẹ cấp sách đến trường. Nhiều châu mở trường cứu quốc sơ cấp. Chợ Đồn mở trường sư phạm. Chiêm Hóa mở hội nghị văn hóa. Châu, huyện nào cũng bắt đầu có tờ báo của địa phương. Cao - Bắc - Lạng vẫn ra tờ *Việt Nam độc lập*. Toàn khu có tờ *Nước Nam mới* và *Quân giải phóng*.

Mỗi xã đều có một nhà Hội đồng cứu quốc. Nhân dân thường đến họp để nghe tình hình và bàn bạc những công việc chung.

Nghĩ lại thấy bộ máy thống trị của tên đế quốc cáo già Pháp thật là khe khát, độc ác và tinh vi. Nó đã chằng bủa khắp đất nước ta biết bao tầng lưới sắt chằng chịt. Từ thành thị đến nông thôn các cỏi rề của nó ăn sâu một cách lạ thường. Bây giờ, cái cây già cỗi đó bao năm che lấp cả ánh sáng mặt trời, phút chốc bỗng đổ nhào trước cơn gió lốc. Cửa nhà, làng mạc như lúc này mới được hiện ra dưới ánh sáng ấm áp. Rừng sâu, núi cao, đêm tối không phải là nơi làm việc tốt nhất nữa. Trên các đường lớn, ngõ hẻm, bỗng dưng khôi phục lại cái quyền ung dung đi lại, không phải lấm lét xa gần để tránh người lạ mặt. Nhớ lại lúc đi giày, đi dép chẳng được đã đành, ngay đi chân không còn e sợ để lại dấu vết trên rêu xanh, sỏi trắng... Cả bộ máy thống trị đàn áp ghê gớm của kẻ địch xây dựng từ gần một thế kỷ nay, lúc này đã tan tành trước sức mạnh của nhân dân.

Trong thời gian này, mỗi chiến sĩ Giải phóng quân đều trở nên một cán bộ chính trị. Hầu hết các chiến sĩ trước khi gia nhập bộ đội đều đã hoạt động công tác quần

chúng tại địa phương, bây giờ thành những cán bộ tuyên truyền, tổ chức đặc lực. Các chiến sĩ đã giúp vào việc lập ủy ban nhân dân, tổ chức đội vũ trang địa phương, thành lập các hội quần chúng thanh niên, phụ nữ, đào tạo cán bộ địa phương. Một số cán bộ Giải phóng quân được phép ra khỏi bộ đội để tham gia vào công tác chính quyền hay công việc các hội cứu quốc.

Về quân sự, theo nghị quyết của hội nghị ngày 4 tháng 6, Giải phóng quân Việt Nam và các lực lượng tự vệ đều được chỉnh đốn lại về các mặt: biên chế, huấn luyện, kỷ luật; tổ chức chính trị viên trong quân đội được quy định.

Việc xây dựng các lực lượng vũ trang tiến hành hết sức khẩn trương.

Với sự thống nhất các lực lượng vũ trang, Giải phóng quân lúc này khá đông đảo, đã tổ chức thành những chi đội. Hầu hết các đội viên của những đơn vị Giải phóng quân, Cứu quốc quân trước đây, bây giờ đều trở thành những cán bộ chỉ huy.

Vấn đề đào tạo, huấn luyện cán bộ trở nên rất khẩn thiết. Chúng tôi đã mở những lớp huấn luyện ngắn hạn để bổ túc cho cán bộ tiểu đội, trung đội. Các đồng chí chỉ huy đơn vị thay phiên nhau đi học. Đầu tháng 7 năm 1945, theo nghị quyết của hội nghị quân sự Bắc Kỳ, trường Quân chính kháng Nhật ra đời.

Nhà trường được dựng lên trong một làng Mán, bên bờ một con suối, gần Tân Trào. Học sinh được tuyển lựa trong hàng ngũ Giải phóng quân và những thanh niên ở miền xuôi được các đoàn thể cứu quốc giới thiệu lên. Trường do anh Hoàng Văn Thái phụ trách, nhằm đào tạo các trung đội trưởng và chính trị viên trung đội. Trong học tập lấy việc rèn luyện tinh thần cách mạng làm đầu. Học sinh quân sống ở nhà trường như những chiến sĩ trong một đội du kích lúc đi hoạt động. Anh em tự mình giao dịch với nhân dân. Anh em cùng dân làng đi đẵn gỗ, chặt lá, xây dựng lấy trường. Anh em tự san lấy bãi tập, tự di chuyển vận thóc gạo về, nấu nướng lấy

mà ăn. Trong lúc học tập, mọi việc học sinh đều phải tham gia, phải suy nghĩ, phải tìm cách giải quyết.

Lúc đầu, đã có những người tiếc rằng: thời giờ học tập ít quá. Nhưng sau này anh em mới thấy rõ cách học tập thực tế ấy, trong khoảng thời gian rất ngắn, đã rèn luyện cho anh em trở thành những người cán bộ tốt của quân đội cách mạng.

Trong việc xây dựng bộ đội, công tác chính trị được coi là linh hồn của quân đội cách mạng, bước đầu đi vào nền nếp. Từ cấp trung đội trở lên, bên cạnh người chỉ huy quân sự đều có một chính trị viên là người chăm nom về mặt tinh thần, tư tưởng của bộ đội. Các chiến sĩ đều được giáo dục Mười lời thề danh dự, Năm điều kỷ luật của quân đội. Trước mỗi cuộc chiến đấu, chính trị viên họp đơn vị vạch rõ mục đích, nêu những điều kiện thắng lợi và khó khăn để động viên tinh thần đơn vị. Khi gặp những bước hiểm nghèo, chính trị viên thuật lại những gương quyết tử, nhắc nhở mọi người làm đúng nhiệm vụ và tự mình đứng ra làm gương. Sau mỗi cuộc chiến đấu thắng lợi cũng như gặp khó khăn, đều tiến hành kiểm điểm, khen thưởng, kỷ luật, làm cho bộ đội nuôi giữ nhuệ khí, thắng không kiêu, bại không nản.

Chính trị viên là người giáo dục đoàn kết đơn vị, làm cho những anh em khá có trách nhiệm dìu dắt anh em kém, những chiến sĩ tích cực có trách nhiệm lôi cuốn mọi người cùng hăng hái hoàn thành mọi nhiệm vụ của đội, làm cho các cán bộ, chiến sĩ mặc dầu thuộc các dân tộc, các tầng lớp, các lứa tuổi khác nhau, đều thương yêu nhau như anh em ruột thịt. Chính trị viên là người có trách nhiệm duy trì, thực hiện các chính sách dân vận, địch vận.

Các chính trị viên thường được nhắc nhở là phải làm cho công tác chính trị trở nên một công tác quần chúng, tất cả mọi người cùng tham gia thì mới phát huy được hiệu lực mạnh mẽ, phải tiến hành công tác chính trị không ngừng trong mọi trường hợp; phải nhớ lúc cần làm công tác chính trị nhất cũng là lúc khó làm nhất, những

khi bộ đội tác chiến khó khăn, hành quân mệt mỏi, người chính trị viên phải hết sức tự rèn luyện mình.

So với ngày nay thì quan niệm về công tác chính trị khi đó còn đơn giản, nhưng cũng đã góp phần vô cùng lớn lao vào việc rèn luyện tư tưởng và tinh thần quân đội cách mạng trong những ngày đầu.

Bộ đội phát triển nhanh chóng. Có những đơn vị chưa đủ điều kiện để thành lập chi bộ. Công tác đảng thời kỳ này chú trọng bồi dưỡng những đồng chí trong hàng ngũ trung kiên đã được thử thách, rèn luyện trong công tác và trong chiến đấu để kết nạp vào Đảng. Các đảng viên rất gương mẫu, đi đầu trong chiến đấu cũng như trong mọi công tác, sinh hoạt hàng ngày.

Đồng thời với việc xây dựng bộ đội, công tác củng cố lực lượng tự vệ và các tiểu tổ du kích ở xã được đặc biệt coi trọng. Các chiến sĩ Giải phóng quân luôn luôn nhớ rằng, tổ chức tự vệ, du kích tại địa phương là một lực lượng vô cùng quan trọng để bổ sung cho chủ lực, để bảo vệ nhân dân và góp phần với chủ lực chiến thắng quân địch. Thái Nguyên, Cao Bằng... đánh du kích nổi tiếng, có một nguyên nhân là vì ở các nơi đó tự vệ và du kích địa phương rất mạnh.

Cách bổ sung vũ khí, đạn dược duy nhất vẫn là phải giành lấy ở trong tay quân địch. Mỗi chiến sĩ Giải phóng quân đều chú trọng giữ gìn vũ khí và ghi nhớ khẩu hiệu: "Mỗi viên đạn là một tên giặc". Nguồn cung cấp lương thực vẫn hoàn toàn dựa vào nhân dân.

Chiến đấu liên tục tại rừng núi trong một hoàn cảnh cực kỳ thiếu thốn, sức khỏe của các chiến sĩ bị giảm sút nhiều. Bệnh sốt rét hoành hành dữ dội.

Có đơn vị, số người sốt rét lên tới một phần ba, có khi lên tới một nửa.

Túi thuốc của các đồng chí y tá, chỉ toàn lá và rễ cây, thỉnh thoảng nhận được tiếp tế của vùng xuôi, mới có ít viên ký ninh vàng. Trước tình hình đó, phòng bệnh hơn

là chữa bệnh, kỷ luật vệ sinh đề ra rất nghiêm ngặt. Phương châm giữ gìn vệ sinh để phòng ngừa bệnh tật có kết quả rất lớn. Các chiến sĩ tự bắt tay vào việc tăng gia sản xuất để giải quyết một phần vấn đề lương thực. Nền nếp tăng gia này đã có từ ngày địch khủng bố lớn, tại các cơ quan bí mật.

Trong khi mọi mặt công tác xây dựng của Khu giải phóng cùng một lúc triển khai, thì ở nhiều nơi, Giải phóng quân đã trực tiếp chiến đấu với quân Nhật.

Ngay từ hạ tuần tháng 3, quân đội của phát xít Nhật đã từ các tỉnh ly Việt Bắc đột nhập vào nhiều châu, huyện. Lúc đầu, địch phái những bộ đội nhỏ đi do thám, tuần tiễu từng địa phương một; chúng chỉ đi qua rồi trở về tỉnh. Những bộ đội lẻ tẻ đó thường bị chúng ta chặn đánh, như ở Phủ Thông (Bắc Kạn), Tĩnh Túc (Cao Bằng), Văn Lãng, Đèo Khế (Thái Nguyên)... Chúng bị phục kích nhiều lần trên con đường từ Thái Nguyên sang Tuyên Quang. Sau những cuộc tuần tiễu không có hiệu quả, quân đội Nhật một mặt kêu gọi "anh em Việt Minh" hợp tác, một mặt cho máy bay rải nhiều truyền đơn của chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim nói xấu cách mạng và tuyên truyền cho chính quyền thân Nhật.

Trung tuần tháng 5, địch mở một cuộc tiến công tương đối lớn.

Địch chia quân làm ba mặt, tiến sâu vào khu căn cứ ở giữa sông Lô và đường quốc lộ số 3. Một mặt từ Bắc Kạn tiến lên Chợ Rã sang Chợ Đồn; một mặt từ Vĩnh Yên, Thiện Kế tiến lên Sơn Dương, từ Tuyên Quang tiến vào rồi cùng nhau kéo lên hướng Thanh La; một mặt từ Thái Nguyên, Phan Mễ và Chợ Mới tiến đánh Chợ Chu.

Tất cả mấy đường tiến quân của Nhật đều bị bộ đội và du kích địa phương bố trí phục kích, làm cho quân địch bị tổn thất khá nặng. Trong một trung đội dân quân, tất cả chỉ có mấy khẩu súng trường, nhưng vì biết lợi dụng địa hình nên đã tiêu diệt gần 60 tên địch.

Bấy giờ, có một số đồng chí chủ trương cứ để Nhật yên, không đánh, mong rằng Nhật sẽ để ta yên. Nhưng thật ra, chủ trương như vậy sau khi Nhật đã diệt Pháp thì chỉ là một ảo tưởng, một sai lầm nghiêm trọng, không nhận rõ bản chất của kẻ địch. Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng đã kịp thời ra một chỉ thị: "Quân sự chính trị đi đôi, củng cố phát triển đi đôi".

Bộ đội Giải phóng quân được lệnh tấn công ráo riết quân Nhật ở khắp các tỉnh Việt Bắc, nhất là Thái Nguyên và Bắc Kạn bị bao vây trong tình lý, ra khỏi tình lý nửa cây số đã chạm vào vị trí của quân du kích. Quân ta thường đột nhập vào thị xã. Bộ phận quân địch tiến lên chiếm Chợ Chu bị ta quấy rối năm đêm liền, đường tiếp tế bị cắt đứt địch phải rút về Thái Nguyên. Giải phóng quân tiến công vào quân địch đóng ở Đình Cả, chiếm được đồn sau một trận huyết chiến, truy kích quân địch đến khỏi La Hiên. Những nơi cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt nhất, ngoài Bắc Kạn, Chợ Chu ra là dọc đường số 3 từ Thái Nguyên lên Bắc Kạn, rồi đến bến đò Bình Ca và vùng lân cận ven bờ sông Lô.

Giải phóng quân tiếp tục đánh chiếm Lục An Châu, phố Bình Gia, Yên Thế, đồn Mẹt, tràn về Bắc Giang. Sang tháng 7, hạ đồn Tam Đảo, tiêu diệt quân Nhật đóng tại đó, giải phóng một số thường dân Pháp bị cầm giữ. Đội Nam tiến do đồng chí Hiến Mai và đồng chí Phong chỉ huy tiến về Phủ Đơan đến gần Phú Thọ. Một bộ phận Giải phóng quân tiến sang Đông Triều, Lục Ngạn, hướng về phía Cẩm Phả, Hồng Gai. Một số cán bộ của Giải phóng quân được phái về Hà Đông, Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa liên lạc với các cơ sở vũ trang của chiến khu Quang Trung do các anh Văn Tiến Dũng, Trần Tử Bình, Vương Thừa Vũ đang ra sức xây dựng.

Cuộc chiến đấu chống phát xít Pháp, Nhật của Giải phóng quân ngày càng vang dội khắp nước, đồng thời đã vang dội ra nước ngoài. Một số phi công Đồng minh sang đánh Nhật tại Đông Dương, bị nạn được chúng ta cứu thoát. Sách lược của ta lúc bấy giờ là khôn khéo sử dụng những kẻ đồng minh tạm thời vào công cuộc

kháng Nhật. Cuối tháng 6, một sĩ quan Mỹ đã được phép nhảy dù xuống một địa điểm trong Khu giải phóng. Máy bay Đồng minh đã thả dù một ít vũ khí cho ta. Lúc đó Mỹ coi Việt Minh là một tổ chức chính trị có thể lực gồm những người có tinh thần dân tộc, đứng lên chống Nhật nên muốn có liên lạc. Chúng cũng đã bắt đầu có mưu đồ cùng bọn Quốc dân đảng Trung Hoa gạt Pháp Đờ Gôn ra khỏi Đông Dương, khi chiến tranh đi đến thắng lợi.

Khu giải phóng ngày càng củng cố và phát triển. Giải phóng quân không ngừng chiến thắng, làm cho bọn Nhật bắt đầu e sợ. Thanh thế của Việt Minh và Giải phóng quân ngày càng to. Thanh niên từ vùng xuôi lên xin gia nhập Giải phóng quân mỗi ngày một đông. Liên lạc với Trung ương ở miền xuôi đã giữ được rất đều. Mỗi chuyến giao thông, ngoài những tài liệu bí mật còn có rất nhiều sách báo của Trung ương và các địa phương, những bài báo công khai xuất bản tại Hà Nội. Từ ngày lên Việt Bắc về, anh luôn gửi cho những tiếp tế của vùng xuôi, đặc biệt là thuốc men. Thời gian này, tại cơ quan của ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng đã có máy chữ, và một máy điện thoại, chiến lợi phẩm thu được trong trận hạ đồn Tam Đảo.

* Đồng chí Nguyễn Lương Bằng.

XXVIII

Tôi làm việc ở dưới làng, hàng ngày vẫn lên cơ quan của Bác để báo cáo.

Các đồng chí ở địa phương đã làm cho Bác một căn lán khá xinh xắn náu kín trong khu rừng nửa ở sườn đồi. Lán chia làm hai gian nhỏ, một nơi Bác nằm nghỉ, một bên vừa là chỗ làm việc vừa là chỗ để tiếp khách.

Bác làm việc không mấy lúc nghỉ ngơi. Lần nào tôi lên cũng thấy Bác đang cặm cụi với công việc. Mọi giấy tờ, chỉ thị, Bác đều tự tay đánh máy và đánh số cẩn thận, rõ ràng.

Cao trào kháng Nhật cứu nước bảy giờ đã cuộn cuộn từ Bắc chí Nam. Ngay ở các đô thị lớn, như ở Hà Nội, thợ thuyền, học sinh, các giới trí thức, người buôn bán đều tham gia rất đông đảo vào công cuộc kháng Nhật. Ảnh hưởng của chính phủ Trần Trọng Kim ngày càng tiêu tan, không thể giúp Nhật ngăn cản phong trào. Toàn thể nhân dân đang hướng về Việt Minh, trông chờ một cuộc chuyển biến lớn. Phát xít Nhật ngày càng thua lụn bại. Không khí khởi nghĩa nóng rực.

Trung ương đã quyết định cần tích cực chuẩn bị cho cuộc họp Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân đại hội đại biểu. Bác giục chuẩn bị cho kịp họp hai hội nghị quan trọng này từ tháng bảy. Tình hình đã khẩn trương lắm. Bác nói: "Có thể còn thiếu một số đại biểu nào đó chưa về kịp cũng họp, nếu không thì không kịp được với tình hình chung". Nhưng, dù chuẩn bị rất gấp, các đại biểu của Đảng và các đảng phái dân chủ trong Mặt trận Việt Minh ở toàn quốc vẫn không thể về đúng hẹn.

Giữa lúc công việc bề bộn như thế, Bác bỗng bị mệt. Đã mấy hôm liền, Bác sốt nóng. Song Bác vẫn gượng làm việc. Mỗi khi tôi tới thảo luận công việc hỏi thăm sức khỏe, Bác chỉ nói: "Chú cứ xuống làm công tác, tôi không việc gì". Nhưng tôi thấy Bác yếu nhiều, người hộc hác hẳn. Có hôm tôi đến, Bác đang lên cơn sốt,

miệng toàn nói mê. Thuốc men chẳng có, chỉ kiếm được vài viên thuốc cảm và ký ninh, Bác đã uống, mà không thấy đỡ. Thường khi, nếu không phải lúc nghỉ, không bao giờ Bác nằm, thế mà bây giờ Bác phải chịu nằm, lại mê sảng luôn. Bây giờ trong các đồng chí thường gần Bác, chỉ còn lại mình tôi ở Tân Trào. Hôm ấy Bác mệt lắm, tôi rất lo. Tôi nói "Hôm nay tôi cũng thông thả, xin ở lại với Bác đêm nay". Bác mở mắt và hơi gật đầu.

Đêm ấy, tôi nghỉ lại với Bác trên cái lán ở giữa rừng. Lúc nào tỉnh, Bác chỉ nói chuyện tình hình: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập". Mỗi lúc nhớ ra điều gì, Bác lại dặn. Bác lúc ấy chắc cũng thấy mình yếu quá, có ý muốn dặn lại công việc. Chỉ có công việc! Bác nói về công tác củng cố phong trào "Lúc nào cũng phải chú trọng xây dựng chi bộ, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên và các phân tử trung kiên. Trong chiến tranh du kích, lúc phong trào lên, ta phải hết sức phát triển, vừa phát triển vừa chú trọng xây dựng căn cứ cho thật vững chắc, để đề phòng lúc khó khăn mới có chỗ đứng chân được".

Suốt đêm ấy, Bác vẫn lúc tỉnh, lúc mê. Hôm sau, tôi viết thư hỏa tốc về Trung ương. Tôi lại tìm hỏi bà con địa phương xem có thứ thuốc men gì không. Bà con nói gần đây có một ông lang quen trị bệnh sốt nóng. Tôi cho người cưỡi ngựa đi đón ông thầy về. Ông cụ lang già người Tày xem mạch, sờ trán Bác, rồi đốt cháy một thứ củ vừa đào trong rừng về, hòa vào cháo loãng đưa Bác ăn. Sau đó Bác tỉnh. Hôm sau, Bác ăn thêm vài lần với cháo loãng nữa, cơn sốt nhẹ dần. Bác lại gượng dậy tiếp tục làm việc ngay.

Mặc dầu Bác đã chỉ thị viết nhiều thư hỏa tốc, tung giao thông đặc biệt đi các hướng để thúc giục các đại biểu, nhưng vì đường sá trắc trở, liên lạc khó khăn, nhiều đại biểu đã cố gắng đi cho chóng, mà mãi tới 13, 14 tháng 8 mới lên tới Tân Trào. Có những đoàn đại biểu 16, 17, 18 mới đến kịp.

Trung ương và Tổng bộ Việt Minh quyết định không thể đợi lâu hơn nữa.

Ngày 11, 12, tin vô tuyến điện cho biết có hiện tượng nguy ngập tan rã trong quân đội Nhật.

Ngày 13 tháng 8, có tin Nhật đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật ở các nơi đã ngừng chiến đấu.

11 giờ đêm 13, Ủy ban chỉ huy tạm thời Khu giải phóng hạ mệnh lệnh khởi nghĩa cho nhân dân và bộ đội. Mệnh lệnh khởi nghĩa có mấy điểm chính:

1. Tập trung lực lượng đánh vào các đô thị mỗi một khi có điều kiện thuận lợi, đánh chặn những đội quân rút lui của Nhật.
2. Sau mỗi một cuộc chiến đấu, lập tức bổ sung và củng cố bộ đội, để lại một phần ba hoạt động trong địa phương; hai phần ba thì chuẩn bị sẵn sàng, đợi lệnh điều động đi tác chiến nơi khác.
3. Củng cố các căn cứ bí mật; quân lương, quân giới đều lập kho tàng, có xưởng bí mật; chuẩn bị kháng chiến một khi quân Pháp trở lại.

Nửa đêm nhận lệnh, bộ đội và nhân dân reo mừng, sẵn sàng chiến đấu hy sinh để thực hiện nhiệm vụ lớn. Các đơn vị Giải phóng quân đóng tại Chợ Chu, Tuyên Quang được lệnh chuyển gấp về tập trung tại Tân Trào.

Ngày 14 tháng 8, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp. Bác vừa dứt cơn sốt, gượng tới họp, người còn võ vàng. Hội nghị nhận định "Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới". Hội nghị quyết định mục đích của cuộc chiến đấu là giành quyền độc lập hoàn toàn cho đất nước, thành lập chính quyền nhân dân, thi hành Mười chính sách của Việt Minh, định chính sách ngoại giao đối với Đồng minh. Để đạt mục đích đó, phải huy động toàn thể nhân dân, gồm tất cả các giới, các đảng phái tham gia phong trào cứu quốc, phải gấp rút vũ trang nhân dân chống Nhật và mở rộng Giải phóng quân Việt Nam. Hội nghị định ra nhiệm vụ quân sự cần kíp,

những nguyên tắc của kế hoạch tác chiến, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Giải phóng quân Việt Nam; gấp rút củng cố và phát triển bộ đội, thống nhất biên chế, kỷ luật, tăng cường công tác chính trị; tổ chức Đảng trong quân đội lấy trung đội làm đơn vị cơ sở; củng cố các tổ chức chiến đấu và tiểu tổ du kích để lập những đơn vị Giải phóng quân mới ở ngoài Khu giải phóng.

Sang ngày 15, được tin đích xác Nhật hoàng đã ra lệnh cho quân đội hấn đầu hàng, Hội nghị toàn quốc của Đảng đang họp quyết định thành lập ủy ban khởi nghĩa toàn quốc để lãnh đạo Tổng khởi nghĩa và lập Bộ tư lệnh Giải phóng quân Việt Nam.

Một số chúng tôi ngừng họp và nhận nhiệm vụ mới. Tôi sẽ cùng Giải phóng quân tiến về phía Nam. Anh Song Hào về phía Tuyên Quang cùng các đồng chí ở đây lãnh đạo nhân dân cướp chính quyền các tỉnh phía Tây.

Chiều 16 tháng 8, một đơn vị Giải phóng quân tập họp dưới cờ làm lễ xuất phát tiến về Nam. Các đại biểu về dự Quốc dân đại hội đều có mặt dưới cây đa cổ thụ, cạnh ngôi nhà Hội đồng cứu quốc xã Tân Trào để tiễn đưa bộ đội lên đường chiến đấu. Chưa bao giờ Tân Trào lại đón tiếp một đoàn người nhiều màu sắc như vậy. Cùng với màu chàm rừng núi quen thuộc, còn có màu nâu dày dặn của đồng bằng, và những màu sắc tươi sáng của đô thị. Những chiến sĩ Giải phóng quân, quần áo đủ kiểu, mang trên người dấu vết của những cuộc vật lộn ác liệt với quân thù trên các nẻo đường rừng, trên các triền núi đá Việt Bắc, tề tựu nghiêm trang dưới cờ nghe đọc bản Quân lệnh số 1* của Ủy ban khởi nghĩa:

"Hỡi quân dân toàn quốc!

12 giờ trưa ngày 13 tháng 8 năm 1945, phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật đã tan rã tại khắp các mặt trận. Kẻ thù chúng ta đã ngã gục.

Giờ Tổng khởi nghĩa đã đến!

Cơ hội có một cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà!

Mang nhiệm vụ lãnh đạo cuộc khởi nghĩa toàn quốc cho đến toàn thắng, ủy ban khởi nghĩa đã thành lập.

Hỡi các tướng sĩ và đội viên Quân giải phóng Việt Nam!

Dưới mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, các bạn hãy tập trung lực lượng, kíp đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch, đánh chặn các đường rút lui của chúng, trước võ khí của chúng! Đạp qua muôn trùng trở lực, các bạn hãy *kiên quyết tiến!*

Hỡi nhân dân toàn quốc!

Dưới mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, đồng bào hãy đem hết tâm lực ủng hộ đạo Quân giải phóng, sung vào bộ đội, xông ra mặt trận đánh đuổi quân thù.

Chúng ta phải *hành động cho nhanh* với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!

Tổ quốc đang đòi hỏi những hy sinh lớn lao của các bạn!

Cuộc thắng lợi hoàn toàn nhất định sẽ về ta!".

ỦY BAN KHỞI NGHĨA

Trong lòng chúng tôi khi đó rạo rức lạ thường. Trước mắt chúng tôi là lá cờ đỏ sao vàng rực rỡ hào quang, xa xa là nền trời xanh cao lồng lộng, tươi sáng vô cùng của nước Việt Nam giải phóng.

Đoàn quân giải phóng, áo vải chân đất, rầm rập tiến về phía Nam trước những bàn tay vẫy chào chúc mừng thắng lợi, cất cao lời ca hùng tráng.

Cờ giải phóng phát cao, mau thắng tiến!

Trời phương Nam, dân chúng đang ngóng chờ...

Tại Tân Trào, lần đầu từ khi về, Bác ra mắt các đại biểu đồng bào Trung, Bắc. Quốc dân đại hội đã lập ra Ủy ban dân tộc giải phóng toàn quốc chuẩn bị khi cần có thể trở thành Chính phủ nhân dân lâm thời.

* Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa do anh Trần Huy Liệu khởi thảo.

XXIX

Giải phóng quân tiến về Thái Nguyên, đô thị đầu tiên nằm trên đường tiến quân về Hà Nội. Tình hình đã đổi khác, cần tranh thủ thời gian, đoàn quân bỏ lại sau lưng những đồn trại lẻ tẻ của Nhật. Đồng thời với đơn vị Giải phóng quân xuất phát từ Tân Trào, các đơn vị đóng ở vùng lân cận đều được lệnh tiến về phía Nam, cùng gặp nhau trên đường về tỉnh Thái. Giải phóng quân đến thời kỳ này không phải chỉ có nhiều hơn về số lượng, trang bị cũng đã khá hơn; ngoài những súng trường, trung liên đoạt của địch còn có thêm một số vũ khí tinh xảo: tiểu liên, ba lô ca, súng cối. Trưa ngày 19 tháng 8, bộ đội tới làng Thịnh Đán, phía Tây tỉnh Thái Nguyên, tổng số đã đến trên một chi đội khoảng 450 người.

Trên khắp các tỉnh thuộc Khu giải phóng, thi hành quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa, các đơn vị Giải phóng quân đều gấp rút hành động. Giải phóng quân ở Cao Bằng tiến đánh thị trấn Cao Bằng và Hà Giang. Giải phóng quân Bắc Kạn tiến đánh vào thị xã. Các bộ đội mặt Lục An Châu, Yên Bình, Bắc Mực, tiến đánh Tuyên Quang, rồi được lệnh kéo về Phú Thọ.

Thái Nguyên là một vị trí có ý nghĩa chiến lược, nằm ở phía Nam Việt Bắc, giữa triền núi Tam Đảo và triền núi Đình Cả, Yên Thế, một bàn đạp để tiến về đồng bằng Bắc Bộ. So với lực lượng của Giải phóng quân lúc đó, quân địch tại đây khá mạnh. Địch gồm hai bộ phận: Một bộ phận là bảo an binh, quân số độ 400 với 600 súng trường và một số súng máy đóng tại trại lính Tây cũ, gần bến Tượng, cạnh dinh tỉnh trưởng; một bộ phận là lính Nhật; theo tình báo thì tất cả độ 120 tên, trong đó có từ 60 đến 70 lính chiến đấu, đóng tại trại khố xanh cũ và dinh công sứ cũ, giáp cầu Gia Bẫy.

Mặc dầu về mặt số lượng, Giải phóng quân không đủ để tiêu diệt địch, lại lần đầu tập trung tương đối đông, đánh vào một thị trấn quân địch có nhiều công sự kiên

cố, nhưng căn cứ vào tình hình đặc biệt lúc bấy giờ, vào tinh thần bối rối, tan rã của kẻ địch, chúng tôi quyết định hành động.

Cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện trên bờ tre, mái đình những làng dọc đường tiến quân. Nhân dân nô nức vui mừng như đang đón chào một ngày hội lớn. Lúc này chỉ còn có một công việc: Tổng khởi nghĩa. Mọi công việc khác hầu như đã ngừng hẳn lại.

Chúng tôi đến Thịnh Đán thì được tin một Đội tuyên truyền xung phong từ Vũ Nhai tiến xuống hôm trước, đã đột nhập thị xã, tổ chức quần chúng tuần hành thị uy. Một đội quân của Phủ Bình, Phủ Yên cũng đã vào thị xã lùng bắt một số tay chân của địch. Tình hình bảo an binh đang hết sức hoang mang.

Gần Thịnh Đán, một số thanh niên và công chức tỉnh Thái Nguyên đang tổ chức một cuộc mít tinh nhỏ. Bộ chỉ huy Giải phóng quân ra lệnh cho tất cả những người nào là dân ở tỉnh đều đến gặp tại trụ sở xã, một mặt ra lệnh không cho người ở ngoài vào tỉnh để phong tỏa tin tức. Chúng ta tiến hành điều tra tình hình thị xã qua hơn hai chục thanh niên và công chức đến trụ sở. Máy người làm việc tại sở công chính tỉnh nguyện vẽ giúp những bức địa đồ tỉ mỉ của thị xã.

Mười giờ đêm, bộ chỉ huy ấn định xong kế hoạch tác chiến.

Mười hai giờ đêm, bộ đội được lệnh xuất quân. Sương đêm phủ trắng xóa các núi, đồi. Chúng tôi đi trên những con đường bằng phẳng rộng rãi, tiến về phía thị xã Thái Nguyên đang nằm yên trong ánh đèn điện, nhiều lúc tưởng như đang tiến quân giữa đồng bằng. Nhiều chiến sĩ từ lâu lắm mới nhìn thấy ánh đèn điện của đô thị.

Theo đúng kế hoạch đã định, 4 giờ sáng, toàn thể bộ đội đều đến các địa điểm và bố trí xong xuôi. Đồn trại địch rất yên lặng. Những ngôi nhà gạch cao, tháp nhập nhô, cửa vẫn đóng im lìm, ngủ say trong đêm. Các đầu phố, tự vệ, thanh niên Thái Nguyên nhộn nhịp đắp chiến lũy để ngăn quân địch. Những đội dân quân từ các

huyện lân cận tiếp tục kéo về mang theo dao, kiếm, giáo, mác, cả những chiếc búa đinh và những chiếc gậy vát nhọn. Tảng sáng, cuộc chiến đấu sẽ bắt đầu, một cuộc chiến đấu đặc biệt mới mẻ đối với chúng tôi. Nhưng chúng tôi tin chắc sẽ thắng. Khắp bốn chung quanh tỉnh Thái nhân dân đã nổi dậy cả rồi. Chúng tôi không phải chỉ có bốn, năm trăm người đương đầu với trên năm trăm quân địch. Quân địch đã trở nên bé nhỏ giữa vòng vây trùng trùng điệp điệp của nhân dân.

Chi đội Giải phóng quân đặt dưới quyền chỉ huy của chi đội trưởng Lâm Cẩm Như. Đại đội Vy bố trí chung quanh trại bảo an binh. Đại đội Quang Trung, được trang bị các thứ vũ khí tốt, siết chặt vòng vây xung quanh trại Nhật, từ Đồi thông đến cầu Gia Bẫy. Đại đội Quốc Chung làm dự bị đội. Chỉ huy sở của Giải phóng quân đặt tại tòa thị chính của thị xã.

Năm giờ rưỡi sáng, một cán bộ của Giải phóng quân tiến vào gặp viên tỉnh trưởng Thái Nguyên, đưa tới hậu thư, đòi trao chính quyền lại cho Ủy ban khởi nghĩa và khuyên binh sĩ bảo an phải nộp khí giới cho quân cách mạng, nếu chống cự, Giải phóng quân sẽ tấn công tiêu diệt. Bộ đội ta đã bao vây chặt quanh trại bảo an binh, sẵn sàng nổ súng. Viên tỉnh trưởng buộc phải chấp nhận tất cả các yêu cầu của ủy ban khởi nghĩa. Trước áp lực của Giải phóng quân và của nhân dân, toàn thể lính bảo an đều phục tùng lệnh, trao lại khí giới. Một số xin gia nhập hàng ngũ Quân giải phóng. Số đông xin trở về quê quán. Phái viên của Bộ chỉ huy Quân giải phóng đưa các thanh niên tự vệ Thái Nguyên vào trại thu gần 600 khẩu súng. Các chiến lợi phẩm đều được chuyển về địa điểm thứ hai của Bộ chỉ huy đặt tại nhà máy điện Thái Nguyên do anh Trần Đăng Ninh phụ trách. Tại đây, anh Ninh lo việc tuyên truyền, động viên nhân dân trong thị xã tiếp tế đạn dược, lương thực cho bộ đội đang chiến đấu, và tổ chức, trang bị những chi đội tân binh vừa thành lập.

Cũng vào thời gian này, trời vừa rạng sáng, đại đội trưởng Quang Trung hạ lệnh nổ súng vào đám quân Nhật tụ tập trong sân trại. Một số địch bị chết ngay tại chỗ, sau

loạt súng đầu tiên. Lập tức từ bốn phía, liên thanh, phóng lựu, badôca cùng bắn vào. Sau những phút hoang mang, bọn Nhật lập tức chống trả dữ dội.

Tám giờ, Giải phóng quân được lệnh ngừng bắn.

Chúng ta dùng loa báo cho bọn chỉ huy Nhật biết sẽ có người mang thư của Giải phóng quân vào nói chuyện. Từ trong trại, mấy sĩ quan Nhật cầm cờ trắng ra đón đại biểu Giải phóng quân, và nhận lá thư của ủy ban khởi nghĩa.

"Các bạn quân quan và binh sĩ Nhật Bản!

Chính phủ Nhật đã đầu hàng Đồng minh. Quân đội Nhật đã lần lượt bị tước khí giới tại khắp các mặt trận.

Trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương, các bạn hãy trao khí giới lại cho Việt Minh, cho Đội quân Giải phóng Việt Nam.

Giờ phút cuối cùng định đoạt số phận của các bạn đã đến! Các bạn chớ trù trù. Trù trù sẽ không có lợi cho các bạn. Chúng tôi đợi thư trả lời của các bạn đến... giờ".

QUÂN GIẢI PHÓNG VIỆT NAM

“VIỆT MINH”

Bọn Nhật cử hai phái viên ra một địa điểm ở gần Bộ chỉ huy của ta để thảo luận các điều kiện. Cuộc đàm phán kéo dài hơn một giờ đồng hồ. Chúng tôi hiểu rõ bọn Nhật muốn tranh thủ thời gian, đợi quân từ Hà Nội tiếp viện lên. Chúng tôi nói:

Nếu muốn được an toàn, các ông chỉ có một cách duy nhất là trao toàn bộ vũ khí cho Quân giải phóng. Từ giờ đến hai giờ chiều nếu bộ chỉ huy quân đội Nhật tại đây không trả lời dứt khoát, cuộc tiến công sẽ tiếp tục.

Chúng tôi bảo hai viên sĩ quan Nhật trở về trại.

Tại thị xã Thái Nguyên, ngoài trại Nhật, quân Nhật còn đóng thêm ba điểm lẻ trong những ngôi nhà gạch lớn. Từ những vị trí bí mật, lên một mái nhà hay sau

một cửa sổ, bọn địch bắn những viên đạn xuyên suốt dọc phố, cản trở sự giao thông tại một số nơi. Bộ chỉ huy phái trinh sát đi điều tra đích xác các vị trí địch, sử dụng những tổ xung phong dùng badôca và lựu đạn lửa tiêu diệt cả ba ổ tác chiến của quân địch. Sau đó, sự đi lại trong thị xã mới được dễ dàng.

Hai giờ chiều, bọn chỉ huy Nhật chưa trả lời. Giải phóng quân thông cáo cho nhân dân biết cuộc tiến công sắp bắt đầu.

Ba giờ chiều, đại đội Quang Trung được lệnh sử dụng toàn bộ hỏa lực gồm cả một số súng cối bắn vào trại Nhật. Địch cũng lập tức bắn trả. Tiếng liên thanh ran ran, đạn súng cối của ta, của địch nổ liên tiếp làm rung chuyển cả thị xã.

Nhân dân dựng chiến lũy khắp các đường phố, bắt chập đạn địch, mang cơm nước, đạn dược đến cho bộ đội. Tiếng súng đạn không làm đồng bào khiếp sợ, mà trái lại làm cho mọi người đều hơn hờ vui mừng. Lần này không phải là tiếng súng đạn của quân thù tàn sát nhân dân, mà lại là tiếng súng của Quân giải phóng nổ vào đầu bọn phát xít xâm lược.

Chiều 20 tháng 8, trong khi trận đánh vẫn tiếp diễn, Ủy ban khởi nghĩa tổ chức mít tinh tuyên bố bãi bỏ chính quyền của Nhật, thành lập chính quyền nhân dân, và bắt đầu thi hành chính sách của Chính phủ lâm thời trong thị xã và trong toàn tỉnh.

Bấy giờ, nước lụt đang tràn ngập từ Phúc Yên sang Bắc Giang, ngăn cản tất cả sự đi lại từ Hà Nội lên Thái Nguyên. Quân tiếp viện của Nhật không thể kéo lên được.

Cuộc chiến đấu tiếp diễn suốt bảy ngày sau. Giải phóng quân tiếp tục bao vây quân địch cho đến khi phái viên của Bộ tham mưu ta và phái viên của bộ tư lệnh quân đội Nhật ở Hà Nội lên. Quân Nhật tại Thái Nguyên buộc phải nhận các điều kiện ta nêu ra, trao lại toàn bộ vũ khí cho Giải phóng quân, còn binh sĩ thì được chúng ta phụ trách đưa về Hà Nội.

XXX

Chúng tôi không đợi được đến khi trận đánh Thái Nguyên kết thúc. Sang ngày thứ ba thì tin khởi nghĩa ở Hà Nội đã truyền đến. Làn sóng khởi nghĩa không những chỉ có ở Hà Nội mà còn dấy lên trên khắp đất nước từ cửa Nam Quan cho đến mũi Cà Mau. Thấm nhuần chủ trương của Đảng từ trước, thấy thời cơ đến, đảng bộ tất cả các địa phương đã phát động ngay toàn thể nhân dân đứng lên khởi nghĩa. Đồng bào tại Thủ đô Hà Nội, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ đã giành được chính quyền ngày 19 tháng Tám. Nhiều thành phố lớn trên toàn quốc cũng đã giành được chính quyền. Trung tâm công việc bấy giờ không còn ở Thái Nguyên nữa. Các anh Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Trân từ Tân Trào đến Thái Nguyên bàn với chúng tôi, nên về ngay Hà Nội, cùng các đồng chí ở Hà Nội chuẩn bị đón Chính phủ lâm thời. Một bộ phận Giải phóng quân được lệnh ở lại bao vây Thái Nguyên, còn chúng tôi thì tiến thẳng về Hà Nội.

Đêm ấy, từ ngoại ô Thái Nguyên ra đi, qua các cánh đồng bát ngát về Lữ Vân, ngược trông lên đầu những hàng cột điện cao liên tiếp ven đường là một vòm trời sao sáng, tưởng đang đi trong đêm hội tung bùng đón chào ngày giải phóng của dân tộc. Trời sáng, nhìn lại núi rừng Việt Bắc hùng vĩ, đã khuất sau màn sương, nhớ đến đồng bào ở những nơi chúng tôi đã công tác mấy năm qua. Những người nông dân nghèo khổ đủ các dân tộc, chất phác mà dũng cảm lạ thường, không biết sợ hãi là gì trước quân thù hung bạo, thương yêu những người cách mạng nhiều khi hơn cả ruột rà, những người dân rất xứng đáng với nhân dân ta, vô cùng vĩ đại.

Suốt các phố xá, các làng mạc hai ven đường đi, đâu đâu cũng rực rỡ cờ đỏ sao vàng. Lá cờ đỏ chói như ngọn lửa tin của những người chiến sĩ cách mạng, xuất hiện lần đầu trong cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ và sau đó lại tung bay trên núi rừng Việt Bắc, bây giờ đã tô thắm cho cả đất nước, báo tin cách mạng thành công.

Tới Thị Cầu, nước lụt mênh mông. Cả thị xã chìm trong làn nước trắng.

Đê Trung Mầu bị vỡ. Cùng với nạn đói vừa cướp đi của chúng ta hai triệu người, đây cũng là một di sản bọn thống trị để lại cho nhân dân ta ngày mới giành chính quyền. Chúng tôi phải chuyển sang đi thuyền.

Cửa sông Cái đây rồi. Nước sông Hồng lên rất to, sắp ngập hết con bờ giữa sông. Bên kia là Thủ đô chói chang cờ đỏ. Nhìn quang cảnh nước nhà đổi thay, nhân dân vừa thoát ách đau thương của gần một trăm năm bị đô hộ, nô nức đón chào ngày giải phóng dân tộc, vui sướng trào lên trong người chúng tôi, mừng muốn ứa nước mắt.

Anh Trường Chinh và nhiều anh đã về cả Hà Nội. Trong những ngày đầu, chúng tôi ở một căn nhà tại phố Hàng Đào. Trung ương liên tiếp nhận điện các địa phương báo cáo đã giành được chính quyền. Đến ngày 25 tháng 8, đã có tin giành được chính quyền tại các tỉnh Hà Đông, Phủ Lý, Nam Định, Hưng Yên, Tuyên Quang, Phúc Yên, Việt Trì, Bắc Giang, Kiến An, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Ngãi... Vài ngày sau tiếp tục nhận được tin Huế, Sài Gòn cùng một số tỉnh ở Nam Bộ cũng đã cướp được chính quyền.

Ngày 26 tháng 8, chi đội Giải phóng quân đầu tiên tiến vào Thủ đô, giữa tiếng reo mừng dậy đất của đồng bào. Các nam, nữ chiến sĩ lần đầu mặc quần áo đồng phục, chân bước chưa đều, nước da phần lớn tái sạm, nhưng tràn đầy khí thế chiến thắng của một đoàn quân dày dạn trong chiến đấu, mang đến cho đồng bào niềm tin, đã có một chỗ dựa vững chắc bên cạnh đội ngũ vũ trang của hàng ngàn chiến sĩ tự vệ của Thủ đô.

Bác từ Tân Trào về Hà Nội. Chúng tôi ra đón Bác tại làng Phú Thượng. Bác còn yếu sau trận sốt nặng vừa qua, vẫn giản dị với bộ quần áo vải vàng cũ và đôi giày vải. Đến 30 tháng 8, trên cả nước, chính quyền đã về tay nhân dân, trừ một đôi nơi bọn phản động Quốc dân đảng gây khó khăn như ở Vĩnh Yên.

Ngày mùng 2 tháng 9, Bác ra mắt trước mấy chục vạn đồng bào Thủ đô tại quảng trường Ba Đình với bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Cờ cách mạng nền đỏ sao vàng trở thành cờ của Tổ quốc. Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Việt Nam độc lập. Đội quân Giải phóng Việt Nam, sau ngày cách mạng thành công, đã xuất hiện trên khắp các miền của đất nước. Bên cạnh những chiến sĩ Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Du kích Ba Tơ và hàng vạn chiến sĩ tự vệ, du kích của phong trào cách mạng tại khắp các chiến khu, đã có thêm hàng trăm ngàn thanh niên tình nguyện đứng dưới cờ làm người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc.

Ngày vui chưa đến hẳn, cuộc chiến đấu gian khổ còn phải dài lâu. Phía Bắc, quân Tàu Tưởng tiến vào Việt Nam. Nguyễn Hải Thần bám theo đoàn quân phù thủy đang rêu rao 13 điều thảo phạt, định dâng đất nước ta cho bọn Quốc dân đảng Trung Hoa. Miền Nam, thực dân Pháp bám gót sau quân Anh, đã trở lại Sài Gòn. Tiếng súng xâm lược lại nổ. Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân miền Nam đã bắt đầu.

Các chiến sĩ Giải phóng quân ở miền Nam, những người con yêu của khởi nghĩa Nam Kỳ, của Cách mạng tháng Tám đã đứng ở hàng đầu cùng nhân dân, với những chiếc gậy tầm vông vát nhọn, kiên quyết thực hiện lời thề của người chiến sĩ Giải phóng quân: Chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để tiêu diệt bọn xâm lược...

Không một chút nghỉ ngơi, những chiến sĩ Giải phóng quân ở miền Bắc, lại cùng hàng ngàn thanh niên ưu tú lên đường tiếp tục cuộc Nam tiến. Cuộc Nam tiến lần này đã khác hẳn, không còn là vài trung đội hoặc mấy chục người đi lén lút trong rừng sâu, giữa đêm khuya, mà đây là những đoàn tàu dài dằng dặc, chật ních những chiến sĩ, đi giữa tiếng hoan hô và hàng vạn cánh tay vẫy chào của đồng bào.

"Nam Bộ là thịt của thịt Việt Nam, là máu của máu Việt Nam", lời nói của Bác Hồ luôn luôn vang dội bên tai mọi người. Kẻ thù đụng vào Nam Bộ là đụng đến lễ

sống còn của toàn dân Việt Nam, xúc phạm đến tình cảm thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam. Quân thù đã trở lại. Cuộc chiến đấu của nhân dân ta ở miền Nam đã bắt đầu. Đồng bào miền Bắc và đồng bào cả nước quyết không thể ngồi yên trên khắp miền Bắc, những người nông dân tạm gác tay cày, những thanh niên học sinh tạm xếp sách vở, nô nức tòng quân, xin tiếp tục lên đường Nam tiến.

Trong cuộc chiến đấu lâu dài, bền bỉ của Đảng ta và nhân dân ta mấy chục năm qua, cuộc chiến đấu của Giải phóng quân Việt Nam, sau này là Quân đội nhân dân Việt Nam, khi đó mới chỉ là bắt đầu.

Từ đó đến nay, mới hai chục năm qua. Dưới ngọn cờ tất thắng của Đảng Lao động Việt Nam quang vinh đứng đầu là Hồ Chủ tịch, với truyền thống đấu tranh bất khuất, với tinh thần triệt để cách mạng của giai cấp công nhân và của nhân dân ta, chúng ta đã viết nên những trang sử kỳ diệu.

Cách mạng tháng Tám đã chấm dứt chế độ đô hộ kéo dài suốt gần một thế kỷ. Cuộc kháng chiến lâu dài đã kết thúc với chiến công vĩ đại Điện Biên Phủ; nửa nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng đang kiến thiết chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc trong hòa bình. Những đội tự vệ đồ trong phong trào Xôviết Nghệ Tĩnh, những tổ chức nửa vũ trang và vũ trang bé nhỏ năm trước, nay đã trở thành một lực lượng vũ trang hùng mạnh, một quân đội gang thép của nhân dân đã đánh bại mọi hành động khiêu khích, phá hoại và luôn luôn sẵn sàng đập tan mọi hành động mọi âm mưu xâm lược đen tối của đế quốc Mỹ và bè lũ.

Hiện nay, trên một nửa đất nước, tiếng súng xâm lăng vẫn tiếp tục nổ.

Suốt hai mươi năm qua, đồng bào miền Nam ruột thịt dũng cảm và kiên cường, đã không ngừng chiến đấu chống bọn đế quốc xâm lược. Nhân dân anh hùng của nơi Thành đồng Tổ quốc, Quân giải phóng miền Nam anh hùng, với sự ủng hộ hết lòng của mười bảy triệu đồng bào miền Bắc ruột thịt, được sự ủng hộ, đồng tình của

nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em và của loài người tiến bộ trên toàn thế giới đã liên tiếp giáng cho quân thù những thất bại ngày càng nặng nề và đang đẩy chúng đến bên bờ vực thẳm.

Nhìn lại chặng đường mà nhân dân ta và các lực lượng vũ trang của ta đã trải qua, chúng ta tin tưởng sắt đá:

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta nhất định thành công.

Sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất đất nước của nhân dân ta nhất định thắng lợi.

Tương lai thuộc về chúng ta.

Thắng lợi cuối cùng nhất định sẽ về tay chúng ta.*

* Đoạn in nghiêng cùng cả cuốn hồi ký được Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết năm 1964 – BT./.